

TỦ SÁCH VIỆN KHẢO CỔ

PUBLICATIONS

} *de l'Institut de Recherches Historiques*
} *of the Institute of Historical Research*

Số VI

LÊ - KIM - NGÂN

TỔ - CHỨC

CHÍNH - QUYỀN TRUNG - ƯƠNG

DƯỚI

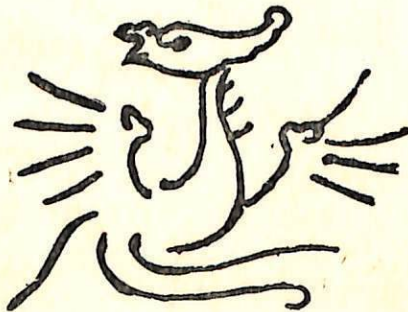
TRIỀU LÊ THÁNH - TÔNG

(1460 - 1497)

L'ORGANISATION DU POUVOIR CENTRAL

SOUS LE RÈGNE DE LÊ THÁNH-TÔNG

(1460 - 1497)



BỘ QUỐC - GIA GIÁO - DỤC
SÀI GÒN - 1963

TỦ SÁCH VIỆN KHẢO - CỒ
PUBLICATIONS } of the Institute of Historical Research
de l'Institut de Recherches Historiques

Số VI

LÊ - KIM - NGÂN

TỔ - CHỨC CHÍNH - QUYỀN

DƯỚI

TRIỀU LÊ THÁNH - TÔNG

(1460 - 1497)

*L'ORGANISATION DU POUVOIR CENTRAL
SOUS LE RÈGNE DE LÊ THÁNH-TÔNG
(1460 - 1497)*



BỘ QUỐC - GIA GIÁO - DỤC
SAIGON - 1963

Thành kính tri ân
Ông TRƯƠNG - BỬU - LÂM
vị Giáo - sư đỡ đầu cho tập
tiểu luận này.

Thành kính tri ân
Ô. BỬU - CÀM
Ô. PHẠM - HUY - THÚY
đã giúp chúng tôi rất nhiều trong việc
thực hiện tập tiểu luận này

Kính xin Hội-đồng giám-khảo :
Ô. TRƯƠNG - BỬU - LÂM chủ tịch
kiêm thuyết trình viên
Ô. NGUYỄN-KHẮC-KHAM hội viên
Ô. BỬU - CÀM hội viên
nhận nơi đây lòng biết ơn chân thiết
của soạn-giả.

LỜI TỰA

Có lẽ quyền sách này là công-trình nghiên-cứu lịch-sử thứ nhất mà Viện Khảo-cổ cho ấn-hành trong khuôn - khổ của Tủ-sách Viện. Từ trước đến nay, Viện đã cho xuất-bản một vài quyển sách, nhưng những tác-phẩm đó chỉ là những bản dịch các bộ sử có giá-trị của quá-khứ viết bằng chữ Hán. Chúng tôi đã không ngần-ngại làm một việc hết sức bạc-bẽo là phiên-dịch và chú-thích những sử-liệu xưa. Có thể có nhiều học-giả cho rằng chúng tôi mất nhiều thì giờ và không đem lại bao nhiêu kết-quả. Mặc dầu nhận thấy rõ là việc phiên-dịch và chú-thích có lẽ làm mất thì giờ rất nhiều, nhưng về đềm kết-quả thì chúng tôi chưa dám quả-quyết điều chi. Vì kết-quả là một vấn-đề dài hạn. Ai cũng biết rằng không có tài-liệu là không có lịch-sử. Và trong tình-trạng hiện-tại của nước ta, không biết đọc chữ Hán là hầu như không thể có được một tài-liệu lịch-sử nào. Còn ai trong chúng ta không nhận thấy rằng đào-tạo một nhà Hán-học là một việc « trường giang đại hải ». Vì thế chúng ta không thể đòi-hỏi ở mỗi sử-gia cũng phải đồng-thời là một nhà Hán-học uyên-thâm (1). Vậy nếu các sử-gia không đủ điều-kiện đề tự mình đi đến tài-liệu thì bổn-phận của chúng ta là một phần nào đem tài-liệu đến cho sử-gia. Cũng vì lý-do đó mà chúng tôi phải phiên-dịch và có lẽ đang khi phiên-dịch và chú-thích, chúng tôi không còn nhiều thời giờ để làm công-việc nghiên-cứu thuần-túy.

Nhưng may thay trong giới học-giả không thuộc hẳn vào Viện Khảo-cổ cũng có nhiều người quan-tâm đến việc nghiên-cứu lịch-sử và cũng đã có nhā-ý cộng-tác với chúng tôi để hoàn-thành một vài công-trình đáng được chú-ý. Một trong những người ấy là Ông Lê-Kim-Ngân mà chúng tôi có hân-hạnh xuất-bản tác-phẩm Tỏ-chức chính-quyền dưới triều Lê Thánh-tông. Ông Ngân hiện đang giảng-dạy tại Trường Gia-long, Saigon và có lẽ Ông là một học-giả đủ tư-cách để nghiên-cứu đề-tài đã chọn. Như chúng ta thấy, đề-tài nêu trên liên-quan đến lịch-sử, đến quá-khứ, nhưng cũng có một mối liên-lạc mật-thiết đến luật-pháp hay nói đúng hơn là đến định-chế chính-trị. Ông Ngân đã theo học tại hai Phân-khoa Đại-học và đã lấy được hai bằng Cử-nhân Luật-khoa và Văn-khoa. Tác-phẩm xuất-bản ngày nay không phải chi khác hơn là tập tiểu-luận mà Ông đã xuất-trình ngày 10-10-1962 trước Hội-đồng

(1) Nhưng nếu sử-gia không thể đồng-thời là một nhà Hán-học uyên-thâm thì ít lắm sử-gia cũng phải biết đọc qua vài ngàn Hán-tự để có thể một phần nào kiểm-soát các bản dịch về phương-diện lịch-sử.

Giám-khảo của Ban Sử-Địa tại Trường Văn-khoa Sài-gòn đề lấy bằng Cao-học (1). Khi nói đến những câu trên, dụng-ý chúng tôi là đề giúp độc giả đủ yếu-tố nhận thấy tứ-thì giá-trị thật và đúng của quyền sách. Chính tác-giả cũng không có một tham-vọng nào khác hơn là đã khai-thác một mỏ tài-liệu rời-rạc, rời gom-góp tất cả những sự hiểu-biết lại thành một tổng-hợp có thứ-tự và mạch-lạc. Thế thôi. Nhưng nói như vậy không phải là đề làm giảm giá-trị của tác-phẩm. Chúng tôi chỉ muốn sao cho độc-giả khỏi hiểu lầm và đòi-hỏi những gì mà chúng tôi không cống-hiến và cũng không có tham-vọng cống-hiến. Chúng tôi xin nhắc lại một lần nữa, tác-phẩm này là một tiểu-luận và một tiểu-luận không phải là một thiên nghiên cứu dày-dặn, đầy-đủ và sâu-sắc. Trong khi viết một tập tiểu-luận hay một luận-án cũng vậy, sinh-viên khó tránh khỏi phân-tách quá nhiều nơi này, tổng-hợp quá nhanh-chóng nơi khác. Đôi khi lại còn phải kéo dài một đoạn không cần-thiết hay trái lại quá ngắn ngủi về một vấn-đề quan-trọng. Đó chúng ta có thể tạm gọi là « thường tình » của một tiểu-luận, nghĩa là của một công-trình nghiên-cứu có lẽ là thứ nhứt của một học-giả. Đó cũng là tình-trạng của tác-phẩm xuất-bản hôm nay. Đề độc-giả nhận-thức được tình-trạng đó, chúng tôi đã không cho sửa-chữa nhiều và hầu như đề nguyên tập tiểu-luận y như khi được trình trước Hội-đồng Giám-khảo. Vì vậy mà có lẽ tác-phẩm này sẽ khô-khan và có vẻ một quyền sách đề « học » hơn là một quyền sách đề « đọc ». « Học » đây có nghĩa là tham-khảo.

x x
x

Tác-giả đã giới-hạn đề-tài mình một cách kỹ-lượng. Trong phạm-vi nhỏ hẹp của tiểu-luận, tác-giả chỉ có thể bàn đến vấn-đề tổ-chức chính-quyền trung-ương. Đó không phải là vì vấn-đề tổ-chức chính-quyền địa-phương không đáng quan-tâm đến hay không đủ tài-liệu để nghiên-cứu. Trái lại từ khi mới bắt đầu, chúng tôi đã nhận thấy rõ rằng bộ máy hành-chánh trung-ương chỉ trọn vẹn và đầy-đủ khi nào được đem đặt song-song với guồng máy hành-chánh địa-phương. Nhưng vì vấn-đề tổ-chức hành-chánh trung-ương đã quá phức-tạp và việc trình-bày đã đòi-hỏi một tác-phẩm khá dài rồi, nên chúng tôi đã quyết-định đành lại vấn-đề tổ-chức hành-chánh địa-phương cho một tập nghiên-cứu khác, mà chúng tôi ước mong sẽ cống-hiến độc-giả trong một ngày không quá xa. Hẳn các độc-giả nào từng quan-tâm đến công-việc nghiên-cứu, cũng đã biết rằng vấn-đề tổ-chức hành-chánh trung-ương dưới thời nhà Nguyễn

(1) Ban Giám-khảo hôm ấy gồm có Ông Trương-Bửu-Lâm, Chủ-tịch và Thuyết-trình-viên. Ông Nguyễn-khắc-Kham và Ông Bửu-Cầm Hội-viên. Hội-đồng đã chấm Ông Ngân đỗ bằng Cao-học với hạng Bình.

cũng đã làm đề-tài cho một luận-án tiến-sĩ Luật-khoa. Tác-giả là Ông Nguyễn-Sĩ-Hải. Giảng-sư Viện Đại-học Huế (1). Như vậy chúng ta chỉ còn cần nghiên-cứu vấn-đề hành-chánh trung-ương dưới thời Lê Trung-hưng là sẽ có một ý-niệm khá đầy-đủ về các định-chế trung-ương và tất cả các sự thay-đổi thuộc những định-chế ấy từ hậu bán thế-kỷ thứ XV đến tiền bán thế-kỷ thứ XIX.

Cách xếp-đặt các vấn-đề nghiên-cứu, nghĩa là dàn bài của tác-phẩm theo nhận-xét nông-cạn của chúng tôi, cũng khá hợp-lý. Trong những định-chế trung-ương thuộc nền quân-chủ thời xưa — và thật ra, chúng ta có thể nói là trong bất cứ những định-chế của chính-thể nào cũng vậy — người hay cơ-quan mà chúng ta cần phải đề cập trước tiên hết là người hay cơ-quan nguyên-thủ. Trong chế-độ quân-chủ, người ấy là vua. Cho nên trong chương thứ nhất, tác-giả đã phân-tách kỹ-lưỡng những quan-niệm thần-quyền về nhà vua, những nguyên-tắc chung về việc lựa chọn người làm vua và những quyền-hạn và nhiệm-vụ của nhà vua. Nhưng độc-giả thừa-hiểu đây không phải là một tác-phẩm chính-trị-học, nghĩa là một tác-phẩm phân-tách những định-chế một phần nào ngoài thời và không-gian. Trái lại đây là một tác-phẩm thuộc sử-học. Vì vậy nên một khi nêu lên những quan-niệm và vài nguyên-tắc chung, liền sau đó tác-giả đã đặt vị-trí thời và không-gian rõ-rệt. Vị vua có thần-quyền, vị vua có quyền-hạn và nhiệm-vụ, vị vua đã được lựa chọn đó không phải là bất cứ vị vua nào; đó là vua Lê Thánh-tông, vì vua đã trị-vì trên đất nước Việt-Nam từ năm 1460 đến năm 1497.

Sau đó trong chương hai, tác-giả xét cách tổ-chức của những cơ-quan thuộc chính-quyền trung-ương, trong đó tác-giả đã đề-cập đến những cơ-quan hành-chánh: từ những văn-phòng bên cạnh vua và thái-tử, cách tổ-chức và nhiệm-vụ của Lục-bộ và Lục-tự đến cơ-quan chuyên-môn như Thông-chính-ti, Quốc-tử-giám, Quốc-sử-viện, Sở Đồn-điền, Tàm-tang, Thực-thái, Điền-mục v.v... đến nền tổ-chức binh-bị trung-ương và sau cùng đến các cơ-quan kiểm-soát như Lục-khoa, Ngự-sử, đài, v.v...

Bao nhiêu cơ-quan phức-tạp ấy dĩ-nhiên là cần phải có những người tài-cán để điều-khiển. Những người ấy thuộc vào một hệ-thống, một tổ-chức. Hệ-thống ấy đi song-song với tổ-chức hành-chánh và khi nói đến tổ-chức hành-chánh thì không thể nào bỏ qua hệ-thống ấy: đó là chúng tôi muốn nói đến quan-chế. Cũng vì vậy mà vấn-đề quan-chế là đề-tài của chương thứ III. Trong chương này, tác-giả kê khai tất cả các chức quan chính đã có dưới thời Lê Thánh-tông. Sau đó, tác-giả

(1) Xem NGUYỄN-SĨ-HẢI, Tổ-chức chính-quyền trung ương thời Nguyễn sơ (1802-1847), Saigon, ronéo, 1962.

bàn đến vấn-đề tuyên-bồ các quan và lệ phong quan-tước. Sau cùng, tác-giả vạch rõ những nhiệm-vụ, những quyền-lợi của các quan và những biện-pháp để kiểm-sát năng-lực hay tinh-thần phục-vụ của những người công-chức ấy hoặc để trừng-trị nếu họ không làm đủ bổn-phận.

Trong một phụ-lục khá dài, tác-giả trình-bày ba tài-liệu quan-trọng. Bài thứ nhất: một dụ do vua Lê Thánh-tông ban-hành ngày 26 tháng IX năm Hồng-đức, thứ II (1471) nói về bổn-phận của các quan-lại đối với dân và đối với vua. Dụ ấy trích trong bộ Đại-Việt Sử-ký bản-kỷ thực lục, quyển XII, trang 66-67. Tài-liệu thứ nhì: bài văn bia đặt tại Chiêu lăng là lăng của vua Lê Thánh-tông ở Lam-sơn. Bài văn ấy do Thân Nhân-Trung soạn năm 1498. Qua bài này, chúng ta biết được công-nghiệp của vua Lê Thánh-tông do chính người đương thời kể lại. Và người đương-thời này không phải là người thường; trái lại đó là một người đã cộng-tác với nhà vua, làm quan suốt 30 năm và cũng là một người bạn thơ văn đồng thanh đồng khí với nhà vua. Tài-liệu thứ ba liên-quan đến nền luật-pháp nhà Lê, nói về 5 loại hình phạt, 10 điều ác thuộc trọng tội không thể tha-thứ được và 8 trường-hợp có thể được ân-giảm. Bài này như tác-giả có đề-cập tới trong lời nói đầu là một « bài khảo-cứu có tính-cách sử-học tuy không thuộc vào phạm-vi đề-tài nhưng cũng giúp độc-giả hiểu rõ hơn đôi điều ở trong tập tiêu-luận như các hình phạt, v.v... »

Ngoài ra những chương và phụ-lục, chúng tôi còn phải nói một vài lời về chương dẫn nhập. Sở-dĩ tác-giả đã nghĩ tới việc viết ra chương này là cốt để thăm-định rõ-ràng công-nghiệp của vua Lê Thánh-tông trong công-cuộc cải-tổ những cơ-cấu hành-chánh. Đề đạt mục-đích đó, trong một vài trang, tác-giả đã vạch rõ nền hành-chánh trung-ương dưới các triều-đại trước Lê Thánh-tông, bắt đầu từ đời nhà Đinh. Dĩ-nhiên phần này được thực-hiện một cách nhanh-chóng và có lẽ cũng nông-cạn, vì, trước hết, không thuộc vào đề-tài và sau nữa những tài-liệu liên-quan đến những triều-đại ấy vừa hiếm-hoi lại vừa vắng-tắt. Sau cùng cũng trong chương dẫn-nhập, tác-giả đã phác-họa những nét chánh thuộc tiêu-sử vua Lê Thánh-tông, vì nghĩ rằng « không thể bàn đến công-nghiệp của một người mà lại không biết gì về thân-thể, dòng-dõi của người đó ».

Trên đây là chúng tôi vừa phân-tách một cách khá chi-tiết những bộ-phận chánh của tác-phẩm. Có lẽ còn một vấn-đề nữa mà chúng tôi cũng phải đề-cập tới. Đó là vấn-đề tài-liệu. Đề-tài hấp-dẫn, dàn bài mạch-lạc, nhưng nếu không có tài-liệu để khai-thác thì đề-tài và dàn bài cũng hóa ra vô-dụng. Tại lời nói đầu, tác-giả đã nêu rõ tất cả các tài-liệu đã dùng. Chúng tôi có lẽ khỏi phải lập lại đây nữa. Nhưng điều

cần phải nói, là những tài-liệu ấy là những tài-liệu duy-nhất mà chúng ta còn gìn-giữ lại liên-quan đến triều-đại vua Lê Thánh-tông. Trong số đó, một vài tài-liệu có thể được coi như là sử-liệu nghĩa là những tài-liệu đương-thời như bộ Hồng-đức thiện chính thư bộ Thiên Nam dư hạ tập hay bài văn bia của Thân-Nhân-Trung. Nhưng phần nhiều những tài-liệu khác đều là những công-cuộc biên-soạn sau này. Dù sao với những phương Pháp suy-luận khá vững-vàng, tác-giả đã thu-hoạch được nhiều kết-quả nếu không cho là mỹ-mãn thì ít lắm cũng có thể gọi được là khả-quan. Một công-trình biên-khảo lịch-sử khác hẳn với một sáng-tác thật sự. Sử-gia phải «khảo» tài-liệu và chỉ cố-gắng làm sao cho tài-liệu trả lời nhiều chừng nào hay chừng ấy cho những câu hỏi mình đã đặt ra. Chúng ta có thể nói rằng tác-giả đã thành-tựu trong công-tác đó. Từ những tài-liệu rời-rạc, vụn-vặt, thiếu-sót, tác-giả đã «xây cất» một tổng-hợp có ý-nghĩa và tựu trung khá đầy-dủ. Hầu hết những câu hỏi đặt ra đều tìm được câu trả lời thích-đáng.

Đề chấm dứt lời giới-thiệu này, đáng lẽ chúng tôi phải nói đến giá-trị của tác-phẩm trình-bày sau đây. Nhưng không lẽ lại «mèo khen mèo dài đuôi, rắn chê rắn không cẳng», vì chắc Ông Lê-kim-Ngân sẽ không phủ-nhận rằng Viện Khảo-cổ đã có nhúng tay một phần nào vào việc thực-hiện tập tiều-luận. Không ít thì nhiều, chúng tôi sẽ chịu một phần trách-nhiệm trong tác-phẩm khi đứng xuất-bản nó. Vậy thì, vấn-đề thăm-định giá-trị của quyển sách xuất-bản hôm nay sẽ thuộc vào thăm-quyền của quý vị độc-giả. Chúng tôi không bao giờ dám từ-khước những lời dạy-dỗ của các đấng cao-minh cũng như chúng tôi vẫn luôn-luôn tìm cách cống-hiến những tác-phẩm với một trình-độ cao chừng nào hay chừng ấy. Vậy chúng tôi xin sẵn-sàng nhận mọi lời chỉ-trích, cũng như vui lòng lãnh mọi tiếng... ban khen. Chúng tôi thấy chỉ cần nhắc lại một lần cuối cùng rằng đây không phải là một tác-phẩm của một học-giả «dầm sương dãi nắng». Đây chỉ là kết-quả bao cố-gắng của một bạn sinh-viên, tuy đã cần-cối một phần nào rồi, nhưng chắc chắn đã không khỏi còn vấp phải bao cạm bẫy dài dặc trên con đường khảo-cứu khoa-học.

Trước khi chấm dứt, chúng tôi xin có lời cảm ơn tác-giả là Ông Lê-Kim-Ngân đã vui lòng giao cho Viện Khảo-cổ trọng-trách xuất-bản tác-phẩm này. Và chúng tôi cũng không quên ngỏ lời cảm-tạ nồng-nhiệt Ông Khoa-trưởng Trường Đại-học Văn-khoa đã cho phép chúng tôi phổ-biến tài-liệu này mà chúng tôi hết lòng ước mong sẽ là một tài-liệu có ích cho những ai quan-tâm đến quá-khứ của nước nhà.

TRƯƠNG-BỬU.LÂM
Viện Khảo-cổ.

EN GUISE DE PRÉSENTATION

Le livre que voici est sans doute le premier ouvrage proprement de recherche qu'édite l'Institut de Recherches Historiques. Bien qu'il soit nanti d'un titre qui insiste sur la recherche, l'Institut jusqu'à présent s'est surtout limité à accomplir des tâches de traduction et d'annotation des sources historiques vietnamiennes écrites en chinois. En effet, tout le monde sait que s'il n'y a pas de document, il n'y a pas d'histoire. Or, dans l'actuelle situation des écrits historiques légués par le passé, un historien vietnamien qui n'est pas doublé d'un sinologue ne peut avoir pratiquement accès à aucun document historique. Et qui ignore encore que la formation d'un sinologue demande des années et des années de préparation. Aussi osons-nous estimer qu'on ne peut pas exiger de *chaque* historien qu'il soit également sinologue (1). Dans ces conjonctures, si les historiens ne peuvent avoir accès aux documents, nous pensons de notre devoir de mettre ces documents à la disposition des historiens. C'est pour cette seule raison que nous consacrons pour ainsi dire tout notre temps à la traduction, à la collation et à l'annotation des documents historiques jugés les plus utiles et les plus importants.

Fort heureusement pour l'Institut, quelques chercheurs-privés ont bien voulu collaborer avec nous pour réaliser leurs travaux. Parmi ceux-là, nous devons citer en premier lieu Mr Lê-Kim-Ngân dont nous nous faisons un plaisir de publier dans les pages qui suivent l'ouvrage intitulé *L'organisation du pouvoir central sous le règne de l'empereur Lê Thánh-tông* (1460-1497). L'auteur est, pensons-nous, fort bien indiqué pour mener à bonne fin les recherches entreprises. En effet, le sujet choisi relève à la fois de l'histoire générale et de l'histoire du droit ou plus précisément de l'histoire des institutions. L'auteur est à la fois licencié en droit et licencié ès-lettres. L'ouvrage publié ci-après n'est autre que le mémoire présenté le 10 octobre 1962 devant le jury de la Faculté des Lettres pour l'obtention du Diplôme d'Études Supérieures en Histoire. Ceci étant dit pour aider le

(1) Si nous ne pouvons exiger de chaque historien qu'il soit également sinologue nous devons par contre demander qu'il connaisse quelques milliers caractères pour être capable de contrôler lui-même les traductions.

lecteur à déterminer la valeur exacte de l'oeuvre. En effet, ni l'auteur, en composant l'ouvrage, ni l'Institut en l'éditant, ne nourrit quelque vaste prétention au sujet de cet ouvrage. Il est et reste un mémoire d'étudiant. L'auteur a la seule ambition d'avoir recueilli quelques documents disparates et réuni toutes les connaissances relatives au sujet choisi en une synthèse ordonnée et précise. Ce qui vient d'être dit ne peut cependant diminuer en aucune manière la valeur de l'ouvrage. Nous voulions simplement le situer dans sa vraie perspective afin de prémunir le lecteur contre un jugement trop sévère

x x
x

Le sujet étudié est soigneusement circonscrit par l'auteur. Il s'agit d'établir un tableau complet de l'organisation du pouvoir central sous le règne de Lê Thánh-tông. Pourquoi le pouvoir central seulement ? Non pas parce que le pouvoir régional ne mérite pas l'attention des chercheurs ou que les documents manquent pour étudier cet aspect. Mais pour la simple raison que l'étude du pouvoir central constitue à elle seule un domaine fort complexe et que la description exige déjà un travail assez important. Le pouvoir régional fera sans doute l'objet d'une étude ultérieure.

Le point de vue chronologique semble également pouvoir se justifier avec facilité. Le règne de Lê Thánh-tông fut remarquable dans tous les domaines et plus particulièrement dans celui de l'organisation administrative. Ce règne peut donc fournir l'objet d'une étude approfondie, intéressante dans ses comparaisons avec les régimes qui le précédaient aussi bien qu'avec ceux qui le suivaient, surtout sous l'aspect des institutions.

Le plan du travail paraît logique. Après un chapitre d'introduction assez rapide d'ailleurs — où il étudie le legs des divers règnes antérieurs à Lê Thánh-tông, l'auteur s'attaque à l'oeuvre de ce dernier même. Quand on étudie l'organisation du pouvoir central, le premier problème qui s'impose à l'esprit est évidemment celui de l'homme ou de l'organe qui détient le pouvoir suprême. Il s'agit en l'occurrence, de l'empereur lui-même. C'est l'objet du premier chapitre. Après avoir dégagé la conception théocratique du pouvoir de l'empereur, conception commune à tout l'Extrême-Orient, l'auteur nous dit que Lê Thánh-tông en était bien conscient et les diverses légendes relatives aux circonstances de sa naissance nous

le prouvent. De même que son sceau qui portait visiblement l'inscription: *Empereur de par la volonté de l'Être suprême* 皇帝受命之寶. Dans plusieurs décrets, Lê Thánh-tông n'a pas manqué d'affirmer sa responsabilité envers le Ciel dans le gouvernement du peuple qui lui était confié. Le pouvoir absolu de l'empereur était ainsi limité uniquement par le ciel. Représentant le ciel sous terre, l'empereur détenait entre ses mains le droit de publier les édits qui sont de véritables lois, de nommer les mandarins et d'être le juge suprême dans toutes les causes.

L'empereur, dans son gouvernement est secondé par des collaborateurs directs qui formaient ce qu'on peut appeler la cour. Ces collaborateurs faisaient partie de nombreux et différents services tant administratifs que spécialisés, depuis les cabinets près l'empereur et le prince héritier, les six ministères et les six cours, jusqu'aux organes de contrôle, le tribunal des censeurs en passant par les organes militaires du pouvoir central. Tout cela fait l'objet du deuxième chapitre. Dans le troisième et dernier chapitre, l'auteur étudie un système qui est bien connu des sinologues mais qui certes ne manque pas d'intérêt: le mandarinat. Après avoir dégagé les principales fonctions mandarinales sous Lê-Thánh-tông, l'auteur se penche sur le problème du recrutement du mandarinat: par concours, par proposition ou par transmission. Les mandarins avaient leur grade mais presque tous possédaient également des titres qui étaient des dignités officielles. L'auteur étudie également les différentes règles selon lesquelles la cour conférait ces honneurs aux mandarins méritants. Enfin les sanctions et les moyens de contrôle des mandarins sont envisagés dans la dernière partie de ce chapitre.

L'ouvrage se termine par trois appendices. Le premier document est un décret publié par Lê-Thánh-tông en 1741 dans lequel il rappelait en termes vigoureux aux mandarins leurs droits et leurs devoirs auprès du peuple. Le deuxième document est la traduction de la stèle du tombeau de l'empereur Lê Thánh-tông; le texte est rédigé par Thân-Nhân-Trung qui fut aux côtés de l'empereur durant tout son règne un fidèle compagnon de lettres. Le dernier appendice est un texte de loi fixant les 5 peines et les 10 délits graves ainsi que les 8 cas d'exemption. Ce texte nous présente sous une lumière assez directe l'esprit de la législation en vigueur sous le règne de l'empereur Lê-Thánh-tông (1).

Les documents qui forment la base de cet ouvrage sont malheureusement pour la plupart des documents de seconde main. Quelques-uns seulement sont des sources originales telles que le 洪德善政書 et

(1) Le lecteur voudra bien se reporter à la table des matières en français à la fin de l'ouvrage.

le 天南餘暇集 et la stèle du tombeau de Lê Thánh-tông. Quoiqu'il en soit, l'auteur a tiré le maximum de tous ces documents et n'a certainement négligé, à notre connaissance, aucun vestige qui aurait pu lui être de quelque utilité. De tout ce fatras de textes, l'auteur a dégagé une synthèse assez modeste mais qui ne manque pas de valeur. Nous n'osons guère vanter cette valeur car, quoique nous disions, une part de responsabilité nous revient parce que l'auteur a travaillé en étroite collaboration avec l'Institut et ensuite parce que nous nous faisons éditeur de ce mémoire. Nous nous tenons donc prêts, l'auteur et l'Institut, pour recevoir toutes les critiques comme pour accueillir toutes les... félicitations. Notre seul désir et notre unique but en publiant ce livre est de venir en aide à tous ceux qui s'intéressent à l'histoire de notre pays.

Il nous reste à remercier chaleureusement toutes les personnes qui — d'une manière directe ou indirecte — nous ont encouragés et aidés dans la réalisation de cet ouvrage.

TRƯƠNG-BỬU-LÂM

Institut de Recherches Historiques

VÀI LỜI NÓI ĐẦU

Những người lãnh-đạo có trách-nhiệm phải làm thỏa mãn nhu-
yếu của xã-hội. Nếu những người thống-trị bạo-tàn bắt chấp những
đòi hỏi của nhân dân, thế tất sẽ bị phản đối, hoặc tiêu-cực qua văn
chương, hoặc tích-cực bằng bạo-động. Tuy nhiên, dầu thế nào, việc
tổ-chức cai-trị của mỗi một triều-đại đều có ảnh-hưởng rất lớn đối
với đời sống của dân chúng dưới triều-đại đó: việc chính-trị dờ
ảnh-hưởng chỉ nhất thời; việc chính-trị hay và hợp với nhu-yếu
của quần chúng, ảnh-hưởng sẽ sâu đậm đến mọi tầng lớp nhân-
dân và sẽ biến thành phong-tục, tập quán, lưu truyền lại biết bao
thế-hệ sau.

Bởi vậy, khi muốn xét một quốc-gia dưới một triều-đại nào về
phương-diện kinh-tế, văn-hóa, chính-trị, xã-hội . . . , ta không thể không
xét trước tiên đến sự tổ-chức chính-quyền trung-ương của một triều-
đại đó. Quả thế, nhìn vào tổ-chức chính-quyền trung-ương của một
nước vào một thời-đại nào, ta sẽ biết một phần nào xã-hội thời
đó ra sao, nguyên-nhân phát-triển hay lụn-bại của nền kinh-tế, lý-
do cuộc thịnh suy của cả một triều-đại lúc bấy giờ, cùng là việc
chính-trị, văn-hóa hay hoặc dờ...

Bởi những lẽ đó, chúng tôi thiết nghĩ sự khảo cứu tổ-chức
chính-quyền trung-ương của tất cả các thời-đại trong lịch-sử Việt-
Nam từ lúc lập quốc cho tới ngày nay là một vấn-đề vô cùng quan-
trọng. Nhưng phạm-vi nhỏ hẹp của tập tiểu luận này không cho
phép chúng tôi xét cả một vấn-đề quá bao quát, rộng rãi như thế
nên chúng tôi chỉ dám quy vấn-đề tối quan-trọng trên vào một triều
đại mà thôi.

Ta nên chọn triều-đại nào?

Xét trong lịch-sử nước nhà, ta phải nhận rằng « *những sự văn-
trị và võ công ở nước Nam ta, không có đời nào thịnh hơn đời
Hồng-đức* » (1). Hơn nữa, luật Hồng-đức cùng cách tổ-chức chính-
quyền của vua Lê Thánh-tông đã được xem là khuôn vàng thước
ngọc, được các triều vua kế tiếp noi theo, khiến cho, khi xét đến
triều-đại Hồng-đức, sử-gia Maybon đã phải khen: « *Nhà vua tỏ ra
là một nhà cai-trị khôn khéo và ta có thể nói rằng tổ-chức của*

(1) TRẦN-TRỌNG-KIM, *Việt-Nam sử-lược*, tr. 250.

nước Nam đã bắt đầu từ đời này » (1), và sử-thần Phan Huy-Chú cũng công nhận : « xét chức-vụ chuyên giữ của các tì từ đời Hồng-đức sửa định trở về sau, thề thống nối nhau thành phép nhất định, vì phạm công việc quan trọng thì quy cả về sáu bộ mà sáu khoa thì xét hác, sáu tự thì thừa-hành, cả trăm quan đều tuân giữ chức-vụ, phép tắc nghiêm minh. Những kẻ cận thần được chuộng, và kẻ thân thích có quyền chưa từng được trộm phép lộng quyền, thực là chế-độ hay của một đời » (2).

Vì tính-cách đặc-biệt quan-trọng của triều-đại Hồng-đức trong lịch-sử Việt-Nam về mọi phương-diện, nhất nữa là về phương-diện tổ-chức chính-quyền nên vấn-đề *Tổ-chức chính-quyền trung-ương dưới triều vua Lê Thánh-tông*, đã được chọn làm đề-tài cho tập tiểu luận này.

Vấn-đề này lại còn quan-trọng hơn nữa, khi xét lại tử sách lịch-sử nước nhà do các bậc tiền nhân để lại, từ xưa tới nay, ta chỉ thấy có mỗi một cuốn *Quan chức-chí* của Phan Huy-Chú trong bộ *Lịch-triều hiến chương loại chí* là đề-cập sơ qua tới vấn-đề tổ-chức chính-quyền của các triều đại nước ta từ thuở lập quốc cho tới triều Nguyễn mà thôi. Mà rút lại cuốn này lại chỉ có tính-cách *trình bày, phân-tích*, nghĩa là chỉ kể tên các cơ-quan cùng tên các quan-chức, chứ không hề có tính cách *mô-tả* và *tổng-hợp*, nghĩa là không nói tới nhiệm-vụ của các cơ-quan cùng là sự liên-lạc giữa các cơ-quan đó. Như vậy cuốn *Quan chức-chí* chỉ có thể coi là một cuốn liệt-kê tài-liệu lịch-sử hơn là một cuốn khảo-sát lịch-sử.

Gần đây, trong tử sách khảo-cứu nước nhà, ta thấy xuất-hiện cuốn *Lê Thánh-tông* của Chu-Thiên. Nhưng chủ đề của tác-phẩm này cốt ở chỗ mô-tả lại sự nghiệp của vua Lê Thánh-tông mà trong đó vấn-đề tổ-chức chính-quyền chỉ đóng vai thứ-yếu chứ không phải là trọng tâm, nên vấn-đề ấy — tổ-chức chính-quyền — được khảo-sát một cách quá sơ sài, không giúp cho ta được mấy nổi.

Trước một di-sản như vậy, trặc đầu thấy rõ đề-tài nêu ra rất khó và khô-khan, chúng tôi cũng không quản tài sơ trí thiển, gắng sức thu thập tài-liệu, tìm hiểu những tài-liệu đó, đề cố soi sáng vấn-đề tổ-chức chính-quyền trung-ương dưới triều Lê Thánh-tông, hầu mong góp một chút công nhỏ nhoi vào sự hiểu biết quá-khứ của nước nhà.

(1) Ch. MAYBON, *Lectures sur l'histoire moderne et contemporaine du pays d'Annam de 1428 à 1926*, Paris, 1919.

(2) PHAN-HUY-CHÚ, *Quan chức chí*, chữ Hán, q. 16, tờ 36a và b.

Những tài-liệu cổ chúng tôi thường dùng, đều có ở Viện Khảo cổ Sài-gòn, mà thời-gian cùng tính-cách xác-thực của chúng đã được các học giả kiểm nhận. Dầu vậy, nơi đây, chúng tôi cũng xin bàn đến 4 bộ sử thường dùng nhất trong khi biên soạn tập tiểu luận này để quý-vị độc-giả thăm xét.

Đó là :

- *Hồng-đức Thiên-nam dư-hạ tập.*
- *Đại-Việt sử-ký bản kỷ thực lục.*
- *Lịch-triều hiển-chương loại chí.*
- *Khâm định Việt-sử thông giám cương mục.*

I. — *Hồng-đức Thiên-nam dư hạ tập.*

Theo Phan Huy-Chú trong thiên *Văn-tịch-chí* của bộ *Lịch-triều hiển-chương loại chí* thì *Hồng-đức Thiên-nam dư hạ tập* gồm 100 quyển chép đủ chế độ, luật-lệ, văn-hàn, sách cáo, nhưng bộ này đến đời Lê Trung-hưng đã tản mát mất nhiều, mười phần chỉ còn một hai (1).

Theo tập mục-lục sách Việt ở trong *Đông-dương văn-hóa nghiên-cứu sử ký yếu*, quyển 5, do Đông-dương Văn-khố (Tokyo Bunko) chụp lại, gửi về Viện Khảo-cổ Sài-gòn, thì bộ *Hồng-đức Thiên-nam dư hạ tập* hiện còn sót lại 6 sách lưu giữ tại Sociéte Asiatique ở Paris, số thứ-tự của bộ này là HM212. Sáu sách kê trên là :

A. — *Đệ nhất sách* : có 192 tờ, bao gồm :

1. Thi tập (từ tờ 1 đến tờ 119)
2. Số văn tập (từ tờ 120 đến tờ 192)

B. — *Đệ nhị sách* : 121 tờ, gồm có :

1. Lê hoảng dục vận thập nhị thủ (?) (từ tờ 1 đến tờ 21)
2. Chinh Tây kỷ hành (từ 22 đến 37a)
3. Minh-lương cầm tú (từ 37b đến tờ 73)
4. Ngự-chế Quỳnh uyển cửu ca thi tập (từ 74 đến 121)

C. — *Đệ tam sách* : 44 tờ : Chinh Chiêm-thành sự vụ.

D. — *Đệ tứ sách* : 80 tờ, gồm :

1. Thiên hạ bản đồ tổng số (từ tờ 1 đến 14)
2. Quan-chế điền-lệ (từ 15 đến 48)
3. Sách dụ hiệu định quan chế (từ 49 đến 80)

(1) PHAN HUY-CHÚ, *Văn-tịch-chí*, q.42, tờ 78a.

E. — *Đệ ngũ sách* : 51 tờ : Điều-luật

F. — *Đệ lục sách* : 186 tờ, gồm :

1. Bình thi (tờ 1 đến 35)
2. Bình văn (tờ 36 đến 69)
3. Liệt truyện tạp thức (tờ 70 đến 127)
4. Khảo sử (tờ 128 đến 184).

Nội-dung những tập đó ra sao, chúng tôi không được rõ.

Bộ *Thiên-nam dư hạ tập* chúng tôi dẫn trong tập tiểu luận này là bộ sách hiện có ở Trường Viễn-đông Bác-cổ Hà-nội và được Trường Viễn-đông Bác-cổ ở Sài-gòn chụp lại bằng vi-ảnh, số A-534. Vi-ảnh này chỉ gồm có những tập sau :

1. *Thi và sớ* : trong này chép những bài thơ do vua Lê Thánh-tông cùng các văn thần trong hội Tao-đàn xướng họa cùng các bài sớ cầu đảo, sớ nhà chùa...

2. *Chinh-tây kỷ hành* : Chép các bài thơ do vua Lê Thánh-tông làm trên đường đi đánh Chiêm-thành (1470 — 1471).

3. *Minh-lương cầm-tú* (lời gấm vóc của vua sáng tôi hay) : trong vịnh phong cảnh các cửa biển vua Lê Thánh-tông đã đi qua nhân dịp đánh Chiêm-thành (1470 — 1471).

4. *Ngự-chế Quỳnh-uyên cửu ca thi tập* (chín bài hát vườn quỳnh) có bài tựa của vua Thánh-tông viết năm 1494. Chín bài ca đây là chín đề mục : 1- Phong (được mùa) ; 2- Quân đạo (đạo làm vua) ; 3- Thần tiết (đạo làm tôi) ; 4- Minh-lương (vua sáng tôi hay) ; 5- Anh-hiền (bực hiền tài) ; 6- Kỳ khí (khí lạ) ; 7- Thư thảo (phép viết) ; 8- Văn nhân (kẻ văn chương) ; 9- Mai hoa (hoa mai). Cứ mỗi đề mục có một bài thơ của vua Lê Thánh-tông và các bài họa lại của 28 văn-thần trong hội Tao-đàn.

5. *Chinh Chiêm-thành sự vụ* : kể lại công việc đi đánh Chiêm-thành, soạn năm 1470.

6. *Bình thi* : ghi những lời bình luận của Thân Nhân-Trung, Đỗ Nhuận... về thơ của các vị trong hội Tao-đàn.

7. *Liệt truyện tạp thức* : chép những truyện đủ loại xảy ra dưới triều Hồng-đức.

8. *Khảo sử* : khảo-sát về lịch-sử nước nhà.

II. — Đại-Việt sử-ký thực-lục.

Đại-Việt Sử-ký bản kỷ thực-lục là bộ sử do các sứ thần các đời vua nhà Lê (nay không rõ là những ai) đã chép tiếp vào bộ

Đại-Việt sử-ký toàn thư của Ngô Sĩ-Liên, từ đời Lê Thái-tổ đến Lê Cung Hoàng (từ năm 1428 đến năm 1527): phần này bao gồm những quyển 11 đến 15 và một phần quyển 10 từ năm 1428 đến 1433 ở trong bộ *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* do Quốc-tử-giám ấn hành. Phần này (tức là phần bao gồm quyển 11-15 và một phần quyển 10) có nhan đề là *Đại-Việt sử-ký bản-ký thực-lục*.

Nguyên bộ *Đại-Việt sử-ký toàn thư* do Ngô Sĩ-Liên phụng mệnh vua Lê Thánh-tông soạn ra gồm có 15 quyển, chia làm hai phần:

1. *Ngoại ký* (phần chép ngoài): từ họ Hồng-bàng đến hết Nội-thuộc (938): 5 quyển.

2. *Bản-ký* (phần chép chính): từ đời Ngô-Quyền đến khi vua Lê Thái-tổ lên ngôi (939 - 1428): 10 quyển.

Rồi các sử thần nhà Lê chép tiếp vào phần bản ký này từ quyển 11 đến quyển 15 và lấy thêm một phần quyển 10 của Ngô Sĩ-Liên mà lập thành cuốn *Đại-Việt sử-ký bản-ký thực-lục*.

Cuốn *Đại-Việt sử-ký bản ký thực lục* này hiện có ở Viện Khảo cổ Saigon, bản in năm 1697 do Quốc-tử-giám ấn-hành (giám bản).

III.— Lịch-triều hiến-chương loại chí.

Bộ Lịch-triều hiến-chương loại chí do Phan-huy-Chú soạn và dâng lên vua Minh-mệnh vào năm 1821. Bộ này gồm 49 quyển, chia làm 10 phần:

1. *Địa-dư-chí* (từ quyển 1 đến quyển 5): chép về bờ cõi các triều và phong thổ các đạo khác nhau thế nào.

2. *Nhân vật chí* (quyển 6 đến quyển 12): chép tiểu truyện các bậc danh nhân: đế vương, huân hiền, danh tướng, danh nho, tiết nghĩa.

3. *Quan-chức-chí* (quyển 13 đến quyển 19): chép về danh hiệu, chức-chương phẩm-tước, bổng lộc và cách tuyền cử các quan lại.

4. *Lễ-nghi chí* (quyển 20 đến quyển 25): chép các điển lễ thuộc về triều-nghi, giao-tự, tôn-miếu, khánh-hạ, quốc-tang, tấn-tôn sách phong, tế-cáo.

5. *Khoa-mục chí* (quyển 26 đến quyển 28): chép về phép và chương-trình các khoa-thi (thi Hương, thi Hội, thi Đình) cùng liệt kê các khoa-thi tiến-sĩ (số đỗ và tên người đỗ đầu).

6. *Quốc dụng chí* (quyển 29 đến quyển 32): chép về các

phép đình điền, các ngạch thuế, các tiền tiêu, các lệ trưng thu, các khoản kinh-phí.

7. *Hình-luật-chí* (quyển 33 đến quyển 38) : chép về luật lệ, hình phạt.

8. *Binh-chế-chí* (quyển 39 đến quyển 41) : chép về phép tuyển lính, cách tổ-chức quân-đội, cùng các việc dưỡng cấp, luyện tập, giảng-duyet.

9. *Văn-tịch-chí* (quyển 42 đến quyển 45) : chép về các sách của nước ta soạn, chia làm bốn loại : hiến-chương (phép tắc) kinh-sử (kinh truyện và lịch-sử), thi văn (thơ và văn xuôi), truyện ký. Mỗi loại đều kê tên các sách và lược thuật về tác giả ; nhiều khi có trích dẫn bài tựa hoặc ít nhiều nguyên văn.

10. *Bang-giao-chí* (quyển 46 đến quyển 49) : chép về các điển lệ có quan-hệ đến việc nước ta giao-thiệp với nước Tàu như các việc phong sách, cống-hạ, thông-sứ, biên-cương.

Trong mỗi phần Phan Huy-Chú tham khảo các sách Tàu và sách ta biên chép theo thứ tự thời gian từ đời Thượng cổ đến cuối nhà Hậu Lê.

Tất cả 49 quyển trên đây đều có tại Viện Khảo - cổ Sài Gòn, bản chép tay chữ Hán.

Ông Deloustal đã dịch và chú-thích phần thứ 6, *Quốc dụng chí*, nhan là *Ressources financières et économiques de l'Etat dans l'ancien Annam* (đăng trong *Revue Indochinoise*, nouvelle série, 1924, tr. 192 - 227, và tr. 381 - 413 ; 1925, tr. 59 - 78 và tr. 281 - 303 ; *Bulletin des Amis du Vieux Huế*, 1932, tr. 157 - 218) và phần thứ 7, *Hình-luật-chí* nhan là *La justice dans l'ancien Annam* (đăng trong BEFEO, từ tome VIII, 1908 đến tome XIII, 1913 và tome XXII, 1922).

Trường Luật-khoa Đại-học Sài Gòn gần đây cũng cho dịch ra quốc-văn ba phần sau :

1. Phần 3 : Quan-chức-chí
2. Phần 6 : Quốc-dụng-chí
3. Phần 7 : Hình-luật-chí

Phần 3, *Quan-chức-chí*, bản dịch của trường Luật có nhiều đoạn khó hiểu và đôi chỗ lại bỏ sót hẳn cả đoạn. Chẳng hạn, trong lệ tuyển-cử, tr. 295, *Quan-chức-chí*, Trường Luật đã dịch như sau : « *Lại định lệ bỏ những chức Thuế sứ, Bô-chính, phạm*

những chức *Thuế-vụ-sứ* có khuyết, thì *Bộ Lại* bỏ những *lại-viên* các nha môn có xuất thân, đã qua kỳ tuyển được cử mà không lấy, để những viên ấy làm sổ sách cho tiện. Những chức *Dịch-thừa*, *Bò-chính*, *Thuế-sứ*, thì bỏ những người đã lấy đầu giặc, cờ giặc mà vẫn chưa lấy vào làm việc quân ». Câu văn thật tối nghĩa và khó hiểu ! Lại nữa, QCC, bản dịch đã bỏ sót hẳn một đoạn không dịch. Nguyên trong quyền 16, *Quan-chức-chí*, bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo-cổ Saigon, mục nói về nhiệm-vụ của các chức tì có chép đủ cả chức chương của sáu bộ : Bộ Lại, Bộ Hộ, Bộ Lễ, Bộ Binh (từ tờ 17a đến tờ 26b), bộ Hình (26b - 30a), Bộ Công (30a - 37b) ; vậy mà *Quan-chức-chí*, bản dịch của Trường Luật, từ tr. 153 đến trang 183 chỉ dịch có ba bộ : Lại, Hộ và Lễ, còn sót lại ba bộ, bộ Binh, Hình và Công thì không thấy dịch. Vì những lý do đó nên trong tập tiểu luận này, khi thì chúng tôi làm qui-chiếu về QCC, bản dịch ; khi thì làm qui-chiếu về QCC, bản chữ Hán. Và, nếu qui-chiếu về QCC, bản dịch chúng tôi thường nêu số trang chẵn là bên có phiên-âm và in nguyên văn chữ Hán ; chỉ đôi khi chúng tôi mới sử-dụng bản dịch (ở bên số trang lẻ). Sở dĩ chúng tôi thường dùng quyền QCC, bản dịch là vì cuốn này thông-dụng, ai cũng có thể kiểm-sát được ; còn quyền QCC, bản chữ Hán rất hiếm, muốn kiểm-sát, phải tới Viện Khảo-cổ đọc nguyên bản bằng Hán-văn.

IV. — *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục.*

Bộ này do *Quốc-sử quán* ở Huế in và ông Phan Thanh-Giản đứng đầu bộ biên tập, phụng mệnh vua Tự-đức soạn ra. Sau 3 năm biên tập (1856 - 1859) và 13 năm kiểm-duyet (1871-1884), đến năm 1884 (Kiến-phúc nguyên niên) bộ này mới được tiến trình lên vua và được đem ra khắc in.

Hiện nay Viện Khảo-cổ Sài-gòn có một bản in mộc-bản do Quốc sử quán ở Huế in năm 1884.

Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục gồm một quyền đầu và 52 quyền sau, chia làm hai phần :

1. *Tiền biên* (5 quyền) : chép từ đời Hồng-bàng đến đời Thập nhị sứ quân (2879 trước Tây-lịch (?) đến 967 sau Tây-lịch).
2. *Chánh biên* (47 quyền) : chép từ đời Đinh-Tiên-hoàng đến Lê-Mãn-đế (968-1789).

Ngoài 4 cuốn sử thường dùng trên, chúng tôi còn phải tra-khảo

thêm ở rất nhiều cuốn sách khác thuộc loại sử cũng như thuộc các loại khác (văn-hóa, chính-trị, kinh-tế, v.v...) có liên-quan tới đề-tài của tập tiểu luận này mà, những cuốn chính, chúng tôi có ghi trong mục «sách tham khảo».

Trước mớ tài-liệu rời-rạc và rối bời về vấn-đề tồ-chức chính-quyền trung-ương dưới triều Lê Thánh-tông, đề có thể soi rọi một cách rõ ràng và làm nổi bật những nét chính yếu của vấn-đề này, chúng tôi đã phải áp-dụng nhiều nguyên-tắc hay phương-pháp thường dùng trong ngành sử ngày nay. Trong đó, chúng tôi hay dùng nhiều nhất đến hai loại chứng cứ : chứng cứ loại-suy, chứng cứ hồi-cứu.

1. *Phương-pháp suy-luận theo chứng cứ loại-suy.*

Mục-đích của chứng cứ này là bổ-túc sự nhận thức về một hiện-tượng bằng cách tham bác hiện-tượng lịch-sử tiền thời hay đương thời của nước ngoài cùng một định-chế với hiện-tượng muốn tham-khảo để bổ sung vào những thiếu sót của sử sách.

Sử-dụng chứng cứ này, mục-đích của chúng tôi tất đề bổ-túc thêm vào sự nhận-thức về các cơ-quan của chính-quyền trung-ương như Hàn-lâm-viện, lục bộ, lục-tự... mà trong các sách sử Việt-Nam kể rất sơ-lược.

Chẳng hạn khi khảo về lục tự, chúng tôi thấy sách *Hiệu-định tấn thân sự lục* của ta ghi rất sơ sài về nhiệm-vụ của sáu tự. Mà xét kỹ, chúng tôi có rất nhiều chứng cứ đề tỏ rằng vua Lê Thánh-tông hay tham bác cách tồ-chức chính-quyền của nhà Đường bên Tàu mà áp-dụng cho nước ta. Nên chúng tôi đã phải dùng tới cuốn *Tân Đường thư* đề bổ-túc thêm vào nhiệm-vụ sơ sài của lục-tự do cuốn *Hiệu định tấn thân sự lục* đã chép.

Phương-pháp này (suy-luận theo chứng cứ loại suy) cũng đã được Phan Huy-Chú thường dùng trong bộ *Lịch-triều hiển-chương loại chí*. Quả vậy, khi xét về chức 'Tán-thiện, Thứ-tử dưới triều Lê Thánh-tông, học-giả họ Phan đã xét lại quan-chế đời nhà Đường, nhà Tống bên Tàu về nhiệm-vụ của các chức này đề rồi kết luận :

«*Đời Hồng-đức đặt quan chế đại-đề cũng đều theo ý-nghĩa đời xưa*» (1).

2. *Phương-pháp suy-luận theo chứng cứ hồi-cứu*

Mục-đích của chứng cứ hồi-cứu là cứu-xét tình-trạng của một hiện tượng trong một thời đại nhất định rồi chỉ định tình-trạng của hiện-tượng ấy trong thời đại trước.

(1) QCC, bản dịch, tr. 72 và 74.

Khi áp-dụng phương-pháp suy-luận này, chúng tôi thường tìm hiểu nhiệm-vụ của các cơ-quan được ghi lại rất rõ-ràng ở những triều đại sau triều Lê Thánh-tông, nhưng do tài-liệu lịch-sử chắc-chắn, chúng tôi biết rằng nhiệm-vụ của các cơ-quan này dưới triều Hồng-đức vẫn y hệt.

Chẳng hạn khi tìm hiểu nhiệm-vụ của 6 bộ, chúng tôi tham bác nhiệm-vụ này ở dưới triều vua Lê-Chiêu-thống (1786-1789) mà đem áp-dụng vào triều Lê Thánh-tông (1460-1497) vì, trong QCC, bản dịch tr.50 chép sắc dụ của vua Lê Chiêu-thống về việc sửa đổi lại quan-chế, định rằng: « *tham bác theo quan chế cũ của thời Hồng-đức* » mà xếp đặt lại các cơ-quan cùng quan chế.

Với những nguồn sử-liệu trên, với những phương-pháp thường dùng đó, chúng tôi đã quyết định chọn dàn bài sau đây :

Trước khi xét đến công-nghiệp của vua Lê Thánh-tông về tài tồ-chức chính-quyền, chúng tôi tưởng cũng cần phải xét qua cách tồ-chức chính-quyền của triều đại trước triều Lê Thánh-tông để tìm hiểu những di sản của tiền-nhân mà ngài đã thừa hưởng, hầu để bề phán đoán hơn công-nghiệp của ngài về phương-diện tồ-chức chính-quyền. Hơn nữa, khi muốn bàn đến công-nghiệp của một người mà lại không biết gì về thân thế, dòng dõi của người đó, tưởng cũng là một điều thiếu sót vô cùng quan-trọng.

Hai điểm trên (vài nét đại-cương về cách tồ-chức chính-quyền trung-ương của các triều-đại trước triều Lê Thánh-tông và tiều-sử vua Lê Thánh-tông) tuy không thuộc hẳn vào phạm-vi đề tài của tập tiều luận, nhưng cũng không thể không bàn tới được. Vì đó, chúng tôi đặt cả hai điểm này trong một Chương dẫn nhập.

Bước vào phần chính của đề tài, đề phân bố-cục cho toàn tập tiều luận, chúng tôi đặt nguyên-tắc căn-bản là phân chia theo *hệ thống dọc*, nghĩa là xét cơ-quan cao nhất trước, rồi thấp lần xuống.

Vì nguyên-tắc căn-bản, nên trong chương thứ nhất, chúng tôi bàn tới ng rời có quyền tối cao trong hệ-thống tồ-chức chính-quyền trung-ương : đó là vua.

Tiếp theo, chương thứ hai, chúng tôi đề cập tới những cơ-quan trực tiếp chịu quyền điều-khiển của vua : đó là những cơ-quan chính yếu thuộc tồ-chức chính-quyền trung-ương.

Và sau hết chương ba xét tới những vị quan có trách-nhiệm điều khiển các cơ-quan trung-ương trên. Trách-nhiệm họ thế nào? Quyền lợi ra sao? Tóm lại, đó là vấn-đề « quan chế ».

Ngoài ra, có một vài bài khảo-cứu có tính cách sử học tuy không thuộc

vào phạm-vi đề tài nhưng cũng giúp cho độc-giả hiểu rõ hơn đôi điều ở trong tập tiểu-luận như các hình phạt (tội xuy, tội đồ...), tiểu-sử của vua Lê-Thánh-tông qua con mắt của Thân Nhân-Trung, vừa là một bầy tôi, lại vừa là bạn thơ văn, đồng thanh đồng khí của nhà vua. Những bài khảo luận về mấy điều trên, chúng tôi đều đặt trong phần phụ lục

x
x x

Mặc dầu đã hết sức thận trọng khi tra-cứu cũng như suy-luận, chúng tôi cũng không dám tin rằng tập tiểu-luận này hoàn toàn, không lỗi lầm. Chúng tôi xin thành-khẩn cảm ơn và thiết tha mong mọi các bậc cao-minh chỉ giáo cho những điều còn sơ-sốt và sai lầm để chúng tôi được mở rộng tầm mắt và trao-giới thêm kiến-thức còn quá thô-thiền.

Trước khi chấm dứt, chúng tôi kính xin ông **Trương Bửu-Lâm**, vị giáo-sư đỡ đầu, hướng dẫn về phương-pháp viết sử, đã tận tình theo dõi, chỉ bảo từng chút và khuyến-khích chúng tôi thực-hiện tập tiểu luận này, ông **Bửu Cầm**, vị giáo-sư kiểm-sát những bản dịch chữ Hán, giúp chúng tôi rất nhiều ý-kiến về sử-học khiến tập tiểu-luận được hoàn-thành mau chóng hơn, cụ **Phạm Huy-Thúy**, Chủ-sự phòng Thư-viện Viện Khảo-cò, đã chỉ rất nhiều tài-liệu quý-giá và dành cho chúng tôi mọi sự dễ-dàng trong việc mượn sách để tra-cứu và thực-hiện tập tiểu-luận này, và ông **Đỗ Văn Anh** đã tận-tụy trong việc xem lại các bản in cùng giúp đỡ chúng tôi rất nhiều về việc xếp đặt các danh-từ ở Bảng kê tên, nhận nơi đây tất cả lòng thành-kính tri-ân của chúng tôi.

Đô-thành, sơ thu, năm Nhâm-dần (1962)

LÊ-KIM NGĂN

BẢNG KÊ NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT (*Sigles et abr éviations*)

✧ Viết tắt về các phạm trật

Từ nhất phạm đến cửu phạm, khi viết tắt, chúng tôi sẽ đánh bằng số 1 đến số 9, nếu là *chánh* thì thêm chữ *a*, *tòng* thì thêm chữ *b*, ngay sau con số chỉ phạm-tước.

Ti-dụ :

hàng 3a : là chánh tam phạm

hàng 5b : là tòng ngũ phạm

✧ Viết tắt về mặt trước và sau của một tờ trong sách chữ Hán

Trong sách chữ Hán, khi cần qui-chiếu về các trang, chúng tôi xin ước-định như sau :

a : chỉ mặt trước (xem từ phải sang trái)

b : chỉ mặt sau (xem từ phải sang trái)

Ti-dụ :

tờ 4a : nghĩa là tờ thứ tư, mặt trước

tờ 7b : nghĩa là tờ thứ bảy, mặt sau.

Con số chỉ phạm tước thường đặt sau chữ « hàng » (như hàng 3a), con số chỉ số trang thường đặt sau chữ « tờ » (ti-dụ : tờ 4a) nên không thể lẫn lộn với nhau được.

✧ Những chữ viết tắt khác trong tập tiểu-luận

BCC : *Binh chế chí* (xin xem ở mục sách tham-khảo)

BEFEO : *Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême — Orient*
(xin xem ở mục sách tham-khảo)

ĐVSKTL : *Đại-Việt sử-ký (bản kỷ) thực-lục*
(xin xem ở mục sách tham-khảo)

GOOTMD : *Governmental Organization of the Ming Dynasty*
(xin xem ở mục sách tham-khảo)

HĐTTSL : *Hiệu-định tấn thân sự-lục* (xin xem ở mục sách tham-khảo)

- J D A A : *La justice dans l'ancien Annam* (xin xem ở mục sách tham-khảo)
- K Đ V S T G C M : *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*
(xin xem ở mục sách tham-khảo)
- K M C : *Khoa-mục-chí* (xin xem ở mục sách tham-khảo)
- nb- : như bên
- nt- : như trên
- q. : quyền
- QCC, bản dịch: *Quan chức chí*, bản dịch của trường Luật Sài Gòn
(xin xem ở mục sách tham-khảo)
- QCC, bản chữ Hán: *Quan chức chí*, bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo Cổ Saigon (xin xem ở mục sách tham-khảo)
- Q T H L : *Quốc-triều hình-luật*, bản dịch của trường Luật
(xin xem ở mục sách tham-khảo)
- T F : *R. DES ROTOURS, Traités des fonctionnaires et de l'armée* (xin xem ở mục sách tham-khảo)
- tr. : trang
- X. : Xin xem



TIẾT I

VÀI NÉT ĐẠI-CƯƠNG VỀ CÁCH TỔ-CHỨC CHÍNH-QUYỀN TRUNG-ƯƠNG CỦA CÁC TRIỀU TRƯỚC LÊ-THÁNH-TÔNG

Đề vấn-đề này được nổi bật và mạch-lạc, ta sẽ lần lượt xét cách tổ-chức nền hành-chánh trung-ương, nền binh-bị trung - ương và các cơ-quan kiểm-soát qua các triều-đại từ nhà Ngô đến nhà Lê-sơ, nghĩa là trước triều vua Lê Thánh-tông.

Đoạn I : CÁC CƠ-QUAN THUỘC NỀN HÀNH-CHÁNH TRUNG-ƯƠNG

Các cơ-quan thuộc nền hành-chánh trung-ương gồm có :

- Những văn-phòng bên cạnh nhà vua.
- Các cơ-quan đầu não tại triều-đình.
- Các cơ-quan chuyên-môn.

I. — Những văn - phòng Ta có thể coi những cơ-quan sau đây là.
bên cạnh vua những cơ-quan trực thuộc ngay với vua

— Các tỉnh (1) gồm có : Thượng-thu-tỉnh, Trung-thu-tỉnh, Môn-hạ-tỉnh, Hoàng-môn-tỉnh và Nội-thị-tỉnh.

- Hàn-lâm-viện
- Bí-thư-giám.

A. — Các tỉnh

1. Thượng-thu-tỉnh

Thượng-thu-tỉnh bắt đầu được thiết-lập từ đời nhà Trần (1225—1400) (2). Lúc đó quan đứng đầu tỉnh này là Hành-khiển Thượng-thu, tức là chức Á-tướng, đứng hàng thứ nhì trong triều (3). Đến thời Lê-sơ, quan đứng đầu Thượng-thu-tỉnh là Thượng-thu-lệnh, cũng còn gọi là Mật-viện Tham-tri, tức cũng là chức Á-tướng (4).

Thượng-thu-tỉnh có nhiệm-vụ giúp Tề-tướng (5) điều-khiển bách

(1) Tỉnh 州 cũng đọc là *sảnh*, là danh-từ để chỉ một cơ-quan
Nghĩa đen là : công đường, nhà lớn để tiếp khách.

(2) QCC, bản dịch, tr. 16.

(3) QCC, bản dịch, tr. 62 và 64; TF. tr. 21. So với nhà Đường (618—907) bên Tàu thì quan đứng đầu tỉnh này là Thượng-thu-lệnh.

(4) QCC, bản dịch, tr. 22 ; TF. tr. 21 ; KĐVSTGCM, q. 15, tờ 23b.

(5) Tề tướng : quan đứng đầu triều.

quan và liên-lạc với Thượng-thư các bộ (1), nghĩa là coi sóc các việc liên-quan đến quan-chức (2)

2.— *Trung-thư-tỉnh*

Trung-thư-tỉnh bắt đầu có từ thời Lê-sơ, đứng đầu tỉnh này là Trung-thư-lệnh (3).

Trung-thư-tỉnh có nhiệm-vụ giúp vua ý-kiến, lời khuyên về các việc trọng-đại trong triều (4).

3.— *Môn-hạ-tỉnh*

Môn-hạ-tỉnh được thiết lập từ đời nhà Trần, nhưng nay ta không rõ quan đứng đầu tỉnh này trong thời Trần có chức gì (5). Thời Lê-sơ, quan đứng đầu Môn-hạ-tỉnh là Tri-tư-sự (6).

Môn-hạ-tỉnh là cơ-quan giữ ấn của nhà vua, có nhiệm-vụ chuyên lệnh của vua tới các quan, đệ tấu lên vua sự thi-hành về việc chuyên-lệnh của tỉnh này cùng điều-khiển những công việc liên-quan tới lễ-nghi trong cung (7)...

4.— *Hoàng-môn-tỉnh*

Hoàng-môn-tỉnh được lập từ thời Lê-sơ, quan đứng đầu có chức Thị-lang.

Hoàng-môn-tỉnh cũng là cơ-quan giữ ấn của vua, có lẽ có nhiệm-vụ giúp Môn-hạ-tỉnh (8).

5.— *Nội-thị-tỉnh*

Nội-thị-tỉnh cũng được thiết-lập từ thời Lê-sơ, quan đứng đầu là Đê-tri (9).

(1) QCC, bản dịch, tr. 62 và 64 ; TF, tr. 21.

(2) KĐVSTGCM, q. 15, tờ 23b.

(3) QCC, bản dịch, tr. 22.

(4) KĐVSTGCM, q. 15, tờ 23 b ; TF, tr. 174.

(5) QCC, bản-dịch, tr. 16.

(6) QCC, bản dịch, tr. 22.

(7) KĐVSTGCM, q. 15, tờ 23b ; TF, tr. 131.

(8) Theo TF, tr. 131 thì « *Hoàng-môn-tỉnh chỉ là tên gọi khác của Môn-hạ-tỉnh* ». Nhưng theo QCC, bản dịch, tr. 22, thì : « Môn-hạ-tỉnh và Hoàng-môn-tỉnh là hai cơ-quan riêng-biệt. Quan đứng đầu Hoàng-môn-tỉnh chỉ là chức Thị-lang, còn quan đứng đầu Môn-hạ-tỉnh là chức Tri-tư-sự, trên hàng Thị-lang và dưới quyền điều-khiển của Tri-tư sự lại có cả chức Thị-lang nữa. Do đó chúng tôi đoán rằng : Hoàng-môn-tỉnh là cơ quan phụ giúp cho Môn-hạ-tỉnh.

(9) QCC, bản dịch, tr. 24.

đó chính là chức Tề-tướng vậy. Đến nhà Lý (1010-1225), thay bằng Phụ Quốc Thái Úy và gia thêm những chữ Kiềm Hiệu Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự. Nhà Trần (1225-1400) đặt hai quan đứng đầu triều là Tả, Hữu Tướng Quốc, gia thêm danh-hiệu là Kiềm Hiệu Đặc Tiến Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty Bình Chương Sự. Thời Lê-sơ, vua Lê Thái-tổ (1428-1433) đổi là Tướng Quốc và gia thêm danh-hiệu là Kiềm Hiệu Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự (1).

2.— Á-tướng.

Á-tướng là quan đứng thứ nhì tại triều. Thời nhà Lý, chức Á-tướng là Tả, Hữu Tham Tri Chính Sự (2). Nhà Trần gọi là Tả, Hữu Bộc Xạ, thường lấy quan Hành-khiển Thượng-thư giữ chức này (3). Thời Lê-sơ, thay bằng Mật-viện Tham-tri (4).

Á-tướng có nhiệm-vụ giúp Tề-tướng điều-khiển mọi việc trong nước (tức là Phó-tướng) (5).

B.— Chính-sự-viện và Nội-mật-viện

1.— Chính-sự-viện.

Chính-sự-viện bắt đầu được thiết lập từ thời Lê-sơ. Viện này có các quan văn võ đại-thần tham dự và có nhiệm-vụ coi xét các việc trọng đại trong chính-phủ. Đứng đầu viện này là Chính-sự-viện Thượng-thư (6).

2.— Nội-mật-viện hay Khu-mật-viện.

Khu-mật-viện được lập từ thời nhà Lý, có quan Tả, Hữu Sứ đứng đầu, trông coi việc binh. Thời Trần, đặt quan Khu-mật-viện Tham Nghị Triều Sự đứng đầu, có nhiệm-vụ xem xét những việc mật trong triều. Đầu nhà Lê vẫn theo như nhà Trần, nhưng đổi tên Khu-mật-viện là Nội-mật-viện (7), đặt chức Chánh-sứ đứng đầu và Phó-sứ đứng thứ nhì (8).

Như vậy, ta thấy rõ Chính-sự-viện có tính cách rộng rãi, bao gồm nhiều quan văn võ đại-thần để xem xét mọi việc trọng đại, còn Nội-mật-viện hay Khu-mật-viện có tính cách thu hẹp, chỉ gồm một số quan thân-cận nhà vua và chỉ bàn tới các việc cơ-mật trong triều.

(1) QCC, bản dịch, tr. 60.

(2) QCC, bản dịch, tr. 60.

(3) QCC, bản dịch, tr. 64.

(4) QCC, bản dịch, tr. 60.

(5) QCC, bản dịch, tr. 60.

(6) QCC, bản dịch, tr. 22.

(7) QCC, bản dịch, tr. 64.

(8) QCC, bản dịch, tr. 22.

C.— Các bộ

Đời Lý, tuy đã đặt chức Thượng-thư, nhưng tên bộ chưa có phân-định rõ ràng. Đến đời Trần, ta cũng chưa biết rõ có mấy bộ, chỉ biết chắc là có 4 bộ sau đây : Hình, Lại, Binh và Hộ (1). Đến thời Lê-sơ, vua Lê Thái-tổ chỉ đặt ra 3 bộ là : bộ Lại, bộ Lễ và bộ Dân (tức bộ Hộ) (2) Khi Nghi Dân cướp ngôi, mới đặt đủ cả 6 bộ là : Lại, Lễ, Hộ, Binh, Hình và Công (3). Đứng đầu mỗi bộ đều đặt chức Thượng-thư (4).

Nhiệm-vụ của các bộ này đều giống như thời Hồng-đức, nên ta sẽ xét sau.

III.— Các cơ-quan chuyên-môn

Đề phụ giúp công việc cho các cơ-quan đầu não tại triều đình, các vua ta còn đặt những cơ-quan chuyên môn

như :

- Quốc-sử-viện
- Thái-chức-viện
- Quốc-tử-giám
- Các cơ-quan coi về hình án (Đình-úy-ty và Ngũ-hình-viện)
- Ngự-tiền tam cuộc

A.— Quốc-sử-viện

Quốc-sử-viện bắt đầu được thiết-lập từ đời nhà Trần (5). Lúc đó ta không rõ quan đứng đầu viện này là ai. Đến đời Lê-sơ, vua Thái-tổ đặt quan Tu Soạn đứng đầu viện này (6).

Quốc-sử-viện có nhiệm-vụ soạn sử (7).

B.— Thái-chức-viện

Nhà Trần bắt đầu lập ra Thái-chức-viện (8). Thời Lê-sơ đời là

(1) QCC, bản dịch, tr. 64

(2) QCC, bản dịch, tr. 22 chép là : « Lúc đầu mới đặt hai bộ : bộ Lại và bộ Lễ ». Nhưng theo sách *Dư-dịa-chỉ* của Nguyễn Trãi viết năm 1435, thì bấy giờ đã có Dân-bộ, tức là bộ Hộ rồi, trong câu : « (nhà vua) bèn sai Dân-bộ biên vào chính-thư » (bản dịch của Phan Duy-Tiếp, tr. 23).

(3) QCC, bản dịch, tr. 64 ; KĐVSTGCM, q. 19, tờ 2a.

(4) QCC, bản dịch, tr. 62 và 64.

(5) QCC, bản dịch, tr. 16.

(6) QCC, bản dịch, tr. 24.

(7) VŨ QUỐC THÔNG, *Pháp chế sử*, bản quay ronéo, tr. 38 và theo tự nghĩa.

(8) QCC, bản dịch, tr. 16. Lúc đó không rõ quan đứng đầu viện này là ai.

Thái-sử-viện, đặt quan Thái-sử-lệnh đứng đầu (1).

Thái-chức-viện có nhiệm-vụ trông coi, xếp đặt các bài vị tổ tiên (thần chủ 神主) trong việc cúng tế và cử người quỳ đọc văn tế (2).

C. — Quốc-tử-giám

Đầu thời Lý có đặt Quốc-tử-giám, nhưng tên quan-chức của cơ quan này, nay ta không rõ. Đời nhà Trần, đặt chức Tư-nghiệp đứng đầu giám này. Thời Lê-sơ, đặt chức Tế-tửu đứng đầu và các quan Trực-giảng, Bác-sĩ, Giáo-thụ giúp việc (3).

Quốc-tử-giám có nhiệm-vụ trông coi việc giáo-dục trong nước (4).

D. — Các cơ-quan coi về hình-án

Có hai cơ-quan chuyên môn coi về hình-án là :

- Đình-úy-ty
- và Ngũ-hình-viện.

1. — Đình-úy-ty

Đầu nhà Trần đặt ra viện Đãng-văn, có quan Kiểm-pháp đứng đầu. Đến đời Thiệu-phong (1341-1357), nhà vua mới đổi là Đình-úy-ty, đặt chức Đình-úy đứng đầu. Thời Lê-sơ vẫn đề như vậy (5).

Đình-úy-ty có nhiệm-vụ tra hỏi những án hệ-trọng mà có điều nghi ngờ (6).

2. — Ngũ-hình-viện

Ta không rõ tình trạng các tòa án trong các đời trước nhà Trần như thế nào. Đến đời nhà Trần, có đặt Thâm-hình-viện (7). Thời Lê-sơ, vua Thái-tổ thiết lập Ngũ-hình-viện, gồm có 5 viện là : Thâm-hình, Tả-hình, Hữu-hình, Tường-hình và Tư-hình (8). Nay vì thiếu tài liệu nên ta không rõ nhiệm-vụ cùng cách tổ-chức của mỗi viện như thế nào, chỉ biết rằng Ngũ-hình-viện đặt ra cốt đề trông coi việc hình án (9).

E. — Ngự-tiền tam cuộc

Ngự-tiền tam cuộc là cuộc (10) trông coi về việc binh của nhà

(1) QCC, bản dịch, tr. 24.

(2) TF, tr. 320.

(3) QCC, bản dịch, tr. 74.

(4) VŨ QUỐC THÔNG, *Pháp chế sử*, bản quay ronéo tr. 38.

(5) QCC, bản dịch, tr. 76.

(6) QCC, bản dịch, tr. 76.

(7) QCC, bản dịch, tr. 16.

(8) QCC, bản dịch tr. 24.

(9) Theo tự nghĩa.

(10) Cuộc : danh từ dùng để chỉ một cơ sở.

vua. Ba cuộc ấy là : Cận-thị, Chi-hậu và Học-sĩ (1).

Nay không rõ ba cuộc này có nhiệm-vụ riêng biệt nhau thế nào.

Đoạn 2 : NỀN BINH-BỊ TRUNG-ƯƠNG

Đề hiểu rõ cơ-cấu tổ-chức binh-bị của các triều-đại trước Lê Thánh-tông, ta có thể xét mấy điểm sau :

- Tổng quát về tổ-chức quân-đội
- Ban chỉ-huy
- Cách tổ-chức quân-đội tại kinh-đô và các đạo.

I. — Tổng-quát về tổ-chức quân-đội. Đời nhà Đinh (968 — 980), vua Đinh Tiên-hoàng đặt ra Thập-đạo-quân : một đạo có mười quân, một quân có mười lữ, một lữ có mười tốt, một tốt có 10 ngũ, một ngũ có 10 người (2).

Ta không rõ cách tổ-chức quân-đội đời Tiền Lê (980 — 1009) ra sao, chỉ biết một cách mơ hồ rằng vua Lê Đại-hành « sửa sang việc quân ngũ, chia các tướng hiệu ra làm hai ban » (3).

Đời Lý, quân lính được « chia ra thành từng giáp, mỗi giáp có 15 người dùng một người làm quản giáp » (4). Còn về quân Cấm-vệ (5) thì gồm có 10 quân, mỗi quân gồm 200 người (6).

Đời Trần, vua Trần Thánh-tông (1258 — 1278) « sửa lại quân ngũ, mỗi quân có 30 đô, mỗi đô có 80 người » (7). Vua Duệ-tông (1373 — 1377) lại đặt ở mỗi quân một Đại-đội-trưởng và Đại-đội-phó làm tướng (8).

Đời Hồ (1400 — 1407), Hồ Hán-Thương đặt ra Nam-Bắc quân ban có 12 vệ và Đông-Tây quân có 8 vệ. Mỗi vệ có 18 đội, mỗi đội có 18 người. Đại quân có 30 đội, Trung-quân có 20 đội, Doanh có 15 đội, đô Cấm-vệ có 5 đội, tất cả đều thuộc quyền thống-lĩnh của vị Đại-tướng quân (9).

(1) QCC, bản dịch tr. 24.

(2) BCC, q. 39, tờ 2b.

(3) BCC, q. 39, tờ 2b và 3a.

(4) BCC, q. 39, tờ 3a.

(5) Quân Cấm-vệ : cũng gọi là Cấm-quân hay Thân-quân, là quân thân cận nhà vua, để bảo vệ cung cấm và hộ-giá.

(6) BCC, q. 39, tờ 3b.

(7) BCC, q. 39, tờ 4a.

(8) BCC, q. 39, tờ 5a.

(9) BCC, q. 39, tờ 6a.

Thời Lê-sơ, vua Lê Thái-tử khi dẹp xong giặc Minh, « cho 15 vạn lính về làm ruộng, chỉ lưu lại 10 vạn người tại ngũ, đặt thành 5 đạo Vệ-quân, gọi là các đạo Đông, Tây, Nam, Bắc và Hải-tây. Mỗi vệ đều đặt chức Tổng-quản » (1).

II.— Ban chỉ-huy Thời Đinh, vua Đinh Tiên-hoàng đặt quan Thập-đạo Tướng-quân đứng đầu hàng võ đề thống-lĩnh, chỉ-huy quân-đội toàn quốc (2). Còn ban chỉ-huy gồm có những vị quan nào, nay ta không rõ.

Thời Tiền-Lê, chức Đô-chỉ-huy-sứ là quan chỉ-huy quân-đội toàn quốc (3).

Thời Lý chức quan đứng đầu hàng võ là Đô-thống. Ban chỉ-huy có lẽ gồm những cấp quan võ lớn tại kinh-đô như: Nguyên-sứ, Tổng-quản Khu-mật-sứ, Khu-mật Tả Hữu Sứ, Tả Hữu Kim-ngô Thượng-tướng, Đại-tướng, Đô-tướng, các Vệ Tướng-quân, Chỉ-huy-sứ (4).

Thời Trần, chức Phiêu-ky Thượng Tướng-quân (do Hoàng-tử giữ) thống-lĩnh quân-đội toàn-quốc. Nhưng khi có giặc, nhà vua giao việc chỉ huy quân-đội toàn quốc cho người có tài trong hoàng-tộc, như trường hợp Hưng-đạo vương Trần Quốc-Tuấn được phong làm Quốc-công (5) tiết-chế thống-lĩnh quân đội toàn quốc khi nước bị giặc Nguyên xâm lăng năm 1283 (6).

Theo thề-chế nhà Trần, chức Thượng và Đại-Tướng-quân thường thuộc cấp chỉ-huy như Cấm-vệ Thượng Tướng-quân, Kim-ngô-vệ Đại Tướng-quân... Ban chỉ-huy ở thời này cũng gồm có các cấp quan võ lớn cầm quân tại triều-đình như Cấm-vệ Thượng Tướng-quân, Kim-ngô-vệ Đại Tướng-quân, Thân-vệ Tướng-quân... (7)

Thời Hồ, Hồ Hán-Thương giao quyền thống-lĩnh cho vị Đại Tướng-quân (8). Còn ban chỉ-huy có lẽ cũng gồm có các vị quan võ như ở đời nhà Trần.

(1) BCC, q. 39, tờ 6b.

(2) BCC, q. 39, tờ 2b; QCC, bản dịch, tr. 6.

(3) QCC, bản dịch tr. 6.

(4) QCC, bản dịch, tr. 10.

(5) Theo chế độ nhà Trần, người nào lấy tư cách Thân-vương vào triều làm quan văn thì xưng là « công ». Quốc - Tuấn lấy tư cách Thân-vương làm tướng võ, nên được gia thêm chữ « quốc » ở trên và được phong là « quốc-công » (theo KĐVSTGCM, q. 7, tờ 29b).

(6) KĐVSTGCM, q. 7, tờ 29a).

(7) QCC, bản dịch, tr. 16.

(8) BCC, q. 39, tờ 5a.

Thời Lê-sơ, ta không thấy sách nào nói tới vị quan thống-lĩnh quân-đội toàn quốc, có lẽ chức này do vua đảm-nhiệm.

Còn ban chỉ-huy thì gồm có các quan Đại Tổng-quản, Đại Đô-đốc, Đô Tổng-quản của các Vệ-quân 5 đạo làm đầu, rồi đến Tổng-quản, Đô-đốc, Đồng Tổng-quản, Đồng Tổng-binh giúp ý-kiến (1).

III.— Cách tổ-chức quân-đội tại kinh-sư và ngoài các đạo.

A.— Tổ-chức quân-đội tại kinh-sư

Thời Đinh, ta không rõ cách tổ-chức quân-đội tại kinh-sư như thế nào.

Thời Tiền Lê, vua Lê Đại-hành « đặt quân Túc-vệ, gọi là Thân-quân ; mọi quân lính trong Thân-quân đều khắc ba chữ « Thiên-tử-quân » vào trán » (2).

Thời Lý, có đặt quân Tả, Hữu Túc-xa (3), mỗi bên có 500 người, và 10 Vệ Điện-tiền Cấm-quân là : 1 — Quảng-thánh, 2 — Quảng-vũ, 3 — Ngự-long, 4 — Bồng-hạt, 5 — Trùng-hải, mỗi vệ này đều chia làm Tả Vệ và Hữu Vệ, cho binh lính làm nhà ở vòng quanh Cấm-thành (4).

Thời Trần, quân lính tại kinh-sư gồm có Cấm-quân và Cấm-vệ. Cấm-quân thường được cử đi giúp sức các lộ đề bắt giặc cướp (5); còn quân Cấm-vệ là quân hầu-cận bên vua.

Những Cấm-quân nhà Trần có binh-hiệu như sau (6) :

Tứ-thiên	Tứ-thánh	Tứ-thần
(do vua Thái-Tông (1225-1258) đặt)		
Vũ-tiếp	Thiết-ngạch	Uy-tiếp
(do vua Anh-Tông (1293-1314) đặt)		
Bảo-tiếp	Long-dực	Long-tiếp
Tả-ban	Hữu-ban	Thần-dực
(do vua Duệ-tông (1374-1377) đặt)		
Thiên-uy	Hoa-ngạch	Thị-vệ
Thần-vũ	Thiết-thương	Thiết-giáp
Thiết-liêm	Thiết-hồ	Ô-thổ

(1) QCC, bản dịch, tr. 24.

(2) BCC, q. 39, tờ 3a.

(3) Quân Túc-xa : quân hộ giá di bằng xe.

(4) BCC, q. 39, tờ 3a.

(5) KĐVSTGCM, q. 10, tờ 14a.

(6) Bảng này chép trong BCC, q. 39, tờ 5a.

Mỗi quân có 30 đô, mỗi đô có 80 người (1).

Những đô Cấm-vệ thời nhà Trần có binh-hiệu là (2) :

Thượng-chân đô	Thủy-dạ-thoa-đô	Chân-kim đô
Toản-kim-đô	Phù-liễn đô	

Thời Hồ, đặt đô Cấm-vệ ở kinh-sur gồm có 5 đội, mỗi đội 18 người. Ngoài ra còn có Nam Bắc quân-ban và Đông Tây quân ở sau điện (Nam Bắc quân ban gồm có 4.320 người và Đông Tây quân có 2.800 người) (3).

Thời Lê-sơ, tại kinh-sur, vua Lê Thái-tồ lập sáu quân Ngự-tiền để bảo-vệ vua (4) và một Ngự-tiền vũ-đội để túc-trực hầu-vệ nhà vua (5).

Sáu quân Ngự-tiền có binh-hiệu là : 1.— Ngự-tiền võ-sĩ, 2.— Ngự-tiền trung-quân, 3.— Tả, Hữu, Tiền, Hậu Dực-thánh-quân (6), 4.— Phụng-thánh quân, 5.— Thời-lôi quân, 6.— Bảo-ứng quân (7).

Ngự-tiền vũ-đội chính là quân Túc-vệ. Tướng-hiệu ở các vệ quân khác, hễ ai phạm lỗi thì bị sung vào Ngự-tiền vũ-đội. Đứng đầu Ngự-tiền vũ-đội là quan Tổng-quản (8).

B.— Tổ-chức quân tại các đạo (9).

Thời Đinh, có lẽ Đinh Tiên-hoàng chia nước ta làm 10 đạo nên mới đặt ra Thập-đạo quân (10).

Ta không rõ nhà Tiền Lê qui-định quân-chế các đạo ra sao.

Thời Lý, ta cũng không có đủ tài-liệu để biết rõ cách tổ-chức quân-đội của triều-đại này ở các lộ thể nào, chỉ biết rằng năm Trị-bình Long-ứng thứ ba (1.207), vì giặc cướp nổi lên như ong, nên vua Lý Cao-tông (1.176 - 1.210) phải hạ chiếu « *tuyên trong nam-*

(1) BCC, q. 39, tờ 5a.

(2) BCC, q. 39, tờ 5b.

(3) BCC, q. 39, tờ 6a.

(4) BCC q. 30, tờ 6b và theo tự-nghĩa.

(5) KĐVSTGCM, q. 18, tờ 4a.

(6) Quân-hiệu này nếu viết tách ra là : Tả Dực-thánh quân, Hữu Dực-thánh quân, Tiền Dực-thánh quân, và Hậu Dực-thánh quân .

(7) BCC, q. 39, tờ 6b ; KĐVSTGCM, q. 16, tờ 2a và b.

(8) BCC, q. 39, tờ 6b ; KĐVSTGCM, q. 18, tờ 4a.

(9) Lý ra, đoạn này không thuộc tổ-chức binh-bị trung-ương nhưng vì tính cách thuần-nhất của tổ-chức binh-bị toàn-quốc của các triều, nên ta cũng xét sơ qua vấn-đề « tổ-chức quân tại các đạo » ở đây.

(10) BCC, q. 39, tờ 2b và theo suy đoán.

đinh, lấy những người khoẻ mạnh sung vào quân-đội, đặt dưới quyền cai-quản của quan các lộ đề đi dẹp giặc » (1).

Thời Trần, có các lộ-quân sau (2) :

— Vua Trần Thái-tông đặt ra các lộ-quân sau :

Thiên-thuộc	Thiên-chính	Chương-thánh
Cung-thần	Tả Thánh-dực	Hữu Thánh-dực
(lộ Sơn-nam)		(lộ Hải-dương)
Thánh-dực	Thần-sách	

(lộ Thanh-hóa và Sơn-nam hạ)

Mỗi lộ đều có đặt 20 Phong-đoàn đô đề đi bắt trộm cướp.

— Sau vua Duệ-tông đặt thêm Bình-hải quân (ở lộ An-quảng), mỗi quân đều có đội, ngũ. Bình-hải quân gồm có quân ở

Thiên-trường	Bắc-giang	Thanh-hóa
Nghệ-an	Lâm-bình	Thuận-hóa

Thời Hồ, ta không rõ cách tổ-chức quân-đội ở ngoài kinh - sư ra sao.

Thời Lê-sơ, vua Lê Thái-tổ chia nước làm 5 đạo, mỗi đạo đều đặt Vệ-quân là : Đông, Tây, Nam, Bắc và Hải-tây. Mỗi vệ đều đặt chức Tổng-quản đứng đầu (3).

(1) KĐVSTGCM, q. 5, tờ 31a và b.

(2) Bảng này lấy ở BCC, q. 39, tờ 5b.

(3) BCC, q. 39, tờ 6b ; QCC, bản dịch, tr. 20. Trong *Dư-địa chí* của Nguyễn Trãi, bản dịch của PHAN DUY TIẾP, trang 22 có chép : « Bản triều thống-nhất, chia thiên hạ làm 15 đạo, gồm có 56 phủ ».

Theo thiên ý, chúng tôi e rằng sách này bị người đời sau sửa chữa, thêm chữ « thập » (+) trước chữ « ngũ » (五). Thực vậy, có rất nhiều chứng cứ chân xác chứng tỏ cuốn *Dư-địa chí* đã bị sửa đổi và thêm bớt. Ông Hồ văn Tấn, người hiệu-định và chú-thích cuốn *Dư-địa chí* trên, đã xác nhận điểm này trong đoạn sau : « Ngoài những chỗ sửa chữa tên các phủ huyện còn có vài chỗ khiến ta phải ngờ-vực tính-cách xác-thực của sách *Dư-địa chí* ; chẳng hạn như về Nam-giới (Quảng-nam), trong lời cần-án đã chép đủ các tên phủ huyện của đạo này. Thực ra, mãi đến năm Lê Thành-tông đánh Chiêm chiêm đất mới đặt thêm đạo Quảng-nam, sách *Dư-địa chí* viết năm 1435, trước khi chiếm được đất này những ba mươi sáu năm, không thể chép rõ về phủ này được » (*Dư-địa chí*, bản dịch của PHAN DUY TIẾP, tr. 13).

Vả lại, trong chính sử cũng như trong các sách khác, không có cuốn nào ghi rằng vua Thái-tổ nhà Lê đã chia nước ta làm 15 đạo cả.

Hơn nữa, trong B.E.F.E.O, L. AUROUSSEAU khi phê-bình cuốn *Histoire moderne et contemporaine du pays d'Annam* của Charles B. Maybon, trong bản liệt-kê địa-khu hành-chánh, giữa trang 86-87, quyền

Đoạn 3 : CÁC CƠ-QUAN KIỂM-SÁT.

Các cơ-quan kiểm-sát gồm có các khoa và Ngự-sử-đài.

I. — Lục-khoa

Lần đầu tiên ở nước ta, Nghi Dân (1459 - 1460) đặt ra 6 khoa để kiểm-sát công việc của 6 bộ. Sáu khoa đó là : 1. — Trung-thư-khoa, 2. — Hải-khoa, 3. — Đông-khoa, 4. — Tây-khoa, 5. — Nam-khoa, và 6. — Bắc-khoa (1).

Nhiệm-vụ của các khoa này giống như dưới triều vua Lê Thánh-tông, nên chúng ta sẽ xét tới sau.

số 4, tome XX, năm 1920, đã ghi chú rõ ràng về 5 đạo như sau :

I. — Đạo	}	Lạng-giang	
Septentrional		Bắc-giang	
比道		Thái-nguyên	
II. — Đạo	}	Tuyên-quang	
Occidental		Hưng-hóa	
西道		Gia-hưng	
		Tam-giang	
II. — Đạo	}	An-bang	
Oriental		Hồng-sách supérieur	洪策上
東道		Hồng-sách inférieur	洪策下
C A P I T A L	}	deux circonscriptions	Quảng-đức
Thăng-Long			Vĩnh-xương
	}	Lị-nhân	
IV. — Đạo		Khoái-châu	
Méridional		Tân-hưng	
南道		Kiến-xương	
		Thiên-trường	
V. — Đạo	}	Thanh-hóa	
à l'ouest de		Nghệ-an	
la mer		Tân-bình	
海南道		Thuận-hóa	

Như vậy thiết tưởng ta không còn ngờ-vực gì về việc chia nước làm 5 đạo này của vua Lê Thái-tổ nữa.

(1) KĐVSTGCM, q. 19, tờ 2a.

Sau vua Lê Thánh-tông đổi sáu khoa này như sau :

- Trung-thư-khoa làm Lại-khoa
- Hải-khoa làm Hộ-khoa
- Đông-khoa làm Lễ-khoa
- Nam-khoa làm Binh-khoa
- Tây-khoa làm Hình-khoa
- Bắc-khoa làm Công-khoa (theo KĐVSTGCM, q. 19, tờ 30).

II. — Ngự-sử-đài (1)

Thời Trần lập Ngự-sử-đài và đặt các quan Thị Ngự-sử, Giám-sát Ngự-sử, Ngự-sử Trung-tán... trông coi mọi công việc trong đài.

Đầu đời Lê, theo quy-chế nhà Trần, vua Lê Thái-tổ đặt Ngự-sử-đài, với quan đứng đầu là Đô Ngự-sử (2).

Ngự-sử-đài đời Trần cũng như đời Lê-sơ đều có nhiệm-vụ khuyến-cáo những lỗi lầm của vua và đàn-hặc các quan lại phạm tội.

Thực vậy, để xác-nhận nhiệm-vụ trên của Ngự-sử-đài, vua Lê Thái-tổ, khi đặt ra Ngự-sử-đài, đã ban tờ chiếu cho các quan trong đài, đại ý như sau : « *Thấy trăm có chính-sự hà-khắc làm hại dân, thưởng phạt không đúng phép và quan lại lớn bé chẳng chịu theo phép thì nên mau dâng sớ đàn-hặc. Nếu ai nề-nang buông túng, chỉ nhằm nói những việc nhỏ nhặt và bắt bóng gió, nói càn thì phải chịu tội* » (3).

x

x x

Ta có thể tóm tắt sự biến chuyển qua các triều-đại của những cơ-quan trên trong những bảng sau đây (tr. 15 - 19).

KẾT LUẬN

Lược qua cách tổ-chức chính-quyền trung-ương của các triều-đại trước Lê Thánh-tông, chúng ta nhận thấy mấy điểm sau :

1— Vì vừa mới giành được chính-quyền trong tay người Tàu, các triều-đại Ngô và Đinh chưa kịp tổ-chức lại triều-chính thì đã mất, nên tổ-chức chính-quyền còn lỏng lẻo, quá sơ-sài. Đến nhà Lý, nước ta tương-đối yên bình, cơ-nghiệp nhà Lý lại không mấy bị đe dọa nên các vua triều Lý kế tiếp nhau chỉnh-đốn lại bộ máy cai-trị, nhưng vì nhu-cầu nhân dân ta lúc đó không đòi hỏi nhiều cải-tổ mới nên guồng máy chính-quyền bấy giờ chưa được tinh-tế và quy-củ mấy. Tới đời Trần, các vua triều Trần hết phải lo chống nhau với quân

(1) Đài : tên chỉ cơ-quan. Nghĩa đen : cái nhà làm cao có thể đứng trông ra xa được.

(2) QCC, bản dịch, tr. 66.

(3) KĐVSTGCM, q. 15, tờ 19b — 20a.

**BẢNG KÊ CÁC CƠ-QUAN THUỘC VĂN-PHÒNG BÊN CẠNH
VUA QUA CÁC TRIỀU-ĐẠI TRƯỚC LÊ THÁNH-TÔNG**

	Ngô (939-965)	Đinh (968-965)	Tiền Lê (980-1009)	Lý (1010-1225)	Trần (1225-1400)	Hồ (1400-1407)	Lê-sơ (1428-1460)
Các tỉnh					Thượng thư tỉnh (Hành khiển thượng thư)	-nb-	Thượng thư tỉnh (Mặt viện tham tri)
							Trung thư tỉnh (Trung thư lệnh)
					Môn hạ tỉnh (không rõ)	-nb-	Môn hạ tỉnh (Tri tư sự)
							Hoàng môn tỉnh (Thị lang)
							Nội thị tỉnh (Đô-tri)
Hàn lâm viện				Hàn lâm viện (Hàn lâm học-sĩ)	Hàn lâm viện (Hàn lâm Phụng chỉ)	-nb-	Hàn lâm viện (Hàn lâm Đại-học sĩ)
Bí thư giám							Bí thư giám (Học-sĩ)

⇒ những chữ ở trên chỉ cơ quan.

⇒ những chữ trong dấu ngoặc đơn chỉ vị quan đứng đầu cơ quan viết ngay trên: chữ (không rõ) trong dấu ngoặc đơn chỉ: không rõ vị quan đứng đầu cơ quan đó.

⇒ Ô trắng chỉ: không có.

⇒ chữ "không rõ" không có ngoặc đơn, chiếm trọn một ô chỉ: vì thiếu tài liệu nên không biết dưới triều ấy có cơ quan đó không.

**BẢNG KÊ NHỮNG CƠ-QUAN ĐẦU NÃO TẠI TRIỀU ĐÌNH
QUA CÁC TRIỀU-ĐẠI TRƯỚC LÊ THÁNH-TÔNG**

-nb- là như bên cạnh ; -nt- là : như trên.

Ngô (939-965)	Đinh (965-980)	Tiền Lê (980-1009)	Lý (1010-1225)	Trần (1225-1400)	Hồ (1400-1407)	Lê - sơ (1428 - 1460)	
						(1428 - 1458)	(1457 - 1460)
không rõ	không rõ	Tổng Quản Tri Quân Dân	Phụ Quốc Thái Úy	Tả Hữu Tướng Quốc	-nb-	Tướng Quốc	-nb-
không rõ	không rõ	không rõ	Tả Hữu Tham Tri Chính sự	Tả Hữu Bộc Xạ	-nb-	Mặt-viện Tham tri	-nb-
						Chính-sự viện (Chính-sự viện Thượng	-nb-
			Khu mật viện (Tả, Hữu sự)	Khu mật viện (Khu mật viện Tham Nghị Triều Sự)	-nb-	thư) Nội mật viện (Chánh-sứ)	-nb-
không rõ	không rõ	không rõ	không có tên bộ rõ ràng	Lại bộ (Thượng- thư)	-nb-	Lại-bộ (Thượng thư)	Lại-bộ (Thượng thư)
-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	Binh-bộ (Thượng thư)	-nt-		Binh-bộ (Thượng thư)
-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	Hình-bộ (Thượng thư)	-nb-		Hình bộ (Thượng thư)
-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	Hộ-bộ (Thượng thư)	-nb-	Dân bộ (Thượng thư)	Hộ bộ (Thượng thư)
-nt-	-nt-	-nt-	-nt-			Lễ bộ (Thượng thư)	Lễ bộ (Thượng thư)
-nt-	-nt-	-nt-	-nt-				Công bộ (Thượng thư)

**BẢNG KÊ NHỮNG CƠ QUAN CHUYÊN MÔN QUA CÁC TRIỀU
ĐẠI TRƯỚC LÊ THÁNH-TÔNG**

Triều đại cơ quan	Ngô (939-963)	Đinh (968-980)	Tiền Lê (980-1009)	Lý (1010-1225)	Trần (1225-1400)	Hồ (1400-1407)	Lê-sơ (1428-1460)
Quốc Sử Viện				không rõ	Quốc sử viện (không rõ)	-nb-	Quốc sử viện (Tu-soạn)
Thái Chức Viện					Thái chức viện (không rõ)	-nb-	Thái sử viện (Thái-sử lệnh)
Quốc tử Giám				Quốc tử- giám (không rõ)	Quốc tử- giám (Tu-Nghiệp)	-nb-	Quốc tử- giám (Tế-tửu)
Cơ quan coi về hình án	không rõ	không rõ	không rõ	không rõ	Đặng-văn-viện (Kiềm pháp) Sau đời : Đình-úy-ty (Đình-úy)	-nb-	Đình-úy-ty (Đình-úy)
					Thâm hình viện (không rõ)	-nb-	Ngũ hình-viện 1- Thâm hình (Lang-trung) 2- Tả hình (Lang-trung) 3- Hữu hình (Lang-trung) 4- Trường hình (Lang-trung) 5- Tư hình (Lang trung)
Viện coi về việc binh của nhà vua	không rõ	không rõ	không rõ	không rõ	không rõ	không rõ	Ngự-tiền tam cuộc (không rõ)

BẢNG KÊ TỜ-CHỨC BINH BỊ QUA CÁC TRIỀU - ĐẠI TRƯỚC LÊ THÁNH - TÔNG

	Đinh (968-980)	Tiền Lê (980-1009)	Lý (1010 - 1225)	Trần (1225 - 1400)	Hồ (1400 - 1407)	Lê-sơ (1459 - 1460)
<p>Tổng quát về tổ-chức Quân-đội</p>	<p>có 10 đạo quân</p> <p>1 đạo = 10 quân</p> <p>1 quân = 10 lữ</p> <p>1 lữ = 10 tốt</p> <p>1 tốt = 10 ngũ</p> <p>1 ngũ = 10 người</p>	không rõ	<p>- đơn-vị cuối cùng là giáp, 1 giáp = 15 người (đứng đầu : quản giáp)</p> <p>- Quân Cấm vệ có 10 quân ; 1 quân = 200 người</p>	<p>1 quân = 30 đô</p> <p>1 đô = 80 người</p> <p>Đứng đầu quân là Đại đội - trưởng</p>	<p>Quân gồm nhiều vệ</p> <p>1 vệ = 18 đội</p> <p>1 đội = 18 người</p> <p>Đại quân = 30 đội</p> <p>Trung quân = 20 đội</p> <p>Doanh = 15 đội</p> <p>Cấm vệ đô = 5 đội</p>	<p>- Lưu lại 10 vạn quân tại ngũ.</p> <p>- Đặt 5 vệ quân, mỗi vệ có Tổng-quản đứng đầu</p>
<p>BAN CHỈ-HUY</p> <p>Quan đứng đầu quân-đội</p>	Thập đạo Tướng quân	Đô chỉ-huy sứ	Đô Thống	Phiêu kỵ Thượng Tướng Quân hay Quốc công	Đại Tướng quân	không rõ
Ban chỉ huy	không rõ	không rõ	<p>- Nguyên-sứ</p> <p>- Tổng quản Khu Mật Sứ</p> <p>- Tả Hữu Kim Ngô</p> <p>- Thượng tướng Đại tướng</p> <p>- Đô tướng</p> <p>- Các Vệ Tướng Quân</p> <p>- Chỉ Huy Sứ</p>	<p>- Thượng Tướng Quân</p> <p>- Đại Tướng Quân</p> <p>- Tướng Quân</p>	-nb-	<p>- Đại Tổng Quân</p> <p>- Đại đô-đốc</p> <p>- Đô Tổng Quân</p> <p>...</p>
Tổ-chức quân ngũ tại kinh sư	không rõ	Thân-quân có khắc ở trán «Thiên tử-quân»	<p>- Tả Hữu Túc xa</p> <p>- 10 vệ Điện Tiền</p> <p>- Cấm-quân</p>	<p>- Cấm-quân</p> <p>- Cấm vệ</p>	<p>- Cấm vệ đô có 5 đội ; 1 đội = 18 người</p> <p>- Nam Bắc quân</p> <p>- Đông Tây quân</p>	<p>- Ngự tiền lục quân</p> <p>- Ngự tiền vũ-đội</p>
Tổ-chức quân kinh sư	có lệ chia nước làm 10 đạo	không rõ	không rõ	<p>- Đặt các lộ quân ở các lộ</p> <p>- Mỗi lộ còn đặt 20 Phong-đoàn-đô</p> <p>- Lại đặt thêm Bình-hải-quân bao gồm quân nhiều lộ</p>	không rõ	<p>- Đặt 5 vệ quân ở 5 đạo.</p> <p>- Mỗi vệ đều có Tổng Quân đứng đầu</p>

**BẢNG KÊ CÁC CƠ QUAN KIỂM-SÁT QUA CÁC TRIỀU-ĐẠI
TRƯỚC LÊ THÁNH-TÔNG**

Ngô (939 - 965)	Đinh (968-980)	Tiền Lê (980-1009)	Lý (1010-1225)	Trần (1225-1400)	Hồ (1400-1407)	LÊ - SƠ (1428 - 1460)	
						(1428-1458)	(1459-1460)
							Trung thư khoa (không rõ)
							Hải-khoa (không rõ)
							Đông khoa (không rõ)
							Tây-khoa (không rõ)
							Nam-khoa (không rõ)
							Bắc-khoa (không rõ)
				Ngự-sứ- đài (Thi Ngự- sứ)	-nb-	Ngự-sứ đài (Đô Ngự- sứ)	-nb-

Nguyên, lại bận việc đối phó với Chiêm-thành, nên việc cai-trị dân thường phỏng theo triều Lý, không có mấy cải-cách trọng đại. Tuy nhiên, nhà Trần cũng đã có công lập ra nhiều cơ-quan chuyên-môn để điều hành guồng máy cai-trị và giúp cho công việc được thi hành mau chóng.

Ta phải đợi tới thời Lê-sơ, bộ máy chính-quyền mới gọi là chặt chẽ, nhưng hãy còn sơ-sài, chưa có quy-cử nhất-định. Tính-cách tạm bợ này thích-ứng với hoàn-cảnh xã-hội hỗn-loạn thời hậu-chiến. Thực vậy, lúc ấy, vua Thái-tử chỉ thấy cần thiết lập ba bộ: *bộ Lại* để phong quan-chức cho những chiến-sĩ đã từng gian-lao với mình trong thời-kỳ chiến tranh; *bộ Lễ* để quy định những nghi-thức lễ-nghi, học hành, thi-cử cho ra vẻ một nước có văn-hiến; và *bộ Hộ* để trông coi, khống chế nhân-dân còn đang hoang mang sau những cơn binh lửa hãi-hùng vừa qua. Còn lại những việc như binh-lính hình luật... thì tạm giao cho những cơ-quan kém quan trọng như Ngự-tiền tam-cuộc, Ngũ-hình-viện.

Đến khi Nghi Dân cướp ngôi, đặt ra 6 bộ, 6 khoa, việc tổ-chức hành-chính trung-ương mới hơi có vẻ qui mô chặt chẽ một chút nhưng các cơ-quan khác vẫn không thấy có gì thay đổi.

Trước một di-sản như vậy, vua Lê Thánh-tông đã hành-động ra sao? Ngài đã tổ-chức lại chính-quyền trung-ương như thế nào? Đã hoạch-định quan chế, sửa sang triều-nghi, cải-tổ cơ-cấu hành-chánh thế nào?

Đó là mấy vấn-đề ta sẽ bàn xét tới trong 3 chương I, II, và III của tập tiểu luận này.

Nhưng trước khi xét tới công-nghiệp của Người, tưởng ta cũng cần biết sơ qua tiểu-sử của vị vua anh-minh nhất trong lịch sử nước nhà.

TIẾT II

TIÊU-SỬ VUA LÊ THÁNH-TÔNG

VÀ

SỰ QUAN-TRỌNG CỦA TRIỀU VUA LÊ THÁNH-TÔNG

Trước khi xét tồ-chức chính-quyền trung-ương dưới triều vua Lê Thánh-tông, chúng tôi tưởng cũng cần phải biết qua tiêu-sử của nhà vua đã có công tồ-chức lại chính-quyền khiến cho nước nhà được hưng-thịnh một thời. Vì đó, trong tiết này, chúng tôi sẽ đề-cập đến hai vấn-đề trong hai đoạn :

- Tiêu-sử vua Lê Thánh-tông
- Sự quan-trọng của triều vua Lê Thánh-tông.

Đoạn I : TIÊU-SỬ VUA LÊ THÁNH-TÔNG

Vua Lê Thánh-tông tên húy là Tư-Thành 思誠, lại có tên là Hiệu 翊, là con thứ tư và út của vua Thái-tông, em Lạng-sơn-vương Nghi-Dân, Cung-vương Khắc-Xương, và vua Nhân-tông, húy là Bang-Cơ. Vua Lê Thánh-tông sinh vào giờ Sửu, ngày Mậu-tí, hai mươi, tháng bảy, năm Nhâm-tuất (1442). Mẹ là bà Tiệp-dư (1), Ngô thị Ngọc-Giao con gái quan Ngô-Từ đã theo vua Lê Thái-tổ đánh quân Tàu có công, được phong tới chức Thái-bảo, người làng Động-bàng, huyện An-định, lộ Thánh-hóa.

Vua Lê Thánh-tông lên ngôi lúc 19 tuổi, trị vì được 38 năm, đời niên-hiệu hai lần :

— Quang-thuận, 10 năm, từ năm Canh-thìn đến năm Kỷ-sử (1460 — 1469)

— Hồng-đức, 28 năm, từ năm Canh-dần đến năm Đinh-tị (1470 — 1497).

Đề làm nổi bật những nét chính và quan-trọng của cuộc đời vua Lê Thánh-tông, chúng tôi sẽ xét tiêu-sử Ngài qua mấy điểm sau :

- Việc ra đời của vua Lê Thánh-tông.
- Việc lên ngôi của nhà vua.

(1) Tiệp-dư : là danh-hiệu một nữ-quan ở trong cung, cũng là vợ vua, nhưng cấp bậc thấp hơn hàng Phi, Tần.

— Công-nghiệp của vua.

I. — Việc ra đời của vua Lê Thánh-tông Truyền thuyết về việc ra đời của vua Lê Thánh-tông có vẻ hoang-đường và có nhiều điều mờ-ám. Thực vậy, mẹ vua Lê Thánh-tông, dưới triều vua Lê Thái-tông (1434 — 1442) trước kia « vẫn là người thường, ngụ ở phía tây-nam nhà Quốc-tử-giám » (1). Bà « thường vì tình họ hàng, hay lai vãng với các Phi, Tàn trong cung. Vua Thái-tông trông thấy, thương đến; về nhà, Bà có mang. Đến kỳ, sinh ra được một người con trai, thiên-tư tuyệt lạ. Thuở nhỏ, người con trai ấy theo mẹ ở lẫn với dân chúng, nổi tiếng về văn-học. Vua Thái-tông nghe tiếng, gọi vào bệ kiến, rồi phong cho tước vương » (2).

Vì thế, khi lên ngôi, « nhà vua dựng ra điện Huy-văn ngay tại ngôi nhà cũ của Thái-hậu, bên cạnh làm chùa Dục-khánh » (3).

Trong khi có mang, Bà Ngô thị Ngọc-Giao lại xích-mịch với Bà Tuyên-từ Thái-hậu (4). Bà Tuyên-từ Thái-hậu « nhân việc Lê Ngân nuôi cô-đồng trong nhà thờ Phật Quan-Âm đề cầu cho con gái là Huệ-Phi được yên, làm tội lây cả đến Bà Tiệp-dư (5) phải tội lưu. Ông Nguyễn Trãi sui vợ lẽ là Thị-Lộ tâu xin thu giam. Vua theo, hạ chỉ cho ra ở chùa Huy-văn. Ông Nguyễn Trãi sai người chăm nom tử-tế, đày tháng Bà Tiệp-dư sinh ra Tư-Thành (tức vua Thánh-tông)... » (6).

Khi sắp sinh, Bà Tiệp-dư Ngô thị Ngọc-Giao « mộng thấy đến nơi Thượng-đế ở. Thượng-đế sai một tiên-đồng xuống làm con Thái-hậu (7). Tiên-đồng ngăn ngừa, không chịu tuân lệnh. Thượng-đế nổi giận,

(1) PHẠM ĐÌNH HỒ, và NGUYỄN AN Tang thương ngẫu lục, bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo-Cổ Saigon, tờ 66a.

(2) Nt.

(3) Nt.

(4) Bà Tuyên-từ Thái-hậu : là mẹ Thái-tử Bang-Cơ, tức vua Nhân-tông sau này.

(5) Chỉ Bà Ngô thị Ngọc-Giao, mẹ vua Lê Thánh-tông. Sách này không nói rõ Bà Tuyên-từ lấu có gì để làm tội lây đến Bà Tiệp-dư. Song, theo thiên ý, có lẽ, Bà Tuyên-từ Thái-hậu đổ tội cho Bà Tiệp-dư là người tin cần của Bà Huệ-Phi, nên nhân dịp Bà Huệ-Phi bị thất sủng, Bà Tuyên-từ mới gièm với vua để hãm-hại luôn Bà Tiệp-dư họ Ngô.

(6) Theo quyển Phạm-thị Phả dẫn ở đầu bộ Ức-Trai thi tập. (Đoạn này chép lại của CHU THIÊN trong Lê Thánh-tông, tr. 10 và 11).

(7) Chỉ Bà Ngô thị Ngọc-Giao.

lấy hốt ngọc đánh vào trán tiên-đồng làm chảy máu.

Sau giấc mộng, Thái-hậu tỉnh dậy, vừa sinh nhà vua (1), ở trên trán quả có vết ngấn như đã thấy trong mộng ; đến khi mất vết ngấn này cũng không đổi » (2). Việc năm mộng này « truyền ra Bà Tuyên-từ Thái-hậu càng thêm oán ghét » (3).

Xem vậy, ta thấy rõ vua Lê Thánh-tông không được sinh ra trong cung, mà lại sinh ở giữa chốn dân-gian, tại chùa Huy-văn (4). Có lẽ vì thế, nhà vua sợ thiên hạ nghi-ngờ về dòng dõi của mình, nên mới đặt ra chuyện « tiên đồng giáng hạ » để nâng cao uy-tín mình trong chốn dân-gian, và đồng thời để giải-thích sự vắng mặt của mình ở trong cung lúc mới ra đời (vì nếu mẹ vua Lê Thánh-tông có năm mê thấy tiên-đồng giáng hạ thì Bà Tuyên-từ mới ghen ghét mà tìm cách hãm-hại để đến nỗi, Bà Tiếp-dư Ngô thị Ngọc-Giao phải chịu cảnh đầy ải ở chùa Huy-văn và sinh vua Lê Thánh-tông tại đấy).

Cũng như dưới triều này, người ta đã « đặt đề » ra chuyện răn báo oán để che lấp nỗi oan-khiên của bậc đệ nhất công-thần Nguyễn Trãi bị xử tru di tam tộc dưới triều vua Nhân-tông vì đã bênh vực, che chở cho mẹ con vua Lê Thánh-tông (5).

II.— Việc lên ngôi của vua Lê Thánh-tông Khi vua Thái-tông mất (1442), Thái-tử Bang-Cơ mới hai tuổi được lên nối ngôi, tức là vua Nhân-tông (1443-1459).

(1) Chỉ vua Lê Thánh-tông.

(2) ĐVSKTL, q. 12, tờ 1a và b.

(3) PHẠM ĐÌNH HỒ, *Tang thương ngẫu lục*, bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo-Cổ, tờ 66a.

(4) CHU THIÊN, *Lê Thánh-tông*, tr. 17, đã đoán chắc vua Lê Thánh-tông đẻ ở chùa Huy-văn, hiện nay ở làng Văn-chương, thuộc tỉnh Hà-nội (*Lê Thánh-tông*, tr. 12, 13, 14, 15 và 16), mãi tới năm bốn tuổi, nhà vua mới « được phong làm Bình-nguyên-vương và được rước vào cung ở nhà Phiến để riêng »

(5) CHU THIÊN đã chứng giải rất rõ diềm này trong *Lê Thánh-tông*, tr. 24 : « Nhờ có ông Nguyễn Trãi bảo Thị-Lộ tâu xin thu-giam nên Bà Ngô Tiếp-dư, tức Quang-thục Hoàng-thái-hậu mới được ở chùa Huy-văn. Thị-Lộ lại có công bảo Bà đi trốn, khi biết Bà Tuyên-từ, Hoàng-thái-hậu định hại Bà. Biết rằng vì mình mà gia-dình ông Nguyễn Trãi bị thảm-họa — do Bà Tuyên-từ báo thù cho hả giận — nên đến khi yên lành, Bà Tiếp-dư từ An-bang về, đem mọi việc nói rõ với vua Lê Thánh-tông. Khi lên ngôi, Ngài liền hạ chiếu minh oan cho Nguyễn Trãi và tìm con cháu lục dụng ».

Năm 1459, Nghi-Dân tức Lạng-sơn-vương, là con cả (1) vua Thái-tông, mưu với bọn Phạm Đồn, Phan Ban, Trần Lăng và Lê Đắc-Ninh, đang nửa đêm bắt thang đột nhập Hoàng-thành, nhẩy vào cung đâm chết vua Nhân-tông. Sáng hôm sau, Nghi-Dân cho giết cả Bà Tuyên-từ Hoàng-thái-hậu, rồi tự lập làm vua (2).

Nghi-Dân ở ngôi được tám tháng, tính hay chém giết, nên đình-thần không phục. Tháng sáu, năm Canh-thìn (1460), các quan đại thần là bọn ông :

- Thái-bảo Lê Xí, Lê Liệt (3).
- Nhập Nội Điem Kiềm Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự Lê Lăng
- Nhập Nội Đại Hành-khiên Lê Vĩnh-Tường
- Xa Kỵ Vệ Đồng Tổng Tri Lê Niệm
- Ngự Tiền Hậu Quân Tổng Tri Lê Nhân-Thuận
- Ngự Tiền Trung Quân Tổng Tri Lê Nhân-Khoái
- Ngự Tiền Thủy Quân Tổng Tri Trịnh Văn Sái
- Bắc-đạo Thiêm-tri Trịnh Đạc
- Điện-tiền Đô-chỉ-huy Nguyễn Đức Trung
- Thiết-đột Tả Quân Đại-đội-trưởng Nguyễn Yên
- Điện-tiền Ti-chỉ-huy Lê Yên và Lê Giải,

mưu chém được Phạm Đồn và Phan Ban tại giữa Nghị-sự-đường rồi đóng cửa thành lại, vào bắt Nghi Dân giết đi (4).

Khi họp bàn lập vua mới, đa số đại-thần đều muốn lập Bình-nguyên-vương tức Gia-vương Tư-Thành (Gia-vương là tước của Nghi Dân phong cho Tư-Thành khi Nghi Dân lên ngôi) lên làm vua. Nhưng quan Nhập-Nội Điem Kiềm Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự Lê Lăng phản đối, đòi lập con thứ hai vua Lê Thái-tông là Cung-vương

(1) Con cả : ở đây chỉ có nghĩa là nhiều tuổi hơn hết 4 anh em trai. Nguyên vua Thái-tông sinh được 4 người con trai, mỗi người với một bà khác nhau, là : Nghi Dân, Khắc Xương, Bang Cơ, Tư Thành, trong đó Nghi Dân lớn tuổi nhất. Trước đó, Nghi Dân đã được phong làm Thái-tử, nhưng sau vì mẹ Nghi Dân phạm lỗi với vua, bị truất làm thứ dân, Nghi Dân cũng phải giáng xuống làm Lạng-sơn-vương. Mẹ Bang Cơ được phong lên làm Hoàng-hậu thay thế mẹ Nghi Dân, nên Bang Cơ mới được phong làm Thái-tử để lên nối ngôi vua.

(2) KĐVSTGCM, q. 18, tờ 34b và 35.

(3) Chính là Nguyễn Xí, Đinh Liệt. Hai ông này theo vua Lê Thái-tổ đánh giặc Tàu có công, nên được đổi họ, lấy quốc tính.

(4) KĐVSTGCM, q. 19, tờ 2b và 3a.

Khắc Xương. Song Cung-vương nhất quyết từ chối. Các quan đành phải đem xa-giá tới mời Gia-vương Tư-Thành lên ngôi, tức là vua Lê Thánh-tông (1).

III.— Công-nghiệp của vua Lê Thánh-tông là một ông vua thông-minh, tư - chất và tính - khí rất cao sáng. Khi được lập làm vua rồi, Ngài thường xưng hiệu là Thiên-nam động-chủ (2). Ngài đổi niên hiệu hai lần : Quang-thuận (1460-1469) và Hồng-đức (1470-1497) (3).

Suốt 38 năm ở ngôi, vua Lê Thánh-tông đã thực hiện nhiều cải-cách vĩ-đại khiến người đời sau còn phải lấy làm gương mẫu noi theo. Ngoài ra, Ngài còn có công mở rộng bờ cõi nước ta về phía Nam, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho các triều sau tiếp tục hoàn-thành cuộc Nam-tiến.

A.— Việc chính - trị

Khi mới lên ngôi, vua Lê Thánh-tông đã lưu-ý ngay tới việc cải-tổ toàn diện bộ máy cai-trị trong nước. Ngài tổ-chức lại cả hệ-thống hành-chánh từ trên xuống dưới, định ra những quy-chế thật rõ ràng minh bạch cho các quan, đặt ra nhiều chức quan mới để điều-hòa cơ-cấu chính-trị và kịp thời cung-ứng cho nhu-cầu tiến-hóa của dân ta lúc đó (4).

B.— Luật - lệ

Vua Lê Thánh-tông còn tỏ ra là một nhà luật-pháp có tài. Ngài cho san-định lại các luật-lệ có từ những đời trước, đặt thêm những điều khoản mới cho phù hợp với sự đòi-hỏi của xã-hội nước ta thời đó. Chính trong đời Ngài, bộ luật Hồng-đức đã ra đời. Đó là một hành-diện cho nền luật pháp nước nhà. Những đời kế tiếp sau, mãi cho đến nay, mỗi khi bàn tới việc sửa đổi luật-pháp, các luật gia đều phải tham bác bộ luật Hồng-đức và rút từ đấy nhiều điều cần thiết làm nền tảng cho luật-pháp nước nhà.

Nhận xét về nền luật-pháp này, Chu-Thiên đã nêu ra những đặc-diểm sau (5) :

1) Hình-phạt nhân-đạo

(1) KĐVSTGCM, q. 19, tờ 5b và 21a.

(2) PHAN HUY CHỨ, *Nhân vật chí*, q. 6, tờ 17b.

(3) E. GASPARDONNE, *Les stèles royales de Lam-Son*, Planche IV.

(4) Về tổ-chức hành-chánh, chúng ta có việc xét kỹ ở những chương sau của tập tiểu luận này.

(5) CHU THIÊN, *Lê Thánh-tông*, tr. 70

- 2) Tôn-trọng quyền-lợi cá-nhân
- 3) Tôn-trọng quyền-lợi phụ-nữ
- 4) Tôn-trọng quyền-lợi công-cộng,
- 5) Duy-nhất phong-tục

và giáo-sư Vũ Văn Mẫu cũng đã công-nhận : *“nền luật-pháp triều Lê là một phản ảnh trung-thực của xã-hội Việt-Nam. Vì phù-hợp với các điều-kiện xã-hội và tôn-giáo, bộ luật ấy có một ảnh-hưởng rất lớn đối với dân tộc. Ngày nay một số lớn các tục lệ của ta về hôn-nhân, gia-đình... vẫn còn phản-chiếu các điều khoản ấy”* (1).

C. — Việc canh-nông

Vua Thánh-tông hết sức chú trọng đến việc canh-nông. Thường, Ngài hay sắc cho phủ, huyện phải tích-cực khuyến bảo dân làm việc cày ruộng, trồng dâu.

Ngài đặt ra chức quan Hà-đê và quan Khuyến-nông để trông coi, bảo vệ đê điều và khuyến khích việc cày cấy trong nước (2).

Ngài lại sắc chỉ cho các quan Thừa-chính, Hiến-sát và phủ huyện phải giúp đỡ về việc làm ruộng (3). Lại cho lập cả thảy 43 sở đồn-điền, đặt quan trông nom khai khẩn, khiến dân khỏi đói khổ (4).

D. — Sửa phong-tục

Lúc đó, nước ta, trong dân-gian có nhiều thói mê-tín dị-đoan và phong-tục hủ-lậu. Vua Thánh-tông bèn sắc chỉ sửa đổi lại phong-tục :

— Cấm những nhà có tang lễ không được bày trò hát xướng vui chơi (5).

— Lại khi đã có lễ xin cưới rồi, thì cấm không được đề đến ba bốn năm mới cho rước dâu. Sau khi đã nhận lễ hỏi, phải chọn ngay ngày cho cưới và, lệ cứ cưới rồi, ngày hôm sau đi chào cha mẹ, ba ngày thì đi lễ từ-đường (6).

E. — Việc văn-học

Vua Lê Thánh-tông định phép thi Hương, sửa phép thi Hội, để chọn nhân tài. Thường Ngài ra làm chủ các kỳ thi Đình và Ngài lại lập ra lệ xướng danh các Tiến-sĩ và lệ cho các ông Nghè được

(1) VŨ VĂN MẪU, *Dân luật khái luận*, tr. 234.

(2) ĐVSKTL, q. 13, tờ 7b.

(3) KĐVSTGCM, q. 23, tờ 9.

(4) KĐVSTGCM, q. 23, tờ 36b.

(5) ĐVSKTL, q. 23, tờ 52b và 53a.

(6) Từ đường: nhà thờ tổ tiên; KĐVSTGCM, q. 21, tờ 37; *Thiên-nam dư hạ tập*, Đệ ngũ sách, tờ 45-46.

về vinh-quì đề khuyến-khích việc văn-học. (1)

Ngài lại thường cùng các quan ngâm vịnh. Non xanh, nước biếc chỗ nào đẹp đều có thơ của Ngài. Không một dịp tốt nào Ngài chịu bỏ lỡ và không làm thơ đề đưa các quan họa lại (2).

Năm Hồng-đức thứ hai mươi lăm (1494), Ngài kén chọn 28 người bày tỏ giới về văn thơ, lập ra hội *Tao-đàn* gọi là *Tao-đàn nhị thập bát tú*, tự mình xưng là Tao-đàn Nguyên-súy (3).

Ngài làm ra chín bài thơ phổ vào chín khúc hát, gọi là *Quyển-uyên cửu ca* (4).

Ngài lại sai ông Thân Nhân-Trung và ông Đỗ Nhuận làm bộ *Thiên-nam dư hạ tập*, 100 quyển nói về việc chính-trị, hình-luật, thi ca... đời Hồng-đức (5).

Ngài còn làm quyển *Thân-chính ký sự* kể lại việc Ngài thân-chính đi đánh Chiêm-thành, Lão-qua và các Mường (6).

F.— Việc võ - bị

Ngoài tài về chính-trị, văn học, vua Lê Thánh-tôn lại còn là một vị tướng lừng danh nữa. Nhà vua cải-tổ hẳn lại nền binh bị.

Ngài đời 5 Vệ-quân ra làm 5 phủ: 1— Trung-quân phủ, 2— Nam-quân phủ, 3— Bắc-quân phủ, 4— Đông-quân phủ và 5— Tây-quân phủ. Mỗi phủ có 6 vệ, mỗi vệ có 5 hay 6 sở, mỗi sở gồm chừng 400 người. Quân cả 5 phủ lúc đó ước độ 6, 7 vạn người (7).

Ngài đặt ra 31 điều quân-lệnh đề tập thủy-quân, 32 điều đề tập tượng quân, 27 điều đề tập mã-trận, 42 điều đề tập bộ-trận (8).

Lại đặt ra lệ 3 năm một kỳ thi võ. Tướng sĩ ai hỏng thì phạt,
(Xem tiếp trang 30)

(1) KMC, q. 26, tờ 14.20.

(2) CHU THIÊN, *Lê Thánh-tông*, tr. 176.

(3) KĐVSTGCM. q. 24, tờ 17.

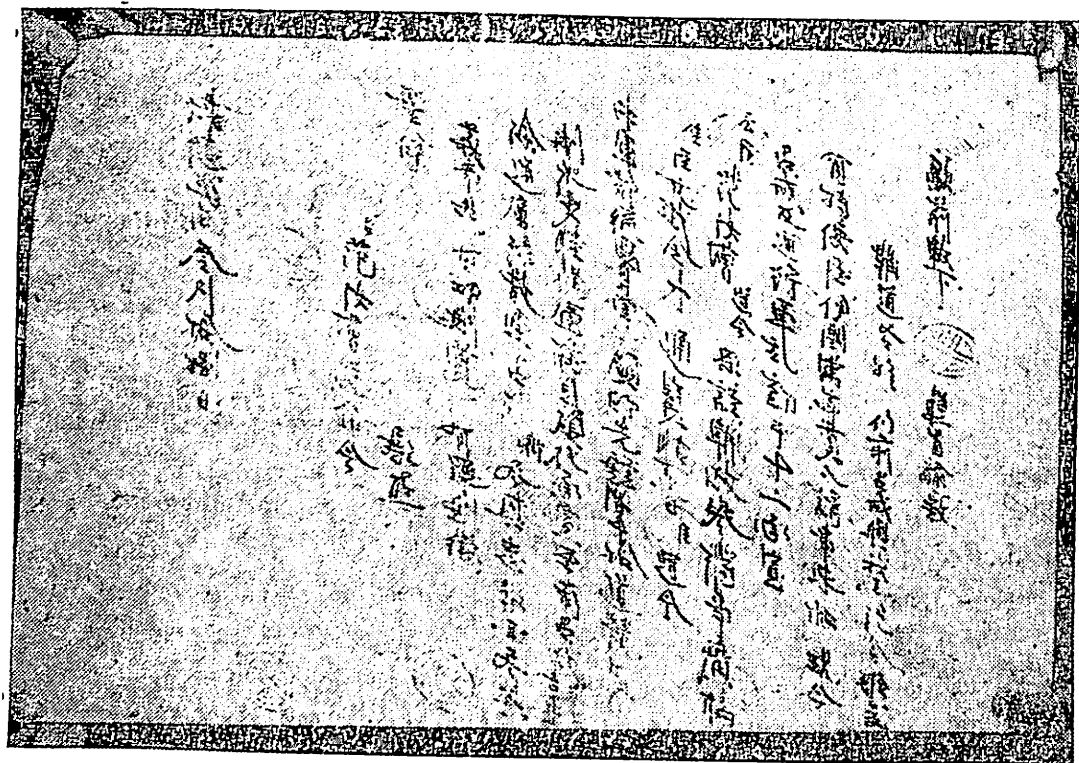
(4) KĐVSTGCM, q. 24, tờ 17. *Quyển-uyên cửu ca*: là tên chín bài thơ được ghép vào khúc hát. Chín bài thơ này là: 1— Phong niên (năm được mùa); 2— Quân-đạo (đạo làm vua); 3— Thần-tiết (tiết tháo người làm tôi); 4— Minh-lương (vua sáng, tôi hiền); 5— Anh-hiền (trưởng nhớ người anh-tuấn, hiền tài); 6— Kỳ-khí (khí vận tỏ vẻ đặc sắc); 7— Thư-thảo (những thư thảo ra trong lúc vui đùa đã thành văn); 8— Văn-nhân (người văn-học); 9— Mai hoa (hoa mai).

(5) KĐVSTGCM, q. 23, tờ 40.

(6) KĐVSTGCM, q. 23, tờ 40.

(7) BCC, q. 39, tờ 7a; KĐVSTGCM, q. 20 tờ 2.

(8) KĐVSTGCM, q. 19, tờ 36.



Sắc phong ông Phạm Nhữ Tăng lãnh ấn tiên phong bình Chiêm Nam-tiến của vua Lê Thánh-tông.

(Hình chụp sắc tại Quế-son, Quảng-nam, tài liệu của Viện khảo cổ — Saigon)

Phiên âm :

Điện-tiền sắc hạ, Chiếu-chỉ dụ giáo; chỉ đạo các khoản :

Nhưng tiền Chiêm-Thành dữ ngã quốc ký hiệp bang-giao, hữu đặc sứ-thần; y quốc thường niên cống nhập thỉnh sự cầu hòa. Hiện kim, Chiêm-thành phản-ngịch, hành quân loạn-động vu thập nhị thừa-tuyên.

Công thần Phạm Nhữ-Tăng tuân lệnh !

Nguyên cai Phụ-chính Tham-trưởng-sự Quảng-dương-hầu, « thần » tuân lệnh.

Trung-Quân Đô-thống, thụ đồng nhưng lãnh ấn tiên-phong, chương thập đạo tinh-binh, chế thủy bộ lục-bị quân-trang tự Thuận-hóa Thừa-

tuyên chí Nam Chiêm-thành, Nam-hoa, Cồ-lũy địa, trừ nghịch-lộ tảo tàn quân Chiêm loạn. « Khanh » tận kỳ trung báo quốc, tận kỳ nghĩa sự quân, hà hữu công tắc thưởng, hà hữu tội tắc trừng.

Thánh mạng điện chiếu

« Thần » Phạm Nhữ-Tăng tuân lệnh

Hồng-đức nhị niên, tam nguyệt, thập bát nhật

Đại ấ n : Chế Mạng Chi Bửu.

Tạm dịch :

Từ trên điện hạ sắc, ban chiếu chỉ dạy bảo, nói rõ các khoản (như sau) :

Vốn từ xưa Chiêm-thành cùng với nước ta vẫn hòa-hợp bang-giao, có sứ-thần riêng ; nước ấy vẫn hàng năm vào cống-sứ thỉnh-cầu sự hòa hiếu. Ngày nay, nước Chiêm-thành phản nghịch, đem quân làm loạn (xâm nhập) tới mười hai thừa-tuyên.

Bầy tôi cố công (là) Phạm-Nhữ-Tăng hãy theo lệnh (đây) !

Vốn trước (Người đã được phong làm) Phụ-chính Tham-tướng-sự, (tước) Quảng-dương-hầu, (ta biết) « người » (là kẻ) văn võ toàn tài. (Nay) đóng ấ n (xuống) chiếu-chỉ (cho) « người » hãy tuân theo mệnh-lệnh .

(Phong người làm) Trung-quân Đô-thống, tạm quyền lãnh ấ n tiên-phong, giữ mười đạo tinh-binh, khống chế cả đường thủy đường bộ, (trông coi về) quân-trang từ thừa-tuyên Thuận-hóa tới phía Nam Chiêm-thành, (đến) đất Nam-hoa, Cồ-lũy, dẹp đường nghịch-phản, quét đám tàn quân Chiêm-thành rối loạn. « Khanh » hãy hết lòng trung mà báo nước, hết lòng nghĩa mà thờ vua, hễ có công thì được thưởng, hễ có tội thì phải phạt.

Lệnh thánh (từ trên) điện ban chiếu :

« Người » Phạm Nhữ Tăng hãy tuân mạng-lệnh

Hồng-đức năm thứ hai, tháng tám, ngày 18
Ấn lớn (ở cuối có đóng 4 chữ) : Chế Mạng Chi Bửu.

ai đậu thì thưởng (1).

Vì đó quân của vua Lê Thánh-tông rất mạnh, kỷ-luật nghiêm-minh, lại thiện-chiến nữa, nên đánh đâu được đấy.

Sau đây ta thử lược qua những trận chiến với Chiêm thành, Lào-qua và Bồn-man để có một chút ý-niệm về võ-công hiền-hách của vua Thánh-tông.

I.— **Việc đánh Chiêm-thành** Năm Hồng-đức nguyên-niên (1470), vua Chiêm - thành là Trà - Toàn

đem quân sang cướp phá đất Hóa-châu. Biên-tướng của ta là Phạm văn Hiền đánh không nổi, sua quân vào trong thành, cố chống giữ, rồi sai người phi thư về triều cáo cấp. Vua Thánh-tông bèn hạ chiếu kén hoàng-đình từ 15 tuổi trở lên, được 26 vạn quân. Ngày mùng 6 tháng 10 năm ấy, hạ chiếu thân chinh, và tới ngày 16 thì tiến quân.

Khi tới Thuận-hóa, Ngài đóng quân lại để tập luyện, và sai thồ-tù Thuận-hóa là Nguyễn-Vũ vẽ bản đồ nước Chiêm để biết rõ mọi nơi hiểm yếu, rồi mới tiến binh đánh lấy cửa Thi-nại (cửa bèo ở Bình-định).

Trà Toàn thua, rút quân về giữ kinh-thành Đờ-bàn (nay ở huyện Tuy-viễn, tỉnh Bình-định). Nam-quân kéo đến, phá thành, bắt được Trà Toàn.

Bấy giờ có tướng Chiêm là Bồ Tri Trì chạy về đất Phan-lung, giữ được một phần năm đất cũ, xưng làm vua, sai sứ vào cống và xin xưng thần. Vua Thánh-tông bèn phong làm vương, lại lập ra hai nước nữa là nước Nam-phan cho Trà Toàn làm vua, và nước Hóa-anh. Việc phân chia ấy cốt làm cho nước Chiêm bị yếu thế đi. Ba nước mới này sẽ kiềm chế lẫn nhau, không có đủ sức quấy nhiễu nước ta nữa.

Định xong công việc nước Chiêm rồi, vua thân làm bài chiếu *Báo tiếp ban sư*. Sau đó, vua hạ chiếu lấy những đất mới được của Chiêm lập ra Thừa-tuyên Quảng-nam, cho sáp nhập vào địa-bàn nước ta, đặt quan cai-trị (2)

Từ khi vua Thánh-tông đánh được Chiêm-thành, thì thanh-thế nước Nam lừng lẫy, nước Lào và các Mường ở phía Tây đều xin về triều cống cả (3)

(1) KĐVSTGCM, q. 21, tờ 1b, chúng tôi sẽ xét tổ-chức binh bị vua Lê Thánh tông trong tiết II, Chương II, tập tiểu luận này.

(2) Tất cả đoạn này lược dịch trong: *Thiên nam dư hạ tập*, đệ tam sách, tờ 1 - 44.

(3) TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, tr. 249

2— Đánh Lão-qua và Bồn-man.

Năm Kỷ-hợi (1479), tù-trưởng xứ Bồn-man là Cầm Công định làm phản, mới xui người Lão-qua đem binh quấy nhiễu ở phía Tây nước ta. Vua Thánh-tông bèn sai quan Thái-úy Lê Thọ Vực cùng với các Tướng quân là Trịnh Công Lệ, Lê Đình-Ngạn, Lê Lộng và Lê Nhân-Hiếu chia binh làm 5 đạo, đi từ Nghệ-an, Thanh-hóa và Hưng-hóa sang đánh đuổi vua Lão-qua đến tận sông Kim-sa giáp với nước Diển-diện.

Trận này Nam-quân toàn thắng.

Mùa xuân năm sau (1.480), vua Thánh-tông lại sai quan Thái-úy tước Kỳ-quận-công Lê Niệm làm Bình-nhung Tướng-quân đem 30 vạn quân sang đánh Bồn-man để trị tội xúi giục Lão-qua làm phản. Cầm Công cự không nổi, phải bỏ chạy rồi chết. Quân ta vào đốt thành. Dân Bồn-man xin hàng. Vua Thánh-tông bèn sai chia đất này làm 7 huyện, đặt ra phủ Trấn-ninh, thuộc vào bản đồ nước Nam, cử quan phủ huyện ra cai-trị (1).

Phê-bình hai chiến công hiển-hách trên, Chu-Thiên đã viết : « Trước hết hai trận ấy đã trừ tiết mối lo ngại biên cảnh để mở đường tiến triển cho cả một dân tộc. Thật vậy, từ đây nước Chiêm bị qua phân, không còn phục-hưng được nữa, cứ dần dần suy-vi đề đến ngày tiêu diệt, nhường chỗ cho dân tộc ta, đẩy sức sống hơn và có tổ-chức thích-hợp với sức sinh-sản đương-thời hơn. Hai nữa, và cũng do đường tiến-triển ấy, Triều-dình thu được nhiều lợi về thuế má và sản-vật quý-giá như yến-sào, đồi mồi, ốc, tai voi, sà-cừ, cùng là tơ lụa, các thứ tượng đá rất đẹp. Còn dân gian được tiếp-xúc thân-mật với dân Chiêm, tiêm-nhiễm được cái tình-thần phóng-khoáng, mà không lấy cái tình nông-nồi hiếu chiến vô-mưu, đề luyện đủ sức thích-hợp mà tiến, mà thắng, thắng cả dị-chủng và hóa-công ! Hơn nữa, do sự tiếp xúc thân-mật ấy, dân ta đã thâm hóa được những giọng ca-hát, âm-nhạc và kỹ-thuật của mình thêm phong-phú đề nâng cao đời sống và khiến phong-tục trở nên tế-nhị hơn..

« Được như vậy, kẻ kết quả của võ-công ấy cũng đã lớn lao lắm, và cái công tổ-chức nền binh bị cũng không đến nỗi uổng-phí vậy ». (2)

x

x x

(1) Đoạn này lược dịch trong *Thiên nam dư hạ tập*, đệ nhị sách, tờ 22 — 37a.

(2) CHU THIÊN, *Lê Thánh-tông*, tr. 142 — 143.

Khi về già, vua Lê Thánh-tông thường ham-mê nữ-sắc, nên mắc bệnh phong-thũng (1).

Ngày 17 tháng 11, vua bắt đầu ươn mình. Ngày 29, bệnh càng kịch-liệt. Vua bèn tựa ghế ngọc-kì, khiến Hoàng thái-tử nối ngôi. Ngày hôm sau, vua thăng-hà ở cung Bảo-quang, thọ 56 tuổi, tại-vị 38 năm, đề niên-hiệu hai lần : Quang-thuận 10 năm và Hồng-đức 28 năm (2)

Đoạn 2: SỰ QUAN-TRỌNG CỦA TRIỀU VUA LÊ THÁNH-TÔNG TRONG LỊCH-SỬ VIỆT-NAM.

Năm 1498, Thân Nhân-Trung đã ca-tụng vua Thánh-tông trong bài bia dựng ở Chiêu-lăng (lăng vua Lê Thánh-tông) như sau : « Kịp khi Ngài ra đời, thiên-tư rực-rỡ, thần thái khác thường, quẻ Càn mạnh, quẻ Khôn thuận, tính rất thuần toàn. Sừng sừng vậy, vôi vôi vậy, đẹp đẹp vậy, lớn lớn vậy, thực là thông-minh của bậc làm vua, trí dũng của người trị nước... » (3).

Phê-bình về công-nghiệp của vua Thánh-tông, sử-gia Trần Trọng Kim đã viết : « Ngài trị-vị được 38 năm, sửa sang được nhiều việc chính-trị, mở mang sự học-hành, chỉnh-đốn các việc vũ-bị, đánh dẹp nước Chiêm, nước Lào, mở thêm bờ cõi, khiến cho nước Nam ta bấy giờ được văn-minh thêm ra và lại lừng lẫy một phương, kể từ xưa tới nay chưa bao giờ được cường thịnh như vậy » (4).

Đứng trên quan-điểm của một nhà luật-học, giáo-sư Tạ-sĩ Vũ Văn Mẫu đã có những nhận xét sau về nền luật-pháp triều Lê, nhất là Triều Lê Thánh-tông : « Trong lịch sử pháp-chế nước nhà, thiết tưởng không có giai-đoạn nào xán-lạn và huy-hoàng hơn triều Lê.

« Song song với những chiến công oanh-liệt quét sạch quân Minh dựng lại nền độc-lập và dẹp tan giặc Chiêm-thành để an định bờ cõi, các vua triều Lê, nhất là trong thế-kỷ 15, còn hướng mọi sự cố gắng vào việc trị nước an dân, ban hành một nền pháp-chế có một tinh thần đặc-sắc Việt-Nam, vừa phù-hợp với nhu-cầu của quốc-

(1) PHAN HUY CHÚ, *Nhân vật chí*, q. 6, tờ 17b.

(2) E. GASPARDONE, *Les stèles royales de Lam son, Planche IV.*

(3) E. GASPARDONE, *Les stèles royales de Lam-son, Planche IV.* Nguyên văn : *Cập xuất thiên long, tư nhật biểu, thần thái anh-dị, Càn kiện, Khôn thuận, chí tinh thuần toàn. Kỳ kỳ nhiên, nguy nguy nhiên, mục mục nhiên, hoàng hoàng nhiên, chân tác hậu chí thông-minh biểu, bang chí dũng-trí dã*. Chúng tôi dịch và chú thích đầy đủ bài minh này trong phần Phụ-lục tập tiểu luận này.

(4) TRẦN TRỌNG KIM, *Việt-Nam sử-lược*, tr. 241.

gia, vừa thỏa-mãn các nguyện-vọng chân-chính của quốc dân.

« Ảnh-hưởng của nền pháp-chế tân-kỳ ấy đã in sâu vào các tầng lớp xã-hội Việt-Nam cho đến ngày nay vẫn chưa phai lạt. Các tục-lễ lễ-nghi trong giá-thú, các cách thức lưu-truyền ruộng đất về hương-hỏa, các thê-lệ làm di-chức, và biết bao nhiêu vấn-đề pháp-lý khác, hiện nay vẫn do sự qui-định của Lê-triều chi phối, hoặc dưới hình-thức các điều-khoản tân-luật đã tham-chức các luật-pháp cũ của triều Lê.

« Trong các vua triều Lê, Lê Thánh-tông có lẽ là một vị có anh-tài hơn cả. Trị vì ngót bốn mươi năm (1460-1497), Lê Thánh-tông không những đã giữ vững biên cảnh khiến ngoại-bang phải kính nể, còn khéo biết tổ-chức nội-bộ, thiết lập các nghi-lễ, điển chế có qui-củ và hệ-thống » (1).

Nhìn tổng quát, Lê Thành-Khôi đã nhận định về vua Lê Thánh-tông như sau : « Trong mọi lãnh vực, công việc của nhà vua đều đáng kể : hành-chính, văn-hóa và võ-bị » (2).

Maybon, một sử-gia người Pháp cũng đã công nhận sự quan-trọng của triều Lê Thánh-tông trong lịch-sử Việt-Nam : « Con cháu Lê Thái-tổ tiếp tục xếp đặt lại trật-tự trong nước. Lê Thánh-tông, vị vua nổi tiếng nhất trong số các vua triều Lê, ở ngôi trong 38 năm ; đồng thời là một vị-tướng có tài, nhà vua còn chứng tỏ là một nhà cai-trị khôn khéo, vì ta có thể nói rằng tổ-chức của nước Nam được kể từ triều đại của vua Lê Thánh-tông vậy » (3).

Qua những nhận xét và phê-bình của các sử-gia và học-giả trên ta thấy ngay sự nghiệp vĩ-đại và hiền-hách của vua Lê Thánh-tông trong mọi lãnh-vực : văn-hóa, xã-hội, kinh-tế, luật-pháp, hành-chánh, võ bị..

(1) Hồng-dức thiện-chính thư, bản dịch của trường Luật-khoa Saigon, tựa của giáo-sư Vũ Văn Mẫu, in năm 1959, trang I.

(2) LÊ THÀNH KHÔI, *Le Việt-Nam*, tr. 222. Nguyên văn : « Son œuvre considérable a porté dans tous les domaines : administratif, cultu. rel et militaire ».

(3) C MAYBON, *Lectures sur l'histoire moderne et comtemporaine du pays d'Annam de 1428 à 1926*, tr. 21. Nguyên văn : « Les fils de Lê Thái-tổ continuèrent à mettre de l'ordre dans le royaume. Le plus illustre d'entre eux, Lê Thánh-tông, resta sur le trône pendant 38 ans ; en même temps qu'un grand général, il se montra un fort habile administrateur et il est permis de dire que l'organisation du Pays d'Annam date de son règne ».

Trong tập tiểu luận này, chúng tôi chỉ riêng bàn về cách tổ-chức chính quyền trung-ương của vua Thánh-tông nhà Lê mà thôi.

Xét tổ-chức chính-quyền trung-ương tức là xét về cách tổ-chức các cơ-quan, những chức-tước, cấp bậc của những người phụ-trách các cơ-quan ấy tại kinh-đô. Vì vậy, ở đây, ta sẽ xét tới người nắm quyền chủ-tể trong nước (Vua), rồi bàn tới các cơ-quan tại triều-đình và, sau hết, sẽ đề-cập đến các quan nội-nhiệm trong ba chương sau :

Chương I : Người đứng đầu : Vua

Chương II : Cách tổ-chức các cơ-quan thuộc chính-quyền trung-ương

Chương III : Quan-chế.

Chương I

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU : VUA

Vấn-đề « tồ-chức chính-quyền trung-ương » thực ra chỉ buộc ta chú-trọng nhiều nhất đến các cơ-quan then chốt trong chính-quyền đặt tại triều-đình để chi phối, điều-hành việc cai-trị trong toàn quốc. Vì thế chủ-điểm của tập tiểu-luận này nằm ở chương II, nói về cách tồ-chức các cơ-quan thuộc chính-quyền trung-ương.

Tuy nhiên, nếu xét các cơ-quan trung-ương mà không xét qua tới vị chủ-tể có quyền tối-thượng thiết-lập hay phế bỏ các cơ quan ấy là một thiếu-sót lớn. Vì vậy, trước khi đi vào chủ-điểm của đề-tài chúng tôi tưởng cần xét qua về vua, người có quyền tối cao trong việc tồ-chức và điều-hành guồng máy cai-trị toàn-quốc. Như thế, chương này đầu không hẳn là then chốt của tập tiểu luận, nhưng cũng không thể không lược xét tới được.

x
x x

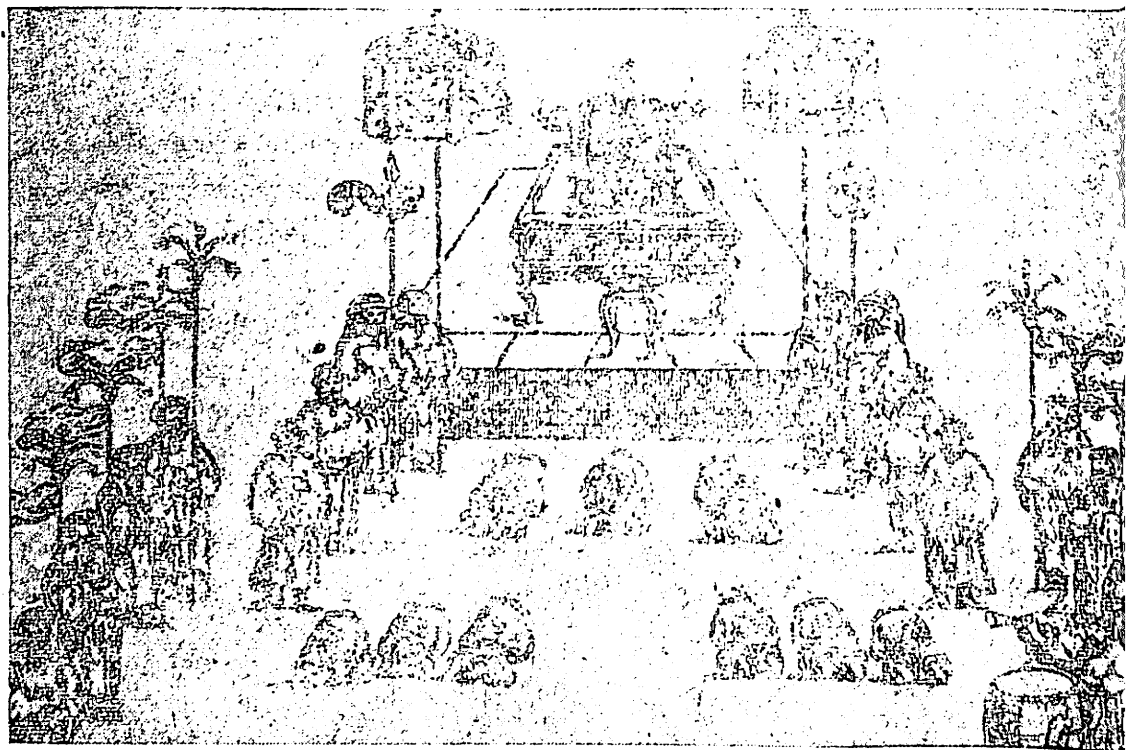
Trong nền quân-chủ chuyên-chế ở Đông cũng như Tây-phương, vua làm chúa-tể đất nước của mình, có toàn quyền định đoạt số phận của quốc-gia và của mọi người dân trong nước. Vì lẽ ấy, về phương-diện hành-chánh, tất nhiên vua là người đứng đầu nền hành-chánh, có toàn quyền tuyền-bồ và cất chức các quan lại trong toàn quốc. Tuy nhiên, không phải vua được quyền hành-động tuyệt-đối theo ý riêng mình, mà phải tùy theo một vài nguyên-tắc, tuy không được minh-thị, nhưng vẫn được mặc nhiên công nhận.

Nhưng, vua đã dựa vào quan-niệm nào để có quyền tối thượng trên ?

Việc lựa chọn người làm vua có theo nguyên-tắc nào không ?

Vua có quyền-hạn đến đâu và nhiệm-vụ ra sao đối với quốc dân ?

Đó là ba vấn-đề ta sẽ đem ra bàn xét trong ba tiết của chương này.



Triều đình nhà Lê, trích trong *Description du royaume du Tonking*
của S. Baron

TIẾT I

QUAN-NIỆM THẦN-QUYỀN VỀ VUA

Đoạn 1 : QUAN NIỆM CHUNG CỦA ĐÔNG-PHƯƠNG

Từ khi nhà Hán (202 trước Tây-lịch — 220 sau Tây-lịch) lên cầm quyền ở Trung-quốc, lấy nho-giáo làm quốc-giáo thì tất cả các triều-đại kế tiếp đều bắt chước.

Nước ta, kể từ thời tự-chủ (939) trở về sau, các triều vua đều lấy cách tồ-chức chính-trị, hành-chánh, tư-tướng, học-thuật... của Trung-hoa làm « khuôn vàng thước ngọc », tất nhiên cũng nhìn nhận luôn Nho-giáo làm nền-tảng học-thuật và tư-tướng chính cho nước mình (1).

Quan-niệm thần-quyền về vua bắt nguồn ở thuyết « tôn quân quyền » trong Nho-giáo. Cho nên, muốn xét quan-niệm trên của Đông-phương, ta cần tìm hiểu thuyết « tôn quân quyền » của Khổng-giáo.

Căn-bản lý-thuyết quân-quyền của Khổng-tử là THIÊN-MỆNH. Theo thuyết này, khi con người đã đoàn-tụ với nhau thành xã-hội, tất phải có cái quyền tối cao để giữ kỷ-cương cho cả đoàn thể. Quyền ấy gọi là *quân-quyền*, tức là cái quyền chủ-tề của cả nước. Quyền này phải để cho một người giữ thì mới rõ ràng được mối thống-nhất. Người giữ quyền này gọi là *đế* hay *vương*, ta gọi nôm là vua.

« *Cái quân-quyền là cái bảo-vật, cái thần-khí, quan-hệ đến vận-mệnh của một xã-hội, một dân-tộc, nếu không phải là bởi cái mệnh Trời trao cho tất là bởi cái thế-lực của bọn đạo-tặc cướp lấy. Vậy muốn cho chính cái danh-hiệu của người giữ quân-quyền, Khổng-giáo mới cho là quân-quyền do ở mệnh Trời mà ra* » (2).

(1) Chỉ trừ đời nhà Lý (1010-1225), cách tồ-chức chính-trị, học-thuật, tư-tướng, pháp-luật... của ta chịu ảnh-hưởng rất lớn của Phật-giáo, chứ không phải Nho-giáo vì « *Lý Công-Uần dựng nên nghiệp nhà Lý, vốn là con đẻ hoang, được một vị sư nhận làm con nuôi, từ lúc mới ba tuổi, tại một ngôi chùa ở Bắc-ninh* » ; cho nên, khi lên ngôi, Lý Công-Uần đã đặc biệt nâng đỡ giới thiền-môn và làm cho « *đạo Phật chiếm hẳn địa-vị độc tôn trong xã-hội Việt-Nam* » dưới triều này (theo VŨ VĂN MẪU, *Dân-luật khái-luận*, tr. 180).

Nhưng sau đó, ảnh-hưởng của Phật-giáo mất dần, nhường chỗ cho Nho-giáo chiếm địa-vị độc tôn trong xã-hội nước ta kể từ giữa thế-kỷ XV (từ triều nhà Lê) cho đến hết thế-kỷ thứ XIX.

(2) TRẦN TRỌNG KIM, *Nho-giáo, quyền thượng*, tr. 166.

QUAN-NIỆM THẦN-QUYỀN VỀ VUA

Đoạn 1: QUAN NIỆM CHUNG CỦA ĐÔNG-PHƯƠNG

Từ khi nhà Hán (202 trước Tây-lịch — 220 sau Tây-lịch) lên cầm quyền ở Trung-quốc, lấy nho-giáo làm quốc-giáo thì tất cả các triều-đại kế tiếp đều bắt chước.

Nước ta, kể từ thời tự-chủ (939) trở về sau, các triều vua đều lấy cách tổ-chức chính-trị, hành-chánh, tư-tướng, học-thuật... của Trung-hoa làm « khuôn vàng thước ngọc », tất nhiên cũng nhìn nhận luôn Nho-giáo làm nền-tảng học-thuật và tư-tướng chính cho nước mình (1).

Quan-niệm thần-quyền về vua bắt nguồn ở thuyết « tôn quân quyền » trong Nho-giáo. Cho nên, muốn xét quan-niệm trên của Đông-phương, ta cần tìm hiểu thuyết « tôn quân quyền » của Khổng-giáo.

Căn-bản lý-thuyết quân-quyền của Khổng-tử là THIÊN-MỆNH. Theo thuyết này, khi con người đã đoàn-tụ với nhau thành xã-hội, tất phải có cái quyền tối cao để giữ kỷ-cương cho cả đoàn thể. Quyền ấy gọi là *quân-quyền*, tức là cái quyền chủ-tề của cả nước. Quyền này phải để cho một người giữ thì mới rõ ràng được mối thống-nhất. Người giữ quyền này gọi là *đế* hay *vrong*, ta gọi nôm là vua.

« Cái quân-quyền là cái bảo-vật, cái thần-khí, quan-hệ đến vận-mệnh của một xã-hội, một dân-tộc, nếu không phải là bởi cái mệnh Trời trao cho tất là bởi cái thế-lực của bọn đạo-tặc cướp lấy. Vậy muốn cho chính cái danh-hiệu của người giữ quân-quyền, Khổng-giáo mới cho là quân-quyền do ở mệnh Trời mà ra » (2).

(1) Chỉ trừ đời nhà Lý (1010-1225), cách tổ-chức chính-trị, học-thuật, tư-tướng, pháp-luật... của ta chịu ảnh-hưởng rất lớn của Phật-giáo, chứ không phải Nho-giáo vì « Lý Công-Uân dựng nên nghiệp nhà Lý, vốn là con đẻ hoang, được một vị sư nhận làm con nuôi, từ lúc mới ba tuổi, tại một ngôi chùa ở Bắc-ninh » ; cho nên, khi lên ngôi, Lý Công-Uân đã đặc biệt nâng đỡ giới thiền-môn và làm cho « đạo Phật chiếm hẳn địa-vị độc tôn trong xã-hội Việt-Nam » dưới triều này (theo VŨ VĂN MẬU, *Dân-tuật Khất-luận*, tr. 180).

Nhưng sau đó, ảnh-hưởng của Phật-giáo mất dần, nhường chỗ cho Nho-giáo chiếm địa-vị độc tôn trong xã-hội nước ta kể từ giữa thế-kỷ XV (từ triều nhà Lê) cho đến hết thế-kỷ thứ XIX.

(2) TRẦN TRỌNG KIM, *Nho-giáo, quyền thượng*, tr. 166.

Đoạn 2 : TRƯỜNG HỢP VUA LÊ THÁNH-TÔNG

Chuyện « tiên-đồng giáng hạ » chính để xác-định quan-niệm xem vua là người nhà Trời, do Trời sai xuống trị dân.

Và, để công-nhận một cách minh-thị hơn mình là người thay Trời trị-an thiên-hạ, khi làm bảo tì (con dấu) truyền quốc, vua Lê Thánh-tông đã cho khắc 6 chữ « HOÀNG - ĐẾ THỤ MỆNH CHI BẢO » (con dấu của Hoàng-đế thụ mệnh Trời) (1).

Như vậy chúng ta thấy rõ vua Lê Thánh-tông đã xác-nhận một cách minh-thị ý-niệm thần-quyền về vua của Nho-giáo.

TIẾT II

VIỆC CHỌN NGƯỜI LÀM VUA

Đoạn 1 : NGUYÊN-TẮC CHUNG.

Theo giáo-sư Vũ Quốc-Thông (2), việc chọn người làm vua ở Đông cũng như ở Tây-phương được qui-định theo 3 nguyên-tắc :

- Nguyên-tắc bất khả phân-ly.
- Nguyên-tắc trọng trưởng.
- Nguyên-tắc trọng nam.

I. — Nguyên-tắc bất khả phân-ly Theo nguyên-tắc này, nhà vua sau khi thăng-hà, dù có để lại nhiều con, cũng chỉ có thể *truyền ngôi cho một người mà thôi*. Nguyên-tắc này cốt để tránh cho quốc-gia khỏi phải phân chia làm nhiều mảnh và giữ nền thống nhất cho quốc-gia đó.

II. — Nguyên - tắc trọng trưởng Theo nguyên-tắc này, trong số các con của vị vua vừa băng, *người con trưởng* (3) sẽ được chọn làm vua thay cha. Nếu con trưởng đã mất hay bị phạm-lỗi gì phải truất thì *cháu trưởng* sẽ lên cầm quyền.

Ngành thứ hai chỉ được chọn đến khi ngành trưởng không còn ai.

III. — Nguyên - tắc trọng nam Theo nguyên-tắc này thì ngôi vua chỉ được truyền cho người con trai mà

(1) KĐVSTGCM, q. 21, tờ 9b.

(2) VŨ QUỐC THÔNG, *Pháp-chế sử*, bản quay ronéo của sinh-viên Luật-khoa về khóa giảng của giáo-sư niên-khóa 1960-1961, tr. 21-22-

(3) Con trưởng : là con trai nhiều tuổi nhất của bà vợ chính (Hoàng-hậu).

thôi. Như vậy sẽ không thể có nữ-hoàng. Nhưng «*dưới thời Lý Huệ-tông (1211-1225), nguyên-tắc trọng nam không được áp-dụng ; không những thế, nguyên-tắc trọng trưởng cũng bị gạt ra một bên (1), tuy nhiên thời kỳ khủng-hoảng của nguyên-tắc trọng nam hết sức ngăn ngừi, vì sau khi Lý Chiêu-hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh thì chế-độ trọng nam lại được áp-dụng* » (2).

Tóm lại, nhà vua chỉ được quyền chọn một trong số những người con của mình phong làm Thái-tử đề sau này lên ngôi. Người con này phải là con trai và là con trưởng (con nhiều tuổi nhất của Bà Hoàng-hậu).

Đoạn 2 : TRƯỜNG-HỢP VUA LÊ THÁNH-TÔNG

Vua Lê Thái-tông, theo đúng ba nguyên-tắc trên, đã chọn Nghi-Dân, con trai trưởng của Ngài, làm Thái-tử. Nhưng sau, vì mẹ Nghi-Dân là bà Thần-phi Dương-thị hay ghen nên bị vua phế làm thứ phụ (đàn bà thường dân), giáng Nghi-Dân xuống làm Lạng-sơn-vương, phong Bà Tuyên-từ (mẹ Bang-Cơ) làm Hoàng-hậu ; do đó, lập Bang-Cơ làm Thái-tử. Như vậy ba nguyên-tắc trên vẫn được tôn-trọng vì Bang-Cơ là con trai lớn tuổi nhất (3) của bà vợ chính (Hoàng-hậu).

Sau Nghi-Dân cướp ngôi, giết vua Nhân-tông (tức Thái-tử Bang-Cơ xưa), rồi lại bị quần-thần giết, thì đáng lý ngôi vua phải trở về Cung-vương Khắc-Xương là người lớn tuổi hơn Gia-vương Tư-Thành vì Bang-Cơ không có con trai (4) (vì cả hai bà mẹ của Khắc-Xương và của Tư-Thành đều không phải là vợ chính của vua Thái-tông, nên phải chọn người lớn tuổi hơn). Nhưng Cung-vương không chịu nhận, nên triều thần phải mời Gia-vương lên ngôi. Vậy là, nguyên-tắc trọng trưởng đã không được áp-dụng cho trường hợp vua Lê Thánh-tông.

(1) Vì Thuận-thiên công-chúa là chị của Lý Chiêu-hoàng thì lại không được truyền ngôi cho.

(2) VŨ QUỐC THÔNG, *Pháp-chế sử*, bản quay ronéo của sinh viên Luật-khoa niên-khóa 1960-1961, tr. 22.

(3) Bà Tuyên-từ chỉ có Bang-Cơ là con trai độc nhất.

(4) Hiện chúng tôi không thấy có tài liệu nào chứng tỏ rằng vua Nhân-tông có con cả.

TIẾT III

QUYỀN-HẠN VÀ NHIỆM-VỤ CỦA VUA

Đoạn 1: QUAN-NIỆM CHUNG CỦA ĐÔNG-PHƯƠNG VỀ QUYỀN-HẠN VÀ NHIỆM-VỤ CỦA VUA.

Bàn về quyền-lực của vua Việt-Nam, Luro trong cuốn *Le pays d'Annam* đã viết : « *Chế-độ chính-trị của xã-hội Việt-Nam không phải là dân-chủ và, cũng không phải là thiêu-số chính-trị : chính-thề là nền quân-chủ thuần-túy. Thực vậy, ở dân Việt-Nam, chúng ta không thấy có quốc-hội kiểm-sát hành-động hay hạn-chế quyền-lực của vua, mà cũng không thấy có giai-cấp quý-tộc làm đối-lực cho quyền-thế nhà vua* » (1).

Tuy không có quốc-hội và giai-cấp quý-tộc làm giảm bớt quyền vua, nhưng vua Việt-Nam nói riêng, Đông-phương nói chung, không phải có toàn quyền hành-động tuyệt đối theo ý riêng của mình.

Thực vậy, ta đã biết, theo quan-niệm của Khổng-giáo, cũng là quan-niệm chung của Á-đông, vua chỉ là người thừa-hành mệnh trời để trị dân. Như thế vua có trách nhiệm đối với Trời và phải làm theo ý muốn của Trời. Mà ý Trời không phải là một ý-niệm mơ-hồ : ý đó được cụ-thề-hóa bằng ý dân.

Thực thế, Kinh Thư đã viết : « *Thiên cặng vu dân, dân chi sở dục, Thiên tất tòng chi* » « Trời thương dân, dân muốn điều gì, Trời cũng theo » (Thư : Thái-thệ thượng) (2). Vậy muốn biết lòng Trời thì cứ xem lòng dân : « *Thiên thị tự ngã dân thị, Thiên thính tự ngã dân thính* » « Trời trông thấy, tự ở dân ta trông thấy ; Trời nghe thấy, tự ở dân ta nghe thấy » (Thư : Thái-thệ trung) (3).

Vì vua phải theo ý dân, nên trong thiên-hạ, dân là quý hơn : « *Dân vi quý, xã-tắc thứ chi, quân vi khinh* » « Dân là quý, xã-tắc là thứ, vua là nhẹ » (4). Như thế, dù vua có quyền lực to

(1) E. LURO, *Le pays d'Annam*, tr. 85. Nguyên văn : « *La constitution politique de la société annamite n'est ni démocratique, ni oligarchique ; son gouvernement est la monarchie pure. Nous ne trouvons, en effet, chez les Annamites, ni parlement venant contrôler les actes du monarque ou limiter son pouvoir, ni noblesse faisant contre-poids à sa puissance* ».

(2) TRẦN TRỌNG KIM, *Nho giáo*, tr. 167.

(3) NI

(4) MẠNH-TỬ, *Cáo-tử chương cú hạ*.

thế nào mặc lòng, cũng phải lấy phép công làm trọng. Phép công một khi đã định rồi thì từ vua cho chí dân không ai có quyền làm gì trái phép ấy.

Chính vì lẽ ấy mà khi Đào Ưng hỏi Mạnh-tử : « Ông Thuấn làm vua, Cao-Dao làm quan sĩ, Cờ-Tàu (1) giết người, thì làm thế nào ? » — Mạnh-tử đáp : « Cứ việc bắt ông Cờ-Tàu vậy ». — Vậy thì ông Thuấn không cấm à ? — « Vua Thuấn cấm sao được. Phép truyền thụ đời nọ qua đời kia là phép công vậy » (2).

Tóm lại, theo quan-niệm chung của Đông-phương, nhiệm-vụ của nhà vua là phải thừa mệnh Trời để trị dân, mà mệnh Trời ở đây được thể hiện bằng ý muốn của dân. Vậy, nghĩa là vua phải làm theo ý muốn đó, chứ không được ý-quyền mà hà-hiếp dân.

Nhiệm-vụ này do Trời dành riêng cho người có tài, có đức. Vì thế, vua chỉ phải chịu trách-nhiệm đối với Trời. Và, để thi-hành cái nhiệm-vụ cao cả và thiêng-liêng đó, vua có quyền thật rộng rãi. Nhưng quyền này lại cũng bị hạn-chế bởi phép nước đã qui-định từ trước.

Đoạn 2 : SỰ XÁC-ĐỊNH QUYỀN-HẠN VÀ NHIỆM-VỤ TRÊN CỦA VUA LÊ THÁNH-TÔNG.

Các vua triều Lê đã nhiều lần, qua các văn-kiện, xác-nhận quan-niệm về nhiệm - vụ và quyền hạn trên

Vua Lê Nhân-tông (1443-1459) đã công-nhiên nhận lãnh trách-nhiệm do Trời dành cho để trị dân trong bài chiếu xét mình nhân dịp Trời làm đại hạn vào năm Kì-tị (1449). Thực vậy, khi trong guồng máy chính-trị của nhà vua còn có những kẻ không xứng đáng như : « Các chức thú-lệnh chẳng biết võ về chăn nuôi dân, chỉ chăm bề xâm phạm đục-khoét... », « quan coi hình-ngục không giữ sự công bằng, rộng rãi, tham-lam khắc nghiệt... », « nhà quyền quý cậy thế ra oai làm người dân mọn phải oan-khuất... » thì nhà vua tự nhận thấy mình « chẳng hết lòng thành để cảm được lòng Trời » vì đã « chẳng dùng người hiền-năng, còn dùng toàn bọn mờ tối nhỏ nhen ». Những lỗi lầm ấy đã làm « thương tổn hòa-khí của trời đất » khiến cho Trời nổi giận làm « hạn hán, thóc lúa không thu-hoạch được, dân tình sầu than ». Cho nên, để tạ tội với Trời, vua Lê Nhân-tông đã hứa « kẻ

(1) Cờ-Tàu : là cha vua Thuấn.

(2) MẠNH-TỬ, *Tận-tâm chương cú-thượng*. Nguyên văn : Thuấn vi Thiên-tử, Cao Dao vi sĩ, Cờ Tàu sát nhân, tặc như chi hà ? — Mạnh-tử viết : « Chấp chi nhi dĩ hỹ » — Nhiên tắc Thuấn bất cấm dư ? — Viết : « Phú, Thuấn ó dắc nhi cấm chi ? Phú, hữu sở thụ chi dã »

cứu lời xưa dạy bảo sửa lỗi, tìm hết đường xét mình » khiến cho « trên được lòng Trời hồi tưởng đến, dưới có thể cứu chữa đau khổ cho dân » (1).

Và dưới triều Lê Thánh-tông, tháng 6 năm Canh-tí (1480), nhân dịp trời làm đại-hạn, nhà vua cũng ban chỉ dụ : « *Hình bộ cập các xứ Thừa Hiên Phủ Huyện nhĩ lai khám lý ngục tụng suất đa tuần tư độc hóa, hoặc văn án yêm-trệ, hoặc thượng hạ suy ủy, gian trá bách đoan, mặc vi thân lý, oan lạm sâu thán, tuần trí hạn tai* (2)... nghĩa là : « ít lâu nay bộ Hình cũng Thừa, Hiên, Phủ, Huyện các xứ khám xét việc kiện tụng phần nhiều theo bụng riêng, lấy tiền một cách nhằm nhĩ, hoặc là văn án đề ngưng trệ, hoặc là trên dưới suy-tị nhau, gian trá trăm mối, không ai vì dân mà làm sáng tỏ lẽ phải trái, khiến người bị tội oan, kẻ bị phạt lạm, oán thán sâu khổ, đến nỗi Trời làm hạn hán... »

Xét những văn kiện trên, chúng ta nhận thấy rõ ràng :

1) Nhà vua đã minh-thị công nhận trách-nhiệm của mình đối với Trời về việc trị dân. Trong trường hợp chính sách của mình sai lầm đến nỗi « *oán khí bốc lên, làm thương tổn đến hòa khí của trời đất* » thì Trời sẽ ra tai họa để cảnh-cáo. Lúc đó nhà vua phải tự xét mình, sửa đổi lại chính-trị cho hợp lòng Trời, thuận ý dân (3).

2) Vì chỉ chịu trách nhiệm đối với Trời, nên nhà vua có toàn quyền hành-động. Vua nắm cả quyền lập-pháp lẫn hành-pháp và tư-pháp nữa :

— Chỉ riêng vua mới có quyền đặt luật-pháp, ra mệnh lệnh. Nếu mệnh-lệnh có tính cách chung, có cưỡng-áp-lực đối với tất cả mọi người hay một số đông thì gọi là DỤ hay SẮC DỤ (nếu quan trọng), hoặc SẮC-LỆNH hay SẮC-CHỈ (nếu ít quan trọng). Nếu mệnh-lệnh có tính cách riêng, thi-hành đối với một cá-nhân nào, thì gọi là CHIẾU hay CHIẾU-CHỈ hay SẮC-CHIẾU.

— Đã có toàn quyền đặt ra luật-pháp, nhà vua lại có toàn quyền bổ-nhiệm, điều-động các quan lại từ vị quan đứng đầu triều tới người thợ-lại nhỏ-mọn để thi hành các luật-pháp do vua ban mà cai-trị dân. Vậy là vua đứng đầu cơ-quan hành-pháp.

— Ngoài ra, vua còn là vị thẩm-phán quan cao nhất trong nước

(1) Tất cả những lời dẫn trên đều trích trong bài chiếu xét mình trong KĐVSTGCM, q. 18, tờ 16a và b.

(2) KĐVSTGCM, q. 23, tờ 22a.

(3) Xin xem lại những đoạn trích dẫn bài chiếu tự xét mình của vua Lê Nhân-tông, tr. 42 tập tiểu luận này.

vì, các vụ án quan trọng phải đệ-trình lên vua duyệt lại, và chỉ vua mới có quyền ân-xá tội nhân, sửa đổi các bản án mặc dầu những án đó đã được quan tuyên xử rồi.

Bởi thế, nếu các quan lại mà khám xét việc kiện tụng không công bằng, gian dối, xảo trá «*khiến người bị tội oan, kẻ bị phạt lạm, oán thán sâu khờ*» thì «*Trời làm hạn hán...*» (1) để cảnh-cáo. Bấy giờ vua phải nhìn nhận đó là lỗi của mình đối với Trời và phải đích thân tạ lỗi đó (2).

Như vậy quyền của nhà vua chỉ bị kiểm-chế bằng nhiệm-vụ trừu tượng đối với Thượng-đế và ý-niệm «*dân vi quý*» trong Nho-giáo. Không có một cơ-quan nào cụ-thể để kiểm-sát hành-động và hạn-chế quyền-hành của nhà vua. Và, trên thực-tế, vua có toàn quyền quyết định, xử-đoán theo ý riêng của mình.

Thực thế, ở cuối tờ dụ «*Hiệu định quan chế*», ban hành ngày 26 tháng 9 năm Hồng-đức thứ hai (1471), để bịt miệng những ai muốn bàn tán về sự quyết-định sửa đổi lại quan-chế của mình, vua Lê Thánh-tông đã có câu : «*Kẻ làm bầy tôi giúp giập, cũng nên kính giữ phép thường, kính giữ vua trên, khiến noi công trước, tránh khỏi tội lỗi. Bằng dám có dẫn viện phép trước, cần bàn đến một quan, đòi một chức, chính thị là bầy tôi phản-nghịch, làm rối loạn phép nước, giết bỏ chợ không thương, gia thuộc đều bị phát vãng ra nơi biên viễn, đề rõ cái tội làm tôi không trung; ngộ hầu muôn đời sau biết đến cái ý sáng chế lập pháp còn ngụ ở đây vậy. Cho nên có lời dụ này!*» (1)

(1) Trích dụ của vua Lê Thánh-tông ban vào dịp trời làm hạn hán năm Canh-tí, đã chép ở trang 42 tập tiểu luận này.

(2) Theo KĐVSTGCM, q. 23 tờ 3a thì tháng tư năm Bính-thân (1476) trời làm hạn hán, vua Lê Thánh-tông thân hành ra cầu đảo Thượng-đế.

(3) ĐVSKTL, q. 12, tờ 67b.

Chương II

CÁCH TỔ-CHỨC CÁC CƠ-QUAN THUỘC CHÍNH- QUYỀN TRUNG - ƯƠNG

Từ triều Lê Thánh-tông trở về trước, trong cách tổ-chức chính - quyền của nước ta, người đứng đầu quốc - gia là vua, nhưng vua thường giao - quyền trực - tiếp điều - khiển các quan lại cho một vị Tề-tướng (hay Tướng-quốc). Đến đời Lê Thánh-tông, năm Hồng-đức thứ hai (1471) trong bài dụ «Hiệu-định quan-chế», vua Thánh-tông đã ra lệnh bãi bỏ chức-vụ Tề-tướng và tự mình đứng ra điều-khiển trăm quan, trong câu ; «*Ngày nay đất đai, bản chương so với thời trước khác xa nhau lắm, không thể không tự mình cầm lấy quyền chế-tác, hết sức theo cái đạo biến thông* » (1).

Ngoài ra, đề trực-tiếp giúp vua cai trị dân, có các cơ-quan hành, chánh trung-ương ; trực-tiếp giúp vua đảm bảo an-ninh cho quốc-gia, có các cơ-quan binh-bị ; và, sau hết, đề kiểm-sát và trừng-trị các quan lại phạm-pháp, có cơ-quan kiểm-sát và tư-pháp.

Vậy chúng ta sẽ xét những điểm trên trong 3 tiết của chương này :

Tiết I : Cách tổ-chức hành-chánh trung-ương

Tiết II : Cách tổ-chức binh-bị

Tiết III : Cơ quan kiểm-sát và tư-pháp.

(1) Xin xem cả bài *Hiệu-định quan chế* trong phần phụ lục của tập tiểu luận này.

TIẾT I

CÁCH TỔ-CHỨC CỦA CÁC CƠ-QUAN HÀNH-CHÁNH TRUNG-ƯƠNG

Tất cả mọi việc quan-trọng đều do vua quyết định tối-hậu. Vì thế, bên cạnh vua cần có nhiều văn-phòng phụ giúp.

Dưới vua, quyền cai-trị dân toàn quốc quy cả vào 6 bộ tại triều-đình.

Đề giúp các bộ điều-hành công việc, còn có nhiều cơ-quan chuyên-môn phụ-tá.

Vì đó, muốn xét cách tổ-chức cùng nhiệm-vụ của các cơ-sở chính-quyền trung-ương, ta cần xét 3 điểm sau đây trong 3 đoạn :

- 1) Những văn-phòng bên cạnh vua và Thái-tử.
- 2) Lục bộ và lục tự
- 2) Các cơ-quan chuyên-môn.

Đoạn 1 : NHỮNG CƠ-QUAN TRÔNG COI GIẤY TỜ BÊN CẠNH VUA VÀ THÁI-TỬ.

Phân đoạn 1 : Những cơ-quan trông coi việc giấy tờ bên cạnh vua :

Những cơ-quan này gồm có :

- Hàn-lâm-viện
- Đông-các
- Trung-thư-giám
- Bí-thư-giám
- Hoàng-môn-tĩnh

I. — Hàn-lâm-viện
ca, văn thư (2).

Hàn-lâm-viện là cơ-quan phụng-mệnh vua khởi thảo các bài chế, cáo(1), thơ,

Các quan trong viện Hàn-lâm là :

✱ Đứng đầu : Hàn-lâm-viện Thừa-chỉ (hàng 4a) (3)

(1) Chế, cáo : xin xem chú thích số (1) và (5), tr. 4 tập tiểu luận này.

(2) HĐTTSL, tờ 20a.

(3) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 17b.

✧ Kế đến :

- Hàn-lâm-viện Thị-độc (hàng 5a) giữ việc đọc sách, tham khảo(1).
- Hàn-lâm-viện Thị-giảng (hàng 5b) phụ-trách việc giải thích, bình-luận, chú thích các văn thư, thơ, ca, chế, biểu (2)
- Tả, Hữu Thuyết-thư (hàng 5b) coi việc giảng nghĩa kinh sách(3).
- Hàn-lâm-viện thị-thư (hàng 6a) biên chép các văn-thư(4).
- Hàn-lâm-viện Đãi-chế (hàng 6b) sẵn sàng cho biết ý kiến về văn-từ trong bài chế của vua (5)

— Hàn-lâm-viện Hiệu-lý, Đãi-chiếu (hàng 7a) kiểm-sát, chỉnh-lý và sẵn sàng cho ý kiến về văn-từ trong chiếu-chỉ, cùng là chú giải khi có người hỏi về những chữ trong chiếu-chỉ của vua (6).

— Hàn-lâm-viện Kiểm-thảo (hàng 7b) giữ việc kiểm-thảo các văn thư (7).

Trực-thuộc Hàn-lâm-viện còn có ba **quán** (8) là : Sùng-văn-quán, Chiêu-văn-quán và Tú-lâm-cục (9) trông coi về việc giáo-dục.

+ **Sùng-văn-quán** : là cơ-quan trông coi về những sách vở, đồ thư (10), cốt đề cung-cấp tài-liệu và chỉ bảo học-sinh (11).

+ **Chiêu-văn-quán** : là quán trông coi việc sao chép, sửa sang, hiệu-định tứ khổ đồ thư (12).

+ **Tú-lâm-cục** : là cục (13) trông nom và dạy bảo con các quan

(1) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 18a ; GOOTMD, tr. 37 và theo tự nghĩa.

(2) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 19a ; GOOTMD, tr. 37 và theo tự nghĩa.

Biểu : tờ tàu của bầy tôi dâng lên vua.

(3) KĐVSTGCM, q. 22 tờ 19a ; *Từ hải*, tr 1246.

(4) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 19b ; GOOTMD, tr. 37 và theo tự nghĩa.

(5) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 20a và theo tự nghĩa.

(6) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 20b và theo tự nghĩa.

(7) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 22b.

(8) **Quán** : tên chỉ cơ-quan. Nghĩa đen : nhà để làm việc, chỗ dạy học.

(9) KĐVSTGCM, q. 23, tờ 6 ; QCC, bản dịch, tr. 22.

(10) **Đồ thư** : Địa-đồ và thư-tịch

(11) TF, tr. 584.

(12) *Từ-hải*, tr. 638 ; **Tứ-khố Đồ-thư** : là 4 loại sách : 1— *Kinh* tức là sách triết học của Nho-giáo (Không-tử và Mạnh-tử) ; 2— *Sử* là sách chép những việc đã xảy ra ; 3— *Tử* là sách triết-học của chư-tử ngoài Không và Mạnh ; và 4— *Tập* là loại sách sáng tác của các văn-gia thi sĩ (thơ ca, phú...)

(13) **Cục** : còn đọc là cuộc, tên chỉ một cơ quan. Nghĩa đen : nơi, cơ sở, chỗ làm việc.

viên (1).

Mỗi quán trên đều có một viên Tư-huấn (hàng 8a) đứng đầu và một viên Điền-nghĩa (hàng 8b) giúp việc (2).

II.— Đông-các (3). Đông-các là cơ-quan phụng-mệnh sửa chữa các bài chế cáo, thơ, ca, văn thư ; và coi sóc sự bầu cử ở triều-đình, chức nào chưa được hợp thì Đông-các được làm tờ trình tâu lên (4).

Các quan trong Đông-các gồm có : (5)

✧ Đứng đầu : Đông-các Đại-học-sĩ (hàng 4b).

✧ Giúp việc có : Đông-các Học-sĩ (hàng 5b).

✧ Ngoài ra, còn có Đông-các Hiệu-thư (hàng 6a) giữ việc kiểm-sát, xem xét lại những bài chế, cáo, thơ, ca... do Đông-các Đại-học-sĩ phụng-mệnh sửa chữa (6).

III.— Trung-thư-giám. Đầu đời Lê, vua Lê Thái-tổ có đặt ra tam tỉnh là (7) :

(1) KĐVSTGCM, q. 23, tờ 6.

(2) KĐVSTGCM. q. 23, tờ 6; trong KĐVSTGCM, q. 22, tờ 22a chỉ thấy ghi có quan Điền-nghĩa ở Sùng-văn-quán, chứ không thấy có quan Tư-huấn ở quán này, Nhưng, theo suy luận, ta thấy 3 quán trên có tổ-chức giống nhau và phụ giúp lẫn nhau, nên thiết tưởng Sùng-văn-quán cũng phải có viên Tư-huấn đứng đầu như hai cơ-quan trên.

(3) Theo tổ-chức của nhà Minh (1368-1644) bên Tàu thì Đông-các là cơ-quan phụ giúp Hàn-lâm-viện. Nhà Minh đặt ra các Đại-học-sĩ để đứng đầu 4 điện và 2 các trong viện Hàn-lâm như sau : 4 điện là *Trung-cục-diện* (có Trung-cục-diện Đại-học-sĩ), *Kiến-cục-diện* (có Kiến-cục-diện Đại-học-sĩ), *Văn-hoa-diện* (có Văn-hoa-diện Đại-học-sĩ), và *Vũ-anh-diện* (có Vũ-anh-diện Đại-học-sĩ) ; cùng 2 các là : *Văn-uyên-các* (có Văn-uyên-các Đại-học-sĩ), và *Đông-các* (có Đông-các Đại-học-sĩ). Nhà Minh ít khi lập đủ 6 chức Đại-học-sĩ này, mà thường chỉ đặt 3 vị Đại-học-sĩ thôi. Trong thời Minh-sơ, các vị Đại-học-sĩ chỉ giữ việc làm cổ vấn cho thiên tử. Từ năm 1420 trở đi, các vị ấy mới giữ chức vụ thên chốt trong chính-phủ (theo GOOTMD, tr. 29)

Phỏng theo nhà Minh, vua Lê Thánh-tông đặt ra hai điện là : *Văn-minh-diện* (có Văn-minh-diện Đại-học-sĩ), *Cần-đức-diện* (có Cần-đức-diện Đại-học-sĩ), và 1 các là *Đông-các* (có Đông-các Đại-học-sĩ và Đông-các Học-sĩ (theo QCC, bản dịch, tr. 68). Nay vì thiếu tài-liệu ta không biết rõ nhiệm-vụ của hai điện Văn-minh và Cần-đức, có lẽ hai điện này là hai cơ-quan phụ giúp cho Hàn-lâm-viện, cũng gần như Đông-các vậy.

(4) HĐTTSL, tờ 20b.

(5) QCC, bản dịch, tr. 68.

(6) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 23 ; HĐTTSL, tờ 20b.

(7) KĐVSTGCM, q. 15, tờ 23b

— *Thượng-thư-tĩnh* giữ sự-vụ quan chức.

— *Trung-thư-tĩnh* giữ việc thương lượng, bàn bạc mọi việc trọng đại nhà nước.

— *Môn-hạ-tĩnh* thăm-tra mọi việc rồi mới ban bố thi-hành.

Đến đời Hồng-đức, năm thứ hai (1471), nhà vua bãi bỏ chức-vụ Tề-tướng, tự mình đứng ra điều-khiển mọi việc, nên mới giảm sự quan trọng của Trung-thư-tĩnh (trước kia, quan đứng đầu Trung-thư-tĩnh là Trung-thư-lệnh, thường giao cho Tề-tướng giữ), đổi làm Trung-thư-giám với nhiệm-vụ kém quan-trọng hơn nhiều.

Thực vậy, dưới triều này (Hồng-đức), Trung-thư-giám là cơ-quan phụ-trách việc *biên chép* tờ kim-tiên (1), ngân-tiên (2), tờ chề, tờ sắc (3) cùng các bài biểu, bài giảng (4), các văn-tế ở điện miếu (5)

Các quan tại Trung-thư-giám gồm có :

✧ Đứng đầu : Trung-thư-giám Xá-nhân (hàng 6a) (6)

✧ Kế đến :

— Trung-thư-giám Điền-thư (hàng 6b) chuyên khảo về kinh-diễn và văn thư (7)

— Trung-thư-giám Chính-tự (hàng 7a) có nhiệm-vụ hiệu-đính lại các chữ trong các bài văn thư (8).

Xét ba cơ-quan trên (Hàn-lâm-viện, Đông-các và Trung-thư-giám), ta thấy rõ Đông-các và Trung-thư-giám tuy không trực-thuộc Hàn-lâm-viện, nhưng có liên-hệ mật thiết với viện Hàn-lâm. Một văn-thư, đầu tiên do Hàn-lâm-viện *khởi thảo*, rồi chuyển qua Đông-các *sửa chữa*, cuối cùng đến Trung-thư-giám *biên chép*.

(1) Kim tiên : là tờ giấy có rắc vàng ; nhiều kim tiên đóng lại thành kim sách (sách vàng). Trong kim sách có chép tôn hiệu, thụy hiệu ; chẳng hạn như Hoàng đế khi lên ngôi hay vua phong vợ chính làm Hoàng-hậu, lúc đó đều đặt một tên hiệu, gọi là *tôn hiệu* ; khi vua trước mắt vừa hết tang, rước vào miếu thờ, đặt cho một tên, gọi là *thụy hiệu*.

(2) Ngân tiên : là tờ giấy có rắc bạc, đóng lại thành ngân sách (sách bạc). Ngân sách để chép lời phong chức-tước, tên hiệu... của vua cho các Hoàng-tử hay các bậc đại thần từ tước công trở lên.

(3) Sắc : xin xem trang 43 tập tiểu luận này

(4) Giản : thư từ.

(5) HBTSL, tờ 30ab.

(6) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 19b.

(7) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 20a và theo tự nghĩa.

(8) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 20b và theo tự nghĩa.

IV. — Bí-thư-giám.

Bí-thư-giám là cơ-quan trông coi về thư-viện của nhà vua (1)

Các quan trong Bí-thư-giám là :

✧ Đứng đầu : Bí-thư-giám Học-sĩ (hàng 5b) (2)

✧ Kế đó : Bí-thư-giám Điền-thư (hàng 6b) (3)

V. — Hoàng-môn-tĩnh.

Hoàng-môn-tĩnh là cơ-quan giữ ấn của nhà vua (4).

Đứng đầu cơ-quan này là Hoàng-môn Thị-lang (hàng 3b) (5).

Về ấn của nhà vua, năm Thiệu-bình thứ hai (1435), vua Lê Thái-tông đã cho đúc 6 quả bảo ấn — Sau này, vua Lê Thánh-tông chỉ dùng lại có 5 quả sau, còn quả bảo-tử truyền quốc thì vua Thánh-tông cho đúc lại — Sáu quả bảo ấn đó là (6) :

1) *Thuận thiên thừa vận chi bảo* để dùng vào việc truyền ngôi. Năm Quang-thuận thứ 8 (1467), vua Lê Thánh-tông cho thay quả bảo ấn này bằng quả « Hoàng-đế thụ-mệnh chi bảo » (7) :

2) *Đại-thiên hành hóa chi bảo* để dùng vào việc đánh dẹp.

3) *Chế cáo chi bảo* để dùng đóng vào bài chế, bài chiếu.

4) *Sắc mệnh chi bảo* dùng vào việc ra hiệu lệnh, thưởng hay phạt.

5) *Ngự tiền chi bảo* dùng để đóng vào sớ-sách.

6) *Ngự tiền tiêu bảo* dùng vào việc cơ-mật.

Phân đoạn 2 : Những cơ-quan trông coi giấy tờ bên cạnh Thái-tử.

Những văn-phòng thuộc phủ của Thái-tử (còn gọi là Cung-sư-phủ hay phủ Đông-cung) gồm có :

— Chiêm-sự-viện (8)

(1) TF, tr. 204.

(2) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 21b. Xét KĐVSTGCM, q. 22, tờ 19a, ta không thấy ghi chức này trong hàng tòng ngũ phẩm. Nhưng QCC, bản dịch, tr. 68 có câu : « Vua Thánh-tông định lại quan-chế, lại đặt các chức Học sĩ », suy ra, có lẽ các chức Học sĩ cùng hàng với nhau. Chúng ta đã thấy Đông-các Học sĩ ở hàng 5b, nên cũng xếp Bí thư giám Học-sĩ ở hàng này.

(3) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 20a không thấy chép chức quan này. Đây chép theo QCC, bản dịch, tr. 30.

(4) TF, tr. 138 và 140.

(5) QCC, bản dịch, tr. 22.

(6) KĐVSTGCM, q. 16, tờ 25.

(7) KĐVSTGCM, q. 21, tờ 9b và 10a.

(8) Nhà Đường gọi là Chiêm-sự-phủ ; vua Lê Thánh-tông đặt là Chiêm-sự viện.

- Tả Xuân-phường.
- Hữu Xuân-phường.

Những cơ-quan này được thiết-lập đầu tiên ở nước ta dưới triều vua Lê Thánh-tông.

I— **Chiêm-sự-viện.** Chiêm-sự-viện là cơ-quan trông coi, quán xuyến tất cả mọi việc thuộc Cung-sự-phủ.

* Đứng đầu Chiêm-sự-viện có Chiêm-sự-viện Chiêm-sự (hàng 5a) (1)

* Và giúp việc có Chiêm-sự-viện Thiếu Chiêm-sự (hàng 5b) (2)

II— **Tả Xuân-phường** Đứng đầu Tả Xuân-phường là quan Tả Thứ-tử (hàng 3a) (3).

Giúp việc Tả Thứ-tử có quan Tả Trung-doãn (hàng 4a) (4).

Những vị quan này có nhiệm-vụ theo hầu, giúp đỡ, khuyên bảo Thái-tử và *giải thích* những tờ khải tấu (5).

Các quan Tả Thứ-tử và Tả Trung-doãn còn có trách-nhiệm điều khiển :

— *Ty-kinh-cục* : tại cục này có hai quan Ty-kinh-cục Tây-mã (hàng 7a) giữ việc coi sóc kinh-diền, sớ sách, theo hầu Thái-tử, nhận giữ tất cả văn thư, đồ họa của Thái-tử (6). Dưới quan Tây-mã là quan Điền-hàn (hàng 7b) (7) giúp đỡ công việc trông coi sách vở ; kinh-diền và hầu tâu với Thái-tử về văn-chương (8).

— *Điền-thiết* : là cơ-quan phụ-trách việc trần thiết trong Cung-sự-phủ.

— *Dược-tàng* : là cơ-quan gìn-giữ thuốc.

(1) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 18b.

(2) Nt

(3) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 17a ; QCC, bản dịch, tr. 73 ; *Tân Đường thư, Bách quan chí*, q. 49 thượng, tờ 7b.

(4) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 17b ; TF, tr. 578.

(5) TF, tr. 578. Khôi tấu : theo chú thích số (2), tr. 578 của R. DESROTOURS, TF, thì danh từ « khải tấu » được dùng để chỉ chung tất cả những văn thư gửi lên Thái tử.

(6) *Tân Đường thư, Bách quan chí*, q. 49 thượng, tờ 8a ; KĐVSTGCM, q. 22, tờ 20b.

(7) *Tân Đường - thư, Bách quan chí*, q. 49 thượng, tờ 8a ; KĐVSTGCM, q. 22, tờ 20b. Nhà Đường gọi là quan Học-sĩ. So với quan chức đời Hồng-đức là quan Điền-hàn.

(8) *Tân Đường-thư, Bách quan chí*, q. 49 thượng, tờ 8a ; KĐVSTGCM, q. 22, tờ 21a.

— *Diên-thiện* : là cơ-quan kiểm - sát thức ăn, thức uống cho Thái-tử.

— *Cung-môn* : là cơ-quan trông coi, giữ gìn, canh gác cửa ngõ của Cung-sư-phủ (1).

Thuộc Tả Xuân-phường còn có các quan :

— Tả Dự-đức (Hàng 3b) có nhiệm-vụ nhắc-nhở Thái-tử noi theo đạo đức, khuyên răn Thái-tử làm điều thiện và tùy cơ-hội mà giúp đỡ Thái-tử (2).

— Tả Xuân-phường (hàng 4a) coi giữ sách vở (3).

— Tả Tán-thiện (hàng 4b) có trách-nhiệm chuyên những lệnh (4) của Thái-tử, lưu ý Thái-tử về những lầm lỗi, chỉ dẫn Thái-tử về những lễ nghi và dạy con Thái-tử học (5).

III — Hữu Xuân-phường Đứng đầu Hữu Xuân-phường là quan Hữu Thứ-tử (hàng 3a) (6).

Phụ-tá Hữu Thứ-tử có quan Hữu Trung-doãn (hàng 4a) (7).

Những vị này có nhiệm-vụ theo hầu Thái-tử và *dâng nạp* tờ khai-tấu (8).

Vậy, ta thấy rõ : một tờ khai tấu được đệ lên Thái-tử, trước hết do quan Hữu Thứ-tử và Hữu Trung-doãn dâng nạp. Nếu trong tờ khai-tấu đó có điều-cổ khó, chữ không được rõ nghĩa .. thì quan Tả Thứ-tử và Tả Trung-doãn ở Tả Xuân-phường có nhiệm-vụ *hiệu-chính*, tham khảo những điều-cổ, những chữ khó đó.

Trong lúc vua đi vắng, Thái-tử làm Giám-quốc thì, mỗi khi ra lệnh gì, chính Thái-tử phải tự tay viết ngày vào tờ giấy ra lệnh, gọi là *lệnh thư*, rồi chuyển lệnh-thư này qua Hữu Xuân-phường. Lúc đó

(1) Tất cả đoạn này theo : TF, tr. 578 ; *Tán Đường-thư, Bách quan chí*, q. 49 thượng, tờ 7b — 9a.

(2) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 17b ; *Tán Đường-thư, Bách quan chí*, q. 49, thượng tờ 7b.

(3) QCC, bản dịch, tr. 73 ; KĐVSTGCM, q. 22, tờ 17b.

(4) Lệnh : những thư của Thái tử gọi là « lệnh » (*Tán Đường-thư, Bách quan chí*, q. 49 thượng, tờ 7a).

(5) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 18a ; *Tán Đường-thư, Bách quan chí*, q. 49 thượng, tờ 8a.

(6) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 17a ; TF, tr. 594,

(7) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 17b. Theo chế độ nhà Đường, quan phụ tá Hữu Thứ-tử không gọi là Hữu Trung-doãn, mà là Trung Xá-nhân (theo TF, tr. 594).

(8) *Tán Đường-thư, Bách quan chí*, q. 49 thượng, tờ 9a.

quan Hữu Thứ-tử tuyên bố cho mọi người biết và quan Hữu Trung-
doãn theo lệnh mà thi-hành (1).

Ngoài ra còn có các quan :

— Hữu Dự-đức (hàng 3b) làm cố vấn (2)

— Hữu Xuân-phường (hàng 4a) giữ sách vở (nhiệm vụ cũng
như Tả Xuân-phường) (3)

— Hữu Tán-thiện (hàng 4b) kiểm sát hành-vi của Thái-tử (4).

Đoạn 2 : LỤC BỘ VÀ LỤC TỰ

Phân đoạn 1 : Sơ lược về cách tổ-chức các bộ và các tự.

Năm 1460 Nghi Dân đặt ra 6 bộ là : bộ Lại, bộ Hộ, bộ Lễ, bộ
Binh, bộ Hình và bộ Công (5).

Đến năm Quang-thuận thứ 6 (1465), vua Lê Thánh-tông đòi 6
bộ làm 6 viện, mỗi viện đều đặt chức Thượng-thư và Tả Hữu Thị-
lang (6).

Năm Quang-thuận thứ 7 (1466), vua Thánh-tông lại đòi 6 viện
làm 6 bộ. Đó là : bộ Lại, bộ Hộ, bộ Lễ, bộ Binh, bộ Hình và bộ
Công (7).

Ở mỗi bộ, nhà vua đều đặt chức Thượng-thư (hàng 2b) đứng
đầu và Tả Hữu Thị-lang (hàng 3b) đứng thứ nhì để giúp việc (8).
Những công việc vặt vãnh chuyên-trách trong bộ thì giao sang Thanh-
lại-ti, có viên Lang-trung (hàng 6a) trông coi và viên Viên-ngoại-lang
(hàng 6b) giúp việc. Còn những công việc thường nhật của bộ thì
giao cho Tư-vụ-sảnh, có quan Tư-vụ (hàng 8b) đứng đầu. Riêng bộ
Hộ và bộ Hình còn thêm Chiếu-ma-sở có quan Chiếu-ma (hàng 8b)
phụ-trách việc ghi chép văn, thư vào sổ (9).

Nhà vua còn cho thiết lập thêm 6 tự (nghĩa đen : chùa ; nhà
quan ở) để giúp các bộ điều hành công việc. Đó là :

1) Đại-lý-tự.

(1) TF, tr. 595

(2) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 17a ; TF, tr. 596.

(3) QCC, bản dịch, tr. 73.

(4) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 18a ; TF, tr. 597.

(5) KĐVSTGCM, q. 19, tờ 1b ; ĐVSKTL, q. 12, tờ 24a.

(6) KĐVSTGCM, q. 19, tờ 31a.

(7) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 6a.

(8) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 6a.

(9) QCC, bản dịch, tr. 50 — 52 ; KĐVSTGCM, q. 20, tờ 6 và q. 22,
tờ 16 — 24 ; HÜCKER, GOOTMD, tr. 32.

- 2) Thái-thường-tự
- 3) Quang-lộc-tự
- 4) Thái-bộc-tự
- 5) Hồng-lô-tự
- 6) Thường-bảo-tự

Mỗi tự đều đặt chức Tự-khanh (hàng 5a) đứng đầu, Thiếu-khanh (hàng 6a) đứng thứ nhì và Tự-thừa (hàng 7a) giúp việc (1)

I.— Bộ Lại.

A.— Cách tổ-chức của bộ Lại.

1) Ban chỉ-huy.

Đứng đầu bộ Lại là quan Lại-bộ Thượng-thư (hàng 2b), đứng thứ nhì là hai quan Lại-bộ Tả và Hữu Thị-lang (hàng 3b); 3 vị quan này hợp thành ban chỉ-huy có trách-nhiệm và có quyền điều-khiển tất cả các công việc của bộ Lại (2).

2) Cơ-quan chuyên-trách : Thuyên-khảo Thanh-lại-ti.

Đề công việc của bộ Lại được điều hòa nhanh chóng và phân-minh, những công việc có tính cách chuyên - môn như thuyên-chuyên, chọn bổ và khảo-sát quan lại được trao cho một cơ-quan đặc-trách gọi là Thuyên-khảo Thanh-lại-ti.

Đứng đầu cơ-quan này là một viên Lang-trung (hàng 6a), có một viên Viên-ngoại-lang (hàng 6b) phụ-tá (3).

3) Cơ-quan thường-trực : Tư-vụ-sảnh.

Cũng như các bộ khác, bộ Lại có một Tư-vụ-sảnh đề trông coi, điều hành những công việc thường nhật của bộ.

Đứng đầu cơ-quan này là một quan Tư-vụ (hàng 8b) (4).

B.— Nhiệm-vụ của bộ Lại (5).

(1) ĐVSKTL, q. 12, tờ 24a; KĐVSTGCM, q. 22, tờ 16 — 24.

(2) TF, tr. 32; KĐVSTGCM, q. 20, tờ 6.

(3) QCC, Bản dịch, tr. 51; HUCKER, GOOTMD, tr. 32; theo HUCKER, GOOTMD, tr. 32-33 thì bộ Lại dưới triều Minh bên Tàu gồm có 4 văn-phòng chuyên-trách là: Văn-tuyên Thanh-lại-ti trông coi về việc tuyên bổ; Nghiệm - phớng Thanh-lại-ti coi việc phong quan chức; Kê-huán Thanh-lại-ti coi về sổ sách, biên chép; và Khảo-công Thanh-lại-ti coi việc khảo-sát quan lại.

(4) QCC, bản dịch, tr. 50; HUCKER, GOOTMD, tr. 32.

(5) Chúng tôi ghi lại đây nhiệm vụ của bộ Lại và các bộ khác nữa ở dưới triều vua Lê Chiêu-thống (1786 — 1789) vì, dưới triều này, nhà vua đã ra lệnh: « Tham bác quan - chế cũ thời Hồng-dức mà đặt ra thuộc liêu 6 bộ » (QCC, bản-dịch, tr. 50)

Bộ Lại có nhiệm-vụ tuyền bổ, thăng giáng, lựa chọn, khảo-xét phong tước các quan lại (1).

1) *Việc tuyền bổ và lựa chọn các quan lại.*

a) Nguyên tắc tuyền bổ.

Những người được ra làm quan dưới triều Hồng-đức thường theo ba con đường :

- Hoặc do lệ tuyền cử
- Hoặc do lệ bảo-cử
- Hoặc do lệ tập ấm.

Những nguyên-tắc về các lệ này, chúng tôi sẽ nói rõ trong tiết II của chương III, tập tiểu luận này.

b) Thời gian tuyền bổ.

Theo lệ, cứ :

— *Sáu năm*, có một lần thuyên chuyển và tuyền bổ lớn gọi là *đại trừ*.

— Mỗi năm có một lần bổ quan lại vào các chức bị khuyết, gọi là *bổ-khuyết*.

c) Thủ-tục tuyền bổ.

— *Yết bảng và thu đơn* : Hàng năm, cứ đến tháng ba, bộ Lại phải yết bảng về việc tuyền dụng quan lại và thu đơn của những người muốn xin ra làm quan.

— *Xét đơn và tuyền lựa* : Tới tháng bảy mỗi năm, bộ Lại sẽ xét đơn và, đến tháng tám, công việc xét đơn phải xong ; bấy giờ bộ Lại chia đơn ra từng loại theo lệ về việc tuyền bổ đã chỉ định (2), rồi làm sớ danh-sách tâu lên vua. Khi có chiếu chỉ của vua giao xuống thì bộ Lại lại chuyển sớ danh-sách này qua quan Chính-đường (3) xem lại, xong đưa sang Lại-khoa duyệt.

— *Cấp bằng* : khi Lại-khoa duyệt xong, chuyển sớ danh-sách về bộ Lại, bộ Lại mới làm sắc lệnh và nếu là quan chức ngoại-nhiệm thì cấp thêm bằng khám-hợp (4).

Khi xét xong sắc-lệnh, các quan Lang-trung và Viên-ngoại-lang

(1) QCC, bản dịch, tr. 153.

(2) Xin xem rõ lệ này ở tiết II, chương III tập tiểu luận này.

(3) **Quan Chính đường** : quan ở triều đình. Nay không rõ là quan nào, có lẽ là các quan lớn thuộc các bộ liên hệ tới người sắp cử vào bộ của mình.

(4) **Bằng khám hợp** : là mảnh giấy có đóng dấu, chia làm hai nửa để khi kiểm tra thì đối chiếu hai nửa với nhau, nếu phù hợp, là đúng.

phải tra xét lại một lần nữa, viết đủ cả phần hàm và, nếu có bằng khám hợp thì có cả dấu của quan Tư-vụ đã đóng dấu khám hợp, rồi trình lên quan Thượng-thư duyệt-y. Xong, mới đưa cho đương-sự (1).

2) Việc khảo-xét và thăng giáng các quan lại.

a) Lệ khảo-xét và thăng giáng các quan lại.

Đề khảo-xét khả năng cùng tính thanh-liêm, miễn cán của các quan lại hầu định cho công bằng việc thăng giáng họ, vua Lê Thánh-tông đã đặt ra khoa thi Hoàn-hừ và định lệ khảo-khóa rất phân minh.

Chúng ta sẽ có dịp xét tới khoa thi Hoàn-hừ cùng lệ khảo-khóa trong chương III, tiết IV, tập tiểu luận này.

b) Thủ-tục về việc khảo xét các quan lại.

Khi khảo-khóa các quan lại (sơ khảo và thông-khảo) (2), thì các quan ở bộ Lại hội với các quan ở Ngự-sử-đài cùng xét.

Theo lệ, mỗi năm biên-bản về việc khảo-xét trên phải nộp về bộ Lại để bộ xét định lại. Rồi những biên bản này sẽ được chuyển lên quan Chính-đường thăm định một lần nữa, đoạn mới xin chỉ vua định đoạt việc thăng giáng thưởng phạt các quan lại (3).

Về việc thăng quan, có hai trường hợp :

— *Trường hợp thứ nhất* : những họ ngoại-thích (có họ với Hoàng-hậu) hay con cháu các bậc khai-quốc công thần, cùng các quan võ đã từng làm quan mà lại có quân công. Những người này làm việc xứng chức, theo lệ được thăng lên nhất hay nhị phẩm thì bộ Lại chỉ việc làm sớ tâu lên vua, xin chỉ vua cho thăng như lệ đã định.

— *Trường hợp thứ nhì* : con nhà dân thường, là chân trắng (4) hay là nhờ có quân công mà được bổ làm quan. Những người này làm việc mãn khóa xứng chức (5), theo lệ được thăng cấp, thì chỉ cho thăng tới tam phẩm trở xuống thôi.

Những người đó, nếu làm việc trong 9 năm mà có công gì khác được thăng cấp, đến kỳ thông-khảo lại xứng chức, đáng được thăng đến :

— *Nhị phẩm* trở lên, thì bộ Lại phải làm sớ tâu đề xin vua định đoạt.

(1) QCC, bản dịch, tr. 153 — 155.

(2) Sơ khảo và thông khảo: Xin xem trong chương III, tiết IV tập tiểu luận này.

(3) QCC, bản dịch, tr. 155.

(4) Chân trắng: dịch chữ « bạch thân » nghĩa là không đỗ bằng gì.

(5) Xứng chức: Xin xem chương III, tiết IV, tập tiểu luận này.

— Tam phẩm trở xuống thì bộ Lại cứ chiếu lệ mà thi-hành (1).

3) Việc phong tước cho các quan lại.

a) Thề lệ phong quan tước.

Chúng ta sẽ có dịp xét kỹ thề lệ phong quan tước cho các quan lại, thân thích nhà vua cùng lệ truy phong, ấu phong,... ở chương III, tiết II, tập tiểu luận này.

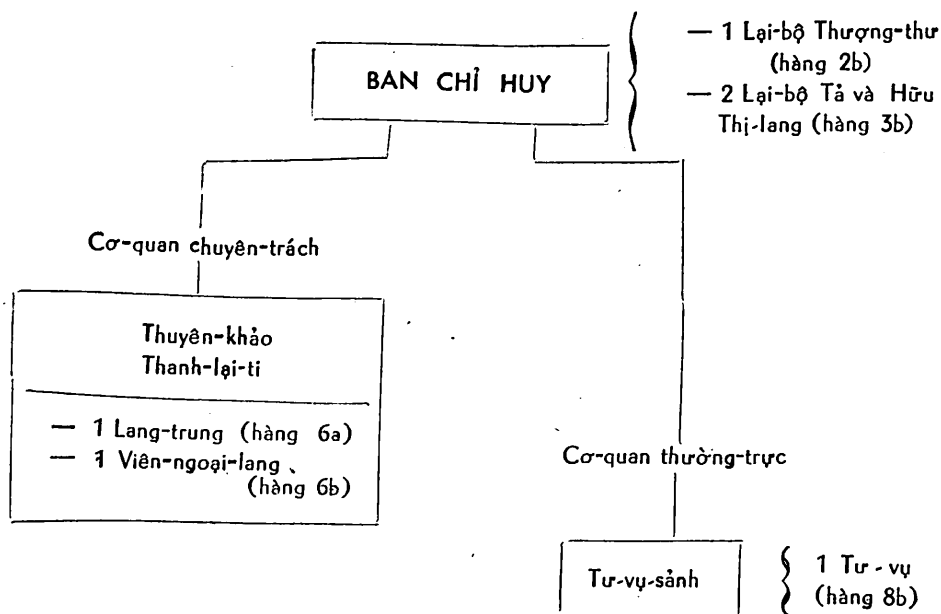
b) Thủ tục phong quan tước.

— Về việc tập ấu và phong tặng thì bộ Lại cứ việc theo giấy của quan Chính-đường đưa sang, chiếu theo lệ mà làm (2).

— Trong trường hợp nhà vua ban tuất-điền (lễ viếng vua ban, cho các quan quá cố) và truy tặng (phẩm hàm tặng các quan quá cố), thì bộ Lại có nhiệm vụ làm những sắc mệnh đề ban phẩm hàm chiếu theo giấy của bộ Lễ gửi sang. Làm xong các sắc mệnh thì chuyển về bộ Lễ đề bộ Lễ ban ra (3).

Tóm lại, ta thấy nhiệm vụ chính của bộ Lại là coi về việc tuyền bồi, thăng thưởng và phong quan tước.

Ta có thể phác qua cách tổ-chức của bộ Lại bằng lược đồ sau đây:



Dưới triều Hồng-đức, thuộc viên giúp việc ở bộ Lại gồm có 80 người (4).

(1) QCC, bản dịch, tr. 347 — 349.

(2) QCC, bản dịch, tr. 347 — 349.

(3) QCC, bản dịch, tr. 157.

(4) QCC, bản dịch, tr. 51.

II. - Bộ Hộ.

A. — Cách tổ-chức của bộ Hộ.

1) Ban chỉ-huy.

Hộ-bộ Thượng-thư (hàng 2b) đứng đầu bộ Hộ, cùng hai phụ-tá là Hộ-bộ Tả và Hữu Thị-lang (hàng 3b), hợp thành ban chỉ huy điều khiển tất cả mọi việc thuộc bộ Hộ (1).

2) Cơ-quan chuyên-trách : *Đô-chi Thanh-lại-ti* và *Bản-tịch Thanh-lại-ti*.

Công việc có tính cách chuyên-môn của bộ Hộ được chia cho hai cơ-quan đặc-trách là *Đô-chi Thanh-lại-ti* và *Bản-tịch Thanh-lại-ti*.

Mỗi *Thanh-lại-ti*, đứng đầu có một viên Lang-trung (hàng 6a) và *hải* Viên-ngoại-lang (hàng 6b) phụ-tá (2).

3) Cơ-quan thường-trực : *Hộ-bộ Tư-vụ-sảnh*.

Hộ-bộ Tư-vụ-sảnh có nhiệm-vụ trông coi, điều hành những công việc vặt vãnh thường nhật của bộ Hộ.

Đứng đầu cơ-quan này là một quan Tư-vụ (hàng 8b) (3).

B. — Nhiệm-vụ của bộ Hộ.

Bộ Hộ có nhiệm-vụ coi sóc ruộng đất, tài-chánh, hộ-khẩu, tô thuế, kho tàng, thóc tiền và lương của quan quân (4).

1) Việc ruộng đất.

— Bộ Hộ có nhiệm-vụ chiếu theo lệ mà cấp những ruộng chế-lộc cho các viên-chức cầm quân, ruộng ngụ-lộc, ruộng khấu-phần cho các doanh, cơ, đội, thuyền :

+ Ruộng chế-lộc (tức là ruộng cấp cho những quan văn tính theo cấp bậc được hưởng những suất-hộ theo hầu) thì do bộ Hộ cấp giấy.

+ Ruộng ngụ-lộc (tức là ruộng cấp cho những quan võ tính theo cấp bậc được hưởng những suất-hộ theo hầu) và ruộng khấu-phần (ruộng cấp cho quân lính như cách trả lương) thì chiếu theo đương-sự thuộc bộ nào, trao sang bộ ấy mà cấp giấy.

— Bộ Hộ cũng có nhiệm-vụ lấy ruộng của dân, chiếu theo lệ

(1) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 6 ; TF, tr. 71.

(2) QCC, bản dịch, tr. 51.

(3) QCC, bản dịch, tr. 51 ; HUCKER, GOOTMD, tr. 32.

(4) QCC, bản dịch, tr. 161 ; *Lê triều chiếu lệnh thiện chính*, bản dịch, tr. 55.

mà cấp cho các viên chức những ruộng ngụ lộc, sứ lộc (1), dưỡng lộc (2), huệ lộc, (3), thường-lộc (4), cúng-tế, thế nghiệp (5).

+ Những ruộng sứ-lộc và dưỡng lộc thì bộ Hộ trao qua bộ Công để bộ Công cấp giấy.

+ Ruộng cúng-tế, thì bộ Hộ chia cắt rồi, trao qua bộ Lễ cấp giấy.

+ Còn các ruộng ngụ-lộc, huệ-lộc, thường lộc và thế nghiệp thì do chính bộ Hộ phân chia và cấp giấy (6).

— Khi có quan đi khai khẩn đất hoang thì phải theo hạn năm về việc khai khẩn này. Hết hạn, quan khai khẩn phải làm giấy khai đề chờ khám xét. Bộ Hộ có nhiệm-vụ khám xét đề kiểm-sát các ruộng đất này. Nếu thấy nơi nào đã hết hạn định rồi mà vẫn chưa làm giấy khai trình thì, một mặt bộ Hộ phải tâu về giao cho quan Chính-đường thúc giục, một mặt phải cử người đi khám xét và định thuế lệ (7).

2) Việc tài-chánh, hộ khẩu và tô-thuế.

— Bộ Hộ có nhiệm-vụ xem xét và định-lượng việc chi và thu của nền tài chánh quốc-gia. Mỗi năm, cứ đến cuối năm, bộ Hộ phải tính xem trong một năm số thu vào và phát ra là bao nhiêu, rồi so sánh với nhau sao cho thăng bằng. Nếu khoản gì phí quá thì được quyền chàm chước mà giảm bớt đi.

— Những việc liên quan đến nền tài-chánh, điều gì nên thêm, điều gì nên bớt, cùng là những chính sách nào có lợi cả cho công-khố và nhân dân, thì bộ Hộ được phép điều trần rõ từng khoản, tâu lên, xin chiếu chỉ của vua mà thi-hành (8).

— Các quan ở Chính-đường nếu muốn thêm bớt vào số định-diện hay tha thuế cho ai, phải hội với nhau mà cùng xét định. Xong, gửi giấy qua bộ Hộ để bộ Hộ thi hành. Lúc ấy, bộ Hộ có quyền xét

(1) Sứ-lộc : lộc cấp cho các quan đi sứ.

(2) Dưỡng-lộc : lộc cấp cho các quan khi về dưỡng lão (?)

(3) Huệ-lộc ; lộc cấp cho các quan hưu-trí, cũng gọi là Huệ dưỡng dân lộc hay là ân-lộc. Theo tự-nghĩa, dưỡng-lộc là tiền đương nhiên được hưởng khi về già, còn huệ-lộc là tiền do nhà vua đặc cách ban thêm cho.

(4) Thường-lộc : lộc thường cho các quan đã về hưu.

(5) Thế-nghiệp : lư truyền con cháu.

(6) QCC, bản dịch, tr. 165.

(7) QCC, bản dịch, tr. 169.

(8) QCC, bản dịch, tr. 161.

xem việc tha thuế hay giảm thuế ấy có điều gì chưa thỏa đáng thì được tâu lên vua để vua giao lại cho các quan ở Chính-đường xét lại. Bao giờ việc thật xác đáng rồi, bộ Hộ mới đem ra thi hành (1).

Bộ Hộ có trách-nhiệm phải thu góp thuế ở các sở Tuần-ti (tức là sở đánh thuế), bến đò, chợ, cửa hiệu, mỏ, cửa ải, thổ sản, sản vật dưới nước, chỉ trừ những nơi nào đã giao cho quan tại các nha môn và các bộ khác trưng thu rồi thì thôi, còn ngoài ra đều do bộ Hộ phải thu nộp cả (2).

3) Việc kho tàng, thóc tiền và lương của quan quân.

— Bộ Hộ có nhiệm-vụ coi giữ kho thóc đặt ở vườn bên phải nhà Thái-miếu (miếu thờ tổ tiên của nhà vua) (3).

— Mỗi khi có việc gì cần phải tiêu đến tiền hay thóc như trong dịp tế-lễ, dịp có quan viên về trí-sĩ, theo lệ phải có phẩm vật, cờ biền, câu đối... thì bộ Hộ cứ theo giấy của các bộ liên-hệ (trong trường hợp tế-lễ thì theo giấy của bộ Lễ, trong trường hợp quan viên về trí-sĩ thì theo giấy của bộ Công) mà phát tiền, cho các bộ ấy mua sắm những vật liệu cần dùng (4).

— Bộ Hộ cũng còn trông coi về việc phát lương (bằng tiền thóc hoặc ruộng) cho các quan quân (5).

Đề công việc của bộ Hộ được mau chóng và không lầm lẫn, vua Lê Thánh-tông đã cho đặt hai cơ-quan chuyên-trách trực-thuộc bộ này. Những công-việc chuyên-môn về :

— *thuế má* thì giao cho Độ-chi Thanh-lại-ti trông nom và xét định.

— *sở sách* thì giao cho Bản-tịch Thanh-lại-ti giữ gìn và ghi chép.

1) *Nhiệm-vụ của Độ-chi Thanh-lại-ti.*

Độ-chi Thanh-lại-ti có nhiệm-vụ :

— Phân-bổ tô-thuế trong toàn quốc.

— Đề ý tới sản vật và sự phồn thịnh hay nghèo kém của từng miền mà đánh thuế.

— Lựa chọn xem đường thủy hay đường bộ thuận lợi hơn, đề định tô-thuế cho công bằng.

— Mỗi năm, xét lường các khoản xuất-nhập về tiền tài thuế má, thống kê suốt năm thu vào bao nhiêu, tiêu ra bao nhiêu, rồi so sánh hai bên, nếu thấy tiêu phát rộng quá thì đề nghị chước lượng bớt đi.

(1) QCC, bản dịch, tr. 161.

(2) QCC, bản dịch, tr. 163.

(3) QCC, bản dịch, tr. 169.

(4) QCC, bản dịch, tr. 165, 167, 169.

(5) QCC, bản dịch, tr. 161 và tr. 171.

Bộ Hộ sẽ theo đề nghị đó, làm bản trình qua quan Chính-đường, rồi hội nhau (bộ Hộ hội với quan Chính-đường) bàn định xong, làm tờ biểu tâu lên vua, khi được vua chuẩn y, bấy giờ mới đem thi-hành (1).

— Ngoài ra, Độ-chi Thanh-lại-ti còn có nhiệm-vụ kiểm nhận các thứ tiền xem xấu tốt, hư nát; sút mẻ không, rồi mới cho cất vào kho (2).

2) *Nhiệm-vụ của Bản-tịch Thanh-lại-ti.*

Bản-tịch Thanh-lại-ti có nhiệm-vụ (3) :

— Giữ gìn các sổ sách thuộc bộ Hộ như sổ thuế của các Tuần-ti, bến đò..., sổ sách của công khố ở ngoài các đạo, sổ của các viên thu thuế biên chép các thứ thuế đã thu được và tiền nộp về kinh...

— Lập sổ trước tịch ghi số nam nữ dân đinh từ nhỏ cho tới già.

— Thu đồ cống phẩm của các nước tới cống.

xXx

Tóm lại, bộ Hộ coi về việc thuế má, cấp phát ruộng đất, chi tiêu cho những việc cần thiết của các bộ khác cùng là thu nhận những vật dụng, tiền, thóc do dân nộp.

Mỗi khi thu và phát tiền, bộ Hộ phải tuân theo *thủ tục* sau :

— Hàng tháng phải tính sổ xem thu và phát bao nhiêu.

— Cứ ba tháng một lần, làm sổ tâu lên vua. Viết sổ này thành ba bản, niêm phong một bản để ở bộ Hộ.

— Đến hết năm, gom tất cả các sổ tâu ấy lại, làm thành ba bản niêm phong cả lại, một bản dâng lên vua xem, một bản nộp ở Chính-đường, một bản lưu ở bộ Hộ (4).

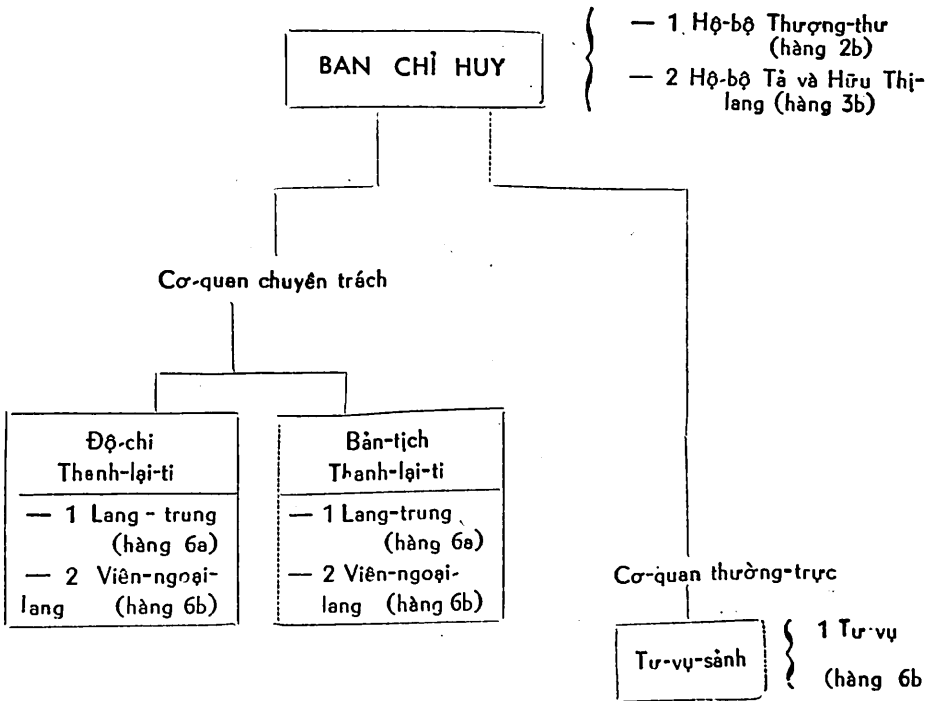
Ta có thể tóm tắt cách tổ-chức của bộ Hộ trong lược đồ sau :

(1) QCC, bản dịch, tr. 161; *Tán Đường-thư, Bách-quan-chí*, q. 46, tờ 7b.

(2) *Quốc dụng chí*, bản dịch, tr. 415.

(3) QCC, bản dịch, tr. 161 — 173; *Tán Đường thư, Bách quan chí*, q. 46, tờ 7b.

(4) QCC, bản dịch, tr. 171-173.



Dưới triều Hồng-đức, thuộc-lại của bộ Hộ có cả thầy là 110 người (1).

III.— Bộ Lễ.

A.— Cách tổ-chức của bộ Lễ.

1) Ban chỉ-huy

Đứng đầu bộ Lễ là một quan Lễ-bộ Thượng-thư (hàng 2b), hợp cùng hai người phụ-tá là Lễ-bộ Tả và Hữu Thị-lang (hàng 3b), thành ban chỉ-huy có nhiệm vụ điều-khiển tất cả các công việc thuộc bộ Lễ (2).

2) Cơ-quan chuyên-trách: Nghi-chế Thanh-lại-ti.

Nghi-chế Thanh-lại-ti là cơ-quan chuyên môn coi về các thủ-tục nghi-lễ, giúp ban chỉ huy điều-hành cho đúng theo lệ định tất cả các công việc thuộc bộ Lễ (3).

Đứng đầu cơ-quan này là một viên Lang-trung (hàng 6a) và một viên Viên-ngoại-lang (hàng 6b) phụ-tá (4).

(1) QCC, bản dịch, tr. 51.

(2) TF, tr. 76; KĐVSTGCM, q. 20, tờ 6.

(3) HUCKER, GOOFMD, tr. 33 và theo tự nghĩa.

(4) QCC, bản dịch, tr. 53; theo HUCKER, tr. 33—34 thì: Dưới thời nhà Minh bên Tàu (1368—1660) bộ Lễ có 4 cơ-quan chuyên-trách là: Nghi-chế Thanh-lại-ti trông coi về các thủ tục nghi lễ; Tư-lễ Thanh-lại-ti coi về tế-tự; Chủ-khách Thanh-lại-ti coi việc tiếp đón tân khách; Tịnh-thiện Thanh-lại-ti coi việc cung cấp phẩm vật.

3) Cơ-quan thường-trực : Lễ-bộ Tư-vụ-sảnh.

Lễ-bộ Tư-vụ-sảnh có nhiệm-vụ trông coi và điều hành tất cả các công việc thường nhật thuộc bộ Lễ.

Đứng đầu cơ-quan này là một viên Tư-vụ (hàng 8b) (1).

B.— Công việc của bộ Lễ.

Bộ Lễ phụ-trách việc lễ-nghi, tế-tự, thết tiệc các quan và tân khách, thi cử, học hành, đúc các ấn tín, cùng là trông coi các sở Tư-thiên-giám, Thái-y-viện, tăng-đạo... (2)

1) Việc lễ-nghi, tế-tự.

— Bộ Lễ phải tồ-chức các cuộc tế-lễ, tuân theo các thủ-tục lễ nghi, nếu cuộc tế-lễ nào, cần lễ vật gì thì phải làm tờ tâu lên xin vua chuẩn nhận, rồi đưa qua bộ Hộ đề lĩnh tiền, đoạn giao cho các Thự, Cục (các cơ-quan nhỏ thuộc bộ Lễ) đề mua sắm, và thông-tư cho các nha, môn cùng yết ,thị ở các phố, các chợ.

— Đại khái có những lễ sau (3) :

+ *Lễ Đăng-quang* : tức là lễ nhân dịp vua lên ngôi.

+ *Lễ Cải-nguyên* : lễ tồ-chức vào dịp vua đổi niên-hiệu (chẳng hạn, thời vua Lê Thánh-tông, năm 1470 có lễ cải-nguyên đề đổi niên-hiệu Quang-thuận sang Hồng-đức).

+ *Lễ Tiết-tôn Kim-sách* : lễ nhân dịp làm sách vàng dâng tôn hiệu lên Hoàng-đế và Hoàng-hậu.

+ *Lễ Nguyên-đán* : lễ ăn mừng đầu năm.

+ *Lễ Khánh-thọ* : lễ mừng vua sống lâu.

+ *Lễ Khai-ấn* : lễ vào dịp ấn đúc xong và đem sử-dụng lần đầu tiên (chẳng hạn như năm Quang-thuận thứ 8 (1467) bảo-tử truyền quốc khắc xong, vua Lê Thánh-tông sai Thái-sư Đinh-Liệt đem lòng kính cần của nhà vua làm lễ cáo nhà Thái-miếu (4).

+ *Các tế lễ kỳ nhật* : các lễ vào ngày giỗ của ông, bà, cha, mẹ vua.

+ *Tế-lễ Tứ-thời ở Thái-miếu* : các tế lễ vào 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông ở nơi thờ tồ tiên vua.

+ *Lễ trong ngày tết Đoan-ngọ* : lễ vào ngày 5 tháng 5.

+ *Lễ Trung-thu* : vào ngày rằm tháng 8.

+ *Lễ Trung-nguyên* : vào ngày rằm tháng 7.

(1) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 6 ; HUCKER, GOOTMD, tr. 32.

(2) QCC, bản dịch, tr. 175 — 183.

(3) QCC, bản dịch, tr. 175.

(4) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 10a.

+ *Lễ Trùng-cửu* : vào 9 tháng 9.

+ *Lễ Quốc-tiểu* : lễ cầu đảo của nhà nước.

+ *Lễ Bảo-thần* : có lẽ là lễ ban lọng cho các thần (*bảo* : một thứ tàn lọng).

+ *Lễ Tảo-loát toả phù* : có lẽ là lễ rửa ấn cuối năm (*tảo loát* : lau quét; *tỏa phù* : khóa ấn).

+ *Tế Đinh* : tế vào ngày Đinh trong mùa Xuân.

+ *Tế Xā-tắc* : tế thần xā-tắc (tế Nam giao).

+ *Tế Phong-vân* : tế thần gió, thần mây.

+ *Tế Tiên-nông* : tế thần làm ruộng.

— Khi dân chúng hay quan quân dâng nạp những lễ vật, bộ Lễ có nhiệm-vụ phải thu nhận, rồi đợi chiếu chỉ của vua truyền xuống thì ban phát cho nơi hành lễ (1).

2) *Việc thiết tiệc.*

— Bộ Lễ phải tồ-chức ban yến cho các sứ thần khi đi và khi về, ban yến và phát mũ áo cho các tiến-sĩ về vinh-qui, thiết tiệc và tiếp đón các tân khách (như sứ thần ngoại-quốc) (2).

— Trong khi tồ-chức các yến tiệc trên, nếu có cần mua sắm thứ gì thì bộ Lễ phải làm giấy kê các thứ đó, đưa sang bộ Hộ để lĩnh tiền (3).

3) *Việc thi-cử học-hành.*

— Trong kỳ thi Hội, bộ Lễ phải cử người trông coi việc làm lều cho thí-sinh, giữ nhiệm-vụ thu-quyền của thí-sinh (4).

— Còn trong kỳ thi Thư-toán, và thi Hương, các quyền thi sẽ có sắc chỉ giao cho Nội-trường (tức là văn-phòng giữ việc rọc phách, viết bảng), bộ Lễ chỉ giữ việc cắt cử các lại-viên viết bảng, giữ cửa và sao tả các quyền thi của thí-sinh (5).

— Bộ Lễ còn trông coi về các cách học hành, thi-cử (6).

4) *Việc đúc các ấn tín.*

— Bộ Lễ phải trông coi việc đúc các ấn tín và thề thức viết các

(1) QCC, bản dịch, tr. 179.

(2) QCC, bản dịch, tr. 175 — 183.

(3) QCC, bản dịch, tr. 175 — 183.

(4) KMC, q. 27, tờ 61b và 71b; QCC, bản dịch, tr. 175 — 183.

(5) -Nt-

(6) QCC, bản dịch, tr. 175.

chữ triện sao cho đúng thề-lệ.

5) Việc trông coi sở *Tư-thiên-giám*, *Thái-y-viện*, *tăng-đạo*...

— *Tư-thiên-giám* là sở coi các việc suy lường độ số của Trời, làm lịch, báo thời tiết; khi thấy việc tai dị hay điềm lành *Tư-thiên-giám* được quyền suy luận, rồi làm tờ tấu đệ lên vua (1).

Các quan thuộc *Tư-thiên-giám* là (2) :

✧ *Tư-thiên-giám Tư-thiên-lệnh* (hàng 6a) đứng đầu

✧ *Tư-thiên-giám Điền-thư* (hàng 6b).

✧ *Tư-thiên-giám Giám-phó* (hàng 7a).

— *Thái-y-viện* là cơ-quan trông coi về việc y-tế trong cung vua và toàn quốc (3).

Thái-y-viện có những chức quan sau (4) :

✧ *Thái-y-viện Đại-sứ* (hàng 5a) đứng đầu.

✧ *Thái-y-viện Viện-sứ* (hàng 5b) đứng thứ nhì.

✧ *Thái-y-viện Ngự-y-chánh* (hàng 6a) và *Thái-y-viện Ngự-y-phó* (hàng 6b) là những thầy thuốc riêng của nhà vua (5).

✧ *Thái-y-viện Biện-kiêm* (hàng 7a) giữ việc bàn bạc, kiểm-sát về y-sự (6).

— *Tế-sinh-đường Sứ* (hàng 8b) giữ việc mua thuốc cho nhân dân (7).

— *Tế-sinh-đường Khán-chẩn* (hàng 7a) giữ việc xem mạch chẩn bệnh (8).

— Ngoài ra, bộ Lễ còn phải phân định việc các sư, đạo-sĩ tranh nhau giữ đền chùa và cắt cử người giữ các đền, chùa, miếu... (9).

Tóm lại bộ Lễ trông coi tất cả các nghi-thức về các cuộc tế lễ, tiệc yến, coi sóc việc học hành thi cử, giữ việc đúc ấn tín, quản đốc *Tư-thiên-giám*, *Thái-y-viện* cùng là phân-định sự tranh chấp giữa các sư, đạo-sĩ, cắt cử người coi đình, chùa, miếu, những nơi thờ tự...

Ta có thể tóm tắt cách tổ-chức nội-bộ của bộ Lễ trong lược

(1) HBTSL, tờ 30b — 31a; HUCKER, GOOTMD, tr. 37.

(2) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 19b và 20.

(3) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 12b và theo tự nghĩa.

(4) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 18 — 24.

(5) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 18 — 24 và theo tự nghĩa.

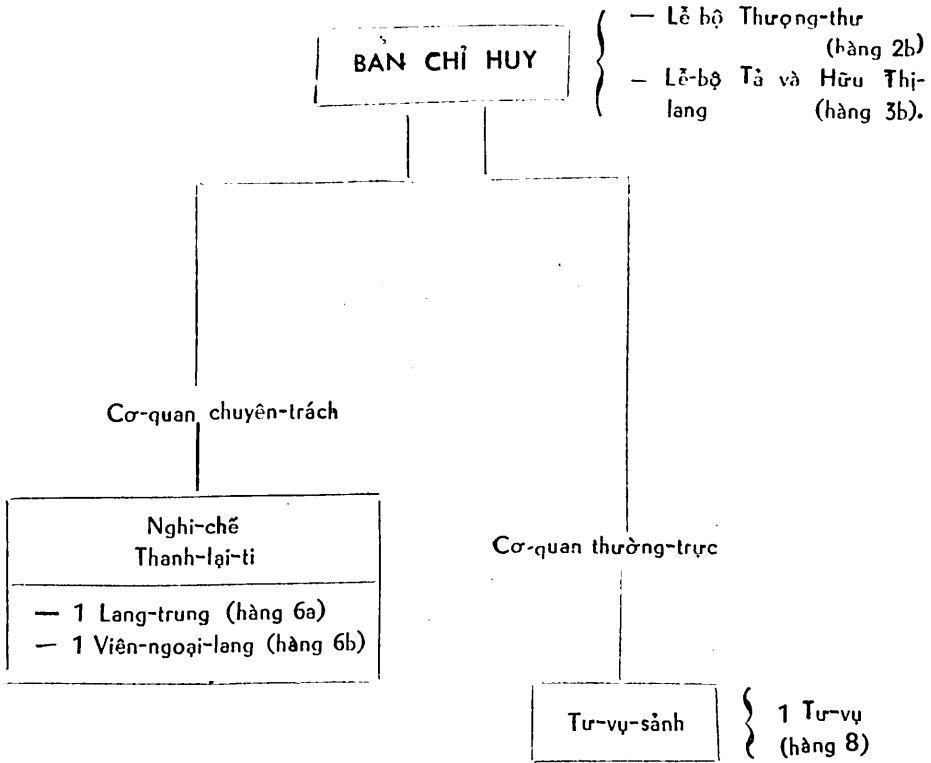
(6) -Nt-

(7) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 12b.

(8) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 18 — 24 và theo tự nghĩa.

(9) QCC, bản dịch, tr. 180.

đồ sau :



Dưới triều vua Lê Thánh-tông, thuộc lại của bộ Lễ gồm có 71 người (1).

IV.— Bộ Binh.

A.— Cách tổ-chức của bộ Binh.

1) Ban chỉ huy.

Đứng đầu bộ Binh là Binh-bộ Thượng-thư (hàng 2b), có 2 người phụ-tá Binh-bộ Tá và Hữu Thị-lang (hàng 3b); 3 vị quan này hợp thành ban Chỉ-huy điều-khiển tất cả mọi công việc thuộc bộ Binh (2).

2) *Cơ-quan chuyên trách* : Vũ-khố Thanh-lại-ti và Quân-vụ Thanh-lại-ti.

Những công việc có tính-cách chuyên môn của bộ Binh được phân phối cho 2 cơ-quan đặc-trách là Vũ-khố Thanh-lại-ti và Quân-vụ Thanh-

(1) QCC, bản dịch, tr. 53.

(2) TF, tr. 98 ; KĐVSTGCM, q. 20, tờ 6.

lại-ti. Đứng đầu mỗi Thanh-lại-ti có 1 viên Lang-trung (hàng 6a) và đứng thứ nhì có 1 viên Viên-ngoại-lang (hàng 6b) (1).

3) *Cơ-quan thường-trực* : Binh-bộ Tư-vụ-sảnh.

Binh-bộ Tư-vụ-sảnh có nhiệm-vụ trông coi, điều hành những công việc thường nhật của bộ Binh.

Đứng đầu cơ-quan này là quan Binh-bộ Tư-vụ (hàng 8b) (2).

B.— *Nhiệm-vụ của bộ Binh.*

Bộ Binh có nhiệm vụ coi giữ hết các việc thuộc về binh-chính, đặt quan trấn thủ nơi biên cảnh và rợ mọi, tổ-chức việc gìn giữ các nơi hiểm yếu và ứng phó các việc khẩn cấp (3).

Công việc của bộ Binh được chia cho hai Thanh-lại-ti là :

1) *Vũ-khố Thanh-lại-ti.*

Vũ-khố Thanh-lại-ti là cơ-quan chuyên-trách trông coi về binh nhưng khí-giới, hộ-giá, nghi-trượng, sửa soạn cho những ngày lễ đầu năm, ngày Đông-chí những cuộc tế lễ và những đám táng (4).

a) *Việc binh nhưng khí giới.*

— Bộ binh phải giữ gìn, coi sóc những khí giới, cờ, trống, chiêng lệnh, áo, mũ, súng ống, thuốc đạn, lưu hoàng, chì và tất cả đồ quân dụng quy chứa ở kho công và giao cho phụ thuộc Bộ coi giữ. Khi có lệnh thu hay phát, Vũ-khố Thanh-lại-ti phải ghi vào sổ rõ ràng (5).

— Những đồ quân-dụng, nếu có nhiều hay ít, đủ hay thiếu, đề lâu hay mới có, còn bền hay đã hỏng, Thanh-lại-ti này cũng phải đem ra bàn định, xem xét cho rõ ràng, rồi làm tờ khai kê xin hay nấu chế, hoặc sửa chữa đề chuẩn-bị trước (6).

b) *Việc hộ-giá, nghi-trượng và tế-lễ.*

— Khi vua đi xem xét dân tình, Vũ-khố Thanh-lại-ti cũng có nhiệm

(1) QCC, bản dịch, tr. 53.

Theo tổ-chức của nhà Minh, bộ Binh có 4 cơ-quan chuyên-trách là *Vũ-tuyền Thanh-lại-ti* coi việc tuyển nhân-viên; *Chức-phương Thanh-lại-ti* coi việc hành-quân; *Xa-giá Thanh-lại-ti* coi việc chuẩn-bị vũ khí và *Vũ-khố Thanh-lại-ti* coi việc giữ các kho vũ-khí, lương-thực (HUCKER, GOOTMD, tr. 35).

(2) QCC, bản dịch, tr. 53; HUCKER, GOOTMD, tr. 32.

(3) *Lễ triều chiếu lệnh thiện chính*, bản dịch, tr. 55; QCC, bản chữ Hán, q. 16, tờ 17a — 26b.

(4) *Tân Đường-thư*, q. 46, tờ 10b; TF, tr. 112-113.

(5) QCC, bản chữ Hán, q. 16, tờ 17a — 16b.

(6) —Nt—

vụ cử quân thủy-bộ theo hầu vua (1).

— Trong những ngày lễ như tế Nam-giao, tế Tiên-nông... Vũ-khố Thanh-lại-ti cứ chiếu theo bản đồ bộ Lễ đưa sang mà cắt cử quân lính dọn dẹp đường sá, đứng theo vị thứ chỉ-định và cấm cờ, quạt theo bản đồ (2).

— Khi có sứ Trung-quốc sang, Vũ-khố Thanh-lại-ti phải cắt cử, sắp đặt binh mã đón rước về kinh và truyền cho quân lính dọn dẹp đường lối, phố xá (3).

— Khi có xứ Ai-lao và các nước ngoài đến kinh triều cống thì Thanh-lại-ti này cứ chiếu lệ mà sắp đặt các quân đứng theo nghi-lễ đã định (4).

2) Quân-vụ Thanh-lại-ti.

Quân-vụ Thanh-lại-ti trông coi về việc tuyển bổ và khảo xét quân lính, hoạch-định các cuộc hành-quân... (5).

a) Việc tuyển-bổ và khảo xét quân lính.

— Nếu quân ở trong kinh và ngoài các xứ trốn, thiếu, chết hay già bị sa-thải thì mỗi tháng ba kỳ, các quan chỉ-huy phải khai trình lên bộ Binh, Quân-vụ Thanh-lại-ti sẽ truyền cho trấn quan nã bắt, ra hạn đúng kỳ hạn nào đó phải giải những lính đào ngũ đó nộp cho hiệu quân có lính trốn.

— Lệ cứ ba năm một kỳ tuyển binh bổ vào hàng Thị-vệ (lính theo hầu vua), theo thước tấc (thân cao) mà định về khâu phần. Nếu chưa đến kỳ mà thiếu số binh Thị-vệ, Quân-vụ Thanh-lại-ti cũng được quyền tuyển bổ, nhưng vẫn lấy tiết thu mà làm kỳ hạn (6).

— Quân ở các quân hiệu khác mà thiếu thì vị chỉ-huy phải làm tờ khai về bộ Binh, đề Quân-vụ Thanh-lại-ti cử lính bổ sung cho đủ theo lệ-định (7).

— Về việc tập dượt, Quân-vụ Thanh-lại-ti phải tồ-chức cho thủy binh tập chèo thuyền theo mùa nước và bộ binh thao dượt hàng

(1) QCC, bản chữ Hán q. 16 tờ 17a — 16b.

(2) -Nt-

(3) QCC, bản chữ Hán, q. 16, tờ 17a-26b.

(4) -Nt-

(5) Theo tự nghĩa và theo HUCKER, GOOTMD, tr. 35.

Có lẽ Quân-vụ Thanh-lại-ti coi bao gồm công việc của hai Thanh-lại-ti mà nhà Minh đã lập (Vụ-tuyển và Chức-phương). Còn Vũ-khố Thanh-lại-ti dưới triều Lê Thánh-tông có lẽ cũng coi bao gồm công việc của hai Thanh-lại-ti của nhà Minh là Vũ-khố và Xa giá.

(6) QCC, bản chữ Hán, q. 16, tờ 17a — 26b.

(7) -Nt-

năm và hàng tháng.

— Cứ ba năm một kỳ, phải tổ chức kỳ thi bắn cho cả các quân thủy bộ vào mùa thu (1).

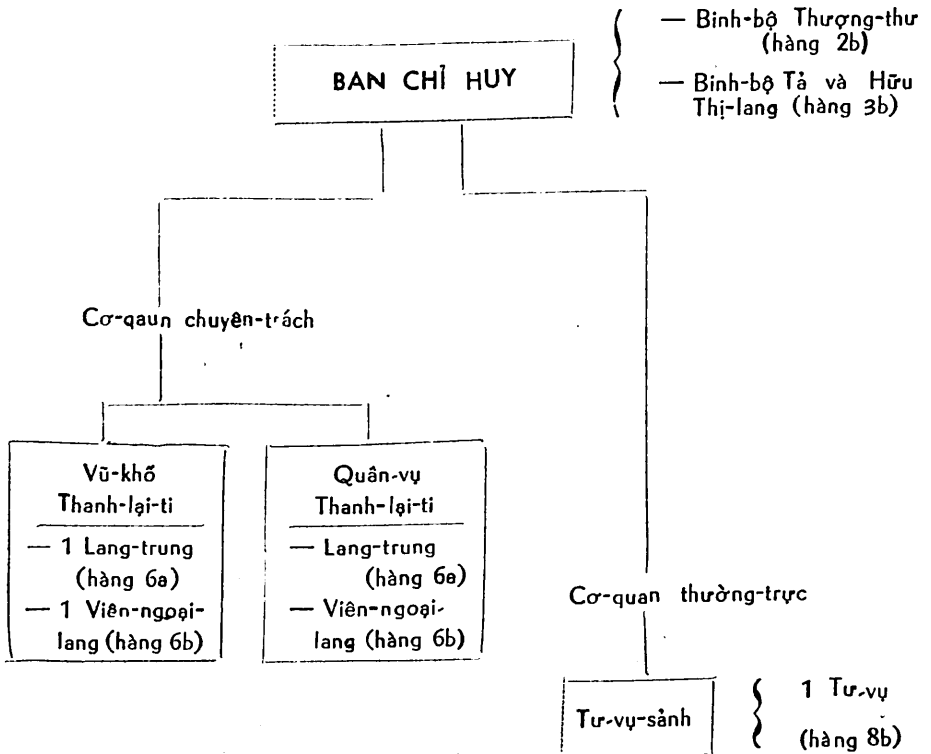
b) — Hoạch định các cuộc hành quân.

— Về bản đồ quân-sự, Quân-vụ Thanh-lại-ti cũng phải cử người đi vẽ núi sông, đường sá, rồi chỉ định những nơi nên lập đồn dinh trấn giữ, những cửa ải, bến đò trọng yếu, nhất nhất đều phải ghi cho rõ ràng, chép thành ba bản, một bản gửi lên vua xem, một bản nộp Chính-đường, còn một bản lưu giữ tại bộ Binh (2).

— Ngoài ra, khi có chiến-tranh, Quân-vụ Thanh-lại-ti cũng phải trừ liệu những phương tiện, hoạch-định những kế hoạch cho các cuộc hành quân cùng là ứng phó với những việc khẩn cấp (3).

Tóm lại bộ Binh trông coi toàn thể công việc thuộc binh-chính, có một ban Chỉ-huy, hai cơ-quan chuyên-môn và một cơ-quan thường-trực.

Ta có thể tóm tắt sự tổ-chức bộ Binh trong lược đồ sau :



(1) QCC, bản chữ Hán, q. 16 tờ 17a — 26b.

(2) —Nt.

(3) QCC, bản chữ Hán, q. 16, tờ 17a — 26b ; HUCKER, GOOTMD, tr. 35 ; TF, tr. 107 — 108.

Dưới thời Hồng-dức, bộ Binh gồm có 128 thuộc viên (1).

V.— Bộ Hình.

A.— Cách tổ-chức bộ Hình.

1) Ban chỉ-huy.

Đứng đầu bộ Hình là một vị Hình-bộ Thượng-thư (hàng 2b), có hai vị Hình-bộ Tả và Hữu Thị-lang (hàng 3b) phụ tá, hợp thành ban chỉ-huy điều khiển tất cả mọi công việc thuộc bộ Hình.

2) Cơ-quan chuyên trách : 4 Thanh-lại-ti.

Giúp việc cho bộ Hình về phần chuyên-môn có 4 cơ-quan chuyên-trách là (2) :

- Thanh-hình Thanh-lại-ti.
- Thận-hình Thanh-lại-ti.
- Minh-hình Thanh-lại-ti.
- Tường-hình Thanh-lại-ti.

Mỗi Thanh-lại-ti đều có 1 viên Lang-trung (hàng 6a) đứng đầu và ba viên Viên-ngoại-lang (hàng 6b) phụ-tá (3).

3) Cơ-quan thường-trực : Hình-bộ Tư-vụ-sảnh.

Hình-bộ Tư-vụ-sảnh là cơ-quan trông coi mọi việc thường nhật thuộc bộ Hình.

Đứng đầu cơ-quan này là một viên Tư-vụ (hàng 8b) (4).

B.— Nhiệm-vụ của bộ Hình.

Bộ Hình trông coi về luật lệnh, hình pháp, xét lại các việc tù đầy, biện cáo, cùng các việc nghiêm cấm (5).

1) Trông coi về luật lệnh, hình pháp.

(1) QCC, bản dịch, tr. 52.

(2) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 6.

KĐVSTGCM, q. 20, tờ 10a; QCC, bản dịch, tr. 53 chép bộ Hình có 5 Thanh-lại-ti là : Khâm-hình, Thận-hình, Minh-hình, Tường-hình và Chính-hình ; mỗi Thanh-lại-ti chỉ có 1 viên Lang-trung và 1 viên Viên-ngoại-lang.

(3) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 10a.

Ngày nay vì tài-liệu thiếu sót nên ta không rõ nhiệm-vụ của 4 Thanh-lại-ti này ra sao. Bên Trung-Hoa, năm 1390, nhà Minh chia bộ Hình làm 4 « bộ » là : *Tổng-bộ* trông coi tất cả mọi công việc thuộc bộ Hình ; *Tỷ-bộ* duyệt lại mọi việc ; *Đô-quan-bộ* coi nhà giam, và *Ty-môn-bộ* kiểm sát các cửa ải, cửa quan... (theo HUCKER, GOOTMD, tr. 36).

(4) QCC, bản dịch, tr. 53; HUCKER, GOOTMD, tr. 32.

(5) QCC, bản chữ Hán, q. 16, tờ 26b — 30a.

— *Nã bắt tù trốn*. Phạm tội phạm do các nha môn trong ngoài đã xét xử xong mà phạm nhân hiện còn trốn, các quan đương sự phải làm bản tường trình nộp về Hình-bộ. Hình-bộ sẽ tư cho quan trấn các nơi nã bắt, giải nộp về bộ để giam giữ, đợi tới kỳ soát lục thì chiếu lệnh mà phân xử (1).

— Bộ Hình có nhiệm-vụ *châm chước, thêm bớt các hình-danh, luật-lệ*: như thấy có điều gì nặng, điều gì nhẹ, điều gì chưa được ổn đáng thì bộ Hình phải tâu lên vua, chờ vua trao xuống, lúc ấy sẽ hội bàn xét định cho được vừa phải (2).

2) *Xét các việc tù đầy kiện cáo và thi-hành việc nghiêm cấm*.

— *Xét hỏi tù tội nặng*. Khi các nha môn trong ngoài xử đoán xong những án nặng, thì bộ Hình được quyền công đồng xét lại, đáng gia hình thì gia thêm, đáng cho chuộc thì cho chuộc, cốt sao cho công bằng. Xong, phải tâu lên vua xin chiếu chỉ. Nếu tội đáng gia hình thì tội nhân phải giam, đợi đến mùa đông sẽ hành hình. Nếu tội đáng cho chuộc thì cũng giam lại để thu tiền chuộc (3).

— *Soát lục tù đồ*. Khi các nha môn trong ngoài xét xử xong những tù bị giam, thì bộ Hình cứ hàng năm đến tháng 8 phải tâu vua cho quan đi soát lục lại. Ở trong kinh thì Hình-bộ cùng Ngự sử-đài soát lục; ở ngoài các đạo thì Hiến ti cùng Giám-sát ngự-sử đạo ấy soát lục. Trong khi soát lục, phải chiếu theo sổ các tù hiện bị giam, chia làm hai loại: loại đáng ngờ và loại đúng thực. Xong tới tháng 10, bộ Hình làm tờ tâu lên vua để xin chỉ phụng hành (4).

— *Xem xét các tù ở ngục*. Hàng tháng, Hình-bộ phải cử người vào ngục sờ xem điếm tù đồ và khám xét gông, khóa, cùm có hợp pháp hay không, chỗ giam có khô ráo hay ẩm thấp. Những tháng nóng nực hay mùa đông rét mướt, bộ Hình phải nhắc nhở những quan coi ngục phải đề ý thương xót đến các tù nhân. Nếu lính coi ngục không tuân theo lệ đã chuẩn định thì bộ Hình phải tùy tội nặng nhẹ mà răn đe (5).

Tóm lại bộ Hình có nhiệm vụ trông coi hết thảy các việc liên quan đến hình pháp, luật-lệ, tù đồ.

Ta có thể tóm tắt cách tổ-chức nội-bộ của bộ Hình qua lược-

(1) QCC, bản chữ Hán, q. 16, tờ 26b — 30a.

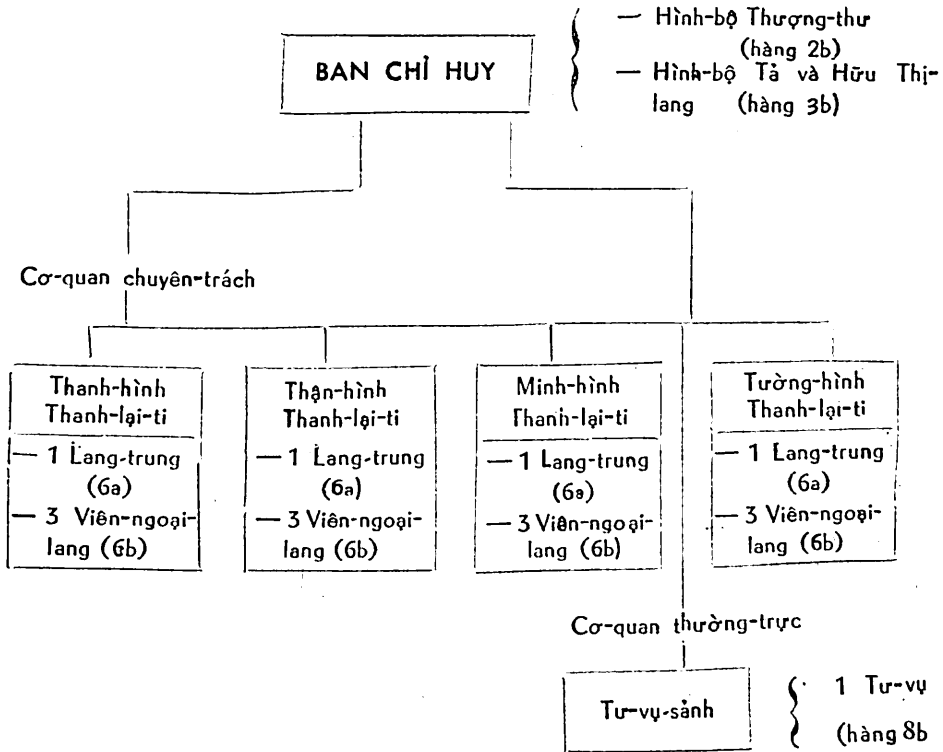
(2) -Nt-

(3) -Nt-

(4) -Nt-

(5) -Nt-

đồ sau :



Thuộc-lại bộ Hình dưới triều Hồng-đức gồm có 167 người (1).)

VI.— Bộ Công

A.— Cách tổ chức của bộ Công.

1) Ban chỉ huy.

Công-bộ Thượng-thư (hàng 2b) đứng đầu bộ Công, hợp với 2 vị quan phụ-tá là Công-bộ Tả và Hữu-thị-lang (hàng 3b) thành ban Chỉ-huy điều-khiển và chịu trách-nhiệm về hết thảy mọi công việc thuộc bộ Công (2).

2) Cơ-quan chuyên-trách: 2 Thanh-lại-ti.

Trông coi về công việc chuyên môn thuộc bộ Công có 2 cơ-quan chuyên-trách (3):

(1) QCC, bản dịch, tr. 53.

(2) KĐVSTGCM, q.20, tờ 6.

(3) QCC, bản dịch, tr. 53.

Theo chế-độ của nhà Minh, bộ Công có 4 Thanh-lại-ti là: *Doanh thiện Thanh-lại-ti* coi về xây cất, kiến tạo; *Đô-thủy Thanh-lại-ti* coi về dẫn thủy nhập điền và chuyên chở; *Ngu-hành Thanh-lại-ti* coi về sơn lâm và công nghệ; *Đôn-diễn Thanh-lại-ti* coi về ruộng đất (theo HUCKER, GOOTMD, tr. 36).

— Doanh-thiện Thanh-lại-ti

— và Công-trình Thanh-lại-ti.

Mỗi Thanh-lại-ti có một viên Lang-trung (hàng 6a) đứng đầu và một viên Viên-ngoại-lang (hàng 6b) phụ-tá (1).

3) *Cơ-quan thường-trực*: Công-bộ Tư-vụ-sảnh.

Đề trông coi về những công việc thường nhật của bộ Công có Công-bộ Tư-vụ-sảnh, mà quan đứng đầu là một viên Tư-vụ (hàng 8b) (2).

B.— *Nhiệm-vụ của bộ Công.*

Bộ Công có nhiệm-vụ trông coi về công việc sửa chữa, xây dựng (như sửa chữa cầu cống, đường sá..., xây cất thành-trì, cung-điện...) và quản đốc thợ thuyền (3).

1) *Việc sửa chữa, xây dựng.*

— Hàng năm, bộ Công phải sai quan đi xem xét đường đê, cửa cống ở các xứ và đê đá, kè đá (tức là miếng đá đặt nơi sông lở cho bờ sông khỏi sụt) ở kinh kỳ, rồi nếu nơi nào cần sửa chữa hay đắp thêm thì bộ Công tính xem mất bao nhiêu tiền, đệ tâu tất cả những đề nghị sửa chữa, xây cất cùng số tiền cần dùng lên vua. Khi chiếu chỉ ban xuống, lúc đó bộ Công phải kê khai số tiền cần dùng, đưa sang bộ Hộ mà lĩnh tiền. Xong bộ Công truyền cho các nha môn tuân theo chỉ-thị mà làm (4).

— Bộ Công còn phải quản-đốc cả xưởng đóng thuyền, trường đúc súng, trường đúc tiền cùng là các tượng cuộc (*cuộc*: là cơ-quan, chỗ làm việc; *tượng*: thợ thuyền. Vậy *tượng-cuộc*: là chỗ làm việc của thợ thuyền) chuyên chế tạo đồ dùng cho nhà vua và các quan. Những cơ-quan này (các xưởng, các trường, các tượng-cuộc) dưới triều Hồng-đức còn gọi là « Sở », có viên Sở-sứ (hàng 6b) đứng đầu (5).

2) *Việc quản đốc thợ thuyền.*

— Thợ thuyền làm trong các sở thường do quan các địa phương,

(1) QCC, bản dịch, tr. 53.

(2) QCC, bản dịch, tr. 53; HUCKER, GOOTMD, tr. 32.

(3) *Lê triều chiếu lệnh thiện chính*, bản dịch, tr. 55; QCC, bản chữ Hán, q. 16, tờ 30a — 37a.

(4) QCC, bản chữ Hán, q. 16, tờ 30a — 37a.

(5) QCC, bản chữ Hán, q. 16, tờ 30a — 37a; ĐÀO-DUY-ANH, *Việt-Nam văn-hóa sử cương*, nhà xuất bản Bốn Phương, tái bản năm 1951, tr. 62; theo KĐVSTGCM, q. 22, tờ 20a thì dưới triều Hồng-đức, bộ Công quản-đốc cả bảy sở, nhưng nay ta không rõ 6 sở ấy là những sở gì.

hễ thấy người nào khéo thì bắt vào làm ở đó cho đến già đời. Những người thợ ấy được ăn lương (thường tính theo khâu phần trả lương bằng cách cấp cho ruộng, gọi là khâu phần ruộng) và được miễn sai-dịch (tức là miễn đi làm phu-dịch và làm lính). Người nào có tài lỗi lạc thì được vua ban cho bằng cửu-phẩm hay bát-phẩm về võ-giai (đĩ nhiên chỉ là hư-hàm) (1).

— Trong trường-hợp có sự tranh chấp về khâu phần ruộng, hoặc dân xã cướp của thợ thuyền hoặc các thợ thuyền tranh cướp của nhau, rồi bỏ bê công việc thì đều phải kêu lên bộ Công để bộ Công xét xử.

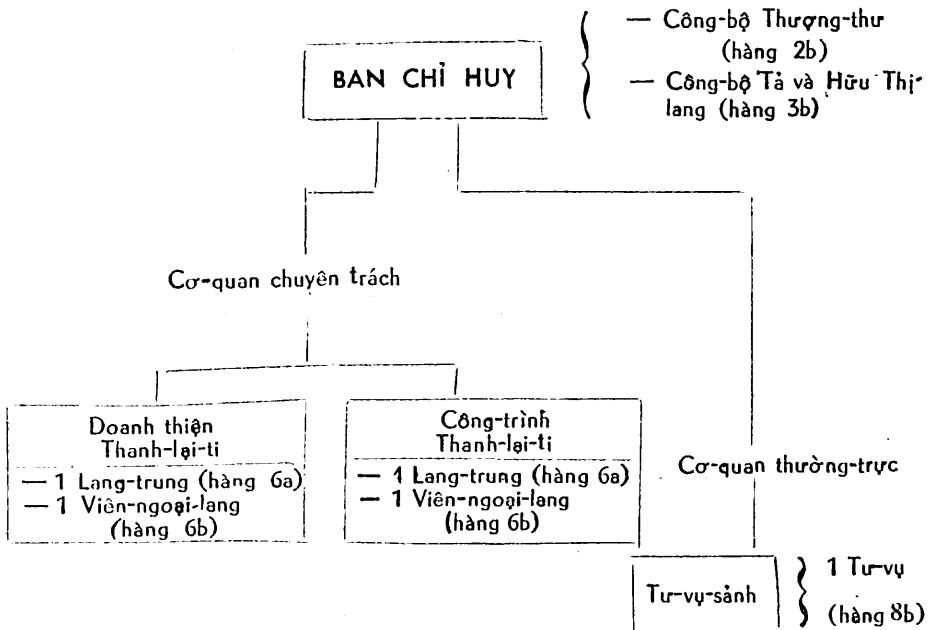
Ngoài ra, hai cơ-quan chuyên trách thuộc bộ Công có nhiệm vụ coi về những công việc có tính cách chuyên môn là :

-- *Doanh-thiện Thanh-lại-ti* thảo kế hoạch xây cất (2),

-- còn *Công-trình Thanh-lại-ti* trông coi, đốc thúc thợ thuyền thực hiện những kế hoạch của bộ Công đem ra thi-hành (3).

Tóm lại bộ Công có nhiệm vụ trông coi tất cả mọi công việc thuộc về sửa chữa, xây dựng và thợ thuyền.

Ta có thể tóm tắt cách tổ-chức nội bộ của bộ Công qua lược-đồ sau



(1) QCC, bản chữ Hán, q 16, tờ 30a - 37a ; ĐÀO DUY ANH, *Việt-Nam văn-hoà sử cương*, tr. 62.

(2) HUCKER, GOOTMD, tr. 36 và theo tự nghĩa.

(3) -Nt-

Thuộc lại của bộ Công dưới triều Hồng-đức có cả thầy là 40 người (1).

Phân đoạn 3 .- Cách tổ chức và nhiệm vụ của mỗi tự.

Năm Quang-thuận thứ 7 (1466), vua Lê Thánh-tôn lập ra 6 tự là :

- 1- Đại-lí-tự
- 2- Thái-thường-tự
- 3- Quang-lộc-tự
- 4- Thái-bộc-tự
- 5- Hồng-lô-tự
- 6- Thường-bảo-tự.

Mỗi tự đều đặt quan Tự-khanh (hàng 5a) đứng đầu, Thiếu-khanh (hàng 6a) đứng thứ nhì, và có quan Tự-thừa (hàng 7a) giúp việc (2).

Những tự này có nhiệm vụ thừa hành công việc của Lục bộ trao cho (3).

Nay ta không có đủ tài liệu để biết rõ công việc của mỗi tự dưới triều Lê Thánh-tông như thế nào. Ta chỉ biết « *Hồng-lô-tự giữ việc xướng danh thi Đình, Thường-bảo-tự đóng ấn quyền thi Hội, còn các tự khác không có chức-vụ chuyên-trách* » (4).

Tuy nhiên, để cố tìm hiểu thêm về những tự này, chúng tôi xin ra khảo nhiệm vụ của 6 tự trên trong chế độ nhà Đường bên Tàu, rồi tham bác với những tài liệu rải rác trong sử sách của ta.

I— Đại-lí-tự. Đại-lí-tự có nhiệm vụ xét lại những án nặng đã xử rồi, như án về tội tử hay tội lưu rồi gửi kết quả cuộc điều tra qua bộ Hình để đệ tâu lên Vua xin quyết định (5).

Trong lúc xét những tù hiện giam, phải có quan chức của Đại-lí-

(1) QCC, bản dịch, tr. 53

(2) KĐVSTGCM, q. 20 tờ 6.

(3) Bài dụ *Hiệu định quan chế*, phần phụ lục tập tiểu luận này.

(4) *Hiệu định tấn thân sự lục*, tờ 21a

(5) *Tân Đường thư, Bách quan chí*, q. 48, tờ 10b. Theo chế độ nhà Đường thì Đại-lí-tự phải gửi kết quả cuộc điều tra qua bộ Hình để chuyển tới Trung-thư-tỉnh và Môn-hạ-tỉnh xét lại một lần nữa trước khi thi hành. Trung-thư-tỉnh, theo thể chế nhà Đường là cơ-quan tối cao coi tất cả các bộ, còn Môn-hạ-tỉnh là cơ-quan giữ ấn của nhà vua. Bên ta, đầu nhà Lê, vua Lê Thái-tổ còn lập hai cơ quan này. Đến thời Hồng-đức, vua Lê Thánh-tông bãi bỏ cả 2 cơ quan đó, tự mình đứng ra nắm quyền trực tiếp điều khiển các bộ; cho nên, những hình án nặng từ bộ Hình gửi lên, phải đệ tới Vua, chờ vua quyết định.

tự. Nếu người có tội kêu là xét oan, thì quan chức của Đại-lí-tự phải cùng người có tội biện bạch bề bác với nhau (1). Xong Đại-lí-tự sẽ cho ý kiến và lập án văn, đưa lên vua xét lần cuối cùng (chung thẩm) (2).

Nếu có sự kêu ca về bản án đã xử và nếu được sự chấp thuận của bộ Hình, thì án văn sẽ được Đô-đốc ngũ-phủ cùng Ngự-sử-đài hợp với Đại-lí-tự duyệt lại. Trong tất cả mọi trường hợp trừ trường hợp án tử hình, bản án xử lại được trao trở xuống theo thứ bậc để trừng phạt (3).

Nếu Đại-lí-tự thấy bản án vô lý một cách hiển nhiên thì sẽ gửi ngay bản án đó qua quan khác, hoặc xin quan trong triều đình nghị, hoặc, sau hết, có thể xin quyết định của vua (4).

II— Thái-thường-tự Thái-thường-tự là cơ quan phụ trách việc thi hành những thể thức lễ nghi, điều khiển ban âm-nhạc, trông coi các đền chùa thờ Trời, Đất, thần 4 mùa ...

Thái-thường-tự gồm có 7 « thự » (5) là :

- *Giao-xã-thự* : cơ-quan phụ-trách việc tổ chức lễ tế Trời và tế Đất.
- *Thái-nhạc-thự* : cơ-quan trông coi và điều khiển ban âm nhạc.
- *Cờ-súy-thự* : cơ-quan phụ trách việc đánh trống và thổi sáo.
- *Thái-y-thự* : cơ - quan trông coi về y-tế cho vua và toàn quốc (Thời Hồng đức, cơ quan này còn gọi là Thái-y-viện, trực thuộc bộ Lễ)
- *Thái-bốc-thự* : cơ-quan phụ trách việc tính âm-dương bói toán.
- *Lãm-hi-thự* : cơ quan trông coi việc cung cấp thóc gạo cùng các thú vật cho các cuộc tế lễ.
- *Thái-miếu-thự* : cơ-quan giữ việc coi sóc các đền thờ, miếu mạo (6).

III— Quang-lộc-tự Quang-lộc-tự phụ trách việc cung cấp và kiểm sát rượu lễ, đồ lễ, đồ ăn trong các buổi tế tự, triều hội, yến tiệc (7).

IV— Thái-bộc-tự Thái-bộc-tự có nhiệm vụ giữ gìn những xe của vua và Hoàng-tử, coi sóc chuồng ngựa của vua và kiểm sát tất cả mục súc trong toàn quốc (8).

(1) KĐVSTGCM, q. 21, tờ 5b.

(2) GOOTMD, tr. 56.

(3) -Nt-

(4) -Nt-

(5) *Thự* : tên gọi một cơ quan. Nghĩa đen : bố trí, quan nha.

(6) Tất cả đoạn này theo : *Tân Đường-thư*, q. 48, tờ 3b ; TF, tr. 13 - 15.

(7) *Tân Đường-thư*, q. 48, tờ 6b.

(8) *Tân Đường thư* q. 48, tờ 9a.

V— **Hồng-lô-tự** Hồng-lô-tự có trách nhiệm tổ-chức buổi xướng danh các vị tân khoa tiến-sĩ đầu kỳ thi Đình. Ngoài ra, Hồng-lô-tự còn phải sắp xếp các thê-thức lễ-nghi khi cần tiếp đón các tân khách (1).

Hồng-lô-tự gồm có hai « thự » là :

— *Điền-khách-thự* : phụ trách việc tiếp đón các ông Hoàng ngoại-quốc (2)

— *Ti-nghi-thự* : trông coi, chu tất việc an táng các vị quan to trong triều (3).

VI— **Thường-bảo-tự** Thường-bảo-tự là cơ quan giữ việc đóng ấn vào quyền thi của các thí sinh thi Hội (4).

Đoạn 3 : CÁC CƠ-QUAN CHUYÊN MÔN

Đề công việc của các bộ được điều hành nhanh chóng và có kết quả, vua Lê Thánh-tông cho đặt ra nhiều cơ-quan chuyên-môn không lệ thuộc trực tiếp vào sáu bộ :

I— **Thông-chính-ti** Trước hết, ta phải kể đến *Thông-chính-ti* là cơ-quan giữ việc chuyên đặt công văn, dụ chỉ của triều đình tới dân gian và chuyên đệ đơn từ của dân chúng lên triều đình(5).

Thông-chính-ti được đặt dưới quyền điều khiển của các quan :

✱ *Thông-chính-sứ* (hàng 4b) đứng đầu.

✱ có quan *Chính-truyền-Phó Thông-chính* (hàng 5b) giúp việc (6)

I— **Quốc tử giám** Cơ quan giáo-dục cao nhất trong nước là *Quốc-tử-giám*.

Quốc tử giám có nhiệm vụ phụng mệnh vua trông coi nhà Văn miếu (7), rèn tập sĩ tử, hàng tháng theo đúng kỳ cho tập làm văn, đề gậy dựng nhân tài, giúp việc thực dụng cho nước (8).

Quốc-tử-giám có những vị quan sau (9) :

— đứng đầu là *Quốc-tử-giám Tế-tửu* (hàng 4b)

— thứ đến *Quốc-tử-giám Tư-nghiệp* (hàng 5b)

(1) HBTSL, tờ 21a ; *Tân Đường-thư*, q. 48, tờ 11a.

(2) -Nt-

(3) -Nt-

(4) HBTSL, tờ 21a.

(5) *Từ Hải*, tr. 1318 ; HUCKER, GOOTMD, tr. 37.

(6) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 18a và 19a ; HUCKER, GOOTMD, tr. 37.

(7) Văn-miếu : là nơi thờ Đức Khổng-tử, nơi tượng-trung cho nền văn học của đất nước.

(8) HBTSL, tờ 20b.

(9) QCC, bản dịch, tr. 75 ; KĐVSTGCM, q. 22, tờ 16-25

Rồi tới các quan :

Ngũ-kinh Bác-sĩ (không rõ phẩm trật) gồm 5 vị Bác-sĩ (1) mỗi vị chuyên nghiên cứu một kinh để dạy học trò (2).

Giáo-thụ (hàng 8a) giữ việc giảng dạy các kinh sách.

Những người được nhập học Quốc-tử-giám chia làm hai loại :

+ Một loại gọi là *giám-sinh* : gồm có con các quan-viên và đã thi đỗ 4 trường kỳ thi Hương.

+ Một loại gọi là *học-sinh* : gồm quân hoặc dân đã thi đỗ 4 trường kỳ thi Hương (loại này tới năm Hồng-đức thứ 14 (1483) mới lập ra) (3).

Để khuyến khích và nâng đỡ con các quan viên hiếu học, nhà vua đặt ra lệ sau đây (lệ này chỉ áp-dụng cho loại *giám-sinh mà thôi*) :

Nếu vị *giám-sinh* nào thi Hội mà :

— Trúng 3 kỳ (tức là đỗ ba trường) thì được sung vào Thượng-xá-sinh.

— Trúng hai kỳ thì được sung vào Trung-xá-sinh.

— Trúng một kỳ thì được sung vào Hạ-xá-sinh.

Đến khi bổ-dụng, Quốc-tử-giám sẽ bảo-cử và bộ Lễ lựa chọn, cất nhắc; học sinh tại ba xá đều được hưởng cùng một luật về tuyền dụng như nhau, không có gì phân biệt. Sự phân biệt cốt ở lương ăn học :

— Thượng-xá-sinh mỗi tháng được một quan tiền ;

— Trung-xá-sinh được 9 tiền mỗi tháng ;

— Hạ-xá-sinh được 8 tiền mỗi tháng ;

và sự phân biệt cũng còn ở chỗ tuyền bổ theo tỷ-lệ các vị *giám-sinh* ở các xá. Khi chọn người bổ làm quan, bộ Lại phải lựa các vị *giám-sinh* ở :

— Thượng-xá-sinh : 3 phần ;

— Trung-xá-sinh : 2 phần ;

— Hạ-xá-sinh : 1 phần (4).

III.— Quốc-sử-viện.

Trông coi về sử thì có *Quốc-sử-viện*.
Quốc-sử-viện giữ việc ghi chép, biên soạn

(1) Bác-sĩ : người có học rộng (theo tự nghĩa).

(2) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 19b.

(3) KĐVSTGCM, q. 23, tờ 39b và 40a.

(4) Tất cả đoạn trên theo KĐVSTGCM, q. 23, tờ 39b và 40a.

sử sách. Phàm nhà vua nói gì, làm gì trong cung, ưa chuộng những gì, cùng là quan tì ngay gian, chính-sự hay dở, nhân tài hơn kém, phong-tục xấu tốt, Quốc-sử-viện đều phải theo từng việc, ghi chép thẳng thắn, đề lưu làm gương mà khuyên răn (1).

— Đứng đầu Quốc-sử-viện là quan Quốc-sử-viện Tu-soạn (hàng 8a) (2).

— Thứ nhì là quan Sử-quán Biên-lục (hàng 8b) (3).

IV. — Các cơ-quan chuyên về nông nghiệp. Lăn đầu tiên tại nước ta, vua Lê Thánh-tông đã tỏ ra hết sức quan tâm tới đời sống của dân chúng và chú-trọng đặc biệt tới nông-vụ. Ngài cho thiết-lập nhiều cơ-quan chuyên về nông nghiệp để giúp đỡ, khuyến khích dân trong việc đồng áng, và để tìm cách phát-triển ngành nông.

1) Sở Đồn-điền.

Trước hết ta phải kể tới sở Đồn-điền. Sở này chuyên trông coi về ruộng đất: xem đất tốt xấu thế nào, trừ-định và thực-hiện việc dẫn thủy nhập điền... (4)

— Đứng đầu sở này là quan Đồn-điền Sở-sứ (hàng 8b) (5).

— Giúp việc có quan Đồn-điền Phó-sứ (hàng 9a) (6).

2) Sở Tàm-tang.

Sở Tàm-tang chuyên coi việc trồng dâu chăn tằm.

— Đứng đầu sở này là quan Tàm-tang Sở-sứ (hàng 8b).

— Thứ nhì có quan Tàm-tang Phó-sứ (hàng 9a) (7).

3) Sở Thực-thái.

Sở Thực-thái có nhiệm-vụ coi việc trồng rau.

Sở này có quan Thực-thái Sở-sứ (hàng 9a) đứng đầu (8).

4) Sở Điền-mục.

Sở Điền-mục là cơ-quan săn sóc việc chăn nuôi súc vật.

Cơ-quan này có quan Điền-mục Sở-sứ (hàng 9a) đứng đầu.

(1) *Hiệu-định lần thân sự lục*, tờ 29b và 30a.

(2) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 17 — 25.

(3) -Nt-

(4) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 23a và theo tự nghĩa.

(5) -Nt-

(6) -Nt-

(7) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 23a và b.

(8) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 24a.

5) Ngoài ra, vua Thánh-tông còn đặt chức *Khuyến-nông-sứ* (hàng 9b) để khuyên răn dân chú-trọng về nghề nông và chức *Hà-đê-sứ* (hàng 9b) để giữ gìn đê điều cho dân (1).

TIẾT II

TỔ-CHỨC BINH-BỊ TRUNG-ƯƠNG

Cách tổ-chức binh-bị dưới triều vua Lê Thánh-tông căn-bản trên hai thứ bực khác nhau :

- Một là cách sắp xếp trên dưới theo thứ bực hành-chánh;
- Hai là cách sắp xếp theo thứ bực chiến thuật.

Khi bàn về cách tổ-chức binh-bị thời Hồng-đức, Phan Huy Chú trong *Lịch-triều hiến chương loại chí, Binh-chế chí* q. 39, tờ 14b, đã nhận rằng : « *Đời Hồng-đức sắp đặt binh-lính, đại đê theo chế-độ của đời Minh-sơ* ». Cho nên, trong trường hợp sử sách của ta chép thiếu sót về vấn-đề này, chúng ta có thể lờ-túc bằng cách tham-khảo thêm chế-độ binh-bị của triều Minh bên Tàu.

Đoạn 1: CÁCH TỔ-CHỨC BINH-BỊ THEO THỨ BỰC HÀNH - CHÁNH.

I.— **Hàng quân lính.** Vua Thánh-tông sai lập sổ hộ-tịch chia dân đình ra làm 6 hạng :

— *Tráng-hạng* là hạng phải nhập ngũ, làm lính, gồm những người khỏe mạnh.

— *Quân-hạng* là hạng làm lính trừ bị, được ở nhà cày ruộng, khi nào có việc sẽ gọi ra, gồm những người khỏe mạnh.

— *Dân-hạng* là hạng thường dân, không phải làm việc quân.

— *Lão-hạng* là hạng già yếu (2), được ở nhà.

— *Cố-hạng* là hạng dân phải đi vay mượn (3).

— *Cùng-hạng* là (4) hạng dân nghèo khó, khổn cùng (5).

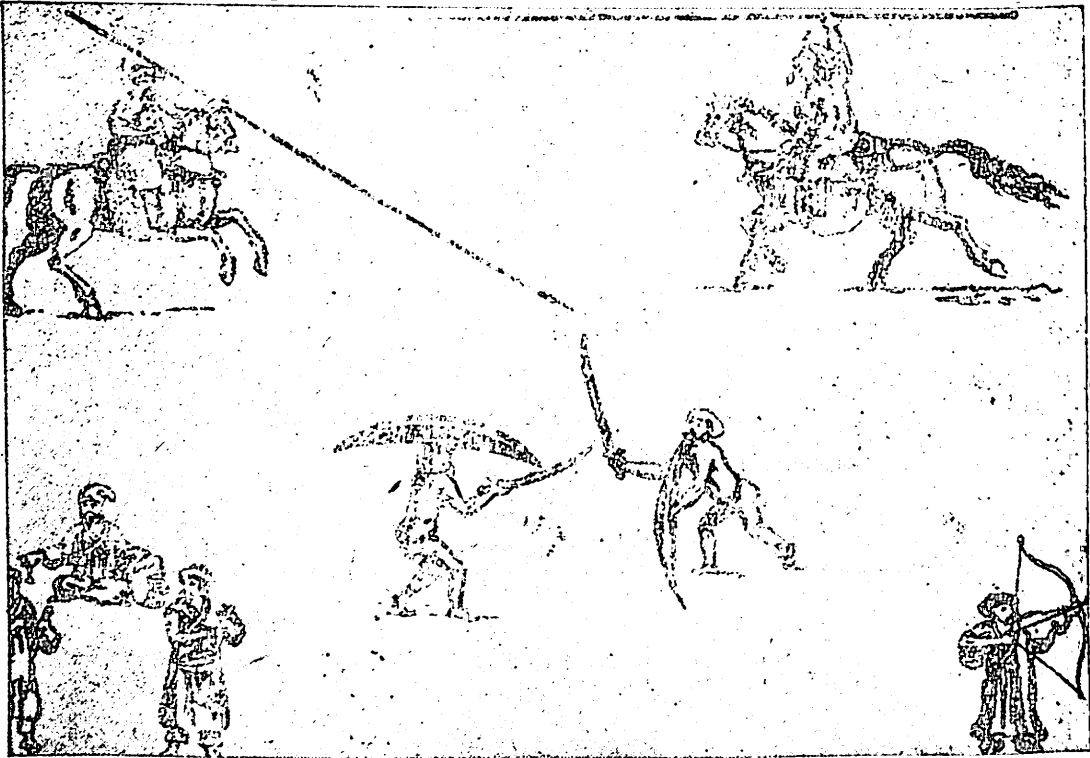
(1) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 24b.

(2) Ta không thấy tài-liệu nào chép trong thời này, bao nhiêu tuổi mới được coi là *già yếu*.

(3) Theo tự-nghĩa. Nay không rõ nhà vua cho lập ra hạng này để làm gì.

(4) -Nt-

(5) Tất cả các đoạn trên theo BCC, q. 39, tờ 38b và 39a.



Huấn-luyện quân-sự triều Lê, trích trong *Description du royaume du Tonking* của S. Barot

Nhà nào có 3 dân đinh (1) thì một người bỏ vào tráng hạng, một người vào quân hạng, một vào dân hạng.

Nhà nào có 4 dân đinh thì cho hai người vào dân hạng.

Nhà có năm, sáu dân đinh trở lên thì bỏ hai người vào tráng hạng, một người vào quân hạng (2).

Những Giám-sinh tại Quốc-tử-giám và còn các quan văn võ từ tục phạm trở lên được miễn khỏi đi lính (3).

Những năm đầu đời Lê Thánh-tông, tổng số quân lính nước ta ước chừng 30 vạn (4). Năm Hồng-đức nguyên-niên (1470), khi nhà vua thân-chinh đi đánh Chiêm-thành, kén hoàng-dinh từ 15 tuổi trở lên, riêng quân đem đi đánh giặc đã tới 26 vạn (5), cộng với quân trấn-thủ tại các đạo ngoài các vệ chừng 14 vạn nữa (6) thì số quân cũng tới 40 vạn.

Tuy nhiên, trong thời bình, quân sĩ được chia nhau, một nửa tại ngũ, còn một nửa được về làm ruộng (7) nên tổng số quân ngũ thời bình chỉ ước chừng 15 hay 16 vạn thôi.

II.— Hàng võ quan. Trên lý-thuyết, quan đứng đầu tất cả quân đội là Thái-úy (8), nhưng trên thực-tế, các quan trực-tiếp điều-khiển quân binh là Tả Hữu Đô-đốc ngũ phủ (9).

Thực vậy, theo tổ-chức binh-bị đời Lê Thánh-tông thì tất cả quân đội toàn quốc được đặt dưới quyền-thống lĩnh của 5 phủ là (10):

- Trung-quân phủ
- Đông-quân phủ
- Nam-quân phủ
- Tây-quân phủ

(1) Dân đinh: dịch chữ *suất đinh*. Theo BCC, q. 39, tờ 39a thì *suất đinh* là con trai từ 18 tuổi trở lên.

(2) BCC, q. 39, tờ 39a.

(3) KĐVSTGCM, q. 19, tờ 31a.

(4) Xin xem trang 95 tập tiểu luận này.

(5) KĐVSTGCM, q. 12, tờ 54b và 55a.

(6) Xin xem tr. 95 tập tiểu luận này.

(7) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 6.

(8) TF, tr. 19.

(9) HUCKER, GOOTMD, tr. 57; KĐVSTGCM, q. 20, tờ 2b.

(10) Trước kia, dưới triều Lê Thái-tổ, quân đội toàn quốc chia làm Vệ-quân 5 đạo là: Đông, Tây, Nam, Bắc và Hải-tây; đứng đầu mỗi vệ có quan Tổng-quản, Phụ-tá có Đô Tổng-quản, Đồng Tổng-quản, Chánh Phó Đội-trưởng, Chánh Phó Ngũ-trưởng (theo BCC, q. 39, tờ 12b và KĐVSTGCM, q. 20, tờ 3a).

— Bắc-quân phủ.

Còn quân Phụng-trực (1) thì bao gồm hai đạo Thái-nguyên, Tuyên-quang.

Mỗi phủ gồm 6 vệ, mỗi vệ có 5 hoặc 6 sở, mỗi sở gồm 400 quân (2).

Tại phủ đặt chức Tả Hữu Đô-đốc, Đô-đốc Đồng-tri và Đô-đốc Thiêm-sự (3)

Tại vệ đặt các chức Tổng-tri, Đồng Tổng-tri và Thiêm Tổng-tri (4).

Tại sở đặt các chức Quản-lãnh, Phó Quản-lãnh, Chánh Võ-úy và Phó Võ-úy (5)

Tại mỗi ngũ đặt một chức Tổng-kỳ (nhiều ngũ hợp thành một sở) (6)

Ngoài ra, nhà vua còn đặt thêm quân ở trong kinh và ngoài các đạo (7).

Sau đây ta sẽ xét :

— Tồ-chức quân-ngũ tại ngũ phủ.

— Tồ-chức quân-ngũ tại kinh-sư.

— Tồ-chức quân-ngũ tại các đạo (8).

A.— Tồ chức quân ngũ tại các phủ.

Như ta đã biết, các quan Tả Hữu Đô-đốc tại ngũ-phủ trực-tiếp thống-lĩnh quân đội toàn quốc. Bên cạnh mỗi một phủ có một số vệ, sở gồm một số quân lính chịu quyền điều-khiển trực-tiếp của các Đô-đốc. Ngoài những đạo đã được chỉ-định (xin xem những bảng ở các trang sau), phụ thuộc vào một trong năm phủ trên, những đạo

(1) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 3a và b. **Quân Phụng-trực**: là quân túc-trực ở kinh-đô (theo tự nghĩa).

(2) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 3b. **Ti, Vệ, Sở**: là thứ bậc trong quân ngũ cũng như ngày nay người ta chia quân đội ra làm lữ-đoàn, sư-đoàn đại-đội.

(3) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 2b.

(4) -Nt-

(5) -Nt-

(6) -Nt-

(7) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 31a.

(8) Điểm này chúng ta chỉ xét sơ-lược vì tồ-chức quân ngũ tại các đạo thuộc về tồ-chức chánh-quyền địa-phương, không thuộc phạm-vi tập tữ luận này.

khác (1) (tức là những đạo không được chỉ-định trực thuộc một trong năm phủ) đều có đặt một ti trông coi tất cả việc quân tại đạo ấy, gọi là Đô-ti, dưới quyền điều-khiển trực-tiếp của quan Đô Tổng-binh-sứ (2). Tại những đạo này — những đạo không trực thuộc 1 trong 5 phủ — thì quan Đô-đốc chỉ có danh là thống-lĩnh quân đội, còn quan Đô Tổng-binh-sứ mới trực-tiếp điều-khiển quân lính (3).

Vậy, về phương-diện kỹ-thuật chuyên-môn thuộc binh bị, mọi việc đều do Đô-đốc ngũ phủ trông coi. Còn bộ Binh chỉ có nhiệm-vụ giải quyết những vấn-đề thuộc nhân-sự, tiếp-tế, v.v.. Khi có chiến tranh, Đô-đốc ngũ-phủ kiểm-sát về chiến-thuật, bộ Binh hoạch-định mưu-kế căn-bản và xếp đặt quân ngũ (4).

Dưới đây là cách tổ-chức từng phủ (1):

1) *Phủ thứ nhất*: Trung-quân phủ.

Trung-quân-phủ gồm có hai Đô-ti là Đô-ti Thanh-hóa và Đô-ti Nghệ-

(1) Trước tháng 6 năm Hồng-đức thứ 2 (1471) vua Lê Thánh-tông chia nước ta làm 12 đạo *Thừa-tuyên* là: 1— Thanh-hóa; 2— Nghệ-an; 3— Thuận-hóa; 4— Nam-sách (sau đổi là Hải-dương); 5— Thiên-trường (sau đổi là Sơn-nam); 6— Quốc-oai (sau đổi là Sơn-tây); 7— Bắc-giang (sau đổi là Kinh-bắc); 8— An-bang; 9— Tuyên-quang; 10— Hưng-hóa; 11— Lạng-sơn; 12— Thái-nguyên (theo KĐVSTGCM, q. 21, tờ 15b và 16). Bốn *Thừa-tuyên* Nam-sách, Thiên-trường, Quốc-oai, Bắc-giang, kể từ năm Quang-thuận thứ 10 (1469) trở đi lần lượt gọi là: Hải-dương, Sơn-nam, Sơn-tây, Kinh-bắc. Tới tháng 6 năm Hồng-đức thứ hai (1471), vua Lê Thánh-tông đem đất vừa lấy được của Chiêm-thành đặt thêm một *Thừa-tuyên* nữa là Quảng-nam *Thừa-tuyên*. Đến tháng tư năm Hồng-đức thứ 21 (1490), nhà vua đổi *Thừa-tuyên* làm *Xứ*. Và ngoài 13 xứ (tức là 12 *Thừa-tuyên* xưa với *Thừa-tuyên* Quảng-nam đặt ra năm 1471), nhà vua còn đặt thêm một xứ trực thuộc Kinh-sư, gọi là Trung-đô (tức phủ Phụng thiên) (KĐVSTGCM, q. 24, tờ 10b). Xin xem rõ những xứ trên đây thuộc phủ nào trong Ngũ-phủ-quân ở bảng kê sau.

(2) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 31 — 36 và 38a.

(3) BCC, q. 39, tờ 7b.

(4) HUCKER, GOOTMD, tr. 58.

(5) Cách tổ-chức này lấy theo KĐVSTGCM, q. 20, tờ 31 — 36.

an (1):

— Đô-ti Thanh-hóa có 5 vệ là: 1— Thanh-hóa vệ; 2— Thanh-hóa Tuần-tượng vệ; 3— Lưu-thủ vệ; 4— Lưu-thủ Tuần-tượng vệ; 5— Qui-đức vệ.

Mỗi vệ gồm có 6 sở (2).

— Đô-ti Nghệ-an có 3 vệ là: 1— Nghệ-an vệ; 2— Nghệ-an Tuần-tượng vệ; 3— Kiến-an vệ.

Mỗi vệ đều gồm 5 sở (3).

(1) Theo KĐVSTGCM, q. 20, tờ 3b thì năm Quang-thuận thứ 7 (1466), nhà vua định Trung-quân-phủ gồm 6 vệ là:

1— Vệ Phụng-thánh có 5 sở là: Thiên-định, Thiên oai, Thiên-hùng, Thiên-khôi, Thiên-tiết.

2— Vệ Phụng thần có 5 sở là: Hàm-hổ, Oai-hổ, Thần-hổ, Mãnh-hổ, và Hùng-hổ.

3— Vệ Can-ngưu có 5 sở là: Minh-nghĩa, Hiệu-nghĩa, Oai-nghĩa, Tín-nghĩa, và Kinh-nghĩa.

4— Vệ Hồ-bôn có 5 sở là: Lục-đỉnh, Thần-đỉnh, Tráng-đỉnh, Nghĩa-đỉnh và Hỏa-đỉnh.

5— Vệ Xa kỵ có 5 sở là: Cường-vũ, Thần-vũ, Hưng-vũ, Kiêu-vũ và Tín-vũ.

6— Vệ Chấn-oai có 6 sở là: Lôi-hỏa, Điện-hỏa, Oai-hỏa, Tiệp-hỏa, Nhuệ-hỏa và Xuyên-vân.

Quân tại Trung-quân-phủ lấy ở Thanh-hóa và Nghệ-an (KĐVSTGCM, q. 20, tờ 2a và BCC, q. 39, tờ 7a).

Tới năm Quang-thuận thứ 8 (1467), vua Thánh-tông xét định lại chế độ quân-ngũ mới chia Trung-quân-phủ làm hai Đô-ti Thanh-hóa và Nghệ-an như trên. Năm Hồng-đức thứ 20 (1489), khi chia nước làm 13 xứ, nhà vua lại đổi Trung-quân-phủ là Trung-đô-phủ quản lĩnh hai huyện Thọ-xương và Quảng-đức ở liền ngay Kinh-thành Thăng-long, lệ thuộc thẳng Kinh-su (KĐVSTGCM, q. 24, tờ 10b).

(2) Chi-tiết về mỗi vệ, sở này, xin xem bảng ở ngay sau.

(3) -Nt-

Trung-quân-phủ

Quan đứng đầu : Tả Hữu Đê-đốc

Phụ-tá : Đê-đốc Đồng-tri và Đê-đốc Thiêm-sự

Mỗi Đê-ti :

— Quan đứng đầu : Đê-tông Bình-sứ

— Phụ tá : Tổng binh đồng tri và Tổng binh thiêm-sự

Gồm 2 Đê-ti

Đê-ti Thanh-hóa

Đê-ti Nghệ-an

Mỗi vệ :

— Quan đứng đầu : Tổng tri

— Phụ tá : Đông Tổng tri và Thiêm Tổng tri

5 Vệ

Mỗi vệ

— Đứng đầu : Tổng tri

— Phụ tá : Đông Tổng tri và Thiêm Tổng tri

Thanh-hóa vệ
gồm 6 sớ

1. Kiến nghĩa
2. Hùng nghĩa
3. Bảo nghĩa
4. Vũ nghĩa
5. Chương nghĩa
6. Súng nổ

Thanh-hóa Tuần-tượng vệ 6 sớ

1. Hãn đột
2. Tỏi nhai
3. Không ván
4. Chết-hà
5. Chấn-oi
6. Súng nổ

Lưu thủ vệ
6 sớ

1. Phấn trung
2. Thần dưng
3. Báo quốc
4. Sùng-oi
5. Bảo thuận
6. Súng nổ

Lưu-thủ Tuần-tượng vệ 6 sớ

1. Lược-hà
2. Hoaxa
3. Xung kiên
4. Hàm tê
5. Mãnh đột
6. Súng nổ

Qui đức vệ
6 sớ

1. Huệ-địch
2. Bảo-cực
3. Mọi nghĩa
4. Nghi hóa
5. Khâm nệ
6. Súng nổ

Nghệ-an vệ
6 sớ

1. Thần khôi
2. Thần-hùng
3. Thần-cương
4. Thần lược
5. Thần lực
6. Súng nổ

Nghệ-an tuần-tượng vệ 6 sớ

1. Đột thắng
2. Khóa sơn
3. Tiến địch
4. Trường hồ
5. Lao kiên
6. Súng nổ

Kiến-an vệ
6 sớ

1. Thần phong
2. Thần kính
3. Thần dưng
4. Thần tích
5. Thần hoạch
6. Súng nổ

Mỗi sớ, đứng đầu có : Quản-lãnh

Phụ-tá có : Phó Quản-lãnh, Chánh Võ-úy và Phó Võ-úy

2) Đông-quân-phủ.

Đông-quân-phủ gồm có 6 vệ, 5 vệ đầu có 5 sở, vệ thứ 6 có 6 sở (1):

Đông-quân-phủ					
Quan đứng đầu : Tả Hữu Đê-dốc					
Phụ-tá : Đê-dốc Đổng-tri và Đê-dốc Thiêm-sự					
6 VỆ { Mỗi vệ :					
— Đứng đầu : Tổng tri					
— Phụ-tá : Đổng Tổng-tri và Thiêm Tổng-tri					
Minh-nghị-vệ 5 sở	Quang-vũ-vệ 5 sở	Ngọc-kiềm-vệ 5 sở	Anh-đức-vệ 5 sở	Lâm-khang vệ 5 sở	Phấn-oai-vệ 6 sở
1. Kiêu-kỵ 2. Huyền - ngạch 3. Khai-sơn 4. Trung-oai 5. Định-oai	1. Tam-phụ 2. Giải-phân 3. Oai-dũng 4. Vân-kỵ 5. Hiệu-thắng	1. Chương-vũ 2. Khống - quyền 3. Tráog-dũng 4. Kiện-vũ 5. Phê-cang	1. Vũ-oai 2. Thiết-hò 3. Đầu-đồng 4. Huyền-quạ 5. Chấn-viễn	1. Trục-dăng 2. Ứng-bình 3. Loan-hồ 4. Bác-trạo 5. Kiêu-hùng	1. Chu-diện 2. Oai-diện 3. Mãnh-diện 4. Liệt-diện 5. Phấn-diện 6. Lãng-tiêu

Mỗi sở đều đặt quan Quản-lãnh đứng đầu và có các quan Phó Quản-lãnh, Chánh Võ-úy, Phó Võ-úy phụ-tá.

(1) Năm Quang-thuận thứ 7 (1466), Đông-quân-phủ bao gồm các đạo Nam-sách và An-bang (KĐVSTGCM, q. 20, tờ, 2b). Kể từ năm Quang-thuận thứ 8 trở đi thì An-bang tách riêng ra, có đặt Đô-ti, chỉ còn đạo Nam-sách trực thuộc Đông-quân-phủ thôi.

3) Tây-quân-phủ.

Tây-quân-phủ có 6 vệ, mỗi vệ có 5 sở (1). Tây-quân-phủ có đạo Quốc-oai trực-thuộc (2).

Tây-quân-phủ					
— Đứng đầu : Tả Hữu Đô-đốc					
— Phụ-tá : Đô-đốc Đồng-tri và Đô-đốc Thiêm-sự					
Mỗi vệ :					
6 VỆ { — Đứng đầu : Tổng-tri					
— Phụ-tá : Đồng Tổng-tri và Thiêm Tổng-tri					
Kiều-tiếp-vệ 5 sở	Nghiêm-dùng vệ 5 sở	Ứng-dương vệ 5 sở	Bảo-thao-vệ 5 sở	Chiêu-công- vệ 5 sở	Lôi-oanh 5 sở
1. Oai-viên 2. Nhân-oai 3. Tín-oai 4. Qui-nghĩa 5. Quyết-kỳ	1. Thuận- quốc 2. Bách-ngạch 3. Hùng- thắng 4. Chấp-kích 5. Hoàn-hải	1. Ninh-sóc 2. Lãng-vân 3. Đột-kỳ 4. Thiết-sơn 5. Vạn-tiếp	1. Chấn-vũ 2. Kiêu-thắng 3. Tinh-việt 4. Thiết- ngạch 5. Tồi-kiên	1. Chấp-di 2. Phù-tấn 3. Kiên-kỳ 4. Át-khẩu 5. Thích-xà	1. Xiết-điện 2. Oanh- thiên 3. Lôi-oanh 4. Đình-khu 5. Xung-chấn

Mỗi sở đều có quan Quản-lãnh đứng đầu và có các quan Phó Quản-lãnh, Chánh Võ-úy, Phó Võ-úy phụ-tá. Mỗi sở còn gồm có 20 đội, mỗi đội 20 người (3).

(1) KĐVSTGCM, q.20, tờ 5a.

(2) Năm Quang-thuận thứ 7 (1466) Tây-quân-phủ bao gồm các đạo Quốc-oai và Hưng-hóa. Năm Quang-thuận thứ 8 (1467), vua Lê Thánh-tông xét định lại chế-độ quân ngũ, tách đạo Hưng-hóa ra, đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp của quan Đô Tổng-binh sứ, chỉ còn đạo Quốc-oai trực thuộc Tây-quân-phủ.

(3) BCC, q. 39, tờ 7a.

4) Nam-quân-phủ.

Nam-quân-phủ gồm 6 vệ, 5 vệ đầu mỗi vệ có 5 sở, vệ thứ 6 có 6 sở (1). Phủ Nam-quân có đạo Thiên-trường trực thuộc (2).

Nam-quân-phủ					
— Đứng đầu : Tả Hữu Đô-đốc — Phụ - tá : Đô-đốc Đồng-tri và Đô-đốc Thiêm-sự					
6 Vệ } Mỗi vệ : — Đứng đầu : Tổng-tri — Phụ - tá : Đồng Tổng-tri và Thiêm Tổng-tri					
Bảo-trung-vệ 5 sở	Kiến-huân-vệ 5 sở	Chế-thăng-vệ 5 sở	Tráng-tiết-vệ 5 sở	Lạc-xương-vệ 5 sở	Hùng-oai-vệ 6 sở
1. Thần-loan 2. Văn đề 3. Thần-dực 4. Dũnq-tiếp 5. Định-vũ	1. Tráng-phong 2. Vũ-kỵ 3. Thần-lực 4. Mao đầu 5. Loan-liễn	1. Chiêu-vũ 2. Chế-kỳ 3. Thiên-trường 4. Tráng-tạo 5. Sâm-kỳ	1. Phi-ung 2. Quả cảm 3. Hoành-dã 4. Trấn-lỗ 5. Khắc-địch	1. Siêu-quan 2. Trinh-kiện 3. Hiệp-luân 4. Tì-túc 5. Đầu-tì	1. Chấn địch 2. Chế địch 3. Hùng lực 4. Chấn biên 5. Tinh tái 6. Ấm-vũ

Mỗi sở gồm 20 đội, mỗi đội 20 người (3). Đứng đầu mỗi sở có một quan Quản-lãnh và có các quan Phó Quản-lãnh, Chánh Phó Võ-úy phụ giúp (4).

(1) KĐVSTGCM, q. 20, tờ, 4b.

(2) Năm Quang-thuận thứ 7 (1466), Nam-quân-phủ bao gồm 2 đạo Thiên-trường và Thuận-hóa. Đến năm Quang-thuận thứ 8, nhà vua xét định lại chế-độ quân ngũ, tách đạo Thuận-hóa ra, đặt Đô-ti điều-khiển về quân đội, chỉ còn đạo Thiên-trường trực thuộc Nam-quân-phủ thôi.

(3) BCC, q. 39, tờ 7b.

(4) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 2b.

5) Bắc-quân-phủ.

Bắc-quân-phủ gồm 6 vệ : 5 vệ đầu mỗi vệ có 5 sở, vệ thứ có 6 sở (1). Phủ Bắc-quân có đạo Bắc-giang-trực thuộc (2).

Bắc quân phủ					
— Đứng đầu : Tả Hữu Đô-đốc					
— Phụ tá : Đô-đốc Đồng-tri và Đô-đốc Thiêm-sự					
6 vệ } Mỗi vệ					
— Đứng đầu : Tổng-tri					
— Phụ tá : Đồng Tổng-tri và Thiêm Tổng-tri					
Ninh-quốc-vệ 5 sở	Dực-thuận-vệ 5 sở	Khai-sơn-vệ 5 sở	Thanh-sóc-vệ 5 sở	Hoàng-tĩnh-vệ 5 sở	Tuyên-oai-vệ 6 sở
1. Đọi thắng	1. Nghĩa dũng	1. Diệu võ	1. Quyết bài trung sở	1. Lạc hoan	1. Mãnh đột
2. Tĩnh kỳ	2. Lãng-giang	2. Nghĩa thắng	2. Chiêu thắng tiền sở	2. Thước kích	2. Khước địch
3. Ngử địch	3. Bạt sơn	3. Trứ dũng	3. Vạn thắng hữu sở	3. Tiễn hùng	3. Vô địch
4. Bình khẩu	4. Tồi phong	4. Vạn thắng	4. Tĩnh biên hậu sở	4. Đề kh''	4. Quán giáp
5. Hùng dũng	5. Quyết thắng	5. Tĩnh biên	5. Không rõ tên	5. Phục hùng	5. Chấn hồ
					6. Quán cách

Mỗi sở gồm 20 đội, mỗi đội 20 người (3). Đứng đầu mỗi sở có một quan Quản-lãnh và có các quan Phó Quản-lãnh, Chánh Phó Võ-phụ giúp. (4)

Xem như vậy, Ngũ-phủ-quân gồm có 30 vệ, 154 sở, và tổng số quân đội là 61.600 người (mỗi sở có 400 người).

Đến năm Hồng-đức thứ 20 (1489), có lẽ vì thấy công việc của Ngũ-phủ-quân nhiều mà viên chức ít nên nhà vua cho đặt thêm tại mỗi

(1) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 5b.

(2) Năm Quang-thuận thứ 7 (1466), Bắc-quân-phủ bao gồm 2 đạo Bắc-giang và Lãng-sơn (KĐVSTGCM, q. 20, tờ 2a). Đến năm Quang-thuận thứ 8, nhà vua tách đạo Lãng sơn ra, đặt Đô-ti điều-khiển về quân ngũ (KĐVSTGCM, q. 20, tờ 35b), chỉ còn đạo Bắc-giang trực thuộc phủ Bắc-quân (KĐVSTGCM, q. 20, tờ 35).

(3) BCC, q. 39, tờ 7b.

(4) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 2b.

sở ở các vệ thuộc ngũ-phủ một Phó quân (1), mà không cần câu nệ đội ngũ (2).

B.— Tò-chức quân-ngũ tại kinh-sư.

Đại để, quân đội trong kinh được chia ra làm nhiều vệ, mỗi vệ lại phân làm nhiều ti hoặc sở (thường mỗi vệ có 5 hoặc 6 sở); mỗi ti gồm 100 người, mỗi sở còn phân làm 20 đội, mỗi đội 20 người (tức là mỗi sở có 400 người). Dưới thời Hồng-đức, quân trong kinh gồm 66 ti, 51 vệ (3) chia ra như sau (4):

- Kim quang lực-sĩ gồm 10 ti.
- Cầm y vệ Dũng-sĩ gồm 20 ti.
- Cầm y vệ Tráng-sĩ gồm 18 ti.
- Kim-ngô vệ Vũ-sĩ gồm 14 ti.
- Kim-ngô vệ Tráng-sĩ gồm 4 ti.
- Các vệ thuộc Cầm-y có 4 vệ Tuần tượng, 1 vệ Mã-nhàn (5).
- Các vệ thuộc Kim-ngô có 4 vệ Thần-vũ, 4 vệ Hiệu-lực.
- Các vệ Điện-tiền gồm 6 vệ Vũ-lâm, Tuyên-trung, Thiên-oai, Thủy-quân, Thần-sách, Ứng-thiên (6).

Chúng tôi xin kê rõ những ti và vệ trong các bảng sau:

(1) Phó quân: không rõ nhiệm vụ

(2) KĐVSTGCM, q. 24, tờ 13a.

(3) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 31a.

(4) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 31a.

(5) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 33; BCC, q. 39, tờ 7a.

(6) -Nt-

Bảng kê các ti thuộc các vệ trong quân ngũ tại kinh-đô (1)

Kim quang lực sĩ 10 ti	Cầm y vệ Dũng sĩ 20 ti	Cầm y vệ Tráng sĩ 18 ti	Kim ngô vệ Vũ sĩ 14 ti	Kim ngô vệ Tráng sĩ 4 ti
<ol style="list-style-type: none"> 1. Kim đao 2. Bào đao 3. Hải thanh 4. Hà thanh 5. Kỳ xạ 6. Súng xạ 7. Minh uy 8. Loan giá 9. Hiệu lệnh 10. Phụng lệnh 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ngân đao 2. Trọc sinh 3. Nghi vệ 4. Tài quan 5. Hiệu lệnh 6. Địch vạn 7. Thiên mã 8. Kỳ thủ 9. Đĩnh úy 10. Thê ngữ 11. Phục ba 12. Ngân thương 13. Hãn vệ 14. Du nỗ 15. Thần uy 16. Phi kỵ 17. Thần xạ 18. Thanh lộ 19. Xá nhân 20. Kỳ bài 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Địch vạn 2. Phục ba 3. Xa nhân 4. Tuấn sĩ 5. Thần uy 6. Phi kỵ 7. Ngoại trực 8. Hiệu lệnh 9. Đĩnh úy 10. Nghi vệ 11. Minh tiên 12. Kỳ bài 13. Du nỗ 14. Xuy kim 15. Tráng' nỗ 16. Ngũ thành bình mã 17. Tượng cứu 18. Mã cứu 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trấn điện 2. Lực sĩ 3. Kỳ thủ 4. Tài lực 5. Trường thương 6. Lãng ba 7. Kính nỗ 8. Hoàn vệ 9. Đoàn sào 10. Định lệnh 11. Hộ vệ 12. Thần tí 13. Định uy 14. Thanh đạo 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tráng sĩ 2. Lãng ba 3. Thần tí 4. Chiêu dũng

Mỗi ti đều có 1 viên Chi-huy-sứ (hàng 4a) đứng đầu và các viên Chi-huy Đồng-tri (hàng 4b), Chi-huy Thiêm-sự (hàng 5a) giúp việc (2)

(1) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 31 — 32.

(2) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 18-19; GOOTMD, tr. 59.

Tổng số quân trong kinh có 66 ti, 51 vệ. Mỗi ti 100 người, mỗi vệ 5 hoặc 6 sở, mỗi sở 20 đội, mỗi đội 20 người (1). Như vậy, quân số trong kinh có cả thảy:

— 66 ti: 6.600 người

— 51 vệ (coi như mỗi vệ chỉ có 5 sở) có : $51 \times 5 \times 20 \times 20 = 102.000$ người.

Tổng cộng là : 108.600 người.

C. — Tổ-chức quân ngũ tại ngoài các đạo (2)

Ở 13 xứ (3) trong nước, nhà vua đại đê cho tổ-chức quân đội như sau (4) :

Mỗi xứ đặt một Đô-ti trông coi toàn thê quân-vụ trong xứ đó, có quan Đô-tổng-binh-sứ đứng đầu, và các quan Tổng-binh Đổng-tri, Tổng-binh Thiêm-sự giúp việc (5). Mỗi Đô-ti gồm có một sở vệ (nhiều hay ít tùy sự quan trọng của xứ đó); đứng đầu mỗi vệ là một Chỉ-huy-sứ và có hai Chỉ-huy-sứ Đổng-tri, 4 Chỉ-huy-sứ Thiêm sự giúp việc (6).

Mỗi vệ, theo nguyên-tắc, ít nhất cũng có 5.600 quân-lính, chia làm 5 sở Thiên-hộ, mỗi sở 1.120 quân (7).

Mỗi sở Thiên-hộ có một quan Thiên-hộ đứng đầu và 2 Phó Thiên-hộ phụ-tá. Mỗi sở Thiên-hộ lại chia làm 10 sở Nhất-bách-hộ.

Mỗi sở Nhất-bách-hộ như vậy có 112 quân-lính (8), gồm có hai Tổng-kỳ; mỗi Tổng-kỳ chỉ huy 5 Tiều Tổng-kỳ; mỗi Tiều-tổng-kỳ kiểm soát 10 tên quân (9).

Ngoài ra còn có sở Thủ-ngữ Kinh-lược sứ tổ-chức cũng giống như sở Thiên-hộ, nhưng do Đô-ti trực tiếp điều-khiển chứ không chịu mệnh lệnh của các quan ở vệ (10).

Sau đây là bảng kê một ít chi tiết về cách tổ-chức quân ngũ tại mỗi xứ trong nước (11).

(1) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 31a.

(2) Vì tính cách liên tục của tổ-chức binh-bị nên ta cần xét qua phần này.

(3) Trước năm Hồng-đức thứ 21 (1490), nước ta chia ra làm 13 đạo Thừa-tuyên. Tới năm 1490 nhà vua đổi tên « đạo » ra « ứ » và đặt thêm một xứ trực-thuộc kinh-sự là Trung-đô.

(4) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 33 — 35.

(5) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 38a.

(6) HUCKER, GOOTMD, tr. 59.

(7) HUCKER, GOOTMD, tr. 59; BCC, q. 39, tờ 8a chép lầm là 2.120.

(8) HUCKER, GOOTMD, tr. 59; BCC, q. 39, tờ 8a chép lầm là 120.

(9) HUCKER, GOOTMD, tr. 59; BCC, q. 39, tờ 8a.

(10) HUCKER, GOOTMD, tr. 59; KĐVSTGCM, q. 24, tờ 11a.

(11) KĐVSTGCM, q. 24, tờ 11 — 12.

Trung-quân-phủ

(1)		(2)		(3)		(4)		(5)		(6)		(7)		(8)		(9)		(10)		(11)		(12)		(13)		
Thanh hóa		Nghệ an		Thuận hóa		An-bang		Tuyên quang		Hưng hóa		Thái nguyên		Lạng sơn		Thiên trường		Bắc giang		Nam sách		Quốc oai		Quảng nam		
Đô-ti Thanh hóa	5 vậ	Đô-ti Nghệ an	3 vậ	Đô-ti Thuận hóa	4 vậ	Đô-ti An-bang	1 vậ	Đô-ti Tuyên quang	4 vậ	Đô-ti Hưng hóa	2 vậ	Đô-ti Thái nguyên	5 vậ	Đô-ti Lạng sơn	2 vậ	Không có Đô-ti	Không có Đô-ti	Không có Đô-ti	Không có Đô-ti	Không có Đô-ti	Không có Đô-ti	Không có Đô-ti	Không có Đô-ti	Đô-ti Quảng nam	Đô-ti Quảng nam	
Mỗi vậ 6 sớ tức là : 30 sớ		Mỗi vậ 6 sớ tức là : 18 sớ		1 vậ 6 sớ 3 vậ 5 sớ tức là : 21 sớ		6 sớ		Mỗi vậ 6 sớ tức là : 24 sớ		Mỗi vậ 6 sớ tức là : 12 sớ		4 vậ 6 sớ 1 vậ 5 sớ tức là : 29 sớ		Mỗi vậ 6 sớ tức là : 12 sớ												

Các Thủ-ngữ tại các xứ (5)

Không có	Nghệ-an-Thủ-ngữ 7 sớ	Thuận-hóa-Thủ-ngữ 6 sớ	An-bang-Thủ-ngữ 9 sớ	Tuyên-quang-Thủ-ngữ 5 sớ	Hưng-hóa-Thủ-ngữ 8 sớ	Thái-nguyên-Thủ-ngữ 22 sớ	Lạng-sơn-Thủ-ngữ 18 sớ	không có	không có	không có	không có	Quảng-nam-Thủ-ngữ 2 sớ
----------	----------------------	------------------------	----------------------	--------------------------	-----------------------	---------------------------	------------------------	----------	----------	----------	----------	------------------------

(1) Thiên-trường : sau đổi là Sơn-nam ; (2) Bắc-giang : sau đổi là Kinh-bắc ; (3) Nam-sách : sau đổi là Hải-đương ; (4) Quốc-oai : sau đổi là Sơn-tây.

(5) KĐYSTGCM, q. 24, tờ 11-12. Những sớ Thủ-ngữ Kinh-lược-sử này chỉ mới bắt đầu thiết lập từ tháng 4 năm Hồng-đức thứ 20 (1490).

Tính tới tháng 8 năm Quang-thuận thứ 8 (1467) thì quân-ngũ tại ngoài các đạo có 26 vệ (1), ít nhất mỗi vệ cũng có 5.600 quân. Vậy tổng số quân ngoài các đạo ít nhất cũng có:

$$5.600 \text{ quân} \times 26 = 145.000 \text{ quân-lính.}$$

Tóm lại, tổng số quân đội toàn quốc vào năm Quang-thuận thứ 8 (1467) là:

- Quân ở ngũ phủ có : 61.600 binh-lính
- Quân tại kinh-đô có : 108.600 binh-lính
- Quân tại các xứ có : 145.000 binh-lính
- Tổng-số : 315.200 binh-lính.

Tuy nhiên, không phải toàn thể số quân này. luôn túc-trực tại ngũ, mà thường chỉ có một nửa quân tại ngũ, một nửa quân về làm ruộng, luân phiên nhau (2).

Vậy, ta có thể biết rằng quân số thường-trực của nước ta vào thời vua Lê Thánh-tông trong thời bình vào khoảng 15 hoặc 16 vạn người.

Đoạn 2: CÁCH TỔ - CHỨC QUÂN - ĐỘI THEO THỨ BỰC CHIẾN THUẬT.

Theo hệ-thống tổ-chức của nhà Minh bên Tàu cũng như của vua Lê Thánh-tông thì tất cả quân-đội trú-phòng ở các Đô-ti ngoài các đạo thuộc vào các vệ, các sở. Thiên-hộ, Nhất-bách-hộ, đều có thể là quân chiến đấu khi có chiến-tranh. Và, lúc đó, những vị quan võ được phong hàm Tam Thái, Tam Cô, Thái-úy hoặc Tả Hữu Đô-đốc ngũ-phủ sẽ được lựa chọn giữ chức-vụ Tướng-quân hoặc Đại Tướng-quân để chỉ-huy quân-đội chiến đấu như năm Hồng-đức nguyên niên (1470), khi vua thân chinh đi đánh Chiêm-thành, đã ra lệnh cho Thái-sư Đinh-Liệt và Thái-bảo Lê-Niệm làm Chinh-lữ Tướng-quân, thống lĩnh quân thủy trong các vệ thuộc ba phủ Đông, Nam và Bắc (3). Đến khi chiến tranh chấm dứt thì các vị Tướng-quân hay Đại Tướng-quân cũng chấm dứt luôn nhiệm-vụ điều khiển quân đội theo hệ-thống chiến-thuật, trở lại chức vụ hành-chánh và quân sĩ cũng trở về nhiệm-vụ trú-phòng theo các vệ cũ của họ (4).

Tuy nhiên, đôi chỗ, cũng có một hệ-thống tổ-chức quân-ngũ theo thứ bực chiến lược thường-xuyên, nhất là ở những nơi xung-yếu như

(1) KĐVSTGCM, q. 24, tờ 11 — 12

(2) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 6.

(3) KĐVSTGCM, q. 21, tờ 39a.

(4) Cả đoạn này theo HÜCKER, GOOTMD, tr. 62.

ở thành, bảo (1), trại (2), cảng (3), khâu (4), quan (5), những địa-diềm chiến lược khác cần tới sự phòng vệ thường xuyên. Những đội quân ở các vệ gần những nơi đó sẽ được thay phiên cử tới đấy, nơi đây, những quân lính này chịu quyền điều-khiển của các vị võ quan đặc biệt (6).

Những vị võ quan này thường giữ những chức vụ này tạm thời thôi. Họ sẽ mang danh hiệu mới hay đôi khi vẫn giữ tên chức-vụ ở trong thứ-bực theo tồ-chức hành-chánh. Những người trấn giữ một vùng đất rộng lớn, đều gọi chung là Tổng-binh-quan hay là Trấn-thủ. Đôi người còn được phong thêm danh-hiệu Tướng-quân. Những người trấn giữ vùng đất nhỏ hơn, gọi chung là Phó Tổng-binh-quan. Ở hàng chỉ-huy thấp hơn, theo thứ bực chiến-thuật, thì gồm có các vị võ quan gọi là Tham-tướng, Du-kích tướng-quân, Thủ-bị, Bả-tổng, Đề-điều quan, vân vân... Những vị quan này cố thể, theo lệ, được cử làm các chức vị chỉ-huy tại các địa phương (7).

TIẾT III

CÁC CƠ-QUAN KIỂM-SÁT

Về cơ-quan kiểm-sát dưới triều Lê Thánh-tông, ta nhận thấy có:

- Lục khoa đề kiểm-sát từng bộ theo khía cạnh chuyên môn ;
- Và Ngự-sử-dài kiểm-sát tất cả các cơ-quan và các quan văn võ về phương-diện tổng quát.

— Sau nữa, tướng cũng cần xét qua về việc tư-pháp đề xem những kẻ phạm tội do các cơ-quan kiểm sát xét thấy, sẽ bị xử theo thủ tục nào

Đoạn 1 : NHỮNG CƠ-QUAN KIỂM-SÁT VỀ PHƯƠNG-DIỆN CHUYÊN MÔN :

Lục khoa.

-
- (1) **Bảo** : thành đắp bằng đất
 - (2) **Trại** : khoảnh đất ở đồng hoặc núi mà trồng cây xung quanh để phòng giữ, gọi là trại.
 - (3) **Cảng** : sông lớn có một dòng chảy ngang ra mà thuyền đi được gọi là cảng.
 - (4) **Khâu** : chỗ cửa chính để ra vào.
 - (5) **Quan** : cửa ải
 - (6) HUCKER, GOOTMD, tr. 62.
 - (7) -Nt-

Lục khoa là: Lại-khoa, Hộ-khoa, Lễ-khoa, Binh-khoa, Hình-khoa và Công-khoa.

Mỗi khoa đều có Đô Cấp-sự-trung (hàng 7a) đứng đầu và Cấp-sự-trung (hàng 8a) giúp việc (1)

Sau đây là nhiệm vụ của mỗi khoa :

— *Lại-khoa* : được phép bác bẻ cho đúng về việc cất nhắc, ban thưởng không xứng tài của Lại bộ (2).

— *Hộ-khoa* : kiểm-sát và giúp đỡ Hộ-bộ trong việc thu vào và xuất ra những vật dụng, tiền bạc... (3)

— *Lễ-khoa* : được phép đàn tấu về những nghi-chế sai bực của Lễ-bộ (4).

— *Binh-khoa* : kiểm-sát về công việc của Binh-bộ (6).

— *Hình-khoa* : luận công việc của Hình-bộ, xem có thăm xét sai việc hình án không (7).

— *Công-khoa* : kiểm điếm công việc của bộ Công, coi xem thời hạn làm việc mau siêng, chậm trễ thế nào (5).

Đoạn 2 : NGỰ-SỬ-ĐÀI.

Trong đoạn này chúng ta sẽ xét :

— Tổ-chức Ngự-sử-đài ở trung-ương.

— Và tổ-chức Ngự-sử-đài tại các đạo (8).

1.— Tổ-chức Ngự-sử-đài ở trung-ương.

Đứng đầu Ngự-sử-đài là quan Đô-đài Ngự-sử (còn gọi là Đô Ngự-sử, hàng 3a), giúp việc có quan

Phó Đô Ngự-sử (hàng 4a) và Thiêm Đô Ngự-sử (hàng 5a) (9).

Ngoài ra còn có quan Đề-hình Giám-sát Ngự-sử chuyên trông coi về việc hình-án do Ngự-sử-đài khám đoán (10).

(1) KĐVSTGCM, q. 19, tờ 31a và q. 22, tờ 21. Lục khoa bắt đầu được lập ở nước ta vào thời Nghi Dân năm quyền (xin xem tr. 13 và 19 tập tiểu luận này).

(2) ĐVSKTL, q. 12 tờ 66b và 67a.

(3) ĐVSKTL, q. 12, tờ 66b.

(4) ĐVSKTL, q. 12, tờ 67a.

(5) HĐTTS, tờ 21b.

(6) ĐVSKTL, q. 12, tờ 67a.

(7) ĐVSKTL, q. 12, tờ 67a.

(8) Vì tính cách đồng nhất của Ngự-sử-đài nên mặc dầu phần này (tổ-chức Ngự-sử-đài ở các đạo) thuộc tổ-chức chính-quyền địa-phương, ngoài phạm vi của tập tiểu-luận này, ta cũng nên xét qua.

(9) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 17 — 18; QCC, bản dịch, tr. 66.

(10) HĐTTS, tờ 21.

Nhiệm vụ chính của Ngự-sử-đài là đàn-hặc các quan lại, bàn bạc về chính-sự đương-thời, duyệt xét các án (1).

Ngự-sử-đài bao gồm 4 cơ-quan là :

1) *Kinh-lịch-ti* : có quan Kinh-lịch (hàng 8b) đứng đầu, trông coi về việc đăng lục các án (2)

2) *Tư-vụ-tĩnh* : có quan Tư-vụ (hàng 8b) đứng đầu, trông coi tổng quát các công việc thường nhật của Ngự-sử-đài (3).

3) *Chiếu-ma-sở* : có viên Chiếu-ma (hàng 8b) đứng đầu, giữ việc ghi chép sổ sách, án văn .. (4).

4) *Án-ngục-ti* : có viên Ngục-thừa (hàng 9a) đứng đầu, trông coi về hình-ngục (5).

Trực thuộc Ngự-sử-đài ở trung-ương còn có Giám-sát Ngự-sử của 13 xứ trong nước.

II. — Tổ-chức Ngự-sử-đài ở 13 Xứ.

Năm Hồng-đức thứ tư (1473), vua Lê Thánh-tông định chức trách của các quan Giám-sát ngự-sử

như sau (6).

— *Giám sát ngự-sử đạo Thanh-hoa — Nghệ-an* : giữ công việc các ti trong Cầm-y lục sĩ, ti Canh-ban xá-nhân (7), ti Ngự-thành binh mã (8), ti Nghi-vệ, các quân vệ Cầm-y, Trung-quân-phủ cùng việc quân và dân thuộc Thanh-hoa — Nghệ-an.

— *Giám sát ngự-sử đạo Hải-dương — An-bang* : giữ công việc tráng-sĩ ti Thần-tí, các quân vệ Kim-ngô, bốn vệ Thần-sách, Đông-quân phủ cùng công việc quân và dân thuộc Hải-dương — An-bang.

— *Giám sát ngự-sử đạo Sơn-nam — Thuận-hóa — Quảng-nam* : giữ công việc sáu vệ ti Điện-tiền, Nam-quân phủ cùng công việc quân và dân thuộc Sơn-nam — Thuận-hóa — Quảng-nam.

— *Giám sát ngự-sử đạo Sơn-tây — Hưng-hóa* : giữ công việc

(1) HBTSL, tờ 18b — 19a.

(2) HUCKER, GOOTMD, tr. 49 ; KĐVSTGCM, q. 22, tờ 22a.

(3) HUCKER, GOOTMD, tr. 32 và 49 ; KĐVSTGCM, q. 22, tờ 22a.

(4) HUCKER, GOOTMD, tr. 32 và 49 ; KĐVSTGCM, q. 22, tờ 22a

(5) HUCKER, GOOTMD, tr. 49 ; KĐVSTGCM, q. 22, tờ 23b.

(6) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 32 — 33.

(7) Một ti trong hệ-thống tổ-chức binh bị ngoài các đạo.

(8) -Nt-

Hiệu lực, bốn vệ Tuần-tượng, bốn vệ Mã-nhàn, Tây-quân-phủ cùng công việc quân và dân thuộc Sơn-tây - Hưng-hóa.

— *Giám-sát ngự-sử đạo Kinh-bắc - Lạng-sơn* : giữ công việc ở giám Thượng-y (1), giám Ngự-dụng (2), các thợ trong bộ Công, cục Tuyên-đạt (3), các ti sở Đồn-diễn, Tầm-tang, Tinh mẽ, Thực-thái, Điền-mục (4), Bắc quân-phủ cùng việc quân và dân thuộc Kinh-bắc — Lạng-sơn.

— *Giám-sát Ngự-sử đạo Thái-nguyên Tuyên-quang* : giữ công việc Tuyên-đạt trừ (5), Thị-vệ cục (6), Phụng-trực quân (7) cùng việc quân và dân thuộc Thái-nguyên — Tuyên-quang.

Đoạn 3: VIỆC TƯ-PHÁP

~~Theo hệ-thống tồ-chức chính-quyền của vua Lê Thánh-tông thì không có một cơ-quan đặc-biệt độc-lập coi về việc tư-pháp.~~

Ở mỗi địa-phương, vị thẩm phán cao nhất chính là quan đứng đầu địa phương đó và vấn-đề tư-pháp chỉ là một phần trong công việc hành-chánh chung. Tuy nhiên phần lớn những án-vấn đều được kiểm-sát lại theo thứ bậc hành-chánh. Những án càng nặng thì càng được cấp cao hơn xem xét lại. Án tử-hình sẽ do vua xét lại.

Theo thủ-tục thường, ở trong kinh, các án phải qua tay quan Đề-lĩnh, Phủ-doãn, ở ngoài các đạo thì qua các Ti Thừa và Hiến, rồi mới chuyển về bộ Hình (8).

Trong trường hợp án bị kêu ca và khiếu nại thì Ngự-sử-đài sẽ đem ra duyệt lại (9).

Ở hàng dưới Ngự-sử-đài có một cơ-quan là Đại-lý-tự được quyền xét lại các án tâu lên vua và khi xét tội những tù hiện giam, phải có quan chức của Đại-lý-tự ; nếu người có tội kêu là xét oan, thì cho quan chức của Đại-lý-tự cùng người có tội biện bạch, bác bỏ

(1) Giám Thượng-y : cơ quan trông nom về việc may quần áo cho vua.

(2) Giám Ngự-dụng : cơ quan trông nom về việc ăn uống và đồ dùng thường nhật của vua.

(3) Cục Tuyên-đạt : không rõ.

(4) Xin xem trang 78 tập tiểu luận này.

(5) Tuyên-đạt trú : không rõ.

(6) Thị-vệ cục : cơ quan giữ việc coi về sự hầu cận vua.

(7) Xin xem chú-thích số 1, tr. 83 tập tiểu-luận này.

(8) HĐTTSL, tờ 18b và 19a ; HUCKER, GOOTMD, tr. 55.

(9) -Nt-

với nhau (1). Đại lý tự sẽ cho ý kiến và lập án văn đưa lên vua xét lần cuối cùng (chung thẩm) (2). Trong trường hợp được bộ Hình chấp nhận, thì án văn sẽ được Đô-đốc ngũ phủ cùng Ngự-sử-đài hợp với Đại-lý-tự duyệt lại. Trong tất cả mọi trường hợp, trừ trường hợp án tử-hình, bản án xử lại được trao trở xuống theo thứ bậc đề trừng phạt.

Nếu Đại-lý-tự thấy bản án vô lý một cách hiển nhiên thì sẽ gửi ngay bản án trở về quan xử án khởi đầu xử lại, hoặc chuyển bản án đó qua quan khác xử, hoặc xin quan trong triều đình nghị, hoặc sau hết có thể xin quyết định của vua (3).

(1) KĐVSTGCM, q. 21, tờ 5 ; GOOTMD, tr. 56. Xin xem thêm về Đại-lý-tự, trang 74-75. tập tiểu luận này.

(2) GOOTMD, tr. 56.

(3) -Nt-

Chương III

QUAN - CHẾ

Đã biết về cách tổ-chức các cơ-quan thuộc chính-quyền trung-ương, tưởng chúng ta cũng cần biết rõ về quy-chế của những người có trách-nhiệm trông nom các cơ-quan ấy. Những người ấy là những ai, có cấp bậc, liên-hệ với nhau thế nào? Do đâu và vì sao họ được tuyển chọn để giữ những chức ấy? Họ có nhiệm-vụ và quyền-lợi như thế nào? Nếu không làm đầy đủ bổn-phận, họ sẽ bị trừng phạt ra sao?

Đó là mấy vấn-đề chúng ta đem ra bàn ở chương này trong 4 tiết sau :

Tiết I : Các quan-chức chính có dưới triều Lê Thánh-tông.

Tiết II : Cách tuyên-bổ các quan lại.

Tiết III : Nhiệm-vụ và quyền-lợi của các quan.

Tiết IV : Biện-pháp trừng-trị các quan-lại phạm-pháp.

TIẾT I

CÁC QUAN CHỨC CHÍNH CÓ DƯỚI TRIỀU VUA LÊ THÁNH-TÔNG

Dưới đây chúng tôi liệt kê những chức quan chính nội-nhiệm cùng nhiệm-vụ của những chức quan đó, theo phẩm trật. Còn những chức quan ngoại-nhiệm, tuy không thuộc phạm-vi tập tiều-luận này, chúng tôi cũng chép lại đây để sau tiện bề tra cứu; tuy nhiên, với những chức quan ngoại-nhiệm, chúng tôi chỉ chua bên cạnh « quan chức ngoại-nhiệm » mà không tìm hiểu rõ về nhiệm-vụ như các quan nội-nhiệm (1).

Đoạn 1: VĂN-GIAI.

I.— Nhất phẩm.

A.— Chánh nhất phẩm.

Gồm có các chức quan sau :

— Tam Thái: Thái-sư, Thái-phó, Thái-bảo: những vị quan này là những bậc đại-thần xứng đáng để nhà vua lấy đó làm gương mà bắt chước theo. Họ không có nhiệm-vụ nào nhất định (2).

Những người giữ chức quan này, thăng thụ (3) là Đặc-tiến Kim-tử Vinh-lộc Đại-phu, gia-thụ (4) là Đặc-tiến Khai-phủ Vinh-lộc Đại-phu.

B.— Tông nhất phẩm.

Gồm có :

— Thái-tử Tam Thái: Thái-tử Thái-sư, Thái-tử Thái-phó, Thái-tử Thái-bảo: nhiệm-vụ của những chức quan này cũng như Tam Thái, nhưng thay vì hầu cận bên vua như Tam Thái, Thái-tử Tam Thái lại hầu cận bên Thái-tử (5).

(1) Bảng liệt kê quan chức này lấy ở KĐVSTGCM, q. 22, tờ 15b — 25; QCC, bản dịch, tr. 28 — 32.

(2) TF, tr. 20; QCC, bản dịch, tr. 54; VŨ QUỐC THÔNG, *Pháp chế sử*, tr. 38.

(3) Thăng-thụ, gia-thụ: nếu có công thì được phong cho một danh-hiệu gọi là *thăng-thụ* cũng như cho vào chính ngạch ngày nay. Đã được thăng-thụ rồi mà lại có công nữa, thì được gia thêm cho danh-hiệu khác, gọi là *gia-thụ* (theo suy luận và tự nghĩa).

(4) -Nt-

(5) Thái-tử: người con trưởng của vua đã được chọn để nối ngôi sau này.

Những người giữ chức quan này thì thăng-thụ là Sùng-tiến Tuyên-lộc Đại-phu, gia thụ là Ngân-thanh Tuyên-lộc Đại-phu.

II.— Nhị phẩm.

A.— Chánh nhị phẩm.

Gồm có :

— Tam Cô : Thiếu-sư, Thiếu-phó, Thiếu-bảo : nhiệm-vụ cũng giống như Tam Thái, giúp đỡ công việc cho Tam Thái (1).

Những người giữ chức quan này thì sơ thụ (2) là Quang-tiến Đại-phu, thăng-thụ là Quang-lượng Đại-phu, gia-thụ là Quang-khiêm Đại-phu.

B.— Tông nhị-phẩm.

Gồm có :

— Thượng-thư : vị quan đứng đầu một bộ (3).

— Thái-tử Tam Thiếu : Thái-tử Thiếu-sư, Thái-tử Thiếu-phó, Thái-tử Thiếu-bảo : nhiệm vụ cũng giống như Tam Cô, nhưng hầu-cận bên Thái-tử.

Những người giữ chức quan này thì sơ thụ là Phụng-trực Đại-phu, thăng-thụ là Phụng-công Đại-phu, gia-thụ là Phụng-huấn Đại-phu.

III.— Tam phẩm.

A.— Chánh tam phẩm.

— Tông-nhân-phủ Tông-nhân-lệnh : quan đứng đầu Tông-nhân-phủ (4).

— Đô-ngự-sử : quan đứng đầu Ngự-sử-dài (5).

— Tả, Hữu Thứ-tử : quan đứng đầu Tả, Hữu Xuân-phường (6).

Những người giữ chức quan này thì sơ-thụ là Thông-chương Đại-phu, thăng-thụ là Thông-lễ Đại-phu, gia thụ là Thông-nghị Đại-phu.

(1) TF, tr. 20 ; QCC, bản dịch, tr. 54 ; VŨ QUỐC THÔNG, *Pháp chế sử*, tr. 38.

(2) Sơ-thụ : danh-hiệu được phong cho lúc mới nhận chức.

(3) Xin xem thêm về nhiệm-vụ các vị Thượng thư ở Đoạn 2 : Lục bộ, tr. 52-74 tập tiểu luận này.

(4) Tông-nhân-phủ : là cơ-quan coi về việc cấp dưỡng, quyền lợi.. của những người trong Hoàng tộc. Cơ-quan này không dự vào việc trị dân nên chúng tôi không xét tới trong tập tiểu luận này.

(5) Ngự-sử-dài : Xin xem tr. 93-109 tập tiểu luận này.

(6) Tả, Hữu Xuân-phường : xin xem trang 50-51 và trang 51-52 tập tiểu luận này.

B. — Tông tam phẩm.

Gồm có:

— Tả, Hữu Thị-lang : đứng hàng thứ nhì ở các bộ, giúp việc cho Thượng-thư (1).

— Tông-nhân-phủ Tả Hữu Tông-chính : đứng hàng thứ nhì ở Tông-nhân-phủ.

— Tả, Hữu Dự-đức : là chức quan thuộc Tả, Hữu Xuân-phường, có nhiệm-vụ nhắc nhở Thái-tử noi theo đạo-đức, khuyên răn Thái-tử làm điều thiện và tùy cơ-hội mà giúp đỡ Thái-tử (2).

— Thừa-chính-sứ : quan văn đứng đầu Thừa-ti (3) ở ngoài các đạo (quan-chức ngoại-nhiệm).

Những người giữ chức quan này thì sơ-thụ là Gia-hạnh Đại-phu, thăng-thụ là Gia-tích Đại-phu, gia-thụ là Gia-thông Đại-phu.

IV. — Tứ phẩm.

A. — Chánh tứ phẩm.

Gồm có:

— Hàn-lâm-viện Thừa-chỉ : quan đứng đầu viện Hàn-lâm (4).

— Phó Đô Ngự-sử : quan đứng thứ nhì ở Ngự-sử-đài (5).

— Tả, Hữu Trung-doãn : quan tại Tả, Hữu Xuân-phường (6).

— Tả, Hữu Xuân-phường : quan coi giữ sách vở tại Tả, Hữu Xuân-phường (7).

Những người giữ chức quan này thì sơ-thụ là Trung-trình Đại-phu

(1) Xin xem thêm Đoạn 2 : Lục bộ, tr. 52-74 tập tiểu luận này.

(2) Xin xem thêm tr. 51-52 và tr. 52-53 tập tiểu luận này.

(3) Thừa-ti : là cơ-quan kiểm-sát của trung-ương đặt tại địa-phương làm tiêu-biểu cho các nha môn, phủ, huyện, châu trong hạt. Hàng năm Thừa-ti phải trình lên, luận xét thành tích của các quan viên thuộc đạo mình. Giám hoặc các nha môn khuyết người chức-nhiệm, hạn trong một tháng phải hội-đồng ngay với quan Hiến-ti làm giấy trình Lại-bộ để chọn người có tài bổ dụng. Người nào biết đề ý thương dân, thanh-liêm, mẫn cán, siêng năng, ngay thẳng thì Thừa-ti khai thực mà bảo-cử, đề nghị thăng thưởng. Còn người nào khắc-nghiệt, tham bần, lười bỏ chức việc, Hiến-ti cứ thực tâu trình, triều đình sẽ lập tức biếm bãi, để tỏ sự khuyên răn. (theo HBTSL, tờ 33b-35a).

(4) Hàn-lâm-viện : xin xem trang 45-47 tập tiểu luận này.

(5) Ngự-sử-đài : xin xem trang 98-100 tập tiểu luận này.

(6) Tả, Hữu Xuân-phường : xin xem trang 59-51 và trang 51-52 tập tiểu luận này.

(7) -Nt-

thăng-thụ là Trung-huệ Đại-phu, gia-thụ là Trung-thuận Đại-phu.

B.— *Tòng tứ phẩm.*

Gồm có :

- Quốc-tử-giám Tế-tửu : quan đứng đầu Quốc-tử-giám (1)
 - Đông-các Đại Học-sĩ : quan đứng đầu Đông-các (2)
 - Tả, Hữu Tán-thiện : quan giúp việc tại Tả, Hữu Xuân-phường (3)
 - Thông-chính-sứ : quan đứng đầu Thông-chính-ti (4)
 - Tham-chính : quan đứng thứ nhì sau Thừa-chính-sứ ở Thừa-ti (5)
- ngoài các đạo (quan chức ngoại-nhiệm) (6).

Những người giữ chức quan này thì sơ-thụ là Triều-liệt Đại-phu, thăng-thụ là Triều-đoan Đại-phu, gia-thụ là Triều-tĩnh Đại-phu.

V.— *Ngũ phẩm.*

A.— *Chánh ngũ phẩm.*

Gồm có :

- Hàn-lâm-viện Thị-độc : đứng hàng thứ nhì trong viện Hàn-lâm, phụ-trách việc đọc sách, tham-khảo (7).
- Thiêm-Đô Ngự-sử : đứng hàng thứ ba trong Ngự-sử đài (8).
- Tự-khanh sáu tự : là chức nhiệm chứa giữ (9), duy có Hồng-lô-tự giữ việc xướng danh thi Đình, Thường-bảo-tự đóng ấn quyền thi Hội, còn các tự khác không rõ chức-vụ chuyên-trách (10).
- Chiêm-sự-viện Chiêm-sự : quan đứng đầu Chiêm-sự-viện (11).
- Phụng-thiên Phủ-đoãn : là quan giữ nhiệm-vụ đàn-áp những kẻ quyền quý, cường-hào, xét hỏi những vụ kiện do huyện-quan xử mà kêu lại ở bản hạt ; cùng là khảo-xét thành-tích của quan-lại, khảo-luận sĩ-tử

(1) Quốc-tử-giám : xin xem trang 76-77 tập tiểu luận này.

(2) Đông-các : Xin xem trang 47 tập tiểu luận này.

(3) Xin xem thêm về nhiệm-vụ chức quan này ở trang 50-51 và trang 51-52 tập tiểu luận này.

(4) Thông-chính-ti : xin xem trang 77 tập tiểu luận này.

(5) Thừa-ti : xin xem chú-thích số 3 trang 104 tập tiểu luận này.

(6) KĐVSTGCM, q.2, tờ 38a.

(7) Xin xem thêm trang 46 tập tiểu-luận này.

(8) Xin xem thêm trang 98-100 tập tiểu luận này.

(9) Nguyên văn là : «Trù súc chi nhiệm». DELOUSTAL trong *La justice dans l'ancien Annam*, tr. 29, chú-thích số 3, dịch là « tập trung chứa giữ các văn án » (... chargés de la centralisation et de la garde des archives).

(10) HDTTSL, tờ 21a. Xin xem thêm trang 74-76 tập tiểu luận này.

(11) Chiêm-sự viện : xin xem trang 50 tập tiểu luận này.

trong các kỳ thi Hương và các việc khác thì cứ theo lệ phụng-hành (1).

— *Thiêm-sự*: là chức quan có tên mà không có nhiệm vụ, không phải làm gì, chỉ dùng để trao cho những người trúng-trường và *tạp-lưu* (2).

Những người giữ chức quan này thì *sơ-thụ* là Hoǎng-tín Đại-phu, *thăng-thụ* là Hoǎng-trí Đại-phu, *gia-thụ* là Hoǎng-nghĩa Đại-phu.

B. — *Tòng ngũ phẩm.*

Gồm có:

— *Hàn-lâm-viện Thị-giảng*: quan đứng hàng thứ ba trong viện Hàn-lâm, phụ-trách việc giải-thích, bình-luận, chú-thích các văn thư, thơ, ca, chệ, biều... (3)

— *Hàn-lâm-viện Thuyết-thư*: coi việc giảng nghĩa kinh-sách (4).

— *Quốc-tử-giám Tư-nghiệp*: quan đứng thứ nhì ở *Quốc-tử-giám* (5).

— *Đông-các Học-sĩ*: quan giúp việc cho *Đông-các Đại học-sĩ* (6).

— *Tham-nghị*: quan đứng hàng thứ ba ở *Thừa-ti* ngoài các đạo (quan chức ngoại-nhiệm) (7)

— *Chính-truyển Phó Thông-chính*: quan đứng thứ nhì ở *Thông-chính-ti* (8).

— *Chiêm-sự-viện Thiểu-chiêm-sự*: quan chức ở *Chiêm-sự-viện* (9)

— *Bí-thư-giám Học-sĩ*: quan đứng đầu *Bí-thư-giám* (10).

Những người giữ chức quan này thì *sơ-thụ* là *Hiền-cung Đại-phu*, *thăng-thụ* là *Hiền-lượng Đại-phu*, *gia-thụ* là *Hiền-huệ Đại-phu*.

VI. — *Lục phẩm.*

A. — *Chánh lục phẩm.*

(1) QCC, bản dịch, tr. 78; HBTSL, tờ 28b — 29a.

(2) *Trúng-trường*: đỗ một vài trường ở kỳ thi Hương. Xin xem thêm về thi Hương ở trang 118 tập tiểu luận này.

Tạp-lưu: những người làm quan không có xuất thân (nghĩa là không đỗ bằng gì), chưa được liệt vào hạng chính ngạch, và những người quyền tiên, quyền thóc mà được ban cho phẩm hàm, gọi là *tạp-lưu*.

(3) Xin xem thêm trang 46 tập tiểu luận này.

(4) -Nt-

(5) Xin xem thêm trang 76-77 tập tiểu luận này.

(6) Xin xem thêm trang 47 tập tiểu luận này.

(7) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 38a; ĐVSKTL, q. 12, tờ 41b.

(8) Xin xem thêm trang 76 tập tiểu luận này.

(9) Xin xem thêm trang 50 tập tiểu luận này.

(10) Xin xem thêm trang 49 tập tiểu luận này.

Gồm có :

— Hàn-lâm-viện Thị-thư : quan chức trong viện Hàn-lâm, giữ việc biên chép các văn thư (1).

— Đông-các Hiệu-thư : quan chức Đông-các, giữ việc kiểm-sát, xem xét lại những bài chế, biểu, thơ, ca... do Đông-các Đại Học-sĩ phụng-mệnh sửa chữa (2).

— Trung-thư-giám Xá-nhân : quan đứng đầu Trung-thư-giám (3)

— Lang-trung sáu bộ : quan giữ việc văn thư, đứng hàng thứ ba tại các bộ (4).

— Thiếu-khanh sáu tự : quan đứng thứ nhì ở các tự (5).

— Phụng-thiên Thiếu-doãn : quan giúp việc cho Phụng-thiên Phủ-doãn (6).

— Hiến-sát-sứ : quan đứng đầu Hiến-ti ở ngoài các đạo (quan chức ngoại-nhiệm) (7).

— Đoán-sự các Vệ : quan-chức ngoại-nhiệm.

— Kinh-lịch năm phủ : quan chức ngoại-nhiệm.

Những người giữ chức quan này thì sơ-thụ là Mậu-lâm-lang, thăng-thụ là Tuấn-lâm-lang, gia-thụ là Đức-lâm-lang.

B.— *Tùng lục phẩm.*

— Hàn-lâm-viện Đại-chế : quan ở viện Hàn-lâm (8).

— Bí-thư-giám Điền-thư : quan đứng hàng thứ nhì ở Bí-thư-giám (9).

— Trung-thư-giám Điền-thư : quan đứng hàng thứ nhì ở Trung-thư-giám (10)

(1) Xin xem thêm trang 46 tập tiểu luận này.

(2) Xin xem thêm trang 47 tập tiểu luận này.

(3) Xin xem thêm trang 48 tập tiểu luận này.

(4) Xin xem thêm trang 52 tập tiểu luận này.

(5) Xin xem thêm trang 74 tập tiểu luận này.

(6) Xin xem thêm trang 105 tập tiểu luận này.

(7) Hiến-ti : là cơ-quan giữ việc tâu trình lời nói phải trái ; độ hỏi, điều-tra và đàn-hặc những việc làm trái phép ; thăm cứu, xét hỏi việc ngục-tụng ; xét duyệt công trạng của quân, lại ở đạo của mình ; cử người đi tuần hành trong địa-phương mình (KĐVSTGCM, q. 22, tờ 33 ; HỘTTSL, tờ 35a ; DELOUSTAL, *La justice dans l'ancien Annam*, chú-thích số 1, tr. 18). Chúng tôi xét kỹ chức Hiến-sát-sứ là vì chức quan này, tuy là quan chức ngoại-nhiệm, nhưng lại là đại-diện trung-ương để kiểm-sát các quan tại các đạo.

(8) Xin xem trang 46 tập tiểu luận này.

(9) Xin xem trang 49 tập tiểu luận này.

(10) Xin xem trang 48 tập tiểu luận này.

— Tả Hữu Tư-giảng ở các vương phủ: quan chức giữ việc giảng dạy kinh-nghĩa tại các vương phủ (1).

— Viên-ngoại-lang sáu bộ: quan giữ việc văn thư tại các bộ, giúp việc cho Lang-trung (2).

— Tri-phủ: quan chức ngoại-nhiệm.

Những người giữ chức quan này thì sơ-thụ là Mậu-lâm-tá-lang, thăng-thụ là Tuấn-lâm-tá-lang, gia-thụ là Đức-lâm-tá-lang.

VII. — Thất phẩm.

A. — Chánh thất phẩm.

— Hàn-lâm-viện Hiệu-lý, Đãi-chiếu: quan chức ở viện Hàn-lâm (3).

— Đê-hình Giám-sát Ngự-sử: quan ở Ngự-sử-đài trông coi về việc hình-án do Ngự-sử-đài khám đoán (4).

— Giám-sát Ngự-sử ở 13 xứ (đạo): quan đại-diện Ngự-sử-đài ở ngoài các xứ (đạo), có nhiệm-vụ xét hỏi các vụ kiện thuộc xứ của mình, do Ngự-sử-đài duyệt lại, xong đệ trình lên quan bản đài xét xử (5).

— Đô Cấp-sự-trung sáu khoa: quan đứng đầu các khoa (6).

— Tự-thừa sáu tự: quan đứng hàng thứ ba ở các tự (7).

— Phụng-thiên Huyện-úy: quan đứng đầu huyện trong đó có kinh-thành. Quan này chịu quyền điều-khiển trực-tiếp của quan Phụng-thiên Phủ-doãn (8).

— Trưởng-sử các vương-phủ: quan đứng đầu một văn-phòng coi về văn thư cho các vương-phủ (9).

— Hiến-sát Phó-sứ: quan giúp việc cho Hiến-sát-sứ (10).

Những người giữ chức quan này thì sơ-thụ là Cần-sự-lang, thăng-thụ là Kính-sự-lang, gia-thụ là Thừa-sự-lang.

B. — Tùng thất phẩm.

— Hàn-lâm-viện Kiểm-thảo: quan chức trong viện Hàn-lâm, giữ

(1) Theo tự-nghĩa.

(2) Xin xem trang 52 tập tiểu luận này.

(3) Xin xem trang 46 tập tiểu luận này.

(4) Xin xem trang 97 tập tiểu luận này.

(5) HDTTSL, tờ 21. Xin xem thêm trang 99-100 tập tiểu luận này.

(6) Xin xem trang 97 tập tiểu luận này.

(7) Xin xem trang 74 tập tiểu luận này.

(8) Xin xem trang 105 tập tiểu luận này.

(9) Từ hải, tr. 1399.

(10) Xin xem trang 107 tập tiểu luận này.

việc kiểm thảo giấy tờ (1).

Thông-phán hai huyện Vĩnh-xương và Quảng-đức: quan giúp quan Phụng-thiên Huyện-úy trông coi việc quân, dân, tiền lương.. (2).

— Bí-thư-giám Điền-hàn: quan-chức trong Bí-thư-giám (3)

— Tri-huyện: quan chức ngoại-nhiệm.

— Tri-châu: quan chức ngoại-nhiệm.

Những người giữ chức quan này thì sơ-thụ là Cần-sự-tá-lang, thăng-thụ là Kinh-sự-tá-lang, gia-thụ là Thừa-sự-tá-lang.

VIII.— Bát phẩm.

A.— Chánh bát phẩm.

— Tư huấn ở ba quán: quan giảng dạy kinh-sách ở ba quán Sùng-văn-quán, Chiêu-văn-quán và Tú-lâm-cục (4).

— Ngũ-kinh Giáo-thụ: quan giảng ngũ kinh (5) ở Quốc-tử-giám (6)

— Quốc-sử-viện Tu-soạn: quan đứng đầu ở Quốc-sử-viện (7).

— Cấp-sự-trung sáu khoa: quan đứng thứ nhì ở sáu khoa (8).

Những người giữ chức quan này thì, sơ-thụ là Tiến-công-lang, thăng-thụ là Hiệu-công-lang, gia-thụ là Định-công-lang.

B.— Tông bát phẩm.

— Sử-quán Biên-lục: quan chép sử ở Quốc-sử-viện (9).

— Tư-vụ sáu bộ: quan đứng đầu Tư-vụ-sảnh ở sáu bộ (10).

— Viên Chiêu-ma ở Ngự-sử-đài: quan biên chép giấy tờ ở Ngự-sử-đài (11).

— Kinh-lịch: quan đứng đầu Kinh-lịch-ti ở Ngự-sử-đài (12).

— Viên Điền-nghĩa ở ba quán: quan coi việc tra kinh-điền và kinh-

(1) QCC, bản dịch, tr. 78. Xin xem trang 46 tập tiểu luận này.

(2) *Từ-hải*, tr. 1317. Vĩnh-xương và Quảng-đức là hai huyện thuộc Phủ-doãn (phủ trong đó có kinh-thành).

(3) Xin xem trang 49 tập tiểu luận này.

(4) Xin xem trang 47 tập tiểu luận này.

(5) *Ngũ-kinh*: là kinh Thư, kinh Thi, kinh Lễ, kinh Dịch và kinh Xuân-thu.

(6) Xin xem trang 76 tập tiểu luận này.

(7) Xin xem trang 78 tập tiểu luận này.

(8) Xin xem trang 97 tập tiểu luận này.

(9) Xin xem trang 78 tập tiểu luận này.

(10) Xin xem trang 52 tập tiểu luận này.

(11) Xin xem trang 98 tập tiểu luận này.

(12) -Nt-

nghĩa ở ba quán thuộc Hàn-lâm-viện (1).

— Sử-sứ ở các sở Đồn-diền, Tàm-tang: quan đứng đầu sở Đồn-diền và Tàm-tang (2).

— Khố-sứ: quan trông coi các kho.

Những người giữ chức quan này thì sơ-thụ là Tiến-công-thứ-lang, thăng-thụ là Hiệu-công-thứ-lang, gia-thụ là Định-công-thứ-lang.

IX. — Cửu phẩm.

A. — Chánh cửu phẩm.

— Sử-sứ ở sở Thực-thái, Điền-mục: quan đứng đầu sở Thực-thái, Điền-mục (3).

— Phó-sứ các sở Đồn-diền, Tàm-tang; quan giúp việc ở sở Đồn-diền, Tàm-tang (4).

— Khố-sứ ở kho Sinh-dược: quan coi kho chứa thuốc (5).

— Phó-sứ ở các kho: quan giúp việc quan Khố-sứ ở các kho (6).

— Ngục-thừa: quan đứng đầu Án-ngục-ti thuộc Ngự-sử-dài (7).

Những người giữ chức quan này thì sơ-thụ là Tương-sĩ-lang, thăng-thụ là Đãng-sĩ-lang, gia-thụ là Lập-sĩ-lang.

B. — Tòng cửu phẩm.

— Các viên Thuế-sứ: những người đi thu thuế (8)

— Dịch-thừa và Phó-chính: quan trông coi về thuế vụ (9).

— Khuyến-nông-sứ: quan coi việc khuyến nông (10).

— Hà-đê-sứ: quan coi giữ đê-điều (11).

Những người giữ chức quan này thì sơ-thụ là Tương-sĩ-thứ-lang, thăng-thụ là Đãng-sĩ-thứ-lang, gia-thụ là Lập-sĩ-thứ-lang.

Đoạn 2: VÕ-GIAI.

(1) Xin xem trang 47 tập tiểu luận này.

(2) Xin xem trang 78 tập tiểu luận này.

(3) -Nt-

(4) -Nt-

(5) Theo tự-nghĩa.

(6) Xin xem ở trên, hàng 4.

(7) Xin xem trang 98 tập tiểu luận này.

(8) Theo tự-nghĩa.

(9) QCC, bản dịch, tr. 295.

(10) Xin xem trang 79 tập tiểu luận này.

(11) -Nt-.

I.— Nhất phẩm.

A.— Chánh nhất phẩm.

Tam Thái : Thái-sư, Thái-phó, Thái-bảo : cũng như văn-ban, những vị quan này là những bậc đại-thần, không có nhiệm-vụ nhất định, chỉ làm gương cho vua noi theo đó mà bắt chước (1).

— Thái-úy : quan đứng đầu tất cả quân-đội toàn quốc (2).

Những người giữ chức quan này thì thăng-thụ là Đặc-tiến Phụ-quốc Thượng-tướng-quân, gia-thụ là Khai-quốc Thượng-tướng-quân.

B— Tông nhất phẩm.

— Tam Cô : Thiếu-sư, Thiếu-phó, Thiếu-bảo : nhiệm-vụ cũng giống như Tam Thái, giúp đỡ công việc cho Tam Thái (3).

— Tả Hữu Đô-đốc : quan thống-lĩnh quân năm phủ (4).

Những người giữ chức quan này thì được thăng-thụ là Sùng-tiến Phụ-quốc Đại-tướng-quân, gia-thụ là Sùng-tiến Trấn-quốc Thượng-tướng-quân.

II.— Nhị phẩm.

A.— Chánh nhị phẩm.

— Thiếu-úy : chức quan võ gia-phong cho đại-thần có công, không có chuyên-trách, chỉ là hư hàm (5).

— Đô Kiểm-điêm : quan giữ Cấm quân (6).

— Đề-đốc : quan coi việc quan thuộc các doanh ở Kinh-đô (7).

— Đô-đốc Đồng-tri : quan võ phụ-giúp công việc cho Đô-đốc (8).

Những người giữ chức quan này thì sơ-thụ là Chiêu-nghị Tướng-quân, thăng-thụ là Chiêu-hùng Tướng-quân, gia-thụ là Chiêu-dũng Tướng-quân.

B.— Tông nhị phẩm.

— Đô-đốc Thiêm-sự : quan giúp đỡ công việc cho Đô-đốc (9).

(1) TF, tr. 20 ; QCC, bản dịch, tr. 54.

(2) TF, tr. 19.

(3) TF, tr. 20 ; QCC, bản dịch, tr. 54.

(4) BCC, q. 39, tờ 23a. Xin xem thêm trang 81-82 tập tiểu luận này

(5) QCC, bản dịch, tr. 82.

(6) QCC, bản dịch, tr. 86. Cấm-quân : quân trông coi, canh gác cung cấm.

(7) Tì-hải, tr. 584.

(8) Xin xem trang 82 tập tiểu luận này.

(9) GOOTMD, tr. 59. Xin xem thêm trang 82 tập tiểu luận này.

— Tả Hữu Kiểm-điêm : quan phụ giúp công việc cho Đô Kiểm-điêm (1).

Những người giữ chức quan này thì sơ-thụ là Võ-huân Tướng-quân, thăng-thụ là Võ-lược Tướng-quân, gia-thụ là Võ-nghị Tướng-quân.

III. — Tam phẩm.

A. — Chánh tam phẩm.

— Đô Chỉ-huy-sứ : quan võ điều-khiển quân-đội (2).

Đô Tổng-binh-sứ : quan võ đứng đầu Đô-ti tại các đạo (3).

Những người giữ chức quan này thì sơ-thụ là Anh-liệt Tướng-quân, thăng-thụ là Anh-túc Tướng-quân, gia-thụ là Anh-vĩ Tướng-quân.

B. — Tông tam phẩm.

— Đô Chỉ-huy Đồng-tri : quan võ phụ-giúp công việc cho Đô Chỉ-huy-sứ (4).

— Tổng-binh Đồng-tri : quan phụ-giúp công việc cho Tổng-binh (5).

Những người giữ chức quan này thì sơ-thụ là Minh-dực Tướng-quân, thăng-thụ là Minh-quyết Tướng-quân, gia-thụ là Minh-ý Tướng-quân.

IV. — Tứ phẩm.

A. — Chánh tứ phẩm.

— Đô Chỉ-huy Thiêm-sự : quan giúp việc cho Đô Chỉ-huy-sứ, đứng

(1) QCC, bản dịch, tr. 86.

(2) BCC, q. 13, tờ 23a, chép rằng : « Ân Hồng-đức binh chế, đại lược cấm binh chi ngoại, chư đạo chi binh phân vi ngũ phủ, Đô-đốc tổng kỳ cương, Đô-ti xuất kỳ thuộc... (Xét binh-chế đời Hồng-đức, đại lược ngoài sổ cấm binh, quân các đạo lại chia làm 5 phủ, có quan Đô-đốc thống-lãnh kỳ cương, quan Đô-ti trông coi điều-khiển). Theo GOOTMD, tr. 58 và 59 thì : quan Đô-ti tức là quan Đô Chỉ-huy-sứ.

(3) **Đô-ti** : ti trông coi việc quân tại các đạo. Xin xem thêm trang 83 tập tiểu luận này.

(4) GOOTMD, tr. 59.

(5) KHVSTGCM, q. 20, tờ 38a và q. 22, tờ 17; QCC, bản dịch, tr. 30, chép : « Tổng-binh Đồng-tri ở hàng 4b ; còn Tổng-binh Thiêm-sự ở hàng 4a ». Chúng tôi thấy KHVSTGGM có lý hơn vì « Đồng-tri » thường là chức phụ giúp công việc, đứng hàng thứ nhì (phó) như Đô Chỉ-huy Đồng-tri là quan « phó » Đô Chỉ-huy-sứ, Đô-đốc Đồng-tri là quan « phó » Đô-đốc ; còn « Thiêm-sự » là người đứng hàng thứ ba trong cơ quan dưới « Đồng-tri » (như Đô Chỉ-huy Thiêm-sự, Đô-đốc Thiêm-sự).

sau Đô Chi-huy Đồng-tri (1).

— Chi-huy-sứ : quan đứng đầu một ti (2).

— Tông-binh Thiêm-sự : quan đứng hàng thứ ba ở Đô-ti (3).

Những người giữ chức quan này thì sơ-thụ là Hoài-viễn Tướng quân, thăng-thụ là Đinh-viễn Tướng-quân, gia-thụ là An-viễn Tướng quân.

B. — Tông tứ phẩm.

— Chi-huy-sứ Đồng-tri : quan đứng thứ nhì ở ti, giúp việc cho Chi-huy-sứ (4).

— Đô-tri : quan coi giữ kho tàng quân-dụng (5).

Những người giữ chức quan này thì sơ-thụ là Trì-oai Tướng-quân, thăng-thụ là Bình-oai Tướng-quân, gia-thụ là Quảng-oai Tướng-quân.

V. — Ngũ phẩm.

A. — Chánh ngũ phẩm.

— Chi-huy Thiêm-sự : quan đứng hàng thứ ba ở ti (6).

— Lục-sĩ Hiệu-úy : quan võ ở ti Lục-sĩ (7).

— Phó Đô-tri : quan giúp việc cho quan Đô-tri (8).

— Tông-lãnh : quan chỉ-huy Thiết-đột ngũ vệ (9).

— Quản-lãnh : quan võ đứng đầu một sở (10).

— Thiên-hộ : quan trấn thủ các đồn, các thành, cai quản 2.120 quân (11).

Những người giữ chức quan này thì sơ-thụ là Kiện-trung Tướng-quân, thăng-thụ là Quán-trung Tướng-quân, gia-thụ là Bảo-trung Tướng-quân.

B. — Tông ngũ phẩm.

(1) GOOTMD, tr. 59.

(2) Ti, Vệ, Sở : xin xem chú-thích số 2, tr. 82. Xin xem thêm trang 90 tập tiểu luận này.

(3) Xin xem tr. 83 — 89 tập tiểu luận này.

(4) Xin xem trang 91 tập tiểu luận này.

(5) QCC, bản dịch, tr. 20.

(6) GOOTMD. 59. Xin xem thêm trang 91 tập tiểu luận này.

(7) Theo tự nghĩa. Lục-sĩ : tên một hiệu quân.

(8) Theo tự nghĩa.

(9) BCC, q. 39, tờ 19a. Thiết-đột ngũ-vệ : năm vệ Thiết-đột (Thiết-đột là tên một quân hiệu).

(10) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 5b. Xin xem thêm trang 82 tập tiểu luận này.

(11) BCC, q. 39, tờ 25a. Xin xem thêm trang 93 tập tiểu luận này.

- Phó Thiên-hộ : quan giúp việc cho Thiên-hộ (1).
- Phó Quân-lãnh : quan giúp việc cho Quân-lãnh (2).
- Trung-úy : chức quan tuần-phòng thuộc các vệ Thần-võ, Điện-tiền (3).

Những người giữ chức quan này thì sơ-thụ là Tráng-tiết Tướng-quân, thăng-thụ là Tận-tiết Tướng-quân, gia-thụ là Kính-tiết Tướng-quân.

VI.— Lục phẩm.

A.— Chánh lục phẩm.

- Phó Trung-úy : quan phụ giúp công việc cho Trung-úy (4).
- Chánh Võ-úy : quan đứng hàng thứ ba ở các sở (5).
- Bách-hộ : chức quan võ ở dưới hàng Thiên-hộ, thuộc các vệ, trông coi sở Bách-hộ (6).

Những người giữ chức quan này thì sơ-thụ là Phấn-lực Tướng-quân, thăng-thụ là Quả-lực Tướng-quân, gia-thụ là Chấn-lực Tướng-quân.

B.— Tông lục phẩm.

- Võ-úy : quan võ thuộc các sở (7).
 - Phòng-ngự-sứ : quan tuần phòng ở vệ Thành-môn (8).
- Những người giữ chức quan này thì sơ-thụ là Quả-cảm Tướng-quân, thăng-thụ là Hùng-cảm Tướng-quân, gia-thụ là Cường-cảm Tướng-quân (9).

Dưới thời Hồng-đức, kể từ khi sau ban bố tờ dụ *Hiệu-định quan chế*, (10) ngày 26 tháng 9 năm Hồng-đức thứ hai (1471) thì tổng số các quan văn võ nội ngoại trong cả nước lên tới 5.370, chia ra như sau (11) :

-
- (1) BCC, q. 39, tờ 25a. Xin xem thêm trang 93 tập tiểu luận này.
 - (2) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 5b. Xin xem thêm trang 82 tập tiểu luận này.
 - (3) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 19; *Từ-hải*, tr. 39.
 - (4) Theo tự nghĩa.
 - (5) KĐVSTGCM, q. 20, tờ 2. Xin xem thêm trang 82 tập tiểu luận này.
 - (6) BCC, q. 39, tờ 25a. Xin xem thêm số trang 93 tập tiểu luận này.
 - (7) Xin xem trang 82 tập tiểu luận này.
 - (8) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 20; QCC, bản dịch, tr. 90 và theo tự nghĩa.
 - (9) QCC, bản dịch, tr. 30, còn chép các chức quan võ tới chánh và tông thất phẩm. Nhưng theo quan-chế đời Hồng-đức thì chỉ các chức quan võ từ lục phẩm trở lên mới được phong tước (xin xem Chương III, Tiết III, Phần đoạn II, B, tập tiểu luận này), nên chúng tôi chỉ xét các chức quan võ tới đây thôi.
 - (10) Xin xem phần Phụ-lục tập tiểu luận này.
 - (11) CHU-THIÊN, *Lê Thánh-tông*, tr. 51.

- Quan nội-nhiệm: văn, võ và tòng quan (1) có 2.755 vị gồm:
 - 1) quan văn : 899 vị.
 - 2) quan võ : 1.910 vị.
 - 3) tòng quan : 446 vị.
- Quan ngoại-nhiệm: văn, võ và mọi chức có 2.615 vị gồm:
 - 1) quan văn : 926 vị.
 - 2) quan võ : 857 vị.
 - 3) tòng quan : 41 vị.
 - 4) tạp-chức (2) : 791 vị.

TIẾT II

CÁCH TUYỂN BỒ CÁC QUAN LẠI VÀ LỆ PHONG QUAN-TƯỚC

PHÂN TIẾT I: CÁCH TUYỂN BỒ CÁC QUAN LẠI.

Những quan-lại dưới triều Lê Thánh-tông thường xuất thân do 3 con đường :

— Hoặç vì *thi-đỗ* mà đượç bồ dụng, tức là theo *lệ khoa-cử*.

— Hoặç vì có *tài*, đượç quan trên biết tiếng, *đề-cử* lên bộ Lại đề bộ Lại tâu vua xin bồ dụng, tức là theo *lệ bảo cử*.

— Hoặç vì cha ông làm quan tại triều có công, con cháu noi theo công ấy mà xin bồ dụng, tức là *lệ ấm-sung*.

Ta lần lượt xét 3 lệ này trong 3 đoạn sau :

Đoạn 1: LỆ KHOA-CỬ.

I.— Nguyên tắc.

Theo nguyên tắc, những người ra làm quan lại, thường phải đỗ các kỳ thi Thư-

Toán, Hội-thí và Đình-thí (3).

— Những người đỗ kỳ thi Thư-Toán thường đượç bồ làm Lại-sử (cũng gọi là *Lại-diễn* : là những chức thuộc lại ở nha môn, có nhiệm-vụ thảo thiện giấy tờ, thư-trát, công văn ; danh-từ « Lại-sử » dùng đề chỉ bao

(1) Tòng quan : quan thân-cận, theo hầu vua và các quan to (*Từ-hải*, trang 514).

(2) Tạp-chức : chức vụ hỗn tạp.

(3) Nếu đỗ 4 trường thi Hương thì chỉ gọi là *giám-sinh*, đượç cử vào Quốc-tử-giám đề học thêm (xin xem trang 77 tập tiểu luận này).

gồm những *Thu-lại*, *Thông-lại*...).

— Những người đỗ vài trường (đệ nhất, đệ nhị, đệ tam) của kỳ thi Hội thường được bổ làm Nho Chỉ-huy-sứ (1) ở các vệ, ti (2) (3).

— Những người thi đỗ Tiến-sĩ sẽ được bổ làm quan từ chánh bát phẩm đến chánh lục phẩm (4).

Sau đây tưởng ta cũng nên biết rõ chi tiết về cách tuyển bổ các chức *Lại-sứ*, Nho Chỉ-huy, cùng các vị đỗ Tiến sĩ để có một ý-niệm minh bạch về vấn-đề tuyển bổ các quan-lại dưới triều vua Lê-Thánh-tông :

1) Lệ tuyển bổ các Lại-sứ ở các nha môn.

Khi muốn bổ các chức *Lại-sứ* ở các nha môn, trước hết bộ *Lại* phải đề ý đến người bộ mình định bổ có thi đỗ khoa *Thu Toán* (5) hay không. Nếu người đó có đỗ khoa thi *Thu Toán* thì được bổ rồi gọi là *lại-sứ có xuất thân*, được hưởng những đặc quyền hơn hẳn người không có bằng của khoa thi này (tức là *lại-sứ không xuất thân*).

a) Trường hợp 1: Lại-sứ có xuất thân.

Trong kinh, khi bổ dụng những người có xuất thân (tức là có đỗ khoa thi *Thu-Toán*) vào các nha môn, thì những người đó mới đầu được giữ chức *Thu-lại* (người giữ việc giấy tờ, *thu-từ* ở các nha môn), làm việc ba năm, được thăng làm *Đạt-lại* (cũng là người giữ việc giấy tờ ở nha-môn, nhưng hơn *Thu-lại* một cấp; *Đạt* : thông hiểu); lại làm việc ba năm mà không tội lỗi thì được thăng làm *Điền-lại* (người trông coi về phép tắc, thủ tục giấy tờ ở nha-môn; *Điền* : phép tắc, coi sóc việc gì); lại làm việc ba năm nữa, không tội lỗi mới được thăng lên làm *Đô-lại* (chức quan lại trong một huyện).

Trong trường hợp có *lại-sứ* nào thi Hội đỗ được một, hai hoặc ba trường, thì viên quan có trách-nhiệm liệu xét tài năng của họ mà tiến cử, sẽ chiếu theo thề-lệ đề cất nhắc, chứ không theo niên-hạn (6).

b) Trường hợp 2: Lại-sứ không có xuất thân.

Trong kinh, những người không có xuất thân (nghĩa là không đỗ khoa thi *Thu-Toán*) thì lúc bắt đầu được bổ, được giữ chức *Thông-lại*

(1) Nho Chỉ-huy-sứ: người chỉ-huy có nho-học.

(2) Vệ, ti: xin xem chú thích số 2, tr. 82 tập tiểu luận này.

(3) QCC, bản dịch, tr. 294.

(4) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 31; ĐVSKTL, q. 12, tờ 72b và 13a.

(5) Theo KĐVSTGCM, q. 18, tờ 14; QCC, bản dịch, tr. 293 thì: khoa thi *Thu-Toán*, còn gọi là khoa thi *Lại-điền*, là khoa thi cho những người muốn ra làm *Lại-sứ*; phép thi gồm có một môn thi viết (viết chữ cho nhanh và đúng) và một môn thi tính.

(6) KĐVSTGCM, q. 23, tờ 10 và 11a; QCC, q. 19, tr. 292.

(người giữ việc đưa giấy tờ, công-văn; *thông*: chạy suốt), làm việc 9 năm thì được thăng *Đề-lại* (người giữ việc biên chép sổ sách ở các huyện; *Đề*: ghi chép), lại làm việc ba năm nữa, nếu xét là xứng chức thì được thăng làm *Đô-lại* và được cử vào làm ở các nha môn thường dùng những *lại-sử* có xuất thân (1).

3) *Lệ tuyển bổ các viên Nho Chỉ-huy ở các vệ, ty.*

Năm Hồng-đức thứ 17 (1486), nhà vua ban sắc chỉ về việc bổ các viên Nho Chỉ-huy ở các vệ, ty. Theo sắc chỉ này thì Bộ lại cùng các quan ở các vệ được quyền hội-đồng với nhau, xét chọn những viên văn-chức hiện làm việc ở các nha môn trong ngoài, nếu ai thi Hội trúng trường (nghĩa là có đỗ một, hai hoặc ba trường), thân thể khỏe mạnh, thì được bổ đề túc trực làm việc ở các vệ, ty (2).

4) *Lệ định tư-cách cho tiến-sĩ.*

Năm Hồng-đức thứ 3 (1473), nhà vua ra lệnh định tư-cách cho các tiến-sĩ như sau :

— Đỗ *Đệ-nhất-giáp Đệ-nhất-danh* (tức *Trạng-nguyên*), được hàm (3) chánh lục phẩm, 8 tư (4).

— Đỗ *Đệ-nhất-giáp Đệ-nhi-danh* (tức *Bảng-nhân*), được hàm tòng lục phẩm, 7 tư.

— Đỗ *Đệ-nhất-giáp Đệ-Tam-danh* (tức *Thám-hoa*), được hàm chánh thất phẩm, 6 tư.

— Đỗ *Đệ-nhi-giáp* (tức *Hoàng-giáp*), được hàm tòng thất phẩm, 5 tư.

— Đỗ *Đệ-tam-giáp* (gọi chung là tiến-sĩ), được hàm bát phẩm, 4 tư.

Những người này, lúc đầu bổ vào *Hàn-lâm-viện*, được gia thêm một cấp, sau đó cứ theo phẩm hàm của mình mà được đề bạt làm các chức *Giám-sát ngự-sử* hoặc *tri-huyện* (5).

Đề hiểu rõ lệ khoa-cử, thiết tưởng ta cũng cần biết qua về các kỳ thi mà, do chúng, những người đậu đã được bổ làm quan.

(1) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 22; QCC, bản dịch tr. 292.

(2) QCC, bản dịch, tr. 294.

(3) *Hàm*: là cấp bậc, trật của các quan. *Từ hải*, tr. 1380 có chép: « quan lại giai vị viết hàm » (cấp bậc trật vị của quan-lại gọi là hàm). Nhiều khi người ta dùng chữ « hàm » để gọi tắt danh-từ « hư hàm » là cấp bậc quan được gia phong, chỉ có danh vị mà không có quyền-chức gì.

(4) *Tư*: xin xem Tiết III, Phần-đoạn I: *Quyền lợi tinh thần...* trong tập tiểu luận này.

(5) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 31; ĐVSKTL, q. 12, tờ 72b-73a; KMC, q. 26 tờ 14b.

II.— Các kỳ thi. Có 3 kỳ thi chính và quan trọng là :

- Thi Hương
- Thi Hội.
- Và thi Đình.

A. — *Thi Hương.*

1) *Điều kiện dự thi :*

— Tất cả mọi người dân trong nước, không kể quân hay dân đều được phép ứng thí. Muốn thi, thí-sinh phải có giấy cam-đoan của viên quan quản-hạt nơi mình ở và xã-trưởng nhận mình là người có đạo-đức, hạnh-kiểm tốt.

— Tuy nhiên, những hạng người bất hiếu, bất mục, loạn luân và xui nguyên giục bị, những người làm nghề chèo hát, những người đã từng can tội vào bè đảng với bọn phản-nghịch làm quan ở triều-đình cướp nước, mà có tai tiếng là gian-ác, thì bản thân người ấy và con cháu đều không được dự thi (1).

2) *Phép thi.*

Trước hết có một kỳ thi ám-tả đề loại những người học kém. Ai không bị loại, được vào thi 4 kỳ sau :

— *Kỳ nhất :* thi năm bài kinh nghĩa (*kinh nghĩa* là một thẻ văn, cách làm có tám vế, cũng gọi là *bát cở*, rút những ý nghĩa trong các kinh-điền) và truyện nghĩa (*truyện nghĩa* cũng là một thẻ văn, rút những ý-nghĩa trong các sách của hiền nhân).

— *Kỳ nhì :* thi bài chiếu (tức là tờ mệnh lệnh của vua), bài chể (tức là tờ pháp-luật do vua ban ra), bài biểu (tức là tờ tâu của các quan dâng lên vua).

— *Kỳ tam :* thi thơ, phú.

— *Kỳ tứ :* thi một bài văn sách (*sách nghĩa* là mưu-hoạch. Văn sách là một bài văn làm trả lời những câu hỏi của đầu bài đề tỏ kiến-thức và mưu-hoạch của mình. Văn-sách là một thẻ văn không có vần, thường thì có đối, nhưng viết bằng văn xuôi cũng được). Đầu bài hỏi về sách kinh (như kinh Thi, kinh Thư, kinh Lễ, kinh Dịch và kinh Xuân Thu), sách Sử và thời-sự (2).

Thi đỗ kỳ nhất mới được vào thi kỳ nhì ; đỗ kỳ nhì mới được vào thi kỳ tam ; đỗ kỳ tam sẽ được thi kỳ tứ.

(1) KĐVSTGCM, q. 19, tờ 20 ; KMC, q. 26, tờ 11b — 12a.

(2) KĐVSTGCM, q. 19, tờ 20 ; KMC, q. 26, tờ 12a.

B. — Thi Hội.

1) Điều-kiện dự thi.

— Đối với thường dân, tất cả những người đỗ kỳ thi Hương đều được vào thi Hội (1).

— Còn đối với các quan, kể từ năm Hồng-đức thứ 17 (1486) trở về trước, những quan-viên nào dù chưa trúng tuyển kỳ thi Hương cũng được phép vào thi Hội. Nhưng từ năm 1486 trở đi, quan-viên nào chưa trúng tuyển kỳ thi Hương, muốn thi Hội phải qua một kỳ thi phúc-hạch theo như thể-lệ thi Hương. Kỳ thi này, ở trong kinh thì do phủ Thừa-thiên (tức là phủ trong đó có kinh-đô nhà vua), còn ngoài các đạo thì do Thừa-chính-ty (2) khảo sát. Ai trúng tuyển kỳ thi phúc-hạch này mới được phép vào thi Hội (3).

2) Phép thi.

Kỳ thi Hội cũng có 4 kỳ (còn gọi là 4 trường) như sau :

— Kỳ nhất : về *Tứ-thư* (4), ra tám đầu đề : bốn đầu đề lấy trong sách *Luận-Ngữ*, cử-tử (5) tự chọn lấy ba đầu đề ; về *Ngũ-kinh* (6), mỗi kinh ra ba đầu đề, cử-tử tự chọn lấy một đầu đề mà làm bài, duy kinh *Xuân-thu* ra hai đầu đề gộp vào làm một, cử-tử cũng làm chung vào một bài.

— Kỳ nhì : chế, chiếu, biểu, mỗi thể đều ra ba đầu đề, cử-tử phải làm hết.

— Kỳ tam : thơ và phú, mỗi thể đều có hai đầu đề, cử-tử phải làm cả. Phú làm theo thể Lý-Bạch (7).

(1) KĐVSTGCM, q. 19, tờ 20.

(2) Thừa-chính-ti : gọi tắt là Thừa-ti. Xin xem chú-thích số 3, tr. 104 tập tiểu luận này.

(3) KĐVSTGCM, q. 24, tờ 15.

(4) *Tứ-thư* : là 4 sách : *Đại-học*, *Luận-ngữ*, *Trung-dụng* và *Mạnh-tử*.

(5) *Cử-tử* : tức là người dự thi. Người nào đã đỗ kỳ thi Hương rồi mới được vào thi Hội, nên gọi là cử-tử.

(6) *Ngũ kinh* : là 5 kinh : *Dịch*, *Lễ*, *Xuân-thu*, *Thư* và *Thi*.

(7) *Lý-Bạch* : (791-762), tự là Thái-Bạch, hiệu Thanh-liên cư-sĩ, người đời Đường bên Tàu. Ông rất thông minh, năm lên 12 tuổi đã biết làm thơ. Năm 742, nhờ có người tiến-cử, ông được vua Đường Huyền-tông yêu dùng, cho làm quan trong viện Hàn-lâm. Sau vì có kẻ gièm pha, nên nhà vua có ý nhat-nhẽ. Ông bèn xin lui về, rồi đi lang thang đó đây, mộ theo đạo Lão. Năm 755, một Hoàng-thần là Vĩnh-vương Lân làm phản, ép Lý-Bạch làm quân-sư. Sau Vĩnh-vương Lân thua, Lý-Bạch bị bắt giam, nhờ có Quách-tử-Nghi xin cho nên được tha, nhưng phải đi đày đến năm 759. Tới năm 762 Lý-Bạch mất.

Thể phú Lý-Bạch : là thể phú làm theo lối phú của Lý-Bạch thường làm. Thể phú Lý-Bạch cũng cùng một thể với Đường-phú. Trong thể phú này, thường người ta đặt theo mấy cách sau : 1-*Câu bát-tự* : là hai câu 4 chữ đối nhau ; 2-*Câu song-quan* : là hai câu đối nhau mỗi câu từ 5 chữ trở lên ; 3-*Câu cách-cú* : hai câu làm một về trên, đối với hai câu về dưới ; 4-*Câu hạc-lối* : ba bốn câu một về trên, đối với ba bốn câu của về dưới. Bài phú Đường-luật có thể chia ra nhiều đoạn, tùy ý nhà làm văn. Thường, mỗi đoạn bắt đầu bằng câu bát-tự hay song-quan, rồi đến câu cách-cú hay câu hạc-lối. Còn cách gieo vần trong bài phú Đường-luật thì cũng như cách gieo vần trong thơ.

— *Kỳ tứ*: một bài văn-sách hỏi về ý-nghĩa dị-đồng trong *Ngũ-kinh*, *Tứ-thư* và chính-sự hay dở của các triều đại (1).

C. — Thi Đình.

1) *Điều kiện dự thi.*

Tất cả những người đỗ kỳ thi Hội đều được vào Đình-thí.

2) *Phép thi.*

Đề bài do vua ra, không có quy-lệ nhất định. Khi thì nhà vua ra bài sách hỏi về lý số (2), khi thì bài thi hỏi về đạo trị dân (3).

3) *Xếp loại thí-sinh trúng tuyển.*

Những người trúng tuyển kỳ thi Đình, gọi chung là tiến-sĩ, và được phân loại cao thấp như sau: (4)

— Những người đỗ *hàng đầu* (Đệ nhất giáp), gồm có 3 vị là:

+ Đệ nhất giáp Đệ nhất danh : tức Trạng-nguyên.

+ Đệ nhất giáp Đệ nhị danh : tức Bảng-nhân.

+ Đệ nhất giáp Đệ tam danh : tức Thám-hoa.

Ba vị này gọi là tam khôi và còn danh hiệu chung là Tiến-sĩ cập đệ (5).

— Những người đỗ *hàng thứ nhì* (Đệ nhị giáp), gọi chung là Hoàng-giáp, hay ông Hoàng. Còn có danh-hiệu nữa là Tiến-sĩ xuất thân (6).

— Những người đỗ *hàng thứ ba* (Đệ tam giáp), không có tên riêng, mà chỉ gọi chung là Tiến-sĩ. Còn có danh hiệu nữa là Đồng Tiến-sĩ xuất thân (7).

TIẾN SĨ		
Đệ nhất giáp (Tiến-sĩ cập đệ)	Đệ nhị giáp	Đệ tam giáp
1) — Đệ nhất danh (Trạng-nguyên) 2) — Đệ nhị danh (Bảng-nhân) 3) — Đệ tam danh (Thám-hoa)	Tiến-sĩ xuất thân (Hoàng giáp)	Đồng Tiến-sĩ xuất thân
Tam khôi		

(1) KMC, q. 26, tờ 14a.

(2) KĐVSTGCM, q. 23 tờ 35 chép: « Năm thứ 12, Tân-sửu, tháng 4 mùa hạ, nhà vua thân ra bài sách hỏi về lý số ».

(3) KĐVSTGCM, q. 21, tờ 20 chép: « Tháng 3, năm Bình-thìn, Hồng-dức thứ 27, vua thân hành ra bài thi ở thềm rồng điện Kính thiên, hỏi về đạo cai-trị ».

(4) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 31; ĐVSKTL, q. 12, tờ 72b và 73a.

(5) KMC, q. 26, tờ 16b.

(6) -Nt-

(7) -Nt-

Đoạn 2 : LỆ BẢO CỬ

Con đường làm quan dưới triều Hồng-đức, ngoài thông lệ là do theo khoa-cử mà xuất thân, lại còn có ngoại-lệ là do sự đề-nghị của các quan đứng đầu các nha, môn trong ngoài mà được ra làm quan.

Thực vậy, năm Hồng-đức thứ 15 (1484), nhà vua ra sắc-lệnh cho các nha môn trong ngoài, nếu có chức nào khuyết thì có thể tìm người có tài cán, học thức, thanh-liêm, làm việc giỏi, đề-nghị bổ vào chức khuyết đó (1).

Khi bảo cử, các quan phải theo thủ-tục sau :

— Các quan đứng đầu các nha, môn có chức khuyết, đề-cử người mình thấy xứng đáng với chức đó về bộ Lại. Các quan ở Lại-khoa và Ngự-sử-đài phải ghi chép bản đề-nghị đó cho rõ ràng đề nếu sau này người được đề-cử không xứng-đáng thì sẽ trị tội người đề-cử bậy (2).

— Bộ Lại sẽ xem xét và nếu chấp thuận thì tâu lên vua, đợi chiếu chỉ của vua ban xuống, sẽ chuyển qua các quan Chính-đường tra xét lại, rồi lại được qua Lại-khoa xét một lần cuối cùng. Xong thì bộ Lại mới làm sắc mệnh và bằng khám hợp (3) cùng là cấp bằng cho viên quan được đề cử ra làm việc (4).

Đã nhiều lần vua Lê Thánh-tông ra sắc chỉ xác nhận lệ bảo-cử này đề áp dụng cho các chức quan Huyện, quan Thừa-ty, quan Tổng-binh và các quan ở Hình-bộ :

— Về các quan Thừa-ty, năm Hồng-đức thứ 13 (1482), nhà vua sắc rằng : « Thừa-ty các xứ, chức-vụ rất trọng, khi chọn bổ nên được nhiều người hài lòng. Từ nay quan Thừa-ty các xứ có khuyết, bộ Lại tâu lên rồi đưa xuống cho triều thần (tức là các quan ở Chính-đường) theo như lệ bảo-cử hai ty Đô và Hiến. Nếu xét ra ai đương được chức ấy thì giao sang cho bộ Lại thi-hành » (6).

— Về các quan Huyện, năm Hồng-đức thứ 8 (1477), vua Thánh-tông đã cho phép các quan trong triều, mỗi người được đề cử một người có tính cương-trực, hay chống lũ gian-tà đề cử làm quan

(1) QCC, bản dịch, tr. 332.

(2) -Nt-

(3) Bằng khám hợp : xem chú thích số 4, tr. 54 tập tiểu luận này

(4) QCC, bản dịch, tr. 155.

(5) Thừa-ti : xin xem chú-thích số 3, tr. 104 tập tiểu luận này.
Đô-ti : xin xem trang 83-84 tập tiểu luận này. Hiến-ti : xin xem chú thích số 7, tr. 107 tập tiểu luận này.

(6) QCC, bản dịch, tr. 332.

Huyện (1).

— Về quan *Tổng-binh*, năm Hồng-đức thứ 18 (1487), nhà vua ban chiếu-chỉ : « *Quan Tổng-binh là trọng-trách một phương, không nên ủy-nhiệm người không xứng đáng. Các quan khoa, Đãi (2) phải chọn trong các nha môn lấy người đảm lược, học-thức có tư cách, danh vọng, tài cán thanh-liêm, chăm chỉ mà bỏ chức ấy. Viên quan nào dám thiên-tư cử bậy phải người hèn kém tham lười thì sẽ trị tội* » (3).

— Về việc bảo-cử các quan *Hình-bộ*, năm Hồng-đức thứ 20 (1489), nhà vua ra lệnh : « *Việc hình án rất quan trọng, chọn quan tra khám nên phải cẩn-thận. Từ nay chức Viên-ngoại-lang Hình-bộ có khuyết mấy viên, thì bộ Lại làm bản tâu lên. Trong thì quan 6 bộ, 6 ty, Ngự-sử-đài, ngoài thì quan hai ty Thừa và Hiến, cộng đồng bảo-cử người mình biết, và có thể bảo-cử cả các quan ở nha môn đã từng trải qua hai kỳ khảo khóa trở lên (4), mà thanh liêm, thạo việc, am hiểu hình luật. Sáu bộ làm một bản, hai ty Thừa và Hiến bản xứ mỗi ty làm một bản, khai rõ họ tên người được bảo-cử dâng lên, khi được chỉ ban xuống thì đưa qua bộ Lại đề bổ dụng. Nếu viên nào thiên vị ăn tiền mà bảo-cử người không xứng đáng, thì quan 6 khoa và quan Ngự-sử đàn hặc đề chiếu luật trị tội* » (5).

Lệ bảo-cử bắt đầu có tại nước ta từ đời Hồng-đức. Lệ này cốt đề cung cấp thêm nhân tài vào giúp việc cho guồng máy cai-trị, bổ-túc cho lệ khoa-cử, vì các kỳ thi không đủ cung-ứng kịp thời những người có văn học ra giúp nước. Hơn nữa, lệ bảo-cử này còn giúp cho số người có tài, nhưng vì một trường hợp nào đó không ứng thí được, có thể đem tài mình ra thi-thố.

Phê-bình về lệ bảo-cử dưới triều Hồng-đức, Phan-Huy-Chú đã viết rất xác đáng như sau : « *Cử người làm quan có hai lối : một là tiến cử thì lấy người tài đức hơn hẳn mà không cứ ở tầng lớp nào ; hai là bảo-cử thì lấy danh-vọng to, mà phải chiếu theo tư-cách. Hai lối ấy giống nhau mà thề-thức hơi khác. Lệ bảo-cử mới đặt ra từ đời Hồng-đức. Bấy giờ việc ấy làm thận-trọng, mà trừng phạt lại nghiêm, cho nên không ai dám bảo-cử thiên-tư, các chức đều xứng đáng, rất cục thu được hiệu quả là chọn được người hiền tài* » (6).

(1) QCC, bản dịch, tr. 332.

(2) Chỉ Lại-khoa và Ngự-sử-đài.

(3) QCC, bản dịch, tr. 332.

(4) Khảo-khóa : xin xem Tiết IV, Đoạn I tập tiểu luận này.

(5) QCC, bản dịch, tr. 332, 334.

(6) QCC, bản dịch, tr. 334.

Đoạn 3 : LỆ ẨM - SUNG.

Lệ ẩm-sung là lệ dựa vào ân-trạch của cha ông mà được bỏ vào chức nào đó.

Trong trường hợp các quan, theo lệ con được ẩm-sung, mà viên quan ấy không có con trai, thì được phép nuôi một người con của thân thích trong họ mình làm thừa kế để hưởng tập ẩm (1).

Theo lệ này thì con, cháu của các quan viên sau đây sẽ được hưởng ẩm sung :

— Con trưởng và các con quan văn võ nhất, nhị phẩm ; con trưởng của các quan tam phẩm, nếu là người biết chữ thì cho sung vào ngạch Tuấn-sĩ vệ Cầm-y ; nếu là người thông hiểu nghĩa sách thì sau khi được khảo-hạch, sẽ cho sung vào ngạch Nho-sinh ở Sùng-văn-quán (2).

— Các con thứ của viên quan tứ, ngũ, lục, thất và bát phẩm, nếu người nào không thông hiểu nghĩa sách, thì lựa chọn để bỏ sung vào vệ Vũ-lâm ; nếu người nào thông hiểu nghĩa sách thì cho sung vào ngạch Nho-sinh ở Tú-lâm-cục ; người nào có tài làm « lại » (tức là lại-sử), thì được khảo hạch, rồi cho sung vào ngạch lại-điền ở các nha môn trong kinh hoặc ngoài các đạo (3).

— Các con của quan cửu-phẩm và cháu của quan thất, bát phẩm, thì lựa chọn để bỏ sung làm lính, cũng như con của bách tính (4).

Ngoài ra để khuyến khích con, cháu các quan chăm việc học hành, năm Hồng-đức thứ 8 (1477), nhà vua lại định rõ thể-lệ tuyển dụng con cháu các quan viên như sau (5) :

— Các con và cháu trưởng (6) của tước Công, Hầu, Bá cùng con trưởng của các quan văn, võ từ nhị phẩm đến bát phẩm, người nào ít tuổi, chăm học thì sẽ được vào làm học sinh ở Chiêu-văn-quán để học tập. Cứ 3 năm một lần, các viên Tư-huấn, Điền-nghĩa ở Chiêu-văn-quán phải tâu bày một cách đầy đủ về hạnh kiểm, tính nết, học-vấn của con, cháu các quan viên kể trên, rồi đưa sang bộ Lễ để thi khảo. Kỳ thi khảo này gồm :

- một bài thi ám-tả
- một bài kinh-nghĩa

(1) KĐVSTGCM, q. 19, tờ 10b, 11a.

(2) KĐVSTGCM, q. 19, tờ 10b, 11a.

(3) KĐVSTGCM, q. 23, tờ 5.

(4) .Nt.

(5) .Nt.

(6) ĐVSKTL chỉ chép « cháu trưởng » mà không chép « các con » (chúng tử) (ĐVSKTL, q. 13, tờ 10b).

— hai bài Tứ-thư nghĩa.

Ai trúng tuyển sẽ được bổ vào các chức về văn ban.

Còn người nào tuổi đã lớn mà tư-chất lỗ-độn, muốn tập nghề võ thì do vệ Cầm-y huấn-luyện. Mỗi năm vệ Cầm-y phải phái quan đi khảo-sát việc ganh đua võ nghệ của học-sinh, rồi đưa qua bộ Binh thi khảo, ai trúng tuyển sẽ được bổ chức Võ-úy.

— Về cháu của các quan viên trên thì phép thi văn gồm có :

— một bài biếu.

— một bài toán

Ai trúng tuyển sẽ được ẵm-bồ tùy theo tài-học.

PHÂN TIẾT II : LỆ PHONG QUAN TƯỚC.

Ngoài những người có công hoặc thân thích với vua được phong quan-tước và được hưởng bổng lộc tùy theo quan-tước ấy (1), còn có một số người nữa cũng được phong quan-tước :

— Hoặc những người này là bực trên (như : ông, bà, cha mẹ...) của các bầy tôi có công hay của thân thích của vua. Họ được gia-phong quan-tước theo *lệ truy-phong* :

— Hoặc những người này là bực dưới (như : con, cháu...) của các bầy tôi có công hay của thân thích của vua. Họ được gia-phong quan-tước theo *lệ ẵm-phong*.

— Hoặc những người này được gia-phong quan-tước vì đã *nộp thóc vào công-quỹ*.

Những người gia-phong quan-tước theo 1 trong 3 lệ trên sẽ không được hưởng bổng lộc, và không được trao cho quan-chức (2).

Đoạn 1: LỆ TRUY-PHONG.

Truy-phong là phong quan-tước cho cha mẹ, ông bà... nghĩa là những người bực trên theo trực-hệ của đương sự.

Theo lệ này thì *chỉ bản thân người được truy-phong được gia phong quan-tước, chứ người ấy không được trao quan-chức, cũng không được hưởng bổng lộc và không được viện lệ để xin phong ẵm* (3).

Sau đây là chi-tiết lệ truy-phong :

(1) Xin xem rõ điều này trong tiết III, chương III, tập tiểu luận này.

(2) KĐVSTGCM, q 23, tờ 15; QCC, bản dịch, trang 320 — 321.

(3) ĐVSKTL, q 13, tờ 14a; KĐVSTGCM, q. 23, tờ 15.

1 — **Lệ truy-phong các tổ phụ của** — Bà Hoàng-Thái-hậu (1)
các vị Hoàng-hậu, Phi, Tần. được truy phong ba đời :
cha phong Quốc-công,
mẹ phong Quốc Phu-nhân, ông phong Quận-công, bà phong Quận
Phu-nhân ; cụ ông phong Hầu, cụ bà phong Chánh Phu-nhân.

— Bà Hoàng-hậu (2) được truy phong hai đời : cha phong
Quận-công, mẹ phong Quận Phu-nhân; ông phong Hầu, bà phong
Chánh Phu-nhân.

— Các bà về hàng tam phi được truy phong hai đời : cha phong
Tả Đô-đốc, mẹ phong Đoan-nhân; ông phong Đô-đốc Đồng tri,
bà phong Thuận-nhân.

— Các bà hàng cửu Tần (3) được truy phong một đời :

+ Hàng Tam Chiêu thì : cha phong Đô-đốc Đồng-tri, mẹ phong
Thuận-nhân.

+ Hàng Tam Tu thì : cha phong Đô-đốc Thiêm-sự, mẹ phong
Thục-nhân.

+ Hàng Tam Sung thì : cha phong Đô-đốc Chi-huy-sứ, mẹ phong
Trinh-nhân

— Các bà ở hàng lục chức (4) được truy phong một đời :

+ Chức cấp thứ nhất : cha phong Tông-tri, mẹ phong Huy-
nhân.

+ Chức cấp thứ nhì : cha phong Đồng Tông-tri, mẹ phong Thạc-
nhân.

+ Chức cấp thứ ba : cha phong Thiêm Tông-tri, mẹ phong
Lệnh-nhân.

+ Chức cấp thứ tư : cha phong Tông Quản-lãnh, mẹ phong
Cung-nhân.

+ Chức cấp thứ năm : cha phong Quản-lãnh, mẹ phong Nghi

(1) Hoàng Thái-hậu : mẹ vua

(2) Hoàng-hậu : vợ chính của vua

(3) Tần : người đàn bà giúp việc trong cung. *Cửu tần* (chín
bực Tần) là :

— Tam Chiêu (Chiêu-nghi, Chiêu-dung, Chiêu-viên).

— Tam Tu (Tu-nghi, Tu-dung, Tu-viên).

— Tam Sung (Sung-nghi, Sung-dung, Sung-viên).

(4) Lục chức : sáu chức là : 1— Tiệp dư; 2— Dung-hoa ; 3— Tuyên-
vinh ; 4— Tài-nhân; 5— Lương-nhân; 6— Mỹ-nhân.

nhân.

+ Chức cấp thứ sáu : cha phong Chánh Võ-úy, mẹ phong Trinh-nhân.

— Bà Quốc.Thái Phu-nhân (bà của Hoàng-hậu) được truy phong một đời : cha phong Đồng Tông-tri, mẹ phong Thạc-nhân.

— Bà Quốc Phu-nhân (mẹ Hoàng-hậu) được truy phong một đời : cha phong Thiêm Tông-tri, mẹ phong Lệnh-nhân.

Chúng tôi xin tóm lược thể lệ truy phong tồ-phụ các Hoàng-hậu, Phi, Tần trong bảng kê, trang 127.

II.— Lệ truy phong cho
cha mẹ ông bà các
công thần.

— Tước Quốc - công thì : cha và
ông đều phong Quận công, mẹ
và bà đều phong Quận Phu-nhân.

— Quận-công thì : cha và ông đều phong tước Hầu, mẹ và bà đều phong Chánh Phu-nhân.

— Tước Hầu thì : cha và ông đều phong tước Bá, mẹ và bà đều phong Tự Phu-nhân.

— Tước Bá thì : cha và ông đều phong Thái-bảo, mẹ và bà đều phong Liệt Phu-nhân.

III. Lệ truy-phong cho ông bà cha mẹ văn võ bá quan
từ nhất phẩm đến tứ-phẩm.

A — Về hàng võ :

Về hàng võ thì lệ truy phong lui xuống một cấp :

— Chánh nhất phẩm thì : cha phong Tả Đô-đốc (tòng nhất phẩm), mẹ phong Đoan-nhân (tòng nhất phẩm), Mậu-lâm-lang (chánh lục phẩm).

— Tòng nhất phẩm thì : cha phong Đô-đốc Đồng-tri (chánh nhị phẩm), mẹ phong Thuận-nhân (chánh nhị phẩm).

— Chánh nhị phẩm thì : cha phong Đô-đốc Thiêm-sự (tòng nhị phẩm), mẹ phong Thục-nhân (tòng nhị phẩm).

— Tòng nhị phẩm thì : cha phong Chi-huy-sứ (chánh tam phẩm), mẹ phong Trinh-nhân (chánh tam-phẩm).

— Chánh tam phẩm thì : cha phong Tông-tri (tòng tam phẩm), mẹ phong Huy-nhân (tòng tam phẩm).

— Tòng tam phẩm thì : cha phong Thiêm Tông-tri (chánh tứ phẩm), mẹ phong Thục-nhân (?) (chánh tứ phẩm).

— Chánh tứ phẩm thì : cha phong Thiêm Tông-tri (tòng tứ phẩm),

**BẢNG KÊ LỆ TRUY PHONG TỎ PHỤ
CÁC HOÀNG-HẬU, PHI TÀN**

Những người được hưởng lệ truy phong		Cha	Mẹ	Ông	Bà	Cụ ông	Cụ bà
Hoàng Thái-hậu		Quốc công	Quốc phu-nhân	Quận-công	Quận phu-nhân	Hầu	Chánh phu-nhân
Hoàng-hậu		Quận-công	Quận phu-nhân	Hầu	Chánh phu-nhân		
Các bà ở hàng Tam Phi		Tả Đô-đốc	Đoan-nhân	Đô-đốc Đồng-tri	Thuận-nhân		
Hàng cứu tảo	Tam Chiêu	Đô-đốc Đồng-tri	Thuận-nhân				
	Tam Tu	Đô-đốc Thiên sự	Thực-nhân				
	Tam Sung	Đô-đốc Chỉ-kuy-sứ	Trinh-nhân				
Hàng lục chức	Chức cấp thứ nhất	Tông-tri	Huy-nhân				
	Chức cấp thứ nhì	Đông Tông-tri	Thực-nhân				
	Chức cấp thứ ba	Thiên Tông-tri	Lệnh-nhân				
	Chức cấp thứ tư	Tông Quản-lãnh	Cung-nhân				
	Chức cấp thứ năm	Quản-lãnh	Nghi-nhân				
	Chức cấp thứ sáu	Chánh Võ-úy	Trinh-nhân				
	Quốc Thái phu-nhân (bà của Hoàng-hậu)	Đông Tông-tri	Thực-nhân				
Quốc phu-nhân (mẹ Hoàng-hậu)	Thiên Tông-tri	Lệnh-nhân					

mẹ phong Lệnh-nhân (tòng tứ phẩm).

— Tòng tứ phẩm thì : cha phong Quản-lãnh (chánh ngũ phẩm),
mẹ phong Cung-nhân (chánh ngũ phẩm).

B— Về hàng văn :

Về hàng văn thì lệ truy phong lui xuống hai bậc :

— Chánh nhất phẩm thì : cha phong Thiếu-bảo (chánh nhị phẩm),
mẹ phong Thuận-nhân (chánh nhị phẩm).

— Tòng nhất phẩm thì : cha phong Thái-tử Thái-bảo (tòng nhị phẩm),
mẹ phong Thực-nhân (tòng nhị phẩm).

— Chánh nhị phẩm thì : cha phong Đô-ngự-sử (chánh tam phẩm),
mẹ phong Trinh-nhân (chánh tam phẩm).

— Tòng nhị phẩm thì : cha phong Tả Dự-đức (tòng tam phẩm),
mẹ phong Huy-nhân (tòng tam phẩm).

— Chánh tam phẩm thì : cha phong Tả Trung-doãn (chánh tứ phẩm),
mẹ phong Thực-nhân (chánh tứ phẩm).

— Tòng tam phẩm thì : cha phong Tham-chánh (tòng tứ phẩm),
mẹ phong Lệnh-nhân (tòng tứ phẩm).

— Chánh tứ phẩm thì : cha phong Tự-khánh (chánh ngũ phẩm),
mẹ phong Cung-nhân (chánh ngũ phẩm).

— Tòng tứ phẩm thì : cha phong Tham-ngự (5b), mẹ phong Nghi-nhân (5b).

(Xin xem bảng tóm tắt lệ trên ở trang 132 tập tiểu luận này).

Đoạn 2: LỆ ẤM-PHONG.

Lệ *ấm-phong* là lệ phong quan-tước cho con, cháu những bầy tôi có công và con, cháu, thân thích nhà vua.

Những người được lệ *ấm-phong*, ngoài việc được gia-phong quan-tước, còn được hưởng thêm lệ *ấm-sung*, nghĩa là có thể xin ra làm quan (xin xem rõ lệ *ấm-sung* này trong Phân-tiết I, Đoạn 3, Chương III tập tiểu luận này).

Sau đây là chi-tiết lệ *ấm-phong* :

1. — Lệ *ấm-phong* cho
các con, cháu vua.

— Con trai trưởng của vua là Hoàng Thái-tử; Hoàng-tử (1) được phong là Thân-vương; Hoàng-nữ (2) phong

là Công-chúa.

— Con trai trưởng của Hoàng Thái-tử là Hoàng Thái-tông; con

(1) Hoàng-tử : con trai thứ của vua .

(2) Hoàng-nữ : con gái .

BẢNG KÊ LỆ ẨM PHONG CHO CÁC CON CHÁU VUA

NAM		NỮ	
Những người được dự phong	Tước phong	Những người được dự phong	Tước phong
Hoàng - tử	Thân vương	Hoàng-nữ	Công chúa
— Hoàng Thái-tông — Con trai trưởng của Thân vương	Tự Thân-vương	— Con gái của Hoàng Thái-tử và của Thân vương	Quận Thượng chúa
— Con trai thứ của Hoàng Thái-tử — Con trai thứ của Thân vương	Công	— Con gái của Hoàng Thái tông	Quận chúa
— Con trai trưởng của Tự Thân-vương — Con trai trưởng của tước Công	Hầu	— Con gái của Tự Thân vương và của tước Công	Á-Quận Chúa
— Hoàng Thái-tông — Con trai thứ của Hoàng Thái-tông — Con trai thứ của Tự Thân vương và của tước Công	Bá	— Con gái của tước Hầu, tước Bá	Quận-quân
— Con trai trưởng tước Hầu, Bá	Tử	— Con gái của tước Tử, Nam	Á-Quận-quân
— Con thứ tước Hầu, Bá	Nam	— Con gái của Tá quốc-sứ	Huyện thượng quân
— Các con của tước Tử, Nam	Tá quốc-sứ	— Con gái của Phụng quốc-sứ	Huyện quân
— Các con của Tá quốc-sứ	Phụng quốc-sứ	— Con gái của Dực quốc-sứ	Á Huyện quân
— Các con của Phụng quốc sứ	Dực quốc-sứ		
— Các con của Dực quốc sứ	Lượng quốc-sứ		

traì trưởng của Thân-vương là Tự Thân-vương; còn các con trai thứ của Hoàng Thái-tử và của Thân-vương đều phong tước Công, con gái đều phong Quận Thượng-chúa.

— Con trai trưởng của Hoàng Thái-tông là Hoàng Tăng-tông; các con trai thứ đều phong tước Bá, con gái phong là Quận-chúa;

Con trai trưởng của Tự Thân-vương và của tước Công thì phong tước Hầu; con thứ phong tước Bá, con gái phong Á Quận-chúa.

— Con trai trưởng tước Hầu, tước Bá phong tước Tử, con thứ phong tước Nam, con gái phong Quận-quân.

— Các con tước Tử, tước Nam phong Tá Quốc-sứ, con gái phong Á Quận-quân.

— Các con trai của Tá Quốc-sứ phong Phụng Quốc-sứ, con gái phong Huyện Thượng-quân.

— Con trai Phụng Quốc-sứ phong Dực Quốc-sứ, con gái phong Huyện-quân.

— Con trai Dực Quốc-sứ, phong Lượng Quốc-sứ, con gái phong Á Huyện-quân (1).

II.— **Lệ ấm-phong cho vợ và con,** — Tước Quốc-công thì: vợ cháu các quan viên công thần. phong Quốc Phu-nhân, con trưởng phong Trung-trình đại-phu, con thứ phong Triều-liệt đại-phu, cháu trưởng phong Hoằng-tín đại-phu.

— Quận công thì: vợ phong Quận Phu-nhân, con trưởng phong Triều-liệt đại-phu, con thứ phong Hoằng-tín đại-phu, cháu trưởng phong Hiền-cung đại-phu.

— Tước Hầu thì: vợ phong Chánh Phu-nhân, con trưởng phong Hoằng-tín đại-phu, con thứ phong Hiền-cung đại-phu, cháu trưởng phong Mậu-lâm-lang.

— Tước Bá thì: vợ phong Tự Phu-nhân, con trưởng phong Hiền-cung đại-phu, con thứ phong Mậu-lâm-lang, cháu trưởng phong Mậu-lâm-tá-lang.

III.— **Lệ ấm phong cho vợ và con cháu các quan văn võ từ nhất phẩm đến tứ phẩm.**

A.— *Về hàng võ:*

(1) QCC, tr. 196.

Về hàng võ thì lệ ấm phong lui xuống một cấp :

— Chánh nhất phẩm thì : vợ phong Huy-nhân (3b), con trưởng phong Mậu-lâm-lang (6a).

— Tông nhất phẩm thì : vợ phong Thạc-nhân (4a), con trưởng phong Mậu-lâm-tá-lang (6b).

— Chánh nhị phẩm thì : vợ phong Lệnh-nhân (4b), con trưởng phong Cần-sự-lang (7a).

— Tông nhị phẩm thì : vợ phong Cung-nhân (5a), con trưởng phong Cần-sự-tá-lang (7b).

— Chánh tam phẩm thì : vợ phong An-nhân (5b).

— Tông tam phẩm thì : vợ phong An-nhân (6a).

— Chánh tứ phẩm thì : vợ phong Đoan-nhân (6b).

— Tông tứ phẩm thì : vợ phong Tĩnh-nhân (7a).

B. — Về hàng văn :

Về hàng văn, lệ ấm phong như sau :

— Chánh nhất phẩm thì : vợ phong Lệnh-nhân (4b), con trưởng phong Mậu-lâm-tá-lang (6b).

— Tông nhất phẩm thì : vợ phong Cung-nhân (5a), con trưởng phong Cần-sự-lang (7a).

— Chánh nhị phẩm thì : vợ phong An-nhân (6a), con trưởng phong Cần-sự-tá-lang (7b).

— Tông nhị phẩm thì : vợ phong Tĩnh-nhân (7a), con trưởng phong Tiến-công-lang (8a).

— Chánh tam phẩm thì : vợ phong Túc-nhân (7b).

— Tông tam phẩm thì : vợ phong Thận-nhân (8a).

— Tông tứ phẩm thì : vợ phong Cần-nhân (9b).



Những quan làm trong kinh-đô đã thực-thụ, phải mãn kỳ khảo-khóa mà xứng chức mới được phong tặng.

Còn ai có tài năng đặc biệt mà vua cho đặc ân thì không theo lệ này (1).

Đoạn 3 : LỆ NỘP TIỀN ĐỀ ĐƯỢC PHONG QUAN-TƯỚC.

Năm Quang-thuận thứ nhất (1460), có chỉ dụ cho các hạng quân dân ở Phủ, Lộ, Trấn, Huyện, Động, Sách, Trang, ai có chứa thóc nhiều, tình nguyện xin đem tiến, thì trình báo với quan sở tại làm sớ tâu lên.

(1) QCC, bản dịch, tr. 196, 198, 200, 202.

**BẢNG KÊ LỆ TRUY PHONG VÀ ÁM PHONG CHO TỔ PHỤ
CON CHÁU CÁC QUAN VIÊN CÔNG THẦN**

Nững người được hưởng lệ truy phong và ăm phong		Cha	Mẹ	Ông	Bà	Vợ	Con trưởng	Con thứ	Cháu trưởng
Quốc công	Quốc công	Quận công	Quận phu nhân	Quận công	Quận phu nhân	Quốc phu nhân	Trung-trinh Đại phu	Triều liệt Đại phu	Hoàng tìn Đại phu
Quận công	Hầu	Chánh phu nhân	Hầu	Chánh phu nhân	Chánh phu nhân	Quận phu nhân	Triều liệt Đại phu	Hoàng tìn Đại phu	Hiền cung Đại phu
Hầu	Bá	Tự phu nhân	Bá	Tự phu nhân	Chánh phu nhân	Chánh phu nhân	Hoàng tìn Đại phu	Hiền cung Đại phu	Mậu lâm lang
Bá	Thái bảo	Liệt phu nhân	Thái-bảo	Liệt phu nhân	Tự phu nhân	Tự phu nhân	Hiền cung Đại phu	Mậu lâm lang	Mậu lâm tá lang
HÀNG VÕ	Chánh nhất phẩm (1a)	Tả Đô đốc (1b)	Đoan nhân (1b)			Huy nhân (3b)	Mậu lâm lang (6a)		
	Tông nhất phẩm (1b)	Đô đốc Đông-trị (2a)	Thuận nhân (2a)			Thạc nhân (4a)	Mậu lâm tá lang		
	Chánh nhị phẩm (2a)	Đô đốc Thiêm sự	Thục nhân			Lệnh nhân (4b)	Cần sự lang		
	Tông nhị phẩm (2b)	Chi huy sứ	Trinh nhân			Cung nhân (5a)	Cần sự tá lang		
	Chánh tam phẩm (3a)	Tông tri	Huy nhân			An nhân (5a)			
	Tông tam phẩm (3b)	Đông-Tông tri	Thạc nhân			An nhân (6a)			

Những người được hưởng lệ truy phong và ấm phong		Cha	Mẹ	Ông	Bà	Vợ	Con trưởng	Con trưởng	Cháu trưởng
HÀNG VÕ	Chánh tứ phẩm (4a)	Thiêm Tông-tri	Lệnh nhân			Đoan nhân (6b)			
	Tông tứ phẩm (4b)	Quản-lãnh (5a)	Cung nhân (5a)			Tĩnh nhân (7a)			
HÀNG VĂN	Chánh nhất phẩm (1a)	Thiếu bảo (2a)	Thuận nhân (2a)			Lệnh nhân (4b)	Mậu-lâm-tá-lang		
	Tông nhất phẩm (1b)	Thái tử Thái-bảo (2b)	Thực nhân (2b)			Cung nhân (5a)	Cần sự lang		
	Chánh nhị phẩm (2a)	Đô Ngự-sử	Trinh nhân			An nhân (6a)	Cần sự tá lang		
	Tông nhị phẩm (2b)	Tả Dự-đức	Huy-nhân			Tĩnh nhân (7a)	Tiến công lang		
	Chánh tam phẩm (3a)	Tả Trung-đoãn	Thạc nhân			Túc nhân (7b)			
	Tông tam phẩm (3b)	Tham-chánh	Lệnh nhân			Thận nhân (8a)			
	Chánh tứ phẩm (4a)	Tự khanh (5a)	Cung nhân			Nhu nhân (9a)			
	Tông tứ phẩm (4b)	Tham-ngự (5b)	Nghi nhân			Cần nhân (9b)			

sẽ được thưởng quan hàm theo số thóc nhiều ít :

— Từ 200 thạch (1) thì cho chức tãn quan (2) chánh thất phẩm.

— Từ 150 thạch thì cho chức tãn quan tòng thất phẩm.

— 100 thạch thì cho chức tãn quan tòng bát phẩm, con đều được miễn đi lính.

— 70 thạch thóc thì thưởng 1 tư (3), chỉ tha thuế thân cho một mình (4).

TIẾT III

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA CÁC QUAN

Đoạn 1: NHIỆM-VỤ CỦA CÁC QUAN.

Vua là người thay mặt trời để trị dân, luôn luôn phải tuân theo ý trời, tức là ý dân, và chỉ chịu trách nhiệm đối với trời. Còn các quan là những người giúp vua thực hiện ý trời. Quan là chân tay, tai mắt của vua. làm trung-gian giữa vua và nhân dân. Vua là người ra lệnh, quan mới chính là những người trực tiếp thi hành mệnh-lệnh của vua đối với dân. Nếu quan làm điều gì lầm lỗi thì phải chịu trách-nhiệm đối với vua.

Vậy ta thấy các quan có hai nhiệm-vụ :

— Nhiệm-vụ đối với vua ;

— Nhiệm-vụ đối với dân.

Dưới đây ta sẽ lần lượt xét hai nhiệm-vụ này :

1.— **Nhiệm-vụ của các quan đối với vua.** « Quan là những người có tài có đức ở trong dân lựa chọn ra để giúp vua làm mọi việc ích lợi chung cho cả nước »

(5). Quan phải thừa hành mệnh-lệnh vua, tuyên dương ý đức của vua trong chốn dân gian và phải hết lòng trung thành với vua. « Một nước trị hay loạn là do ở vua và quan giỏi hay dở. Bởi vậy, về đường chính-trị, Nho-giáo lấy cái nghĩa quân thần làm trọng.

« Ở trong nhà thì con phải hiếu với cha mẹ, ở trong nước thì thần dân phải trung với quân » (6).

(1) Thạch : 10 đấu, tức là hộc.

(2) Tãn quan : là quan chỉ có hàm mà không có chức-vụ (*Từ hải*, trang 605).

(3) Tư : do chữ tư-cách. Xin xem *Thông-tư*, tr. 141, tập tiểu luận này

(4) QCC, q. 19, tr. 320-321.

(5) TRẦN-TRỌNG-KIM, *Nho-giáo*, q. thượng, tr. 165.

(6) -Nt-

sáng cái đức sáng và gần dân (1).

Lúc trị dân, các quan phải lấy đạo-đức mà hóa dân hơn là dùng hình-phạt mà trừng-trị. Khổng-tử đã dạy rằng : « Dùng chính-trị mà khiến, dùng hình phạt mà tề-nhất, thì dân khỏi tội, nhưng không có lòng hồ thẹn. Dùng đức mà khiến, dùng lễ mà tề nhất, thì dân có lòng hồ thẹn, mà lại cố làm điều hay » (Đạo chi dĩ chính, tề chi dĩ hình, dân miễn nhi vô sỉ. Đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, hữu sỉ thả cách) (2).

Cho nên muốn ra làm quan, đem tài kinh bang tế thế giúp đời thì trước hết ta phải thành ý, chính tâm và tu thân, rồi mới có thể làm cho nhà yên, nước trị, thiên hạ an hưởng thái-bình được (3).

Trong khi trị dân, quan phải lấy ba điều hệ-trọng sau làm căn bản : « làm cho dân nhiều, làm cho dân giàu, và dạy cho dân biết lễ-nghĩa ». (4).

Tháng 6 năm Canh-tí (1480), nhân dịp trời làm đại hạn, vua Lê-Thánh-tông đã ban chỉ dụ quở trách các quan sao-nhãng nhiệm-vụ trị dân của họ :

« Ít lâu nay bộ Hình cùng Thừa-ti, Hiến-ti, phủ huyện các xứ khám xét kiện tụng phần nhiều theo bụng riêng của mình lấy tiền một cách nhằm nhí, hoặc văn án đề đình trệ, hoặc kẻ trên người dưới suy tị lẫn nhau, gian trá trăm đường, không ai vì dân làm sáng tỏ lẽ phải trái ; vì thế mà kẻ bị tội oan, người bị phạt lạm, để cho dân sâu khổ oán thán, đến nỗi trời làm hạn hán. Vậy từ nay đối với Hình quan, cùng các quan Thừa-chính, Hiến-sát, phủ huyện, người nào nên tuyền dụng, người nào nên sa thải, các bầy tôi trong triều đều phải giữ lòng công bằng, cốt làm thế nào lựa chọn được người tốt, để việc hình ngục đi đến chỗ công bằng thỏa đáng » (5).

Lại nữa, trong khi định về phép khảo khóa (6), vua Lê Thánh-tông đã ban tờ dụ : « Nếu viên quan nào đề tâm săn sóc đến dân, lân tình ái mộ và trong hạt ít người phải lưu vong, thì được cho là xứng chức, nếu hay bối nhiễu, đục-khoét, tư-túi làm bậy, và trong

(1) Đại học : Nguyên văn : « Đại học chi đạo tại mình mình đức, tại thân dân... »

(2) Luận-ngữ : chương thứ nhì, Vi-chính.

(3) Đại-học. Nguyên văn : « Ý thành nhi hậu tâm chính, tâm chính nhi hậu thân tu, thân tu nhi hậu gia tề, gia tề nhi hậu quốc trị, quốc trị nhi hậu thiên hạ bình ».

(4) TRẦN-TRỌNG-KIM, Nho-giáo, q. thượng, tr. 173.

(5) KĐVSTGCM, q. 23, tờ 32.

(6) Khảo khóa : xem Tiết IV, Đoạn II tập tiểu luận này.

hạt nhiều người phải lưu vong thì là không xứng chức» (1).

Và, trong điều 113, *Hồng-đức thiện chính thư* (2), nhà vua đã răn bảo các quan: « Các quan viên là những người gân guốc của xóm làng, nhờ đó mà chính được phong-tục. Vậy phải lấy lễ nghĩa liêm sỉ mà dạy dân; khiến cho nhân dân đều xu-hướng về chữ nhân, chữ nhượng, bỏ hết lòng gian phi, để cho dân được an-cư lạc-nghiệp, giàu có đông đúc, mình cũng được tiếng trưởng-giả trong làng ».

Đàm-văn-Lễ (3) trong bài văn bia đề tên tiến-sĩ khoa Bính-Tuất niên-hiệu Quang-thuận thứ 7 (1467) cũng nhắc tới nhiệm-vụ tu-thân, lấy sở học mà giáo-hóa dân trong đoạn sau: « ... Thế thì những người được đăng tên lên tấm bảng vàng, vẫn nên cảm kích ơn vua, giới mài tiết tháo, đề lo đến đáp mới phải. Còn các sĩ chúng đưa mắt ngó lên, cũng sẽ hăng hái lòng trung nghĩa, trau dồi việc học-hành, đề mong có ngày hiền dương đắc dụng. Lúc bấy giờ hàng tuần-kiệt kéo tới từng đoàn, kẻ chân tài tuôn ra cả lũ, đem văn chương trị nước, lấy đạo đức giúp người...» (4).

Tóm lại, nhiệm-vụ của các quan đối với vua là phải hết lòng trung-thành, tuyệt đối vâng theo mệnh lệnh của vua; giúp vua « điều hòa xoay chuyển trời đất » (5) còn đối với dân thì coi như con đẻ, làm cho dân giàu, dạy dân lễ-nghĩa, dùng đạo-đức mà cảm-hóa dân khiến dân khỏi phải lưu-vong khát thực nơi khác.

Đoạn 2 : QUYỀN-LỢI CỦA CÁC QUAN.

Phân đoạn 1 : Quyền-lợi tinh thần (danh-tước) : các tước, phẩm-trật, thông-tư và lệ thăng bổ.

I.— Các tước : Xét về quan-chế đời Hồng-đức, ta thấy có mấy tước sau: tước Vương, tước Công, tước Hầu, tước Bá, tước Tử và tước Nam.

(1) QCC, q. 19, tr. 345.

(2) *Hồng-đức thiện chính thư*, bản dịch của trường Luật Sài-gòn in năm 1959, tr. 53.

(3) ĐÀM-VĂN-LỄ (1452-1504): tự Hoàng-Kính, hiệu Chân-trai, sinh năm 1452, người xã Lam-sơn, huyện Qui-dương. Năm 18 tuổi (1469) đỗ Tiến-sĩ, làm quan trải 2 đời Lê Thánh-tông và Hiến-tông. Ông là một nhà thơ lỗi lạc, có chân trong hội Tao-đàn, cùng vua Lê Thánh-tông xướng họa rất tương đắc.

(4) *Lê-triều lịch-khoa tiến-sĩ đề danh bi ký*, bản dịch của HÀ-TĨNH VÕ-OANH, tr. 60.

(5) KĐVSTGCM, q. 18, tờ 31.

So với chín phẩm (cửu phẩm) thì :

— Tước Vương, Công, Hầu, Bá đều đứng trên hàng chánh nhất phẩm.

— Tước Tử ngang hàng với chánh nhất phẩm.

— Tước Nam ngang hàng với tòng nhất phẩm (1).

Năm Hồng-đức thứ 2 (1471), tháng chín, có ấn-định về quy-chế phong các tước cho các người trong hoàng-tông và các bầy tôi có công như sau (2) :

A.— *Đối với những người trong hoàng-tông.*

— Thân-vương : Hoàng-tử được phong là Thân vương thì dùng tên một phủ làm tên hiệu, nhưng chỉ dùng một chữ. Tỉ dụ : « Kiến vương » tức là dùng chữ « Kiến » của phủ Kiến-hưng.

— Tự Thân-vương : Thế-tử (3) của thân-vương được phong là Tự Thân-vương, dùng tên một huyện làm tên hiệu, mà dùng cả hai chữ. Tỉ dụ : « Hải-lăng-vương » tức là dùng tên gọi của huyện Hải-lăng.

— Tước Công : các con của Hoàng Thái-tử và các con của Thân-vương đều được phong tước Công.

— Tước Hầu : con trưởng của Hoàng Thái-tông, của Tự Thân vương, của tước Công đều được phong tước Hầu.

— Tước Bá : các con của Hoàng Thái-tông, của Tự Thân-vương, của tước Công và con trưởng của Thân Công-chúa (4) đều được phong tước Bá.

— Tước Tử : các con của Thân Công-chúa và con trưởng của tước Hầu, tước Bá, đều được phong tước Tử.

— Tước Nam : con trưởng của Truy-tặng Thân Công-chúa (?) và các con (5) của tước Hầu, tước Bá đều được phong tước Nam.

Những tước Công, Hầu, Bá, Tử, Nam đều dùng chữ đẹp để làm tên hiệu. Tỉ-dụ : Thiệu-khang-Công, Vĩnh-kiến-Hầu, Tĩnh-cung-Bá, Diên,

(1) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 13

(2) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 11-15 ; ĐVSKTL, q. 12, tờ 68.

(3) Thế-tử : con trưởng của người được phong tước vương thì gọi là thế-tử.

(4) Thân Công-chúa : con gái vua, sau khi chết thì được phong là Thân Công-chúa.

(5) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 11b, chép là : « con trưởng của tước Hầu tước Bá » (Hầu, Bá trưởng tử). Nhưng ĐVSKTL, q. 12, tờ 68a lại chép là : « các con của tước Hầu, tước Bá » (Hầu, Bá chúng tử). Chúng tôi thấy ĐVSKTL đúng hơn vì con trưởng của Hầu, tước Bá đã được phong tước Tử rồi.

xương-Tử và Quảng-trạch-Nam...

B. — Đối với những bầy tôi có công.

Những bầy tôi có công được phong :

— Tước Quốc-công thì lấy tên một phủ làm tên hiệu, nhưng chỉ dùng một chữ. Tỉ dụ : tước « Thường Quốc-công » tức là dùng chữ « Thường » của tên gọi phủ Thường-tín.

— Tước Quận-công thì dùng tên một huyện làm tên hiệu, cũng chỉ dùng một chữ. Tỉ-dụ : tước « Sùng Quận-công » tức là dùng chữ « Sùng » của tên gọi huyện Sùng-an.

— Tước Hầu và tước Bá dùng tên một xã làm tên hiệu, dùng cả hai chữ. Tỉ-dụ : Tước « Nam-xang-Hầu » tức là dùng tên gọi của xã Nam-xang ; « Duyên-hà-Bá » tức là dùng tên gọi của xã Duyên-hà (1).

II. — Phàm trật.

A. — Đối với con các người trong hoàng-tông.

— Các người trong hoàng-tông cũng được cất nhắc đề trao cho phàm trật. Có 8 bậc là :

— Tá-quốc-sứ : con của tước Tử, tước Nam được phong là Tá-quốc-sứ, ngang hàng Chánh nhị phẩm.

— Phụng-quốc-sứ : con của Tá-quốc-sứ được phong là Phụng-quốc-sứ, ngang hàng tòng nhị phẩm.

— Dực-quốc-sứ : con của Phụng-quốc-sứ được phong là Dực-quốc-sứ ngang hàng chánh tam phẩm.

— Lượng-quốc-sứ : con của Dực-quốc-sứ được phong là Lượng-quốc-sứ, ngang hàng tòng tam phẩm.

— Sùng-ân-sứ : cháu của Thân Công-chúa và các con của Truy-tặng Thân Công-chúa đều được phong là Sùng-ân-sứ.

— Dụ-ân-sứ : Tăng-tôn (chắt) của Thân Công-chúa, cháu của Truy-tặng Thân Công-chúa và con của Quận Thượng-chúa, được phong là Dụ-ân-sứ.

Sùng-ân-sứ và Dụ-ân-sứ đều ngang hàng với tòng tam phẩm.

— Mậu-ân-sứ : Huyền-tôn (chút) của Thân Công-chúa, tăng tôn (chắt) của Truy-tặng Thân Công-chúa, cháu của Quận Thượng-chúa và con của Quận-chúa được phong là Mậu-ân-sứ, ngang hàng tòng tứ phẩm.

(1) KĐVSTGCM q. 22, tờ 14. ĐVSKTL, q. 12, tờ 68b.

— Tự-ân-sứ : Huyện-tôn của Truy-tặng Thân Công-chúa, cháu của Quận-chúa và con của Quận quân được phong là Tự-ân-sứ, ngang hàng tòng ngũ phẩm.

— Quận Thượng-chúa Nghi-tân : con rề của của Hoàng Thái-tử và của Thân-vương được phong là Quận Thượng-chúa Nghi-tân ngang hàng với chánh tam phẩm.

— Quận-chúa Nghi-tân : con rề của Tự Thân-vương và của Thân Công-chúa được phong là Quận-chúa Nghi-tân, ngang hàng với tòng tam phẩm (1).

B.— Đối với những bầy tôi có công.

Đối với những bầy tôi có công được tùy theo công trạng mà phong cho Huân-cấp và giai cấp lớn nhỏ khác nhau :

1) Về Huân-cấp thì :

— Văn-huân (Huân-cấp phong cho quan văn) : có 5 bậc; mỗi bậc đều có chánh và tòng, vậy là có 10 cấp : từ Thượng trụ quốc đến Tu-thận và Thiếu-doãn.

— Võ-huân (Huân-cấp phong cho quan võ) : có 5 bậc; mỗi bậc cũng có chánh và tòng, vậy là có 10 cấp : từ Thượng-trụ-quốc đến Thiết-ky-úy (2).

2) Về giai cấp thì :

— Văn-giai : có 9 bậc, mỗi bậc đều có chánh và tòng, vậy là có 18 cấp : từ chánh nhất phẩm đến tòng cửu phẩm.

— Võ-giai : có 6 bậc, mỗi bậc có chánh và tòng, vậy là có 12 cấp từ chánh nhất phẩm đến tòng lục phẩm (3).

(1) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 14. ĐVSKTL, q. 12, tờ 68b.

(2) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 15; ĐVKTL, q. 12, tờ 68b.

(3) -Nt-

Chúng tôi kê rõ huân-cấp và giai-cấp cùng sự tương-đương của chúng trong bảng sau (1) :

HÀNG VĂN		HÀNG VÕ	
Huân-cấp	Giai-cấp	Huân-cấp	Giai-cấp
— Thượng-trụ-quốc	Chánh nhất phẩm	Thượng-trụ-quốc	Chánh nhất phẩm
— Trụ-quốc	Tòng nhất phẩm	Trụ-quốc	Tòng nhất phẩm
— Chánh-trị Thượng khanh	Chánh nhị phẩm	Thượng Hộ-quân	Chánh nhị phẩm
— Chánh-trị khanh	Tòng nhị phẩm	Hộ-quân	Tòng nhị phẩm
— Tư-chánh Thượng khanh	Chánh tam phẩm	Thượng Khinh xa-úy	Chánh tam phẩm
— Tư-chánh khanh	Tòng tam phẩm	Khinh-xa-úy	Tòng tam phẩm
— Khuông-mỹ doãn	Chánh tứ phẩm	Kiều kỵ úy	Chánh tứ phẩm
— Khuông-mỹ Thiếu doãn	Tòng tứ phẩm	Phi kỵ úy	Tòng tứ phẩm
— Tu thận doãn	Chánh ngũ phẩm	Vân kỵ úy	Chánh ngũ phẩm
— Tu thận Thiếu doãn	Tòng ngũ phẩm	Thiết kỵ úy	Tòng ngũ phẩm
	Chánh lục phẩm		Chánh lục phẩm
	Tòng lục phẩm		Tòng lục phẩm
	Chánh thất phẩm		
	Tòng thất phẩm		
	Chánh bát phẩm		
	Tòng bát phẩm		
	Chánh cửu phẩm		
	Tòng cửu phẩm		

(1) Theo KĐVSTGCM, q. 22, tờ 15.

C.— Đối với các quan ở Nội-điện :

Các quan ở Nội-điện (nội-quan) (1) thì được phong các huân cấp sau và sự tương-đương của những huân-cấp này đối với giai cấp là (2) :

Huân-cấp	Giai-cấp
Thị-trung-lệnh	Chánh tam phẩm
Phó Thị-trung-lệnh	Tòng tam phẩm
Bật-trực-lệnh	Chánh tứ phẩm
Phó Bật-trực-lệnh	Tòng tứ phẩm
Hiệp-lượng-lệnh	Chánh ngũ phẩm
Phó Hiệp-lượng-lệnh	Tòng ngũ phẩm
Sùng-liêm-chính	Chánh lục phẩm
Phó Sùng-liêm-chính	Tòng lục phẩm
Thuần-lương-chính	Chánh thất phẩm
Phó Thuần-lương-chính	Tòng thất phẩm
Tu-sức-chính	Chánh bát phẩm
Phó Tu-sức-chính	Tòng bát phẩm
Lịch-sứ-chính	Chánh cửu phẩm
Phó Lịch-sứ-chính	Tòng cửu phẩm

(1) Cũng gọi là Hoạn-quan.

(2) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 24b, 25a ; QCC, bản dịch, tr. 190.

D.— Đối với những người được hàm tãn quan (1).

Những người được hàm tãn-quan về văn và võ được phong như sau : (2)

VĂN BAN		VÕ BAN	
Huân cấp	Giai cấp	Huân cấp	Giai cấp
Đặc tiến Kim tử vinh lộc đại-phu	Chánh nhất phẩm	Đặc tiến phụ quốc thượng tướng-quân	Chánh nhất phẩm
Sùng tiến Bảo lộc đại-phu	Tòng nhất phẩm	Sùng tiến trấn quốc đại tướng quân	Tòng nhất phẩm
Quang-lượng đại-phu	Chánh nhị phẩm	Chiêu nghị tướng quân	Chánh nhị phẩm
Phụng-trực đại-phu	Tòng nhị phẩm	Võ huân tướng quân	Tòng nhị phẩm
Thống-chương đại-phu	Chánh tam phẩm	Anh-liệt tướng quân	Chánh tam phẩm
Gia-hành đại-phu	Tòng tam phẩm	Minh-dực tướng quân	Tòng tam phẩm
Trung-trình đại-phu	Chánh tứ phẩm	Hoài-diễn tướng quân	Chánh tứ phẩm
Triều-liệt đại-phu	Tòng tứ phẩm	Trì uy tướng quân	Tòng tứ phẩm
Hoảng-tín đại-phu	Chánh ngũ phẩm	Kiệt trung tướng quân	Chánh ngũ phẩm
Hiền-cung đại-phu	Tòng ngũ phẩm	Tráng-tiết tướng quân	Tòng ngũ phẩm
Mậu-lâm-lang	Chánh lục phẩm	Phấn lực tướng quân	Chánh lục phẩm
Mậu-lâm tá-lang	Tòng lục phẩm	Quả nghị tướng quân	Tòng lục phẩm
Cần-sự-lang	Chánh thất phẩm		
Cần-sự-tá-lang	Tòng thất phẩm		
Tiến-công-lang	Chánh bát phẩm		
Tiến-công-thứ-lang	Tòng bát phẩm		
Tương-sĩ-lang	Chánh cửu phẩm		
Tương-sĩ thứ-lang	Tòng cửu phẩm		
Được dự tước Bá : ngang với	Chánh nhất phẩm	Quận-công : ngang với	Chánh nhất phẩm
Dự tước Tử	Tòng nhất phẩm		
Dự tước Nam	Chánh nhị phẩm		

(1) Tãn quan : quan giữ chức nhàn-tãn.

(2) QCC, q. 17, tr. 188, 190.

III.— **Thông tư** . *Tư* là do chữ *tư-cách*. Có những điều sau về chữ «*Tư*» :

1) — Theo *Đường thư*, mục *Bách quan chí* (1) thì có 3 loại «*Tư*» là :

- Thượng tư
- Trung tư
- Hạ tư

— Những người hiện đang giữ một trọng trách, những người do khoa cử xuất thân được quan đề cử về tình trạng công vụ khi trước (tiền tư thường tuyền) đều được xếp vào loại «*Thượng tư*».

— Những quan văn hay võ có mang danh hiệu mà không giữ chức gì (2) và những vị quan có huân-cấp tương đương với ngũ phẩm trở lên, đều được xếp vào loại «*Trung tư*».

— Những con và cháu của những vị quan từ ngũ phẩm trở lên, những con của Thượng-trụ-quốc và Trụ-quốc và những vị quan mang huân-cấp ngang với lục phẩm trở xuống, đều được xếp vào loại «*Hạ tư*».

Những bạch-đình (3) và vệ sĩ đều xếp vào loại «*vô tư*».

3) Cũng theo *Đường thư* mục *Tuyên-cử-chí* (4) thì «*Năm Khai nguyên* (730), Lại-bộ Thượng-thư Bùi-Quang-Đình (5) lần đầu tiên đặt ra lệ theo tư cách ra bổ dụng (gọi là lệ «*tuần tư cách*».) Theo lệ này thì người hiền cũng như người ngu khi được bổ dụng đều phải hợp tư-cách như nhau.

3) *Khâm định Việt sử thông-giám cương mục*, quyển 19, tờ 6, trong lời chua, có ghi : «*Một tư cũng như một bạc*» (nhất tư do kim nhất cấp dã) vậy lệ thông-tư là lệ do theo tư-cách mà cử ra làm quan.

Năm Hồng-đức thứ 2 (1471), nhà vua định lệ về thông tư như sau (6) :

(1) R. DES ROTOURS, *Traité des fonctionnaires et de l'armée*, tr. 54-55.

(2) Cũng như ngày nay có chức «*bộ trưởng không bộ nào*» (ministre sans portefeuille).

(3) Bạch đình: chân trắng, nghĩa là người không đỗ đạt gì.

(4) R. DES ROTOURS, *Traité des examens*, tr. 282-285.

(5) Bùi-Quang-Đình (676-733) tự là Liên Thành, người huyện Văn-hỉ, thuộc Giảng châu (nay là Sơn-tây), được bổ làm quan Trung-thư thị-lang kiêm Lại-bộ thượng-thư, năm 729. Ông giữ chức vụ này cho tới mãn đời (mất năm 733, thọ 57 tuổi).

(6) KĐVSTGCM, q. 22, tờ 25, 26a; QCC, bản dịch, tr. 188.

Các quan văn võ, người nào được dự phong :

— Quốc-công	là Thượng-trật,	24	tu
— Quận-công	Thượng-giai,	23	tu
— Hầu	Thượng-liên,	22	tu
— Bá	Thượng-ban,	21	tu
— Tử	Thượng-tu,	20	tu
— Nam	Thượng-chế,	19	tu
— Chánh nhất phẩm	là Thượng-tuyên,	18	tu
— Tông nhất phẩm	Thượng-liệt,	17	tu
— Chánh nhị phẩm	Trung-trật,	16	tu
— Tông nhị phẩm	Trung-giai,	15	tu
— Chánh tam phẩm	Trung-liên,	14	tu
— Tông tam phẩm	Trung-ban,	13	tu
— Chánh tứ phẩm	Trung-tu,	12	tu
— Tông tứ phẩm	Trung-chế,	11	tu
— Chánh ngũ phẩm	Trung-tuyên,	10	tu
— Tông ngũ phẩm	Trung-liệt,	9	tu
— Chánh lục phẩm	Hạ-trật,	8	tu
— Tông lục phẩm	Hạ-giai,	7	tu
— Chánh thất phẩm	Hạ-liên,	6	tu
— Tông thất phẩm	Hạ-ban,	5	tu
— Chánh bát phẩm	Hạ-tu,	4	tu
— Tông bát phẩm	Hạ-chế,	3	tu
— Chánh cửu phẩm	Hạ-tuyên,	2	tu
— Tông cửu phẩm	Hạ-liệt,	1	tu

Gồm cả thầy là 24 tu.

IV. Lệ thăng bổ.

Khi các quan được thăng bổ đều được ban một tờ giấy chứng nhận. Tờ giấy này, tùy theo quan lớn hay nhỏ mà cấp cho các loại giấy khác nhau là: giấy khám hợp (1), sắc, cáo, chế (2):

— Những vị quan được cấp *giấy khám hợp* là: các chức quan văn võ chân trắng (3) mới được bổ hay là phải giáng chức, thải về; những người chưa vào ngạch (4), thì dẫu làm chính chức, cũng chỉ

(1) Giấy khám hợp: như tờ chứng chỉ ngày nay (*khám*: khảo xét; *hợp*: đối chiếu nhau). X. chú thích số 4, tr. 54 tập tiểu luận này.

(2) Chế, cáo, sắc: đều là sắc của vua ban, nhưng thể văn của mỗi thứ một khác, có trang trọng hơn kém khác nhau.

(3) Chân trắng: không đồ bằng gì.

(4) Theo lệ khảo khóa của đời Hồng-đức, những người mới được bổ làm quan (sơ thụ), ba năm sau sẽ chịu một lần khảo khóa, nếu xứng chức thì được *thăng thụ*, nghĩa là vào ngạch. Nếu không xứng chức thì bị đuổi về. Xin xem trang 156-157 tập tiểu luận này.

được cấp giấy khám hợp, chứ không được ban sắc; các quan từ thất phẩm trở xuống cũng chỉ được ban giấy khám hợp (1).

— Những vị quan được ban sắc: các quan văn võ từ tam phẩm đến lục phẩm đều được ban sắc, nhưng chia ra làm 2 loại:

★ Từ tam phẩm đến ngũ phẩm được ban sắc *ròng* (2).

★ Lục phẩm được ban sắc *đen*.

— Những vị quan được ban *cáo*: các quan văn võ nhị phẩm được ban *cáo*.

— Những vị quan được ban *chế*: những quan được phong tước Công, Hầu, Bá và các quan nhất phẩm thì được ban chế (3).

Phân đoạn 2: Quyền lợi vật chất: bổng lộc, vườn đất.

I. — **Bổng lộc.** Các triều trước định thề-lệ quan bổng và chế-độ quan lộc của trăm quan đều tùy theo chức việc phiên (4) hay giản (5); chia ra từng hạng: giản, thái (6) giản; nhân tản, thái nhân tản. Bổng lộc từ cao đến thấp theo thề lệ bớt dần, nhiều ít khác nhau (7).

Đến năm Hồng-đức thứ 8 (1477), lại định rõ chế-độ cấp bổng lộc cho các quan trong kinh và ngoài các đạo. Tờ chiếu nói:

« Lộc đề khuyến khích người có công, tùy việc nặng nhẹ, những người trong hoăng-tông và công thần tuy không có hạn định về phẩm tước, mà cấp lộc còn có từng bậc khác nhau, hưởng chi các quan văn võ trong kinh và ngoài đạo, chức việc không giống nhau, thì việc cấp lộc nên làm cho tỏ rõ việc nặng nhẹ, việc nhân tản. Vậy, hoặc có người nào kiêm (8) giữ chức quan ngang với phẩm trật của mình, thì được cấp lộc theo chức phiên kịch (9); người nào chức thấp mà kiêm giữ một chức cao, thì được tính theo chức sở kiêm (10), mà bớt dần đến phẩm trật chính của mình, rồi tùy theo chức việc phiên hay giản mà định số lộc cấp phát; người nào chức cao

(1) QCC, q. 18, tr. 242.

(2) Sắc ròng: sắc có hình con rồng.

(3) QCC, q. 18, tr. 242.

(4) Phiên: do chữ phiên-tập, ý nói: bận việc, lăm việc.

(5) Giản: do chữ đơn-giản, ý nói: nhẹ việc.

(6) Thái: rất, lắm.

(7) KĐVSTGCM, q. 23, tờ 6.

(8) Kiêm: nghĩa là hiện giữ chức này mà « gồm thêm » một chức khác nữa.

(9) Phiên kịch: bận rộn, rắc rối.

(10) Sở kiêm: chức việc mà mình kiêm.

mà làm việc thấp (nguyên văn : cao chức hành (1) giả) thì được tính theo chức sở hành (2), mà tiến dần đến (3) phẩm trật của mình, rồi tùy theo chức việc phiên hay giản mà định số lộc cấp phát. Đại khái : quan trong kinh, nếu giữ chức phiên-kịch thì cấp bổng lộc tiến lên hai bậc, chức phiên-kịch vừa vừa thôi thì tiến lên một bậc; chức giản-dị lùi xuống (4) một bậc, chức giản-dị lắm lùi xuống hai bậc.

Quan ngoài các đạo (5), nếu giữ chức phiên kịch thì bổng lộc lùi xuống một bậc, chức phiên-kịch vừa vừa (6) lùi xuống hai bậc chức giản-dị lắm lùi xuống ba bậc. Về phần thí quan (7), thì sau khi đã theo chức phiên hay giản đề tính bổng lộc tiến hay lùi rồi, lại cấp lộc lùi xuống ba bậc nữa » (8).

Sau đây là chi-tiết lệ cấp bổng lộc cho các quan chức nội nhiệm (9) :

Hoàng Thái-tử	: 500 quan (10)
Thân vương	: 200 quan
Tự Thân vương	: 140 quan
Vinh phong Quốc công	: 127 quan.
— Từ đây trở xuống, mỗi bậc sút đi 7 quan :	
Vinh phong Quận-công	: 120
Hoàng tôn Quốc-công cùng vinh phong Hầu	: 113 quan
Hoàng tôn Công, Quận công cùng vinh phong Bá	: 106 quan
Hoàng tôn Hầu, cùng vinh phong Tử	: 99 quan
Hoàng tôn Bá, vinh phong Nam cùng Phò-mã đô-úy	: 92 quan

(1) **Hành** : nghĩa là người phẩm hàm cao mà chức vụ thấp (theo lời chua trong KĐVSTGCM, q. 23, tờ 9a).

(2) **Sở hành** : chức việc mà mình « hành ».

(3) **Tiến đến** hay **tiến lên** : do chữ « tiến-cấp ». Ví dụ : người hàm chánh nhị phẩm được tiến lên một cấp là tòng nhất phẩm ; được tiến lên hai cấp là chánh nhất phẩm (theo KĐVSTGCM, q. 23, tờ 9a).

(4) **Lùi xuống** : do chữ « thoái-cấp ». Ví dụ : người hàm chánh nhị phẩm thoái xuống một cấp tức là tòng nhị phẩm ; thoái xuống hai cấp tức là chánh tam phẩm... (KĐVSTGCM, lời chua, q. 23, tờ 9a).

(5) Quan ngoài các đạo thuộc về cấp hành-chánh địa-phương, tuy không thuộc phạm-vi tập tiều-luận này, nhưng chúng tôi cũng dịch nguyên văn bài chiếu ở đây để tiện bề tham khảo.

(6) Nguyên văn : Thứ phiên.

(7) **Thí quan** : là quan phẩm hàm thấp mà « thí » sai làm chức vụ cao (KĐVSTGCM, q. 23, tờ 9a) (Thí : thử).

(8) KĐVSTGCM, q. 23, tờ 6, 7.

(9) QCC, bản dịch, tr. 226-228. Ở đây chúng tôi chỉ chép lại lương bổng của các quan nội-nhiệm. Còn các quan ngoại nhiệm không thuộc phạm-vi tập tiều-luận này.

(10) **Quan tiền** : xin xem chú thích số (4), tr. 156 tập tiều luận này

Chánh nhất phẩm : 82 quan (mỗi tháng 6 quan 8 tiền 30 đồng) (1)
 Tòng nhất phẩm : 75 quan (mỗi tháng 6 quan 2 tiền 30 đồng)
 Chánh nhị phẩm : 68 quan (mỗi tháng 5 quan 6 tiền 48 đồng) (2).
 — Từ đây trở xuống, mỗi bậc sụt đi 6 quan :
 Tòng nhị phẩm : 62 quan (mỗi tháng 5 quan 43 đồng) (3)
 Chánh tam phẩm : 56 quan (mỗi tháng 4 quan 6 tiền 40 đồng)
 — Từ đây trở xuống, mỗi bậc sụt đi 4 quan :
 Tòng tam phẩm : 52 quan (mỗi tháng 4 quan 3 tiền 20 đồng)
 Chánh tứ phẩm : 48 quan (mỗi tháng 4 quan)
 Tòng tứ phẩm : 44 quan (mỗi tháng 3 quan 6 tiền 40 đồng)
 Chánh ngũ phẩm : 40 quan (mỗi tháng 3 quan 3 tiền 20 đồng)
 Tòng ngũ phẩm : 36 quan (mỗi tháng 3 quan).
 — Từ đây trở xuống, mỗi bậc sụt đi 3 quan :
 Chánh lục phẩm : 33 quan (mỗi tháng 2 quan 7 tiền 30 đồng)
 Tòng lục phẩm : 30 quan (mỗi tháng 2 quan 5 tiền)
 Chánh thất phẩm : 27 quan (mỗi tháng 2 quan 2 tiền 30 đồng)
 Tòng thất phẩm : 24 quan (mỗi tháng 2 quan)
 Chánh bát phẩm : 21 quan (mỗi tháng 1 quan 7 tiền 30 đồng)
 Tòng bát phẩm : 18 quan (mỗi tháng 1 quan 5 tiền)
 — Từ đây trở xuống, mỗi bậc sụt đi 2 quan :
 Chánh cửu phẩm : 16 quan (mỗi tháng 1 quan 3 tiền 20 đồng)
 Tòng cửu phẩm : 14 quan (mỗi tháng 1 quan 1 tiền 40 đồng)
 Nha môn ít việc : 12 quan
 Nha môn rất ít việc : 10 quan (lui 2 quan)
 Nha môn thông thả : 8 quan
 Nha môn rất thông thả : 6 quan.

II. — Điền lộc, vườn đất .

A. — Lệ cấp điền lộc

Cũng năm Hồng-đức thứ 8 (1477), nhà vua định thề lệ cấp điền lộc, như sau :

Phàm những người hoàng tôn, các quan văn võ và hoàng-tông, phụ nữ quan đều được nhà vua định thề lệ cấp cho ruộng, đất, bãi trồng dâu, tiền mặt thay thế cho đằm (hồ hoặc đằm) và thề trách vườn ao, đều có đẳng cấp khác nhau. Những người được ban cấp sau khi chết phải chiếu số đã cấp trả lại quan. Nếu người nào có tài đức công-nghiệp được vua đặc ân ban cho ruộng đất thề-nghiệp để truyền cho con cháu, thì lúc bấy giờ sẽ xin chỉ chuẩn của nhà vua,

(1) Tính đúng ra là 6 quan 8 tiền 20 đồng (nếu tính theo cổ-tiền)

(2) Tính đúng ra là 5 quan 6 tiền 40 đồng.

(3) Tính đúng ra là 5 quan 1 tiền 40 đồng.

BẢNG KÊ LỆ CẤP BỒNG LỘC CHO CÁC QUAN

CẤP BỰC	BỒNG LỘC	CẤP BỰC	BỒNG LỘC
Hoàng Thái-tử	500 quan	Chánh tứ phẩm	48 quan
Thần vương	200 quan	Tòng tứ phẩm	44 quan
Tự Thân vương	140 quan	Chánh ngũ phẩm	40 quan
Vinh phong Quốc-công	127 quan	Tòng ngũ phẩm	36 quan
Vinh phong Quận-công	120 quan	Chánh lục phẩm	33 quan
Hoàng-tông Quốc-công cùng vinh-phong Hầu	113 quan	Tòng lục phẩm	30 quan
Hoàng-tông Công, Quận-công cùng vinh-phong Bá	106 quan	Chánh thất phẩm	27 quan
Hoàng-tông Hầu, cùng vinh-phong Tử	99 quan	Tòng thất phẩm	24 quan
Hoàng-tông Bá, vinh phong Nam cùng Phó-mã đờ-úy	92 quan	Chánh bát phẩm	21 quan
Chánh nhất phẩm	82 quan	Tòng bát phẩm	18 quan
Tòng nhất phẩm	75 quan	Chánh cửu phẩm	16 quan
Chánh nhị phẩm	68 quan	Tòng cửu phẩm	14 quan
Tòng nhị phẩm	62 quan	Nha môn ít việc	12 quan
Chánh tam phẩm	55 quan	Nha môn rất ít việc	10 quan
Tòng tam phẩm	52 quan	Nha môn thông thả Nha môn rất thông thả	8 quan 6 quan

không phải là thề-lệ thường hành (1).

Về chi tiết việc cấp điền lộc, sách KĐVSTGCM (2) chép như sau:

1) *Đối với những người trong hoàng-tông*

— Thân vương: thế nghiệp điền (3) 600 mẫu, thế nghiệp thò (4) 40 mẫu, ruộng được vua ban cho 1.000 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 150 mẫu, đầm được ban cho trị giá thực tiền 80 quan, ruộng tế tự (5): 300 mẫu, thực phong 500 nhà, người hầu 500 người, dân làm muối (6) 100 người.

— Tự Thân vương: thế nghiệp điền 500 mẫu, thế-nghiệp thò 36 mẫu, ruộng được vua ban cho 500 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 110 mẫu, đầm được ban cho trị giá bằng thực tiền 70 quan, ruộng tế-tự 250 mẫu, thực phong 200 nhà, người hầu 130 người, dân làm muối 70 người.

Từ Quốc-công trở xuống không được thực phong (7).

— Quốc-công: thế nghiệp điền 400 mẫu, thế nghiệp thò 34 mẫu, ruộng được vua ban cho 300 mẫu, bãi trồng dâu được vua ban cho 100 mẫu, đầm được ban cho trị giá bằng thực tiền 60 quan, ruộng tế-tự 200 mẫu, người hầu 120 người, dân làm muối 60 người.

— Quận-công: thế-nghiệp điền 350 mẫu, thế nghiệp thò 32 mẫu, ruộng được ban cho 300 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 90 mẫu, đầm được ban cho trị giá bằng thực tiền 40 quan, ruộng tế-tự 160 mẫu, người hầu 80 người, dân làm muối 40 người.

— Tước Hầu: thế nghiệp điền 300 mẫu, thế nghiệp thò 30 mẫu, ruộng được ban cho 260 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 80 mẫu, đầm được ban cho trị-giá bằng thực tiền 40 quan, ruộng tế-tự 160 mẫu, người hầu 80 người, dân làm muối 40 người.

— Tước Bá: thế-nghiệp điền 200 mẫu, thế-nghiệp thò 28 mẫu, ruộng được ban cho 230 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 70 mẫu, đầm được ban cho trị-giá bằng thực tiền 30 quan, ruộng tế-tự 140 mẫu, người hầu 70 người, dân làm muối 40 người.

(1) KĐVSTGCM, q. 23, tờ 20a;

(2) -Nt-

(3) Thế nghiệp điền: ruộng cấp cho, sau có thể truyền lại cho con cháu

(4) Thế nghiệp thò: đất cấp cho, sau có thể truyền cho con cháu

(5) Ruộng tế-tự: ruộng cấp cho để sau khi chết đi, lấy hoa lợi đó mà cúng giỗ.

(6) Dân làm muối: dịch chữ «hàm diêm hộ» (hàm: vị mặn, diêm: muối). Có lẽ là dân chịu sai-dịch ra trông coi ruộng muối cho các quan.

(7) Thực phong: là phong ấp, cho hưởng một số nhà nào đó để thu thuế.

Từ chánh nhất phẩm trở xuống thì không ban cho thể nghiệp điền :

— Tước Tử, hàm chánh nhất phẩm : thể nghiệp thò 18 mẫu, ruộng ban cho 100 mẫu, bãi trồng dâu ban cho 30 mẫu, ruộng tế-tự 70 mẫu.

— Tước Nam, hàm tòng nhất phẩm : thể nghiệp thò 16 mẫu, ruộng ban cho 80 mẫu, bãi trồng dâu ban cho 20 mẫu, ruộng tế-tự 60 mẫu.

— Chánh nhị phẩm : thể nghiệp thò 14 mẫu, ruộng ban cho 60 mẫu bãi trồng dâu ban cho 15 mẫu, ruộng tế-tự 50 mẫu

— Tòng nhị phẩm : thể-nghiệp thò 12 mẫu, ruộng ban cho 50 mẫu, bãi trồng dâu ban cho 10 mẫu, ruộng tế-tự 40 mẫu.

— Chánh tam phẩm : thể nghiệp thò 10 mẫu, ruộng ban cho 40 mẫu, ruộng tế-tự 35 mẫu.

— Tòng tam phẩm : thể nghiệp thò 8 mẫu, ruộng ban cho 30 mẫu, ruộng tế-tự 20 mẫu.

— Chánh tứ phẩm : thể nghiệp thò 6 mẫu, ruộng ban cho 20 mẫu, ruộng tế-tự 15 mẫu

— Tòng tứ phẩm : thể nghiệp thò 4 mẫu, ruộng ban cho 15 mẫu, ruộng tế-tự 10 mẫu (1).

2)— Đối với các bầy tôi có công :

— Tước Công, tước Hầu, tước Bá : các quan văn, võ được phong tước Công, Hầu, Bá không được ban thể nghiệp thò, còn thể nghiệp điền, ruộng được vua ban. bãi trồng dâu, đầm trị giá bằng thực tiền, ruộng tế tự, cũng như hoàng-tông (2).

— Tước Tử, Nam, hàm chánh và tòng nhất phẩm, hàm chánh và tòng nhị phẩm : cũng như trong hoàng-tông, nhưng không có thể nghiệp thò (3).

— Từ chánh tam phẩm đến tòng tứ phẩm : đều không có thể nghiệp thò, còn ruộng được vua ban cho và ruộng tế-tự cũng theo như hoàng-tông.

B.— Lệ cấp vườn ao, thò Trạch.

Bầy tôi có công được phong ngũ đẳng (4) cùng quan văn, võ từ nhất phẩm đến cửu phẩm, ở trong kinh đô, đều được cấp thò Trạch và ao vườn :

(1) QCC, bản dịch, tr. 228, 230, 232; KĐVSTGCM, q. 23, tờ 20, 21, 22.

(2) KĐVSTGCM, q. 23, tờ 21b.

(3) So sánh 2 quyển : KĐVSTGCM, q. 23, tờ 22; QCC, q. 18, tr. 230-232.

(4) Tức là ngũ tước : Công, Hầu, Bá, Tử và Nam

BANG KÊ VỀ LỆ CẤP ĐIỀN LỘC CHO CÁC QUAN

Đối với những người trong Hoàng-tông	CẤP BỰC	Thế nghiệp điền	Thế nghiệp thổ	Ruộng vua ban	Bãi trồng dâu	Đảm trị giá thực tiền	Ruộng tế-tự	Thực phong	Người hầu	Dân làm m.ối
	Thân vương	600 mẫu	40 mẫu	1000 mẫu	150 mẫu	80 quan	300 mẫu	500 nhà	500 người	100 người
	Tự Thân vương	500 mẫu	36 mẫu	500 mẫu	110 mẫu	70 quan	250 mẫu	200 nhà	130 người	70 người
	Quốc-công	400 mẫu	34 mẫu	300 mẫu	100 mẫu	60 quan	200 mẫu		120 người	60 người
	Quận công	350 mẫu	32 mẫu	300 mẫu	90 mẫu	40 quan	160 mẫu		80 người	40 người
	Tước Hầu	300 mẫu	30 mẫu	260 mẫu	80 mẫu	40 quan	160 mẫu		80 người	40 người
	Tước Bá	200 mẫu	28 mẫu	230 mẫu	70 mẫu	30 quan	140 mẫu		70 người	40 người
	Chánh nhất phẩm (1a) tước Tử		18 mẫu	100 mẫu	30 mẫu		70 mẫu			
	Tòng nhất phẩm (1b) tước Nam		16 mẫu	80 mẫu	20 mẫu		60 mẫu			
	Chánh nhị phẩm (2a)		14 mẫu	60 mẫu	15 mẫu		50 mẫu			
Tòng nhị phẩm (2b)		12 mẫu	50 mẫu	10 mẫu		40 mẫu				
Chánh tam phẩm (3a)		10 mẫu	40 mẫu			35 mẫu				
Tòng tam phẩm (3b)		8 mẫu	30 mẫu			20 mẫu				
Chánh tứ phẩm (4a)		6 mẫu	20 mẫu			15 mẫu				
Tòng tứ phẩm (4b)		4 mẫu	15 mẫu			10 mẫu				

Đôi với bảy lối có công	Công, Hầu, Bá	như trên		như trên	như trên	như trên	như trên		như trên	như trên
	Từ, Nam, 1a, 1b, 2a, 2b			như trên	như trên		như trên			
	Từ 3a đến 4b			như trên			như trên			

- Công thần được phong vương : thò trạch 5 mẫu, ao 4 mẫu
- Quốc công : thò trạch 4 mẫu, ao 3 mẫu.
- Quận công : thò trạch 3 mẫu, ao 2 mẫu.
- Tước Hầu : thò trạch 2 mẫu 5 sào, ao 1 mẫu 5 sào (1)
- Tước Bá : thò trạch 2 mẫu, ao 1 mẫu 2 sào
- Tước Tử : thò trạch 1 mẫu 5 sào, ao 9 sào
- Tước Nam : thò trạch 1 mẫu 2 sào, ao 7 sào
- Nhất phẩm : thò trạch 1 mẫu
- Nhị phẩm : thò trạch 8 sào
- Tam phẩm : thò trạch 7 sào
- Tứ phẩm và ngũ phẩm : thò trạch 6 sào
- Lục phẩm và thất phẩm : thò trạch 5 sào
- Bát phẩm và cửu phẩm : thò trạch 4 sào (2).

C. — *Lệ quán cấp ruộng công :*

Năm Hồng-đức thứ 8 (1477), nhà vua ra lệnh về định-lệ quán-cấp ruộng công : « *Phàm công-diền của dân đình các xã, cứ 6 năm một lần, quan phủ, huyện hoặc châu phải kiểm diêm đo đạc, chia ruộng làm ba bậc: nhất đẳng, nhị đẳng và tam đẳng (3), rồi chiếu theo khoản thức kê khai số quan, quân, dân và số ruộng nhiều ít thế nào, chia từng hạng để quân cấp. Nếu ruộng nhiều thì lấy mẫu chia làm từng phần, ruộng ít thì lấy sào, thức chia làm từng phần. Quan viên từ nhị phẩm trở lên được cấp điền lộc ở nơi khác đã nhiều rồi thì không được cấp phần ruộng nữa : còn từ tam phẩm trở xuống người nào điền lộc ít, thì được cấp theo như thế lệ (4).*

(1) Mẫu, sào : đơn vị để đo ruộng, đất. Một mẫu gồm 10 sào hay là 3.600 thước vuông tây.

(2) KĐVSTGCM, q. 23, tờ 33; QCC, q. 18, tờ 240.

(3) Nay ta không rõ sự phân loại này như thế nào, chỉ biết rằng tiêu-chuẩn phân loại dựa trên căn bản đất tốt hay xấu ; nếu đất tốt thì xếp vào loại đệ nhất đẳng ; đất loại vừa : đệ nhị đẳng ; đất xấu : đệ tam đẳng.

(4) KĐVSTGCM, q. 23, tờ 20.

Thề lệ và quân cấp ruộng công định như sau :

- Tam phẩm : 11 phần
- Tứ phẩm : 10 phần
- Ngũ phẩm : 9 phần rưỡi
- Lục phẩm : 9 phần
- Thất phẩm : 8 phần rưỡi
- Bát phẩm : 8 phần
- Cửu phẩm : 7 phần rưỡi.

— Từ cửu phẩm tạp lưu (1) và sinh viên, lại dịch, binh lính, dân đinh, các hạng thợ cùng người già, người có bệnh tật, người bỏ cô cha, đàn bà góa, đều được cấp ruộng từ 7 phần đến 3 phần, nhiều ít khác nhau (2).

III — Lệ hưu trí.

Năm Quang thuận thứ ba (1462), vua Lê Thánh-tông định lệ hưu-trí cho

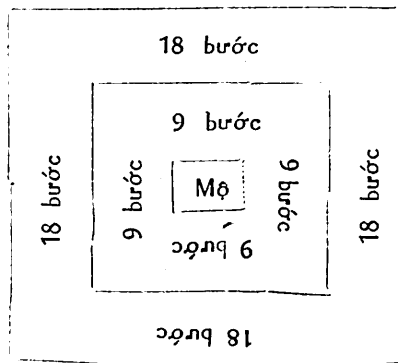
các quan :

- Các quan văn võ, người nào 65 tuổi đều có thể xin trí-sĩ (3)
- Các giám-sinh, nho-sinh, sinh-đồ (4) được bổ sung làm lại-điền ở các nha-môn, 60 tuổi đều có thể xin về hưu-dưỡng.

Muốn xin về hưu-trí thì đương-sự phải báo cáo với bộ Lại và được bộ Lại tâu rõ ràng đầy đủ lên vua đề xin thi-hành (5).

Khi các quan mất đi, được hưởng mộ-địa như sau :

Năm Hồng-đức thứ 9 (1478), nhà vua định kiểu vẽ mộ-địa cho các quan :



(1) Những người làm quan không có xuất thân, chưa được liệt vào hạng chính ngạch cùng những người quyền tiền quyền thóc mà được phẩm-hàm, gọi là *cửu-phẩm tạp lưu*.

(2) KĐVSTGCM, q. 23, tờ 25.

(3) Trí-sĩ: thôi làm quan, về ở nhà. Danh từ «trí-sĩ» trước kia dùng riêng cho các quan. Sau này quan hoặc lại-điền thôi làm việc về, đều gọi chung là hưu trí.

(4) Xin xem thêm trang 77 tập tiểu luận này.

(5) KĐVSTGCM, q. 19, tờ 21; QCC, bản dịch, tr. 262.

— Nhất phạm được chín mươi bước chân (phía đông 45 ngũ (1), phía tây, nam và bắc cũng vậy). Thực số ruộng được hai mẫu, hai sào, bảy thước, năm tấc.

— Nhị phạm được 80 bước chân (phía đông 40 ngũ, phía tây, nam và bắc cũng vậy). Thực số ruộng một mẫu tám sào, mười một thước, sáu tấc, sáu phân, bốn ly.

— Tam phạm được 70 bước chân (phía đông 35 ngũ, phía tây, nam và bắc cũng vậy). Thực số ruộng được một mẫu, ba sào, chín thước, một phân, bốn mươi ly.

— Tứ phạm được 60 bước (phía đông 30 ngũ, phía tây, nam và bắc cũng vậy). Thực số ruộng được một mẫu.

Ngũ phạm được 50 bước (phía đông 25 ngũ, phía tây, nam và bắc cũng vậy). Thực số ruộng được sáu sào, mười bốn thước, một phân, bốn mươi ly.

— Lục phạm được 40 bước chân (phía đông 20 ngũ, tây, nam và bắc cũng vậy). Thực số ruộng được bốn sào, sáu thước, sáu tấc, bốn mươi ly.

— Thất phạm được 30 bước chân (phía đông 15 ngũ, tây, nam và bắc cũng vậy). Thực số ruộng được hai sào, bảy thước năm tấc.

— Bát, cửu phạm và bình dân được 9 bước chân (phía đông 9 ngũ, phía tây, nam và bắc cũng vậy). Thực số ruộng được hai sào, ba thước, năm tấc (2).

TIẾT IV

BIỆN PHÁP KIỂM SÁT VÀ TRỪNG TRỊ CÁC QUAN LẠI PHẠM PHÁP

Đề khuyến-kích các quan lại trau giồi tài-học và ngăn ngừa họ khỏi những-nhiều, làm hại dân, vua Lê Thánh-tông đã đề ra những *biện-pháp kiểm-sát* quan-lại thật chặt chẽ và đặt hẳn thành lệ.

Ngoài ra, những quan-lại nào không nề vì lệ kiểm-sát trên mà vẫn cố tình phạm tội thì đã có những *biện pháp trừng-trị* thật gắt gao đề làm gương cho những kẻ khác.

(1) Ngũ : đơn-vị đo lường xưa, dùng để đo ruộng. Một ngũ dài 5 thước ta, tức là khoảng 2m tây.

(2) *Hồng-đức thiện chính thư*, bản dịch của trường Luật Saigon, in năm 1959, tr. 151-153.

Đoạn 1 : LỆ KIỂM-SÁT CÁC QUAN LẠI

Lệ kiểm-sát cốt để xem xét, kiểm-điểm các quan-lại về 2 khía cạnh :

— Trước hết, về *phương-diện học văn và chuyên môn*, khảo-sát xem các quan-lại văn cũng như võ có năng trau-giỏi tài lực của mình không. Đó là mục đích của các kỳ thi Hoàn-hừ, thi võ-nghệ và «đô thí».

— Thứ nữa, về *phương-diện thanh-liêm, mẫn-cán*, khảo sát xem các quan lại có xứng đáng với địa-vị và bổng lộc do triều-đình ban cho hay không. Đó là mục-đích của *lệ khảo-khoá*.

I— Các kỳ thi để khảo-sát năng-lực của các quan lại văn và võ.

A.— *Kỳ thi cho các quan văn : thi Hoàn-hừ.*

Hoàn-hừ có nghĩa là lời lẽ lớn lao (*Hoành* : lớn, rộng ; *ừ* : lời).

Thi Hoàn-hừ dành cho các quan-viên từ tứ-phẩm trở xuống

Về phép thi, vua tự mình ra đầu bài thi. Đề thi có thể thuộc loại thơ, phú, có thể thuộc loại tán (một thể văn như thể văn viết trong kinh Phật), tụng (một thể văn dùng về việc ca ngợi, khen tụng)..., không có thể thức nhất định (1).

B.— *Các kỳ thi cho quân-sĩ và quan võ.*

1— *Thi võ nghệ.*

Nhà vua ra lệnh cứ ba năm bộ Binh phải mở một kỳ thi khảo-sát quân-sĩ về võ nghệ.

Đến kỳ, vào mùa đông, các quân thủy, quân bộ, quân thị-hậu (tức là quân hầu cận bên vua) và quân ngoài các đạo phải tụ tập để chịu kỳ khảo-sát về võ nghệ (2).

Trong kỳ thi này, cách thức thưởng phạt như sau (3) :

— Binh-sĩ nào đấu võ nghệ, thắng luôn 4 lần, được thưởng một chiếc áo và 1 quan năm tiền sử tiền (4).

(1) KĐVSTGCM, q. 21, tờ 8b và 9a.

(2) KĐVSTGCM. q. 21, tờ 1 ; tờ 41b-42a.

(3) -Nt-

(4) Sử tiền, cổ tiền : «Người Trung-quốc tính một trăm đồng là một tiền, nước ta tính mỗi tiền 36 đồng gọi là sử-tiền ; mỗi tiền 60 đồng gọi là cổ-tiền. Như vậy 10 tiền của sử-tiền cũng gọi một quan sử tiền, tức là 6 tiền của cổ tiền ; còn 10 tiền của cổ tiền tức là 1 quan 6 tiền 40 đồng (con số này KĐVSTGCM chép sai, thực ra là 1 quan 6 tiền 24 đồng mới đúng). Sử tiền còn có tên riêng là « tiền gián », cổ tiền tên riêng là « tiền quít » (KĐVSTGCM, q. 21, tờ 2).

— Ba lần thắng, một lần được chấm điểm bình, thưởng một chiếc áo.

— Hai lần thắng, hai lần bình, thưởng 6 sử tiền.

— Một lần thắng, ba lần bình, thưởng 3 tiền sử tiền

— Bốn lần được chấm điểm bình cả 4, được cấp cho tiền cơm là 20 đồng sử tiền.

Ngược lại binh sĩ nào thua cũng phải phạt như thế (1).

2) Thi « đô thí »

a) Điều-kiện dự thi.

Những quan võ tước Công, tước Hầu, tước Bá, cùng các quan trong kinh, ngoài đạo, viên quan nào có trách-nhiệm quản-linh quân sĩ, đều phải hội họp ở kinh-đô để dự thi khảo về võ-nghệ, gọi là « đô thí » (tức là thi ở kinh-đô).

b) Phép thi.

Mỗi lần thi bắn 5 phát tên bằng cung, 5 phát tên bằng tay và đấu khiên một đường.

Bắn tên bằng tay (dịch theo chữ « thủ tiễn ») nghĩa là : làm những tên (một thứ thẻ dài làm bằng tre, có mũi nhọn) có bề dài không đầy một vò tay. Người sử dụng thường để những chiếc tên này trong áo giáp, khi gặp quân địch, sẽ tung ra hàng trăm chiếc tên rồi vung roi cho bắn đi ; có khi lấy ngón tay kẹp luôn mấy chiếc tên mà phóng ra (2).

Đấu khiên : khiên là một thứ binh khí đời cổ. Hán văn gọi là « thuẫn », ta thường gọi là lá khiên, mộc hay lá chắn. Khiên thường chế bằng tre, bằng mây hoặc bằng gỗ, làm hình như cái chảo. Khi đánh nhau, bên nọ dùng để đỡ mũi tên hoặc giáo mác của bên kia. Vậy « đấu khiên » là cách đỡ tên, giáo của kẻ địch-thử lẫn cách dùng khiên.

c) Sự thưởng phạt.

Thi như trên, nếu ai :

— Trúng 8 lần đến 10 lần là *thượng-cấp*.

— Trúng 6, 7 lần là *trung cấp*

— Trúng 4,5 lần là *hạ cấp*.

Trúng thưởng, trung và hạ cấp đều được tùy theo cấp mà ban thưởng (lệ thưởng này không định rõ số tiền cùng sự ban khen nhất

(1) KĐVSTGCM, q. 21, tờ 1; BCC, q. 41, tờ 41a và 42a.

(2) *Bột văn vận phủ*, q. 16, tờ 15b.

định là thế nào).

— Trúng 2, 3 lần thì không thưởng, không phạt.

— Trúng 1 lần hay không trúng lần nào thì sẽ bị phạt (không rõ phạt thế nào) (1).

II.— **Lệ khảo-khóa.** Lệ khảo-khóa cốt để xem quan-lại có thanh-liêm, mẫn-cán, xứng đáng với chức-vụ do triều-đình ủy cho không.

Khảo-khóa gồm có 2 giai-đoạn :

— Giai đoạn 1 : sơ-khảo (khảo-khóa lần đầu)

— Giai đoạn 2 : thông-khảo (khảo suốt cả lại).

A.— *Giai đoạn 1 : Sơ khảo.*

Có 2 trường hợp :

1) *Trường hợp 1 : quan-lại không phạm tội.* Trong trường hợp này các quan lại cứ làm việc, đến 3 năm thì chịu một lần khảo-khóa đầu tiên (sơ khảo), khi khảo-khóa, các quan nha môn trong ngoài khảo-sát những viên-chức thuộc-hạ, xét rõ công việc trong khi họ làm việc :

— Nếu viên quan nào năng đề ý săn sóc dân, dân tình ái mộ, trong hạt ít người phải lưu vong, thì được cho là *xứng chức* và được phong thực-thụ (cũng như được vào chính-ngạch ngày nay) giữ chức ấy.

— Nếu viên quan nào hay những nhiều, đục khoét, tư túi làm bậy và trong hạt nhiều người phải lưu vong, thì bị coi là *không xứng chức* có thể bị cách chức hay bị trừng phạt tùy theo tội nặng, nhẹ.

2) *Trường hợp 2 : quan-lại phạm tội hay được đặc cách thăng chức.*

Nếu trong khi làm việc, quan-lại nào phạm tội gì, bị triều-đình trừng phạt, thì không cần phải chờ tới hết ba năm mới chịu một lần sơ-khảo, có thể coi như viên quan lại đó *chịu sơ-khảo ngay lúc tội-trạng được phát giác rồi* (đĩ nhiên những người này bị coi là *không xứng chức* và bị trừng phạt ngay).

Trong trường hợp quan lại nào tuy không có quân-công gì mà được nhà vua đặc cách thăng thưởng cũng vậy. Những quan lại này cũng không phải chờ tới ba năm mới chịu một lần sơ-khảo, mà có thể coi như họ đã chịu sơ-khảo kể từ ngày được tuyên bố đặc cách thăng thưởng (đĩ nhiên những người này được coi là *xứng chức* nên được thăng thưởng ngay).

(1) KĐVSTGCM. q. 23, tờ 27b; ĐVSKTL, q. 13, tờ 16b, 17a.

Ba năm sau khi chịu kỳ sơ-khảo, các quan-lại lại chịu một lần khảo-khóa nữa và sau đấy, cứ mỗi ba năm quan-lại đều phải chịu những kỳ khảo-khóa liên tiếp.

Tới kỳ hạn ba năm làm việc của mình kể từ ngày bắt đầu bước vào quan-trưởng hoặc kể từ ngày chịu sự khảo-khóa: trước, quan lại có bổn phận phải khai đề xin khảo-khóa nếu đề quá hạn một trăm ngày không khai sẽ phải phạt 10 quan tiền (1).

B.— Giai đoạn 2 : Thông khảo

Những ai đã chịu ba lần khảo-khóa liên tiếp (tức là 9 năm), thì lần thứ tư gọi là *thông khảo* (khảo suốt cả lại). Đến kỳ thông-khảo thì bộ Lại mới quyết định việc thăng, giáng các quan.

Trong kỳ thông-khảo này, quan khảo-hạch khảo-sát tất cả công việc trong nhiệm kỳ của người chịu sự thông-khảo, kèm theo lời phê phán, rồi chuyển về bộ Lại. Bộ Lại sẽ tùy theo người chịu sự khảo-khóa đó là quan lớn hay nhỏ mà hoặc tâu lên vua hoặc tự bản-bộ quyết định việc thăng giáng :

— Nếu quan từ nhị phẩm trở lên : bộ Lại phải tâu lên vua, xin vua định-đoạt.

— Nếu quan từ tam phẩm trở xuống : bộ Lại có chỉ chiếu lệ mà thi hành việc thăng hay giáng.

— Nếu ai có tài kỳ lạ, được đặc chỉ của vua cho thăng bõ thì không theo lệ này (2).

xXx

Vậy lệ khảo-khóa cốt để nhắc nhở quan-lại luôn luôn phải liêm-khiết, mẫn cán, chăm lo cho dân được an-cư, lạc-nghiệp. Khi bắt đầu bước chân vào chốn quan trường, quan-lại sẽ có 3 năm tập sự để thử thách. Sau kỳ sơ-khảo, nếu ai làm được việc, sẽ được *thực-thụ* giữ chức-vụ mình đương đảm nhiệm, còn ai hèn kém, *không xứng đáng*, liền bị cách chức đuổi về. Rồi cứ ba năm một lần, quan lại luôn được nhắc nhở phải làm tròn nghĩa-vụ của mình bằng những sự khảo-khóa liên-tiếp. Và, để khuyến khích người tận tâm, tận lực lo dân, giúp nước, cũng như khuyến răn, cảnh-cáo kẻ thờ-ơ, sao-nhác phận-sự của mình, nhà vua đề ra lệ thông-khảo để định việc thăng, giáng các quan lại.

Phê bình lệ khảo-khóa này, Phan-Huy-Chú đã viết : « Xét việc khảo-khóa đời nhà Lê rất là tinh-vi kỹ-lưỡng. Khi đầu

(1) QCC, bản dịch, tr 343, 345, 347.

(2) -Nt-

khai-quốc thì đã định rõ từ đời Hồng-đức, sau thời Trung-hưng thì lại càng nghiêm ngặt trong khoảng đời Chính-hòa (1), Vĩnh-thịnh (2); ai thanh liêm mẫn cán thì tất được khen thưởng, ai tầm thường hèn hạ thì phải truất bãi ngay; vì thế nên các quan-lại đều phải cố gắng, mọi việc đều được chỉnh-đốn; hễ nói đến thời thịnh-trị, thì trước phải kể đời Hồng-đức là đầu; mà sau thời Trung-hưng, thì đời Chính-hòa, Vĩnh-thịnh là thịnh lắm. Ấy cũng vì có sự thưởng phạt mới thành hiệu ấy» (3).

Đoạn 2: BIỆN PHÁP TRỪNG TRỊ CÁC QUAN LẠI PHẠM-PHÁP (4).

Các quan lại đã được hưởng những đặc quyền (như đã xét ở tiết III, chương này), tất phải có nhiệm-vụ. Nhiệm-vụ này, như ta đã biết, là phải trung với vua, tuyệt đối tuân theo mệnh-lệnh của vua và phải coi dân như con đẻ, dạy dân lễ-nghĩa, dùng đạo-đức mà cảm-hóa dân. Nếu quan không làm tròn được những nhiệm-vụ đó tức là đã thiếu sót bổn phận của mình và sẽ phải trừng phạt do luật định.

Trong tiết này, chúng ta sẽ lần lượt xét 2 điểm :

- Hình phạt về tội của các quan đối với vua.
- Hình phạt về tội của các quan đối với dân.

1) Hình phạt về tội của các quan đối với vua.

Vua là người thay mặt trời trị dân và có một quyền-lực, thần-khí thiêng-liêng (5). Vì thế các quan và dân phải tỏ lòng quy-phục và kính-cần đối với vua. Những viên quan nào tỏ vẻ *khinh nhờn vua* :

— Hoặc không ăn mặc tề-chỉnh khi vào hoàng-thành, thì biếm một tư (6) và người canh cửa đề cho các quan ấy qua cửa cũng

(1) Chính-hòa : niên-hiệu của vua Lê Hi-tông. Vua Lê Hi-tông làm vua được 29 năm (1676-1705), đổi niên-hiệu hai lần : Vĩnh-trị (1678-1680), Chính-hòa (1680-1705).

(2) Vĩnh-thịnh : niên-hiệu của vua Lê Dụ-tông. Vua Lê Dụ-tông làm vua được 24 năm (1706-1729), đổi niên-hiệu hai lần : Vĩnh-thịnh (1706-1719) và Bảo-thái (1720-1729).

(3) QCC, bản dịch, tr. 363.

(4) Ở đây chúng ta chỉ xét tới trường hợp các quan lại phạm về tội *hình*, nghĩa là những tội có tính-cách xâm phạm tới luật-pháp và an-mình quốc-gia. Còn những tội về *hộ*, nghĩa là những tội phạm giữa tr-nhân với nhau, thì không thuộc phạm-vi tập tiếu luận này.

(5) Xin xem thêm Tiết I, tr. 37-38 tập tiếu luận này.

(6) Biếm : giáng xuống.— Một tư : xin xem tr. 144-145 tập tiếu luận này.

phải phạt 60 trượng (1), chiếu theo điều 31, Chương Vệ cấm trong *Quốc triều Hình luật* (2).

— Hoặc không coi trọng chiếu-chỉ, sắc lệnh của vua mà đón tiếp sơ-hờ, lễ-nghi không đúng phép, không cung-kính lạy chịu chiếu chỉ, thì lỗi nhẹ phải tội biếm hay bãi chức, lỗi nặng phải tội đồ hay tội lưu (3) đúng theo điều 133, Chương *Vi-chế* trong *Quốc-triều hình luật* (4).

Khinh nhờn vua trong cử-chỉ đã phải tội, mà *bất kính trọng lời nói* cũng phải tội nữa :

— Thực vậy, nếu vị quan nào khi dâng thư hay tâu việc gì mà lại lăm phạm đến tên vua hay tên húy các vua trước thì phải phạt 60 trượng, biếm 2 tư, nếu miệng nói phạm tới tên húy của vua thì phạt tội xuy (5), nếu cố ý đặt tên chính hay tên tự của mình phạm vào chữ húy thì phải phạt tội lưu hay tội chết, chiếu theo điều 29, Chương *Vi-chế* (6).

— Khi tâu việc với vua mà nói lăm, chẳng hạn như không nói

(1) Trượng : xin xem phần Phụ-lục 3, tập tiểu luận này.

(2) QTHL, tr. 49, tức là điều 80 nếu đánh số các điều theo thứ tự từ đầu quyển ; DELOUSTAL, JDAA, tr. 141, điều 81. Dịch theo nguyên văn điều 31, Chương *Vệ-cấm* như sau : *Những người có quan chức mà vào hoàng-thành không đội khăn thì phải biếm một tư, người chủ thủ (người giữ việc canh gác) phạt 60 trượng*».

(3) Tội đồ, tội lưu : xin xem phần Phụ-lục 3, tập tiểu luận này

(4) QTHL, tr. 97, tức là điều 229 ; DELOUSTAL, JDAA, tr. 141, điều 229.

Điều 133, Chương *Vi-chế* : « *Khi triều đình sai quan đem chiếu chỉ, sắc lệnh cho vị quan nào, thì quan khâm mạng phải báo trước cho vị quan ấy biết (ở tỉnh ngoài thì đón tiếp quan khâm mạng ở cách nhà vị quan ấy chừng nửa dặm ; ở kinh thành thì đón tiếp ở đầu phường). Các quan sở-tại phải bài trí lễ nghi đón tiếp cho đúng phép. Nếu không đủ lễ nghi đón tiếp và cung kính lạy chịu chiếu chỉ, thì quan khâm mạng phải đem sự thực tâu lên ; nếu lỗi nhẹ thì người phạm lỗi phải tội biếm hay bãi chức ; lỗi nặng thì phải tội đồ hay lưu. Ngoài ra, tuy rằng đủ lễ-nghi đón tiếp, mà xét ra tình ý khinh nhờn, cũng là không tuân hành mọi việc trong chiếu-chỉ thì cũng phải tội như trên... »*

(5) Tội xuy : xin xem phần Phụ lục 3, tập tiểu luận này.

(6) QTHL, tr. 63, tức là điều 125 nếu đánh số các điều theo thứ tự từ đầu quyển ; DELOUSTAL, JDAA, tr. 108, điều 125. Điều 29, Chương *Vi-chế* : « *Dâng thư hay tâu việc gì mà lại lăm phạm đến tên vua hay tên húy các vua trước thì phải phạt 60 trượng, biếm 2 tư, miệng nói hay văn thư khác lăm mà phạm phải thì phải, phạt 80 trượng. Viết những chữ húy phải bớt nét, mà không bớt nét thì phải phạt 60 trượng. Miệng nói phạm tên húy thì phải phạt tội xuy. Người nào cố ý đặt tên chính hay tên tự phạm vào chữ húy, thì phải tội lưu, tội chết »*

«tâu» mà lại nói «thưa», không xưng là «thần» mà lại xưng là «tôi» thì quan đó sẽ phải phạt tiền 5 quan; trong trường hợp dâng thư mà viết lầm như vậy thì phải phạt 50 roi, biếm một tư, chiếu theo điều 30, Chương Vi-chế (1).

— Khi đã động tới các triều vua trước thuộc triều đại vua đương thời mà lại có vẻ chê bai, bài bác thì nếu viết trong thư thì phải tội đồ làm chũng-diễn-binh (2), nếu nói miệng thì phải phạt 60 trượng, biếm hai tư chiếu theo điều 31, Chương Vi-chế (3).

Khi nhận được lệnh vua mà lại không chịu thừa-hành lệnh đó thì :

— Nếu mệnh-lệnh này liên quan tới công việc không mấy quan-trọng, đương-sự sẽ bị biếm hay bị đồ.

— Nếu mệnh-lệnh này liên-quan tới việc quân khản-cấp, thì phải tội lưu hay tội chết.

Cả hai trường hợp phạm pháp trên đều được dự-liệu trong điều 126, Chương Vi-chế (4).

Còn nhận được lệnh vua rồi mà làm trái lại lệnh đó, đương-sự sẽ bị tội đồ, mà nếu cố gắng làm, lại làm sai lầm đi thì phải tội biếm hay phạt tùy theo lỗi nặng nhẹ, chiếu theo điều 26, Chương Vi-chế (5).

Sau khi tuân hành lệnh vua, khi trở về tường-trình việc làm của mình, nếu :

(1) QTHL, tr. 83, tức là điều 125; DELOUSTAL, JDAA, tr. 109 điều 126.

Điều 30, Chương Vi-chế : « Các quan tâu việc mà nói lầm (ví như không nói «tâu» mà lại nói «thưa», không xưng là «thần» mà lại xưng là «tôi», thì phải phạt tiền 5 quan. Dâng thư mà viết lầm thì phải phạt 50 roi, biếm một tư ».

(2) Tội đồ làm chũng-diễn-binh : xin xem phần Phụ lục 3, tập tiểu luận này.

(3) QTHL, tr. 63, điều 127; DELOUSTAL, JDAA, tr. 109, điều 127.

Điều 31, Chương Vi-chế «Dâng thư nói đến tiền triều, mà lại có vẻ chê bai thì phải tội đồ làm chũng-diễn-binh, nếu nói miệng thì phải phạt 60 trượng, biếm hai tư ».

(4) QTHL, tr. 95, tức điều 222; DELOUSTAL, JDAA, tr. 139, điều 221

Điều 126, Chương Vi-chế : «Những quan chức được sai làm việc công, thấy việc nặng nề khó khản, mà nói dối là đau ốm để khỏi phải đi, thì bị biếm hay bị đồ nếu sai đi việc quân khản cấp mà trốn tránh như thế, thì phải tội lưu hay tội chết ».

(5) QTHL, tr. 63, tức điều 122; DELOUSTAL, JDAA, tr. 107, điều 122.

Điều 26, Chương Vi-chế : « Phạm nhận được chế sắc phải thi hành việc gì, mà làm trái đi thì phải tội đồ; làm sai lầm thì phải tội biếm hay phạt ».

— Vị quan nào tâu trình không đúng sự thực thì phải tội biếm hay tội đồ ;

Vị quan nào vì thâm tình hay thù oán mà cố ý tâu sai sự thực thì sẽ tùy tình nặng nhẹ mà gia tội ;

— Vị quan nào nếu vì ăn hối lộ mà tâu bậy thì sẽ bị gia tội thêm 2 bực ;

— Còn như vị quan nào nói dối vua, sẽ phải tội lưu hay tội chết.

Tất cả những trường hợp phạm pháp vừa kể đều được dự liệu trong điều 24, Chương *Vi-chế* (1) và điều 33, Chương *Trá-ngụy* (2).

Cung kính, tuân hành lệnh vua chưa đủ, các quan còn phải tỏ ra *tuyệt đối trung thành với vua* nữa; nếu không, sẽ bị tội đồ hay tội lưu, chiếu theo điều 72, Chương *Tạp-luật* (3).

Quốc triều hình-luật lại còn dự-liệu trừng trị rất nặng những quan nào *tiết lộ việc quốc-gia* cho nước ngoài biết hoặc *muru việc phản nghịch* :

Nếu vị quan nào mà tiết lộ việc nước nhà cho ngoại-bang biết thì phải tội chém chiếu theo điều 30, Chương *Vệ-cấm* (4).

— Nếu những vị quan nào hơi có ý định phản nghịch như ngầm liên-kết, uống máu ăn thề với nhau thì sẽ bị tội lưu. Còn nếu ý-định

(1) QCC, tr. 61, tức điều 120; DELOUSTAL, tr. 107, điều 120.

(120) Điều 24, Chương *Vi-chế*: « *Viên quan sai đi công cán, xem xét việc gì khi về tâu trình không đúng sự thực thì phải tội biếm hay tội đồ, nếu vì thâm tình hay thù oán mà cố ý làm sai sự thực thì sẽ chiếu theo sự tình nặng nhẹ mà gia tội; nếu ăn tiền hối lộ thì gia tội thêm 2 bực* »

(2) QTHL, tr. 223, tức điều 547

(547) Điều 33, Chương *Trá-ngụy* : « *Các quan tâu vua việc gì (tâu các sổ sách hay dâng thư cũng vậy) mà nói dối vua, thì phải tội lưu hay tội chết* ».

(3) QTHL, tr. 247, tức là điều 642.

(642) Điều 72, Chương *Tạp-luật* : « *Các quan coi các viện, các cục về quân dân, có ai không trung-thành, a-dua, xu-nịnh, giáo giở nhiều khoe, thì phải tội đồ hay lưu, các đồng-liều biết mà không tâu trình, thì phải tội kém bản tội một bực ; kẻ thuộc lại thì tội kém một bực nữa ; người ngay tình không biết thì không phải tội* ».

(4) QTHL, tr. 49, tức điều 79; DELOUSTAL, JDAA, tr.486-487, điều 80

(79) Điều 30, Chương *Vệ-cấm* : « *Sứ thần đi sứ ra nước ngoài, hay sứ thần nước ngoài vào trong nước, mà thông-tư nói năng (những nhân dân dọc đường mà thông-tư nói năng cũng đồng tội) hoặc lấy cửa hối lộ mà tiết lộ công việc nước nhà thì đều phải tội chém. Các vị Chánh Phó sứ cùng các nhân viên cùng đi, biết mà cố ý dung túng thì cũng cùng một tội, nếu không biết thì được giảm tội* ».

phản nghịch quá rõ ràng thì sẽ bị tội chém, vợ con điền sản đều bị tịch thu làm của công, chiếu theo những điều 7, Chương *Vi-chế* (1) và điều 1, Chương *Đạo-tặc* (2).

II. — Hình phạt về tội của các quan đối với dân. Như chúng ta đã biết (3), các quan đối với dân có 3 nhiệm-vụ hệ-trọng căn-bản là :

- Làm cho dân nhiều
- Làm cho dân giàu
- Và dạy cho dân biết lễ-nghĩa.

Nếu không làm tròn nhiệm-vụ đó hay, làm trái lại những nhiệm-vụ này, các quan đó phải bị nghiêm-trị theo luật-định.

Thực vậy, nếu trong hạt mình quản-nhiệm, vị quan nào không chịu chăm nom, săn sóc dân, lại hành-hạ, sách nhiễu khiến dân phải lưu-vong đi nơi khác, hay túng cùng mà làm bậy thì vị quan đó sẽ bị tội bãi chức hay tội đồ, chiếu theo điều 1, Chương *Hộ-hôn* (4).

Các quan còn có *nhiệm-vụ làm cho dân giàu*, phải lo bảo vệ tài-sản, hoa mầu của dân để làm cho dân được sung-túc mà an-cư lạc-nghịệp. Nếu vị quan nào sao-nhãng nhiệm-vụ đó, không chăm lo đề-điều đề đến nổi nước lụt, làm mất lúa mầu của dân thì vị quan đó

(1) QTHL, tr. 57, tức điều 103; DELOUSTAL, JDAA, tr. 100, điều 103.

(103) Điều 7, Chương *Vi-chế*: « Các quan-lưu và quản-nhân ở trong kinh và ngoại trấn mà cùng các Mưu-nhân các nơi trấn trường riêng ngầm uống máu ăn thề với nhau, thì phải tội lưu. Những kẻ a tòng được giảm tội một bậc. Nếu mưu đồ làm việc phản-nghịch thì phải tội chém. Nếu có việc ấy mà tố-cáo trước với quan cai quản thì được miễn tội »,

(2) QTHL, tr. 169, tức điều 411.

(411) Điều 1, Chương *Đạo-tặc*: « Những kẻ mưu phản, mưu làm việc đại nghịch thì phải tội chém bêu đầu; kẻ tòng phạm và thân đảng biết việc ấy đều phải tội chém; vợ con điền-sản đều bị tịch thu làm của công; thường người cáo-giác trước 5 tư, và một phần ba số tài-sản tịch thu Quan nha sở tại không biết phát giác và nã bắt, thì phải tội theo việc nặng nhẹ. Cố tình dung túng hay giấu giếm thì phải đồng tội ».

(3) Xem lại Tiết III, II, tr. 135 — 136 tập tiểu luận này.

(4) QTHL, tr. 119, tức điều 284; DELOUSTAL, JDAA, tr. 189, điều 283.

(283) Điều 1, Chương *Hộ-hôn*: « Các quan ngoài-nhiệm không biết làm việc lợi, làm việc hại, để dân trăm họ phải phiêu bạt đi nơi khác, số hộ-khẩu (số dân) bị hao mòn, cùng là có trộm cướp quản-tụ ở trong hạt, thì phải tội bãi chức hay tội đồ; nếu không bắt trộm cướp mà lại cũng không tâu trình, thì phải gia tội một bậc. Nếu có kẻ bạo nghịch (kẻ làm phản, làm giặc) ăn cướp trong hạt, mà không bắt tấu và nã bắt, thì bị tội kém tội bạo nghịch một bậc ».

sẽ bị biếm hai tư hay bãi chức, đúng theo điều 86, Chương *Vi-chế* (1).

Khi thi hành chính-lệnh của vua, các quan ngoại-nhiệm phải luôn luôn *dùng lễ-giao mà cảm-hóa dân*, tự mình phải ăn ở sao đê đáng, làm gương mẫu cho dân noi theo. Nếu không làm tròn nhiệm-vụ đó mà lại còn say mê tửu sắc, nêu gương xấu cho dân chúng bản hạt thì sẽ bị tội biếm hay bãi chức, chiếu theo điều 85, Chương *Tạp-luật* (2).

Quan-lại nào đã chẳng lo làm tròn những nghĩa-vụ trên, lại còn chằm chằm cậy chức vụ của mình mà sách-nhiều, hiếp đáp dân, ăn hối lộ của dân hoặc tự tiện xâm chiếm đồ đạc của-cải của dân thì sẽ bị trừng-trị nặng nề theo luật-định :

— Sách nhiều tiền tài của-cải của dân, sẽ bị biếm chức hay bãi chức và phải trả lại cho dân gấp đôi số tiền đã lấy, chiếu theo điều 67, chương *Vi-chế* (3) và điều 80, chương *Tạp-luật* (4).

— Hiếp đáp dân như :

+ Khi không mà các quan quản giám (quan cai quản và giám sát) các dân Mường Mán, bắt dân vô tội, giam cầm trái phép, thì phải phạt 60 trượng, biếm hai tư; thuộc-lại mà phạm

(1) QTHL, tr. 83, tức điều 182; DELOUSTAL, JDAA, tr. 128, điều 182

(182) Điều 86, Chương *Vi-chế*: « *Việc giữ đê không vững vàng, vì quan giám đường (tức là quan trông coi việc giữ đê điều) không ra sức giữ gìn đê cho nước lụt, làm đê vỡ, làm mất lúa màu của dân thì quan-lộ (tức là quan đứng đầu ở các lộ) và quan giám đường phải biếm hai tư hay bãi chức... »*

(2) QTHL, tr. 251, tức điều 637.

(637) Điều 85, Chương *Tạp-luật*: « *Các quan-chức mà say mê tửu sắc, đê phương hại đến việc quản, thì phải tội biếm hay bãi... »*

(3) QTHL, tr. 75, tức điều 163; DELOUSTAL, JDAA, tr. 120, điều 163.

(163) Điều 67, Chương *Vi-chế*: « *Từ các quan tướng súy tại các phiên trấn đến những quan châu huyện ở trấn mình, sách nhiều tiền tài của dân thì bị biếm ba bậc, phải bồi gấp đôi số tiền đã lấy để trả lại cho dân. Quan tôn thất từ nhị phẩm trở lên can tội ấy, bị phạt tiền một trăm quan; những người gia thuộc làm việc sách nhiều đê làm rối loạn trong hạt thì luận tội khác. Khi chiếu dụ dẹp yên dân Mường mà thiện tiện phá nhà cửa lấy sức vật tài sản của dân, thì bị biếm hay bị đả lại phải bồi gấp đôi số tiền trả cho dân ».*

(4) QTHL, tr. 249, tức điều 632.

(632) Điều 80, Chương *Tạp-luật*: « *Các quan cai-quản dân quân các hạt vô cơ mà đi đến những làng, xã trong hạt, hay là cho vợ con, người nhà đi lại, mượn việc mua bán làm cơ, đê quấy nhiễu quân dân, lấy của biếu xén, thì phải tội biếm hay bãi chức. Người tố cáo có thực, thì được thưởng theo việc nặng, nhẹ ».*

tội này thì phải bị đồ khảo đình (1).

+ Nếu người bị giam đã được lệnh thả ra, viên quan quản giám cứ cố tình giam cầm thì phải gia tội ba bậc và bãi chức.

Những hình phạt trên đây được dự liệu trong điều 68, Chương Vệ-cấm (2).

— Nếu vị quan nào ăn hối lộ hoặc tự tiện lấy đồ vật của dân thì sẽ bị trừng trị rất nặng như sau :

— Các quan ty thường ăn hối lộ :

✧ Từ 1 quan đến 9 quan : tội biếm hay tội bãi.

✧ Từ 10 quan đến 19 quan : tội đồ hay tội lưu.

✧ Từ 20 quan trở lên : tội chém.

— Trong trường hợp những công thần, quý thần (3) cùng những người có đại tài được dự vào hàng bát nghị (4) mà ăn hối-lộ :

✧ Từ 1 quan đến 9 quan : phạt tiền 50 quan

✧ Từ 10 quan đến 19 quan : phạt tiền từ 60 quan đến 100 quan.

✧ Từ 20 quan trở lên : tội đồ.

Những tiền ăn hối-lộ phải phạt gấp đôi nộp vào kho.

Những hình phạt trên đều được dự-liệu trong điều 42, Chương Vi-chế (5).

(1) Tội đồ khảo đình : xin xem phần Phụ-lục 3 tập tiểu-luận này.

(2) QTHL, tr. 75, tức điều 164; DELOUSTAL, JDAA, tr. 121, điều 164.

(164) Điều 68, Chương Vệ-cấm : « Các quan quản giám các dân Mường Mán tự ý xem xét các việc kiện trong hạt, riêng sai người nhà đem trát đi bắt người, cùng là bắt hiếp người mà giam cầm, thì phải phạt 60 trượng, và biếm hai tư. Các quan tổn thất từ nhị phẩm trở lên, phạm lỗi này thì phải phạt 100 quan, thuộc lại phải tội đồ khảo đình. Nếu người bị giam đã được thả lên cho thả ra, mà còn cứ cố giam, viên quản-giám phải gia tội ba bậc, lại mất cả chức quản-giám. Các quan các lộ, các huyện biết việc ấy, mà ngồi yên không tâu lên, thì phải tội biếm hay bãi chức ».

(3) Công thần : đây tôi có công; quý thần : xin xem Phụ-lục 3 tập tiểu-luận này (trong trong trường hợp nghị quý).

(4) Bát nghị : xin xem phần Phụ-lục 3 tập tiểu-luận này.

(5) QTHL, tr. 67, tức điều 138; DELOUSTAL, JDAA, tr. 113, điều 138

(138) Điều 67, Chương Vi-chế : « Quan ty làm sai phép ăn hối lộ : từ 1 quan đến 9 quan thì phải tội biếm hay tội bãi, từ 10 quan đến 19 quan thì phải tội đồ hay tội lưu, từ 20 quan trở lên thì phải tội chém. Những bậc công thần, quý thần cùng những người có đại-tài được dự vào hàng bát nghị, mà ăn hối lộ từ 1 quan đến 9 quan thì phạt tiền 50 quan, từ 10 quan đến 19 quan thì phạt tiền 60 quan đến 100 quan, từ 20 quan trở lên thì phải tội đồ; những tiền ăn hối lộ phải phạt gấp đôi nộp vào kho ».

+ *Vị quan nào tự tiện lấy đồ vật của quân dân mà dùng vào việc tư thì phải tội như tội ăn hối-lộ và phải bồi thường gấp đôi cho quân dân, chiếu theo điều 87, Chương Tạp-luật (1).*

xXx

Xét những biện-pháp trừng trị các quan-lại ở trên, chúng ta nhận thấy đặc điểm chung của chúng là :

1) *Củng cố quân quyền*: như điều 31, Chương *Vệ-cấm* (2) bắt các quan phải ăn mặc chỉnh-tề khi vào Hoàng-thành; điều 133, Chương *Vi-chế* (3) trừng trị những vị quan nào dám cả gan khinh khi chiếu chỉ, sặc lệnh của vua; những điều này có mục-đích làm tôn vẻ uy-nghiêm cho ngai vàng của nhà vua. Ngoài ra điều 72, Chương *Tạp-luật* (4) đòi hỏi mọi người phải tuyệt-đối trung thành với vua, không được manh tâm phản trắc. Hễ ai hơi có ý mưu phản hoặc ý-định phản-nghịch đã rõ ràng, cốt đề lật đổ quân quyền của vua đương thời thì sẽ phải tội rất nặng theo những điều 7, Chương *Vi-chế* (5) và điều 1, Chương *Đạo-tặc* (6).

2) *Triệt đề bảo-vệ quyền lợi của nhân dân*: như điều 86, Chương *Vi-chế* (7) buộc các quan phải trông nom, săn sóc dê-điều đề bảo vệ hoa mầu của nhân-dân; điều 67 Chương *Vi-chế* (8) và điều 80, Chương *Tạp-luật* (9) cấm các quan không được sách nhiễu tiền-tài của-cải của dân; điều 42, Chương *Vi-chế* (10) trừng trị rất nặng quan-lại nào ăn hối-lộ và tự tiện lấy của-cải của dân dùng vào việc tư.

3)— Về những trọng tội, luật Hồng-đức quy-định *trách-nhiệm jiên đới* giữa các quan có liên-quan với nhau: như trường hợp các nhân-viên sứ thần tiết lậu việc trong nước cho ngoại-quốc biết, dù viên Chánh, Phó sứ không từng đảng và không biết việc đó, cũng

(1) QTHL, tr. 253, tức điều 639.

(639) Điều 87, Chương *Tạp luật* : « Các quan ty tự tiện lấy của cải đồ vật của quân dân, dùng vào việc tư, thì phải tội như tội ăn hối-lộ, và phải bồi thường gấp đôi cho quân dân. Nếu lấy mà dùng vào việc công, nhưng không phải là theo chiếu chỉ, thì bị tội kém bản tội hai bậc ».

(2) Xin xem trong Tiết III, Đoạn 2, tập tiểu luận này.

(3) -Nt-

(4) Xin xem trong trang 163 — 164 tập tiểu luận này.

(5) -Nt-

(6) -Nt-

(7) Xin xem trong trang 165 tập tiểu luận này.

(8) -Nt-

(9) -Nt-

(10) -Nt-

phải chịu tội theo điều 30, Chương *Vệ-cấm* (1), và trường hợp các người mưu việc phản nghịch, quan nha sở tại không biết mà phát giác ra cũng bị trừng trị theo điều 1, Chương *Đạo-tặc* (2).

xXx

KẾT LUẬN

Xét toàn thể chương III này, ta thấy vua Lê Thánh-tông rất thận trọng trong việc tuyển lựa quan-lại, những người thi-hành chính lệnh của nhà vua và đạo đặt lên vua ý-nguyện của dân. Khi tuyển bổ quan-lại, nhà vua đã hết sức lo lựa lấy những người có văn học, đạo đức, có tài trị nước (bằng *lệ khoa-cử*), mà nhà vua cũng không bỏ quên những người có thực tài nhưng vì hoàn-cảnh hay vì một lẽ riêng nào, không thể theo con đường khoa-hoạn đề xuất thân: những người sau này, nếu quả có thực tài, có thể được nhà vua trọng dụng bằng *lệ bảo-cử*. Khi đã bước chân vào hoạn-dờ rồi, quan-lại phải ý-thức rõ rệt nhiệm-vụ tối-cao của mình là phụng-sự, trung thành với vua, biết khuyên vua làm điều thiện, có can đảm nêu lên những lầm lỗi của vua; còn đối với quần chúng, quan-lại phải một mực thanh-liêm, cần mẫn, giúp đỡ, dạy bảo dân làm theo chính-đạo khiến cho dân được an-cư lạc-nghiệp, sống hiền hòa hồn-nhiên trong lễ-nghĩa, kính nhường. Có nhiệm-vụ, tất phải có quyền lợi. Khác với các triều đại trước, vua Lê Thánh-tông đã sửa đổi lại lệ cấp lương bổng; cấp bổng lộc nhiều hay ít tùy theo chức việc nặng hay nhẹ và lại giảm bớt lương bổng của các quan khiến cho « *bổng lộc đã không những lạm mà trách vụ có nơi gánh vác* » (3). Và, sau hết, nhà vua còn chú-trọng đến việc khuyến-kích các quan-lại trau giồi thêm năng-lực về văn cũng như về võ (bằng cách mở các khoa thi dành riêng cho các quan văn, võ) và luôn nhắc nhở các quan phải thanh-liêm, mẫn cán bằng *lệ khảo khóa*. Nếu quan lại không làm tròn nhiệm-vụ của mình, tất sẽ bị trừng trị rất nặng bằng các điều quy-định trong *Quốc-triều hình-luật*.

Vua Lê Thánh-tông quả đã quy-định thật phân-minh và chặt chẽ chế-độ quan-lại khiến cho « *các quan lại đều phải cố gắng, mọi việc đều được chỉnh đốn; hễ nói đến thời thịnh-trị thì trước phải kể đời Hồng-đức là đầu...* » (4)

xXx

(1) Xin xem trang 164 tập tiểu luận này

(2) .Nt-

(3) *Dụ Hiệu-định quan chế*, ở phần Phụ-lục tập tiểu luận này.

(4) QCC, bản dịch, tr. 362.

VÀI DÒNG TỔNG KẾT

Qua tập tiểu luận trên, chúng ta đã nhận biết cách tổ-chức chính-quyền vô cùng qui-mô và chặt chẽ của vua Lê Thánh-tông.

Trước hết, đề nắm vững tình thế trong nước và kiểm-sát trực tiếp hành-vi của các quan lại, trong việc tổ-chức chính-quyền, vua Lê Thánh-tông đã có *khuyh-hướng trung-ương tập quyền* bãi bỏ tề-tướng, tự mình thân đứng ra điều khiển việc nước; tất cả việc tuyền bổ quan lại đều phải qua bộ Lại tuyền-dụng; đặt các Đô-đốc ngũ phủ tại trung-ương đề thống lĩnh quân đội toàn quốc.

Nhà vua lại hằng lo sợ các quan không thi hành, đúng-đắn chính-sách của mình nên Ngài *đặt ra nhiều cơ-quan kiểm-sát* để xem xét việc thi hành, *nhiều cơ-quan chuyên môn* giúp đỡ việc thi hành, chỉ thị do vua ban ra: bên cạnh lục Bộ có lục Khoa kiểm-sát công việc lục Bộ, lại có lục Tự đề thi-hành công việc cho nhanh chóng...

Như vậy, công việc phải nhiều, số quan chức tất phải gia tăng. Vấn đề lương bổng do ngân-sách quốc-gia đòi thợ được đặt ra. Để tiết-kiệm công quỹ và đề tận dụng khả năng làm việc của các quan, vua Lê Thánh-tông đã hạ dụ: « *Phép cũ đặt quan đều lấy phẩm thì cao, tước thì hậu. Phép nay dựng quan đều theo lộc thì bớt, trật thì hạ. Các chức so với trước có thêm mà lộc phí so với trước lại vừa. Bồng-lộc đã không những lạm mà trách-nhiệm lại có nơi gánh vác...*»

(1). Nhà vua lại còn điều-chỉnh chế-độ lương bổng, cấp bổng lộc tùy theo công việc nặng, nhẹ để khích lệ những người phải làm việc khó nhọc (chức nhàn tản bổng lộc ít, chức phiền kịch bổng lộc nhiều) (2).

Song song với việc cải tổ bộ máy cai-trị, vua Lê Thánh-tông còn rất lưu ý tới vấn đề kinh-tế và dân-sự. Quả vậy, lần đầu tiên trong lịch-sử Việt-Nam, vua Lê Thánh-tông đã cho đặt các cơ-quan chuyên môn về canh-nông để trông coi và khuyến khích việc canh-tác, trồng rau, chăn tằm... : đó là sở Khuyến nông, sở Trồng rau, sở Tằm-tang... (3). Và, để bảo vệ quyền lợi của nhân dân, cho dân được an-cứ lạc nghiệp, vua Lê Thánh-tông đã ra những điều luật cấm các quan không được bắt dân làm việc riêng cho mình (4), trừng trị rất nặng những quan lại nào sách nhiễu, tham nhũng và hiếp đáp dân (5).

Cho được hoàn-bị cách tổ-chức chính-quyền của mình, vua Lê Thánh-tông đã học hỏi kinh-nghiệm của nước bạn bằng cách tham bác cách tổ-chức chính-quyền của nhà Đường, nhà Minh bên Trung-hoa rồi sửa đổi lại, tùy theo hoàn-cảnh thích-nghi mà áp-dụng cho nước ta như : bộ Lại, dưới triều Minh có tới 4 Thanh-lại-ti vì nước Trung-hoa rộng công việc nhiều, nên cần nhiều cơ-quan để chia bớt việc; còn dưới triều Lê-Thánh-tông, bộ Lại chỉ có 1 Thanh-lại-ti mà thôi.

Tóm lại, nước ta từ thời lập quốc (kể từ nhà Ngô, nhà Đinh) cho tới khoảng đầu thời Hậu Lê, việc tổ-chức chính-quyền hầu còn sơ sài, lại không có quy-định rõ ràng. Cho tới thời vua Lê-Thánh-tông, nhà vua đã có công hoàn bị nền hành-chánh, tư-pháp, binh-bị tổ chức lại triều đình cho có trật tự trên dưới, đặt ra luật pháp nghiêm minh. Bộ luật Hồng-đức là một hãnh diện cho nền luật-pháp nước nhà, quy định chế-độ quan lại rõ ràng, khiến các triều-đại sau đều phải lấy đấy làm khuôn phép.

Thật là một thời đại sáng chói nhất trong lịch-sử nước nhà vậy !

(1) Trích trong bài dụ «Hiệu định quan chế» ở phần Phụ-lục 1, tập tiểu luận này.

(2) Như nha môn ít việc : được 12 quan, nha môn rất ít việc : chỉ được 10 quan (xin xem tr. 146 tập tiểu luận này).

(3) Xin xem trang 78 tập tiểu luận này.

(4) Điều 54, Chương Vi-chế trong Quốc triều hình-luật. Xin xem «Hình phạt về tội của các, quan đối với dân», tr. 164 tập tiểu luận này.

(5) Điều 67 Chương Vi-chế, điều 68 Chương Vệ-cấm, điều 42 Chương Vi-chế, điều 87 Chương Tạp luật trong Quốc-triều hình luật. Xin xem tr. 165-166 tập tiểu luận này.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I
DỰ HIỆU ĐỊNH QUAN CHẾ

Ngày 26 tháng 9 năm Hồng-đức thứ hai (1471), vua Lê Thánh-tông đã ban tờ sắc-dụ hiệu-dịnh quan chế như sau (theo ĐVSKTL, q.12, tờ 66 - 67):

Nguyên văn chữ Hán

部 駁 職 維 府 以 心 權 宇
 審 正 也 持 州 外 宣 脊 機 版 校
 勘 禮 故 縣 而 上 六 務 章 定
 之 部 故 以 十 德 之 繁 通 視 皇
 乖 儀 徵 親 三 達 則 道 之 昔 朝
 宜 制 必 與 承 下 六 則 道 昔 朝
 工 失 戶 司 情 部 內 而 大 上
 科 序 科 也 御 而 軍 相 諭 武
 檢 禮 吏 體 史 衛 庭 庭 官 百
 工 禮 部 統 憲 之 衆 則 不 姓
 部 科 銓 必 察 以 則 得 等
 課 得 敎 閩 兵 部 出 納 戶
 程 以 非 兵 部 出 納 戶
 之 封 才 部 出 納 戶
 勤 彈 吏 吏 科 得 以
 怠 刑 刑 科 論 刑
 至 刑 刑 科 論 刑
 如 刑 刑 科 論 刑
 各 刑 刑 科 論 刑

五府軍需簿額，填委之多，將帥仍得選擇之別，經歷首領得以稽考糾察之，前制建官，多以品崇爵侈，今制建官總是祿省秩卑，官設與前頗增，祿費與前相準，食既無冗，責實有歸，使大小相維，輕重相制，威權不假，固是難操，有道揆法守之風，無恃義犯刑之過，以成我聖祖神宗之志，而保治安於無窮，非作聰明亂舊章，而飾天下之譏也。繼今為我子孫，當知此制之行，出於不得已，法式一定，格宜持循，勿恃一己之聰明，妄擬先朝而改作顛亂典刑，以陷于不孝之地，為之臣輔，亦當恪守常憲，永弼乃后，俾紹前烈，其永無愆，敢有妄引前制，妄議一官，易一職，委是好逆之臣，紊亂成憲，棄市不愆，家屬發去邊遠，以明為臣不忘之罪。庶幾萬世之後，知夫創制立法之意有在矣。

Âm :

Hiệu định hoàng-triều quan chế

Thượng dụ văn vũ quan-viên bách tnh đẳng :

Kim chi thồ vũ bản chương, thị chi tích thời, đại tương kính đình, bất đắc bất cung chế-tác chi quyền, tận biến thông chi đạo; nội nhi quân vệ chi chúng, tắc ngũ phủ phân chương chi-cơ vụ chi phần, tắc lục bộ tham tòng chi; cấm binh thủ ngự tam ti, dĩ bị trảo nha tâm lữ: lục khoa thăm bác bách ti, lục tự thừa hành thứ vụ; Thông-chính-sứ ti dĩ tuyên thượng đức, đạt hạ tình; Ngự-sử, Hiến-sát dĩ củ quan tà, chước dân ăn. Ngoại nhi thập tam thừa ti, dĩ Tòng-binh phương diện Đô-ti, Thủ-ngự, khống chế yếu xung; phủ, châu, huyện dĩ thân dân, bảo, sở, quan dĩ bị ngự; liên thường sự thề hổ tương duy trì; cố trưng phát Đốc-phủ sự dã; thề thống tất quan Binh-bộ, xuất nạp Hộ-bộ-chức dã; bang chi tất dĩ Hộ-khoa; Lại-bộ thuyên tự phi tài, Lại khoa đắc dĩ bác chính; Lễ-bộ nghi chế thất tự, Lễ khoa đắc dĩ phong đàn; Hình-khoa luận Hình-bộ thăm nghiễn chi quai nghi; Công-khoa kiêm Công-bộ khoá trình chi căn đái. Chí như các ngũ phủ quân nhu bạ ngạch điền ủy chi đa, tướng, súy thiên tỳ tuyên nhuyển chi biệt, kinh-lịch thủ-linh đắc dĩ kê khảo củ sát chi. Tiền chế kiến quan đa dĩ phạm sủng tước xỉ. Kim chế kiến quan tòng thị lộc tình trật ty. Quan thiết dĩ tiền ngạch tãng, lộc phí dĩ tiền tương chuẩn. Thực ký vô những, trách thực hữu qui. Sử đại tiều tương duy, kính trọng tương chế, uy quyền bất giả, quốc thị nan dao. Hữu đạo quĩ pháp thủ chi phong, vô bội nghĩa phạm hình chi quá. Dĩ thành ngã thánh tồ thần tông chi chí, nhi bảo trị-an ư vô cùng, phi tác thông minh, loạn cựu chương, nhi kiểm thiên-hạ chi nghị dã. Kế kim vi ngã tử tôn, đương tri thủ chế chi hành, xuất ư bất đắc dĩ. Pháp thức nhất định, khác nghi trì tuần, vật thị nhất kỷ chi thông-minh võng nghi tiên triều nhi cải tác, điền phục điền hình, dĩ hãm vu bất hiểu chi địa. Vi chi thần phụ, diệc đương khác thủ thường hiến, vĩnh bạt nãi hậu, tỳ thiệu tiền liệt, kỳ vĩnh vô khiên. Cảm-hữu võng dẫn tiền chế, võng nghị nhất quan, dịch nhất chức, ủy thị gian nghịch chi thần, vạn loạn thành hiến, khí thị bất liên, gia thuộc phát khứ biên viễn, dĩ minh vi thần bất trung chi tội. Thứ cơ vạn thế chi hậu, tri phủ sáng chế lập pháp chi ý hữu tại hự.

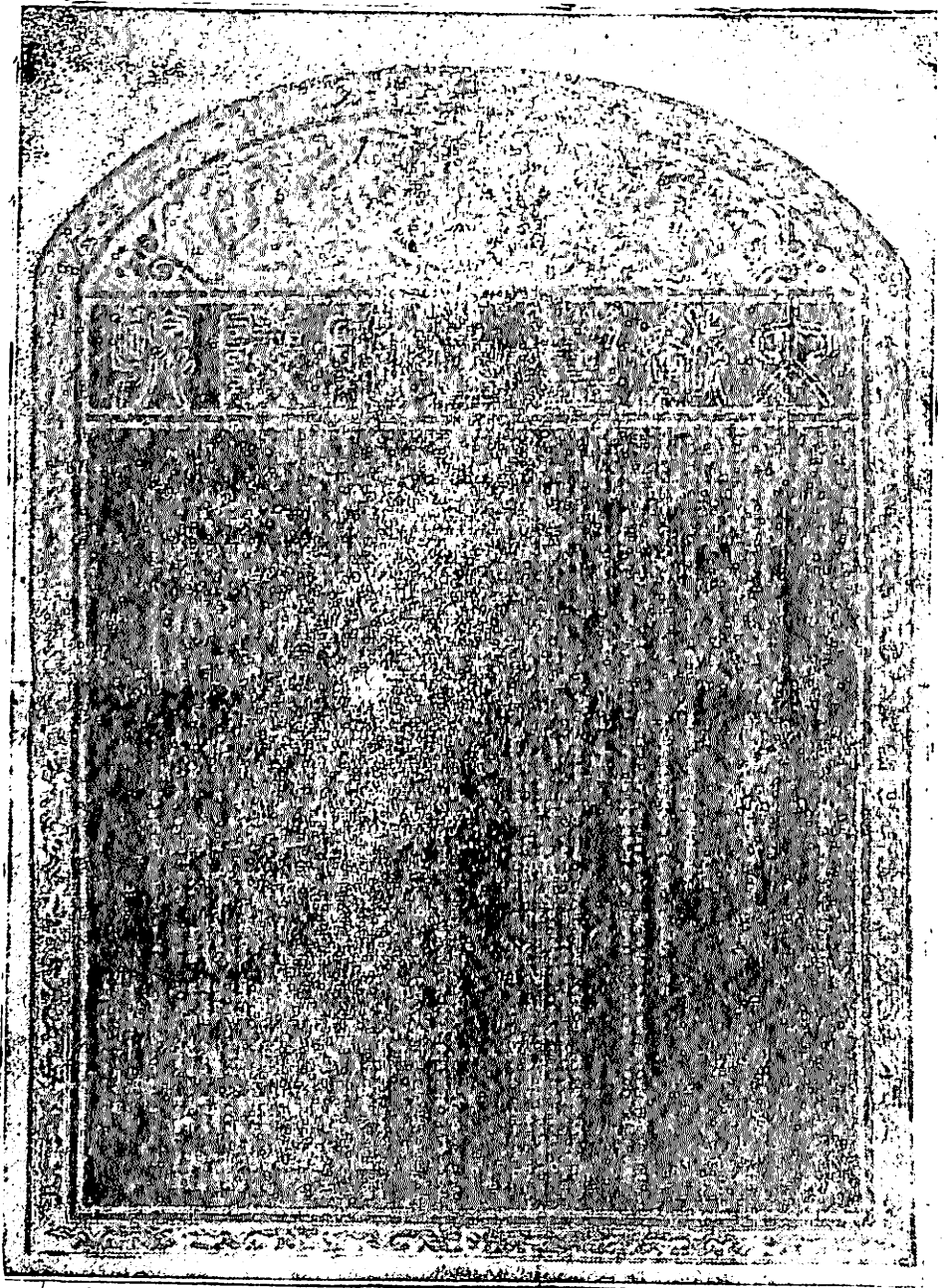
NGHĨA :

Vua xuống dụ cho các quan văn võ và trăm họ rằng :

... Ngày nay, đất-đại bản chương, so với thời trước, thật khác nhau xa : vì vậy, Trẫm không thể không tự cầm quyền chế-tác, làm cho hết cái đạo biến-thông. Ở trong, quân Vệ nhiều thời năm Phủ (1) chia ra cai quản. Công việc phiền tạp thì sáu Bộ nắm coi. Cấm binh Thủ-vệ ba Ty, phòng bị lòng bụng bọn nanh vuốt. Sáu Khoa xét hạch trăm quan, sáu Tự thừa hành mọi việc. Ty Thông-chính-sứ đề tuyên đức trên, rõ tình dưới, Toà Giám sát ngự-sứ đề hạch lỗi các quan, mà làm rõ điều u-ân của dân. Ở ngoài mười ba Thừa-tuyên cùng với Đô ty thủ ngự về phương diện tổng binh, ngăn giữ nơi xung-yếu. Có phủ huyện, châu đề thân-dân. Có bảo, sở, quan đề phòng giữ. Những sự thể, thông thường liên hệ thì cùng nhau duy trì. Cho nên thu, phát là việc của Đốc-phủ, thể-thống phải quan hệ với Binh-bộ. Xuất, nộp là việc của Hộ-bộ, giúp giỗ tất cũng Hộ-khoa. Lại-bộ cất bỏ không đúng tài, Lại-khoa được phép bác-bỏ, Lễ-bộ nghi-chế sai bậc, Lễ-khoa được phép đàn tấu. Hình-khoa luận công việc phải trái của Hình bộ Công-khoa kiểm thời hạn của Công-bộ mau, chậm, siêng trễ. Đến như quân nhu, bộ ngạch của các phủ bề bộn tướng súy thiên tỳ kén chọn khác nhau, Kinh-lịch thủ-linh kê khảo xem xét. Phép cũ đặt quan đều lấy phẩm thì cao tước thì hậu. Phép nay dựng quan đều theo lộc thì bớt, trật thì thấp. Các chức so với trước có thêm mà lộc phí so với trước lại vừa. Bổng lộc đã không những lạm, trách vụ có nơi gánh vác, khiến cho lớn nhỏ cùng tựa, cao thấp chế nhau, uy quyền không lạm, thể nước khó lay. Có phong cách giữ gìn đạo pháp thì không tội lỗi trái nghĩa phạm hình, đề noi thành chí của tổ tông thần thánh của ta, mà giữ vững việc trị an đến mãi mãi vô cùng; không phải làm ra vẻ thông-minh mà loạn phép sử, đề kiểm khoá việc nghị luận của thiên hạ vậy. Từ nay con cháu ta nên biết thể chế này ban hành là do việc bất đắc dĩ. Một khi pháp-độ đã định, nên kính giữ noi theo. Chớ có cậy mình thông-minh, bàn xằng triều trước mà sửa đổi làm pháp điển ngừa nghiêng đề tự hãm vào điều bất hiểu. Kẻ làm bầy tôi giúp giệp, cũng nên kính giữ phép thường cố giúp mãi vua người, khiến noi công trước, đề mãi tránh khỏi tội lỗi. Bằng dám có dẫn xằng phép trước, luận cần đến một quan, đổi một chức, chính thì là bầy tôi gian-nghịch, làm rối loạn phép nước, thì bị giết bỏ giữa chợ không thương, gia thuộc đều bị đày ra nơi biên-viên, đề rõ cái tội làm tôi không trung; ngõ hầu muôn đời sau, biết đến cái ý sáng chế lập pháp còn ngự ở đây vậy (2).

(1) Năm Phủ: (tức năm Phủ Đô-đốc) là : Trung-quân phủ, Đông-quân phủ, Tây-quân-phủ, Nam-quân phủ và Bắc-quân-phủ.

(2) Dịch bản chữ Hán ở ĐVSKKL, q, 12, tờ 66-67.



Bia ở Chiêu-lăng

(Hình chụp lại của GASPARDONE trong *Les stèles royales de Lam son*, Planche VI)

PHỤ LỤC 2

TIÊU-SỬ VUA LÊ THÁNH-TÔNG QUA
BÀI BIA Ở CHIÊU-LĂNG

Để thêm tài-liệu về tiêu-sử vua Lê Thánh-tông, chúng tôi xin tạm dịch bài bia ở Chiêu-lăng (tên lăng vua Lê Thánh-tông ở Lam-sơn) do ông Thân Nhân-Trung soạn ra năm 1498.

(THÂN NHÂN-TRUNG, tên chữ là Hậu-Phủ, người xã Yên-ninh, huyện Yên-dũng, phủ Lạng-giang, thuộc tỉnh Bắc-ninh (Bắc-Việt), đỗ Đổng Tiến-sĩ đời Lê Thánh-tông, ra làm quan suốt 30 năm, rất được vua Lê tin dùng. Ông làm quan tới chức Đông-các Đại Học-sĩ và được sung vào hội Tao-dàn với chức Phó Nguyên-súy).

Bài bia này nguyên văn bằng chữ Hán, lấy theo hình chụp của E.GASPARDONE trong *Les stèles royales de Lam-sơn*, Planche VI.

大
越
藍
山
昭
陵
碑

大越山昭陵碑

大越中興 聖宗淳皇帝昭陵碑銘并序
臣等竊聞

天將啟重興之運，時必生大德之君，所以萃人心所以紹 帝命夏
國中否於是有少康之英賢殷道寔微於是有高宗之明哲微
之載藉今古同符洪惟

大越聖宗淳皇帝以上聖之資建中興之業庸非天意之有在乎
帝姓黎諱思 號天南洞主

太宗文皇帝之子

仁宗宣皇帝之弟

光淑皇太后吳氏其聖善也大寶三年壬戌七月二十日戊子降誕是為

崇天聖節初 太后為婕妤祈嗣夢

天帝賜以僂童遂有娠及出天龍姿日表神彩英異乾健坤順至性

純全岐岐然嶷嶷然穆穆然皇皇然真作后之聰明表邦之勇智也
是年八月

太宗皇帝東巡陟方于外大臣鄭可阮熾黎受等承遺命奉

仁宗皇帝嗣登大位太和三年封

帝為平原王奉藩京師日與諸王同八經筵肄學時經筵官陳封等見帝

容止端重聰睿過人心中異之

帝愈自韜晦不露英氣惟以古今經籍聖賢義理為娛天性生知而

夙宵未嘗釋卷天材高邁而製作尤所游情樂善好賢疊疊不倦

宣慈太后視若己生

仁宗皇帝推為難弟孝友之德中外咸孚暨夫諒山王宜民聽姦

臣之逆謀興蕭牆之大變竊攘神器僭紀天興惡黨兇徒驕恣暴

橫不知天命妄起私心乃改封

帝為嘉王建邸于大內西以居之

帝素位而行順時以處晏如也未幾天道好還人心厭亂時則有若

體國勲舊之臣開府儀同三司入內檢校太傅平章軍國重事亞

郡公阮熾丁列太保平章軍國重事國上侯黎陵司馬參預朝政

亭上侯黎念等協力同心聲罪致討大義一倡人皆左袒兇徒盡

珍宮禁肅清阮熾等相與謀曰天位惟艱神器至重倘非大德難

以克堪今嘉王天資明睿器略沈雄卓冠羣倫非諸王比人心

咸屬天意可知即日以乘輿迎

帝于西邸嗣承大統

帝雖非心黃屋然以祖宗基業之重臣僚推戴之隆乃徇輿情

登寶位大赦天下改元光順上

仁廟之尊稱崇

宣慈之徽號陶表死節則特賜旌褒得享從逆則屢加顯戮凡政今

紛擾者悉革之刑法荷虐者悉除之所以修人紀正皇綱也於是

藩飾憲章講明禮樂慎五典以叙天秩又三德以淑人心視學以

興文詰戎以振武敦尚儒舊體貌大臣藉古典以建官懷永圖而
 制治其賞罰也則信而必其號令也則嚴而明敬天則在職衡為
 先勤民則務農桑為本至於萬幾餘暇游意藝文不通聲色不事
 遊畋不尚珍奇不為侈靡知風俗為政化之本則以仁讓牖之知
 庶官為治亂之原則以廉介礪之竭孝敬以事東朝而永致佚
 愉之樂推恩義以馭族屬而尤閑驕侈之萌是其丕範宏綱表表
 在人耳目者如此若夫支節條目曲折精微難以具陳數年之間
 時臻康阜日益富強內治既精外攘載舉益蠻梗化則命將鋤其
 根株山巒擾邊則興師掃其巢穴占城猪犬之種舊惡貫盈則駕
 樓船統六師繫茶全之頸夷閩粵之城衣裳其人郡縣其地老樾
 蛇豕之輩恃險逞兇則杖黃鉞跨重山驅熊虎之徒蕩蘭滄之穢
 執訊獲醜振旅凱還卒致四海永清萬方咸乂御圖益久臨政益
 勤深仁厚澤浹洽于民心感德大功超軼乎前古况乎聖學淵源
 則書林史藪罔不蒐羅聖文光猷奎畫雲章同其昭晰精神心
 術之所宣著道德事業之所發揮具在天南前後集及御製諸
 書雖歷代英君製作鴻儒著述未有如此之宏博富艷也洪德二
 十七年十一月十七日
 帝弗豫邦家機政猶自親裁二十八年正月二十九日辛未疾大漸
 帝乃遜玉几命皇太子嗣位翼日壬申

曰	喪	父	聖	行	庶	後	育	綿	精	主	公	徵	長	王	位	正	德	德	上
孝	制	皇	雖	之	人	免	天	綿	銳	寶	主	公	清	錄	皇	符	二	育	
者	以	帝	革	是	一	於	之	不	陽	鉉	錦	主	鏗	臨	東	高	十	于	
治	副	奄	而	棄	也	父	日	能	錄	景	銜	炳	封	王	宮	厚	八	寶	
天	予	棄	正	典	漢	母	皇	杜	五	壽	純	嘉	鎮	次	即	孝	年	光	
下	愛	萬	之	禮	文	之	皇	敷	皇	梅	韶	淑	鎮	則	今	祿	宮	壽	
之	恭	姓	然	薄	帝	懷	太	女	則	亦	主	公	王	銓	王	祖	五	十	
大	之	上	其	奔	不	故	子	則	幼	未	廣	主	次	應	宗	福	十	有	
法	情	賓	間	倫	師	古	遵	未	未	有	麗	鏗	王	宋	慶	六	在	位	
令	大	于	禮	殊	古	訓	承	受	受	華	鏗	瓊	封	王	崇	鴻	子	孫	
殿	臣	天	節	不	遺	命	為	封	封	雲	瓊	芳	德	唐	子	孫	蕃	行	
下	百	創	未	足	命	短	必	至	色	公	主	美	錄	王	錦	建	王	領	
克	官	鉅	能	取	短	喪	以	於	早	主	美	錄	鏗	王	錦	建	王	領	
查	仰	痛	盡	我	喪	以	三	孫	已	主	美	錄	鏗	王	錦	建	王	領	
查	聞	深	復	國	喪	以	年	枝	莞	主	美	錄	鏗	王	錦	建	王	領	
孝	報	報	古	制	日	易	為	嗣	沒	者	若	鏗	鏗	王	錦	建	王	領	
道	德	德	今	今	月	自	制	胤	者	若	鏗	鏗	王	錦	建	王	領	改	
敦	罔	極	今	今	月	自	制	胤	者	若	鏗	鏗	王	錦	建	王	領	元	
叙	莫	卿	今	今	月	自	制	胤	者	若	鏗	鏗	王	錦	建	王	領	二	
彝	不	等	今	今	月	自	制	胤	者	若	鏗	鏗	王	錦	建	王	領	光	
倫	感	議	今	今	月	自	制	胤	者	若	鏗	鏗	王	錦	建	王	領	順	
雖	悅	行	今	今	月	自	制	胤	者	若	鏗	鏗	王	錦	建	王	領	十	
奔	藉	三	今	今	月	自	制	胤	者	若	鏗	鏗	王	錦	建	王	領	有	
之	首	年	今	今	月	自	制	胤	者	若	鏗	鏗	王	錦	建	王	領	四	
大	對	年	今	今	月	自	制	胤	者	若	鏗	鏗	王	錦	建	王	領	嫡	
																		長	

孝武王之達孝茂以尚茲回上古之淳風建億年之威治端在是
矣臣等敢不遵奉於是定為三年之喪凡斂殯奠享一循古禮天
下之民咸嘉歎之越二月六日戊寅太保平涼侯黎志兵部尚書
定功伯鄭公旦西軍部督府左都督崇溪伯黎永暨駙馬都尉五
府六部六寺東閣翰林科壺等官同就弘文殿奉迎皇太子即
位是日大赦天下詔以明年為景統元年遵故典也

嗣位皇帝堯璫係念在疚煢煢按舊禮經稱天有誅迺於十一月二
十四日辛卯暨公侯伯文武臣僚等奉金冊上尊號曰

崇天廣運高明光正至德大功聖文神武達孝淳皇帝廟號

聖宗景統元年二月初八日甲戌

聖宗皇帝梓宮發引回藍京越二月二十八日甲午安厝于藍山永

陵之左曰昭陵先是禮官奏請立碑刻銘以昭宣

帝之德業於來世

嗣位皇帝可其奏特命臣中仁忠臣覃文禮臣劉興孝撰文臣等仰

惟帝之盛德大功仁政善教與乾坤同其大日月竝其明旁達通

照

命宇宙金匱石室特書大書非淺學蕪詞所能繪畫然既祇承
命不敢以固陋辭乃稽首拜手而銘之曰

天開大越 善繼善述 諒山作阜 世復勲臣 蒸哉聖宗 曆數在躬 恩覃作解 執中建極 文昭奎壁 聲聲綏猷 允茲百工 山獠道踪 唯彼占寇 親提虎旅 荼全投首 森森老樹 帝赫斯怒 破竹灰飛 世登軒如 鼎湖丹熟

聖祖肇邦 不愆不忘 變起蕭牆 同心倡義 先皇之嗣 臣民僕志 道妙體乾 法祖憲天 學造淵源 優優發政 寵綏兆姓 益變歸命 累世為仇 高駕龍舟 清廟獻俘 梗吾界教 興師致討 庭犁穴掃 俗婉虞周 乘雲上遊

太宗肯構 重熙累洽 九州四海 載肅宮闈 資亶聰明 握符闡珍 經綸人紀 仁宏裕後 悖典庸禮 為國九經 文教誕敷 大畏小懷 極我南鄙 閭里毛燦 萬里聞地 淵藪逋逃 白旄一麾 三陸息氛 深仁厚澤 八音遏密

仁宗肯堂 治底平康 罔不盡傷 載安神器 德全勇智 凝命正位 總攬化權 孝篤奉先 遠佞親賢 馭臣八柄 武功者定 傾風仰鏡 侵我四州 屍耐血流 千古復讎 業筮祭鱉 前戈盡倒 九夷通道 垂四十年 萬姓悲憂

儲皇繼統 人望夙孚 三年喪制 孝治萬修

因山有期 同軌畢至 素幕移輜 藍山戾止

弓劍衣冠 于茲永閔 列聖園陵 東迴西迤

曰禴曰祠 歲時享祀 來燕來享 庇麻孫子

帝之靈爽 陟降在庭 帝之勲德 古今莫京

乾坤同大 日月並明 蕤蕤蕩蕩 筆札難名

敬述梗槩 永勒堅貞 天長地久 峽岨巖扃

光建大夫翰林院承旨東閣大學士兼國子監祭酒

正治卿臣中仁忠

禮部尚書嘉行大夫兼東閣大學士匡美尹臣覃文

禮

達信大夫東閣學士修善少尹臣劉興孝 奉

茂林郎中書監中書舍人臣阮德宣奉書

顯恭大夫金光門待詔臣蘇奉篆額

謹事佐郎御用監刊書局局正臣范寶奉 錫

景統元午戊年二月二十八日甲午立

PHIÊN ÂM

Đại Việt trung hưng Thánh-tông Thuần hoàng-đế Chiêu-lăng bi minh tinh tự.

Thần đẳng thiết vấn: Thiên tương khả trùng hưng chi vận, thì tất sinh đại đức chi quân, sở dĩ tụy nhân tâm, sở dĩ thiệu đế mạng. Hạ đồ trung bĩ, ư thị hữu Thiếu-khang chi anh hiền; ân đạo tâm vi, ư thị hữu Cao-tông chi minh triết; trung chi tái tịch, kim cở đồng phù..

Hồng duy Đại-Việt Thánh-tông Thuần hoàng-đế, dĩ thượng thánh chi tư kiến trung hưng chi nghiệp, dung phi thiên ý chi hữu tại hồ.

Đế tánh Lê húy Tư, hiệu Thiên-nam Động-chủ, Thái-tông Văn hoàng-đế chi tử. Nhân-tông Tuyên hoàng-đế chi đờ, Quang thực Hoàng Thái-hậu Ngô thị, kỳ thánh thiện dã. Đại-bửu tam niên nhâm tuất thất nguyệt nhị thập nhật mậu tí giáng dẫn, thị vi sùng thiên thánh tiết. Sơ Thái-hậu vi Tiệp-thư kỳ tự, mộng Thiên đế tứ dĩ tiên đồng, toại hữu thần, cập xuất thiên, long tư nhật biểu, thần thề anh dị, càn kiện khôn thuận, chi tánh thuần tuyền, kỳ kỳ nhiên, nghi nghi nhiên, mục mục nhiên, hoàng hoàng nhiên, chân tác hậu chi thông minh, biểu bang chi dũng trí dã. Thị niên bát nguyệt — Thái-tông hoàng đế đông tuần trắc phương vu ngoại, đại thần Trịnh-Khải Nguyễn-Xí, Lê-Thụ đẳng thừa di mạng, phụng Nhân-tông hoàng đế tự đẳng đại vị, Thái-hòa tam niên phong đế vi Bình-nguyên vương, phụng phiên kinh sư, nhật dữ chư vương đồng nhập kinh diên di học, thì kinh-diên quan Trần Phong đẳng kiến đế dung chỉ đoan trọng thông duệ quá nhân, tâm trung dị chi, đế dĩ tự thao hối bất lộ anh khí, duy dĩ cở kim kinh tịch, thánh hiền nghĩa lý vi ngu, thiên tánh sinh trí, nhi túc tiêu vị thường thích quyền, thiên tài cao mại, nhi chế tác vu sở du tình, lạc thiện hiếu hiền, vi vi bất quyện. Tuyên từ Thái-hậu thị nhược kỷ sinh. Nhân-tông hoàng đế suy vi nan độ, hiếu hữu chi đức trúng ngoại hàm phư. Kỳ phù Lạng-sơn vương Nghi-dân, thính gian thần chi nghịch mưu, hưng tiêu tường chi đại biến thiết nhượng thần khí, tiếm kỷ thiên hưng, ác đẳng hung đồ, kiêu tứ bạo hoạnh, bất tri thiên mạng, vọng khí tư tâm nãi cải phong đế vi Gia-vương, kiến đề vu đại nội tây dĩ cư chi; Đế tổ vị nhi hành, thuận thì dĩ xử án như dã, vị kỷ thiên đạo hiếu hoàn, nhận tâm yếm loạn thì tắc hữu nhược thề quốc huân cụ chi thần, khai phủ nghi đồng tam ty nhập nội kiểm hiệu thái phó bình chương quân quốc trọng sự. Á Quận-công Nguyễn-Xí, Đinh Liệt, Thái-bảo bình chương quân quốc trọng sự quốc thượng hầu Lê-

Lăng, Tư-mã tham dự triều chánh Đình-thượng-hầu Lê-Niệm đẳng hiệp lực đồng tâm, thanh tội trí thảo, đại nghĩa nhất xương, nhân gia, tả dân, hung đồ tận điền, cung cấm túc thanh. Nguyễn-Xí đẳng tương dũ mưu viết : thiên vị duy gian, thần khí chí trọng, thẳng phi đại đức, nan dĩ khắc kham, kim Gia-vương, thiên tư minh duệ, khí lực trầm hùng, trác quán quần luân, phi chư vương tử, nhân tâm hàm thuộc, thiện ý khả tri, tức nhật dĩ thừa dư nghinh đế vu tây dề, tự thừa đại thống, Đế tuy phi tâm hoàng ốc, nhiên dĩ tồ tông cơ nghiệp chi trọng, thần liêu suy đới chi cần, nãi tuần dư tình, đấng bửu vị, đại xá thiên hạ, cải nguyên Quang-thuận, thượng Nhân miếu chi tôn xưng, sùng Tuyên-từ chi huy hiệu, đào biểu tử tiết, tất đặc tứ tinh bao, đặc minh tông nghịch tặc nghiêm gia hiên lục, phạm chánh lệnh phân nhiều giả tất cách chi, hình pháp hà ngược giả tất trừ chi, sở dĩ tu nhân kỹ, chính hoàng cương dã. Ư thị phiên sức hiến chương, giảng minh lễ nhạc, thận ngũ điển dĩ tự thiên trật, nghệ tam đức dĩ thực nhân tâm, thị học dĩ hưng văn, cật hung dĩ chấn võ, đôn thượng nho cựu, thề mạo đại thần, kê cồ điển dĩ kiến quan, hoài vĩnh đồ nhi chế trị, kỳ thưởng phạt dã tặc tín nhi tất, kỳ hiệu lệnh dã tặc nghiêm nhi minh, kính thiên tặc tại cơ hành vi tiên, cần dân tặc vụ nông tang vi bản, chí ư vạn cơ dư hạ du ý nghệ văn, bất nhĩ thanh sắc, bất sự du điền, bất thượng trân kỳ, bất vi xỉ mỹ, tri phong tục vi chính hóa chi bản, tặc dĩ nhân nhượng dũ chi, tri thứ quan vi trị loạn chi nguyên, tặc dĩ liêm giới lệ chi, kiệt hiếu kính dĩ sự đông triều, nhi vĩnh trí đặt du chi lạc, suy ân nghĩa dĩ ngự tộc thuộc, nlij vuu nhân kiều xỉ chi manh, thị kì phi phạm hoẵng cương, biểu biểu tại nhân. nhĩ mục giả như thử. Nhược phù chi tiết điều mục, khúc chiết tinh vi, nan dĩ cụ trần, sồ niên chi gian, thì trấn khang phụ, nhật ích phú cường, nội trị ký tinh, ngoại nhượng tái cử, Bồn man ngạnh hóa, tặc mệnh tướng sử kì căn châu, sơn man nhiều biên, tặc hưng sư tảo kỳ sào huyết, Chiêm-thành trừ khuyển chi chủng, cựu ác quán danh, tặc giá lâu thuyền thống lục sư, hệ Trà-Toàn chi cảnh, di Đồ-bàn chi thành, y thường kỳ nhân, quận huyện kỳ địa, Lão-qua xà thì chi bối thị hiềm sính hung, tặc trượng hoàng việt, khóa trùng sơn khu hùng hồ chi đồ, đảng lan thương chi ướ, chấp tấn hoạch xú, chấn lữ khải hoàn, tốt trí tứ hải vĩnh thanh, vạn phương hàm nghệ, ngự đồ ích cửu, lâm chính ích cần, thâm nhân hậu trạch, thiệp hiệp vu dân tâm, thịnh đức đại công, siêu đặt hồ tiền cồ. Huống hồ thánh học uyên nguyên, tặc thư lâm sử tầu, vông bất sưu la, thánh văn quanh diễm, khuê hoạch văn chương, đồng kỳ chiêu tích, tinh thần tâm thuật chi sở tuyên trú, đạo đức sự nghiệp chi sở phát huy, cụ tại Thiên-nam tiền hậu tập, cập ngự chế chư thư, tuy lịch đại anh quân chế tác, hồng nho trước

thuật, vị hữu như thử chi hoẵng bác phú diễm dã.

Hồng-đức nhị thập thất niên thập nhất nguyệt thập thất nhật, đế phất dự, bang gia cơ chính do tự thân tài, nhị thập bát niên chính nguyệt nhị thập cửu nhật tân vị, tạt đại tiệm, đế nãi bằng ngọc kỷ mệnh hoàng thái tử tự vị, dực nhật nhâm thân đế thượng tân vu Bửu-quang cung, thọ ngũ thập hữu lục, tại vị tam thập bát tải, cải nguyên nhị, Quang-thuận thập niên, Hồng đức nhị thập bát niên.

Đế đức phù cao hậu, hiểu cách tồ tông, phúc khánh sùng hồng, tử tôn phồn diễn, hoàng tử nhất thập hữu tứ, đích trưởng chính vị đông cung, tức kim tự vị hoàng đế dã ; thứ tặc Lương vương Thuyên, Tống vương Đinh, Đường vương Hạo, Kiến vương Tân, Phúc vương Tranh, Diển vương Năm, Quảng vương Phiêu, Lâm vương Tương, Trấn vương Trất, Ứng vương Chiêu, Nghĩa vương Cảnh, Triệu vương Tông, Kinh vương Kiện dã. Hoàng nữ nhị thập ; trưởng Thanh Toại, phong Gia-thục công chúa, thứ Oánh-chinh phong Ý-đức công chúa, Minh-dục Thụy hoa công chúa, Triệt - hoàng Chiêu-huy công chúa, Bính - Hiều Thiều-dương công chúa, Lệ-kiền Quỳnh-phương công chúa, Tĩnh-thường Bửu-hanh công chúa, Lan-khue Xuân-minh công chúa, Cầm-tương Thọ-mai công chúa, Quảng-đoan Hoa-vân công chúa, Mỹ-thuần Cầm-vinh công chúa, Quỳnh dung Tú-hương công chúa, Bửu-huyền Cảnh-bình công chúa, diệc vị hữu thụ phong ấp, tảo dĩ hoẵng một giả, nhược Khiết, Hoẵng, Trưng-Mân, Châu-Tối, Tinh-Uyền, Dương-Tập ngũ hoàng nữ-tắc ấu vị thụ phong, chí ư tôn, chi tự dận, tặc chung-tư trập trập, qua, diệt miên miên, bất năng mai sđ.

Đế tân thiên chi nhật, Hoàng-thái tử tuân thừa di mệnh, vị tuất trạch tông, dự quần thần viết, tử sinh tam niên nhiên hậu miên ư phụ mẫu chi hoài, cố cồ giả cư phụ tang tăt dĩ tam niên vi chế, thượng tự thiên tử, hạ chí thứ nhân, nhất dã. Hán Văn-đế bất sư cồ huấn, di mệnh đoãn tang, dĩ nhật dịch nguyệt, tự tư dĩ hậu, chủng nhi hành chi, thị khí điền lễ, bạc di luân, thù bất túc thủ. Ngã quốc liệt thánh tuy cách nhi chính chi, nhiên kỳ gian lễ tiết vị năng tận phục cồ chế. Kim thánh phụ hoàng đế, yếm khí vạn tánh, thượng tân vu thiên, sang cự thống thâm, báo đức võng cực, khanh đẳng nghị hành tam niên tang chế dĩ phó dự ái cung chi tình, đại thần bá quan ngưỡng văn tuyên chỉ mạc bất cảm duyệt, khê thủ đối viết : hiểu giả trị thiên hạ chi đại pháp kim điện hạ khắc tận hiểu đạo, đôn tự di luân, tuy Thuấn chi đại hiểu, Võ vương chi đạt hiểu, miệt dĩ thượng tư, hồi thượng cồ chi thuận phong, kiến ức niên chi thịnh trị, đoan tại thị hĩ. Thần đẳng cảm bất tuân phụng, ư thị định vị tam niên chi tang, phạm liêm tần diện hưởng nhất tuần cồ lễ, thiên hạ chi dân hàm gia thán chi.

Việt nhị nguyệt lục nhật mậu dần, Thái-bảo Bình-lương hầu Lê-Chí, Binh-bộ Thượng-thư Định-công bá Trịnh-Công-Đán, Tây-quân bộ Đốc-phủ Tả đô-đốc Thường-khê bá Lê-Vĩnh, kỵ phò-mã đô-úy ngũ-phủ Lục-bộ, Lục-tự, Đông-các, Hàn-lâm, Khoa-đài đẳng quan, đồng tự Hoảng-văn điện, phụng nghinh Hoàng Thái-tử tức vị. Thị nhật đại xá thiên hạ, chiếu dĩ minh niên vi Cảnh-thống nguyên-niên, tuân cố điển dã.

Tự vị hoàng đế, canh trường hệ niệm, tại cứu quỳnh quỳnh, án cụ lễ kinh, xưng thiên hữu lữ, nãi ư thập nhị nguyệt thập tứ nhật tân mao, kỵ công hầu bá văn võ thần liêu đẳng phụng kim sách Thượng-Tôn hiệu viết :

Sùng thiên quảng vận cao minh quang chính chí đức đại công thánh văn thần võ đạt hiệu Thuần hoàng đế, miếu hiệu Thánh-tông, Cảnh-thống nguyên niên nhị nguyệt sơ bát nhật giáp tuất, Thánh-tông hoàng-đế tử-cung phát dẫn hồi Lam-kinh, Việt nhị nguyệt nhị thập bát nhật giáp ngọ an thổ vu Lam-sơn Vĩnh lăng chi tả viết Chiêu-lăng. Tiên thị lễ quan tấu thỉnh lập bi khắc minh dĩ chiếu tuyên để chi đức nghiệp ư lai thế. Tự vị hoàng-đế khả kỳ tấu, đặc mệnh thần Thân-Nhân-Trung, thần Đàm-Văn-Lễ, thần Lưu-Hưng-Hiều soạn văn Thần đẳng ngưỡng duy, để chi thịnh đức đại công, nhân chính thiện giáo, dĩ càn khôn đồng kỳ đại, nhật nguyệt tinh kỳ minh, bàng đạt nhi hà, chiếu ánh vũ trụ, Kim-quī thạch-thất, đặc thư đại thư, phi thiên học vu từ sở năng hội họa, nhiên ký chi thừa hựu mệnh, bất cảm dĩ cố lậu từ, nãi khê thủ báỉ thủ nhi minh chi viết :

*Thiên khai đại Việt
Thánh tổ triệu bang
Thái-tông khảng cấu
Nhân-tông khảng đường
Thiện kế thiện thuật
Bất khiên bất vương
Trùng hi lữ hiệp
Trị đề bình khang
Lạng-sơn tác nghịet
Biển khỉ tiêu tường
Cửu châu tứ hải
Võng bất tận thương
Thế phiệt huân thần
Đồng tâm xướng nghĩa
Tái túc cung vi
Tái an thần khí*

*Chung tại Thánh tông
Tiên hoàng chi tự
Tư dẫn thông minh
Đức toàn dũng trí
Lịch số tại cung
Thần dân hệ chí
Ác phù xiền tran
Ngưng mệnh chính vị
Ấn đàm tác-giải
Đạo diệu thê càn
Kinh luân nhân kỹ
Tông lâm hóa quyền
Chấp trung kiến cực
Pháp tổ hiển thiên
Nhân hoàng dụ hậu
Hiếu đốc phụng tiên*

Văn chiêu khuê bích
 Học thảo uyên nguyên
 Đôn điền dung lễ
 Viễn nịnh thân hiền
 Vĩ vĩ tuy du
 Ưu ưu phát chính
 Vị quốc cửu kinh
 Ngự thần bát bính
 Doãn lý bách công
 Sùng tuy triệu tách
 Văn giáo dân phu
 Võ công kỳ định
 Sơn liêu độn tung
 Bồn man qui mệnh
 Đại úy tiêu hoài
 Khuynh phong ngưỡng kính
 Duy bỉ Chiêm khấu
 Lũy thế vi cầu (cừu)
 Nhiều ngā nam bỉ
 Xâm ngā tứ châu
 Thân đề hồ lữ
 Cao giá long châu (chu)
 Đờ-bàn mao liệu
 Thi-nại huyết lưu
 Trà-Toàn thụ thú
 Thanh miếu hiến phù
 Vạn lý tịch địa
 Thiên cồ phục thù
 Xuần xuần Lão-qua
 Ngạnh ngô thanh giáo
 Uyên tầu bô đào
 Tùng hoàng kiệt ngạo
 Để hách tư nộ
 Hưng sự trí thảo
 Bạch mao nhất huy
 Tiền qua tận đảo
 Trúc phá khôi phi
 Đình lê huyết tảo

Tam thù tức phân
 Cửu di thông đạo
 Thế đấng Hiên Tự
 Tục xể Ngu Chu
 Thâm nhân hậu trạch
 Thùy tứ thiên thu
 Đình hồ đan thực
 Thừa vân thượng du
 Bát âm át mật
 Vạn tách bi ưu
 Trừ hoàng kế thống
 Nhân vọng túc phu
 Tam niên tang chể
 Hiếu trị đốc tu
 Nhân sơn hữu kỳ
 Đồng quĩ tất chí
 Tổ mặc di thuần (suân)
 Lam san lệ chỉ
 Cung kiểm y quan
 Vu tư vĩnh bí
 Liệt thánh viên lǎng
 Đông hồi tây dĩ
 Viết thực viết từ
 Tuế thì hưởng tự
 Lai yển lai hưởng
 Tí hưv tôn tử
 Để chi linh sǎng
 Trắc giáng tại đình
 Để chi huân đức
 Cồ kim mặc kinh
 Càn khôn đồng đại
 Nhật nguyệt tịnh minh
 Nguy nguy đấng đấng
 Bút trát nan danh
 Kính thuật ngạnh khái
 Vĩnh lạc kiên trình
 Thiên trường địa cửu
 Đột ngọt nham quynh.

Quang kiến đại-phu Hàn-lâm-viện thừa chỉ Đông-các Đại-học-sĩ

kiêm Quốc-tử-giám Tể-tửu Chánh-trị-khanh

Thần **Thân-Nhân-Trung**.

Lễ-bộ Thượng-thư Gia-hạnh Đại-phu kiêm Đông-các Đại-học-sĩ
Khuông mỹ doãn

Thần **Đàm-Văn-Lễ**

Đại-tín Đại-phu Đông-các Học-sĩ Tu-thiện Thiếu-doãn

Thần **Lưu-Hưng-Hiếu** (phụng)

Mậu-lâm lang Trung-thư-giám Trung-thư xá-nhân

Thần **Nguyễn-Đức-Tuyên** (phụng thư)

Hiền-cung Đại-phu Kim-quang-môn đái chiểu

Thần **Tô...** (phụng triệu ngạch)

Cần-sự-tá-lang ngự dụng giám san thư cục cục chánh

Thần **Phạm-Bửu** (phụng tuyên)

Cảnh-thống nguyên niên, mậu ngọ, nhị nguyệt, nhị thập bát nhật,
giáp ngọ lập.

NGHĨA

« Hạp thần chúng tôi trộm nghe rằng :

« Trời sắp mở vận trung-hưng, tất sinh ra bậc vua đại-đức, để hợp được lòng người, để nối được mệnh trời. Cơ-đồ nhà Hạ (1) lúc trung suy, nên mới có vua Thiếu-Khang (2) anh-hiền ; đạo nhà Ân (3) dần lụn, nên có vua Cao-tông (4) minh triết.

« Chúng cơ có chép trong sách, xưa nay vẫn giống nhau.

« Lớn lao thay !

« Đức Thánh-tông Thuần Hoàng-đề nước Đại-Việt ta, lấy tư cách của bậc thượng thánh dựng nghiệp trung-hưng, há chẳng phải ý trời ở đấy hay sao ?

« Ngài họ Lê, tên húy là Tư-Thành hiệu là Thiên-nam động-chủ, là con của Thái-tông Văn-Hoàng-đế, là em của Nhân-tông Tuyên-Hoàng-đế.

« Quang-thục Hoàng Thái-hậu, họ Ngô là mẹ của ngài. Năm Đại-bảo thứ ba (1442), nhâm-tuất, tháng bảy, ngày mậu-tý, ngài giáng sinh : ấy là ngày Sùng-thiên thánh-tiết. Thuở đầu Thái-hậu làm tiệp-dư, cầu tự năm mộng thấy Thượng-đế ban cho một tiên đồng, bèn có mang. Kịp khi ngài ra đời, dung trạng để vương, thần thái khác thường, cứng cỏi mạnh mẽ nhu thuận ôn hòa, lính rất thuần-toàn. Vội vội uy nghi rạng rỡ thực là thông-minh của bậc làm vua, trí dũng của người đứng đầu một nước. Năm ấy, tháng tám, Thái-tông Hoàng-đế đi tuần thú phương đông và thặng hà ở cõi ngoài, những đại thần Trịnh-Khả, Nguyễn-Xí, Lê-Thụ vâng di-mệnh rước Nhân-tông Hoàng-đế lên nối ngôi. Năm Thái-hòa thứ ba vua phong ngài làm Bình-nguyên-vương, ngài vâng lệnh ở nhà Phiến-đề trong kinh-sư, ngày ngày cùng với các vương vào nhà Kinh-diên học tập. Lúc đó, quan Kinh-diên là bọn Trần-Phong thấy dáng điệu của ngài đoan-trọng, thông minh hơn người, trong lòng lấy làm lạ. Ngài càng che giấu, chẳng lộ anh-khí, chỉ lấy sách vở cở kim, nghĩa lý thánh-hiền làm vui. Tính trời sinh ra là đã biết, mà sớm hôm chưa từng rời quyển sách. Thiên-tài cao xa, mà tình ý càng ưa thích về chế tác. Vui điều thiện, thích người hiền, chăm chăm không chán. Tuyên-từ

(1) Nhà Hạ : một triều đại ở nước Tàu do ông Võ lập nên, do vua Thuấn truyền ngôi cho. Nhà Hạ cầm quyền từ 2205-1766 trước Tây-lịch.

(2) Thiếu-Khang : vị vua khôi phục lại nhà Hạ sau hồi suy.

(3) Nhà Ân : còn gọi là nhà Thương (1776-1122 trước Tây-lịch một triều đại ở Trung-quốc.

(4) Cao-tông : một vua đời nhà Ân.

Thái-hậu (1) coi ngài như con đẻ; Nhân-tông Hoàng-đế kè ngài là nan đệ (2). Lòng hiếu với cha mẹ và tốt với anh em của ngài trong ngoài đều cảm biết. Đến khi Lạng-sơn -vương Nghi-Dân nghe mưu nghịch của gian thần, gây ra đại biến ở trong triều, trộm chiếm ngôi báu, lạm giữ vận trời, ác đảng hung đồ kiêu ngạo hoành hành, chẳng biết thiên mệnh, xằng dỡ lòng riêng, mới cải phong ngài làm Gia-vương, lập nhà riêng cho ngài ở phía tây Đại-nội. Ngài giữ phận mà làm, thuận thời mà ở yên ổn như thường. Chưa được bao lâu, đạo trời xoay chuyển muốn trở lại, lòng người chán cảnh loạn ly. Lúc ấy liền có những bầy tôi đã kiến dựng đất nước và những bậc cố cựu có huân công như Khai phủ nghị đồng Tam-ty Nhập nội Kiểm hiệu Thái-phó Bình chương quân quốc trọng sự Á Quận-công Nguyễn-Xí, Đinh Liệt, Thái bảo Bình chương quân quốc trọng sự Quốc thượng-hầu Lê-Lãng, Tư-mã tham dự triều chính Đình thượng hầu Lê-Niệm, hiệp lực đồng tâm, kè tội đề trừng phạt. Đại nghĩa một khi đã xướng lên, người người đều xắn tay áo bên tả mà giúp sức (3)! Hung đồ tận diệt, cung cấm yên-nghiêm. Bọn Nguyễn-Xí cùng mưu tính với nhau rằng :

— «Ngôi trời thực khó, ngài vàng rất quan trọng, nếu không phải bậc đại-đức khó có thể kham được. Nay Gia-vương thiên-tư minh-duệ, khí-lực trầm hùng, trội xa đồng lớp, các vị vương khác chẳng sánh kịp. Lòng người đều theo thì ý trời có thể biết được.

« Lập tức ngày hôm ấy, lấy xe rước vua tại nhà Tây-đề đề nổi giềng mối cả. Vua tuy chẳng có lòng nghĩ đến xa giá lợp mui vàng, nhưng lấy cơ-nghiệp tồ-tông làm trọng, lấy lòng thần dân suy đời ân cần, bèn chiều theo lòng của dân chúng, lên ngôi báu, ra ơn đại xá thiên-hạ, đổi niên hiệu là Quang-thuận, dâng tôn hiệu cho Nhân-tông hoàng đế, huy hiệu cho Tuyên-từ Thái-hậu. Đào-Biêu tử-tiết thì ban cờ nêu bày lòng khen ngợi. Đắc-Ninh theo giặc thì làm sáng tỏ tội lỗi mà giết trừ. Phạm chính lệnh rồi bời phiến nhiều thì đổi cả; hình pháp hà khắc bạo ngược thì tắt trừ. Cốt ở sửa định kỷ cương cho hoàng triều và dân chúng. Cho nên mới diêm tô bảo vệ hiến chương, giáng cứu làm sáng tỏ lễ nhạc, cần thận ngũ diên (4) đề nối theo thiên-trật, Sửa tam đức (5) đề

(1) Tức là mẹ vua Nhân-tông.

(2) Tài đức như thế khó làm em.

(3) Xắn tay áo bên tả: Tích xưa bên Trung-Hoa đời Hán, bà Lã-hậu, vợ Hán Cao-tổ chuyên quyền; họ Lã chực cướp ngôi của họ Lưu nhà Hán. Chu Bột đem quân vào thành, hô: « Ai theo họ Lưu, xắn tay áo bên tả, ai theo họ Lã, xắn tay áo bên hữu ». Mọi người trong thành đều xắn tay áo bên tả, theo Chu Bột đánh trừ họ Lã.

(4) Ngũ diên: ngũ thường: phụ nghĩa, mẫu từ, huynh hữu, đệ cung, tử hiếu.

(5) Tam đức: tri, nhân, dũng.

thiện lòng người, coi học hành đề chấn hưng văn hóa, lo khí giới đề chính đốn vũ bị. Kính tôn bậc nho cổ cụ, lễ phép với bậc đại thần. Xét điền cũ đề dựng quan, mưu nghiệp lâu dài mà chế trị. Thường phạt thì rõ ràng. Chính lệnh thì nghiêm minh. Kính trời thì trước tiên lấy cơ-hành mà xét thiên văn. Siêng cần dân sự thì lấy việc làm ruộng, trồng dâu làm gốc. Đến như lúc thư-nhàn, sau muôn công nghìn việc, chỉ lưu ý văn chương, không gần âm nhạc và nữ sắc, không ngự đi săn, không chuộng châu báu lạ kỳ, không ưa xa-xỉ. Biết phong tục là gốc chính-hóa, nên đem nhân-nhượng dắt dân vào đường thiện; biết các quan là nguồn gốc trị loạn, nên đem liêm-giới khuyên răn. Hết lòng hiếu kính triều trước, mà bỏ Tuôn thú vui chơi phóng túng. Suy ơn nghĩa mà chế ngự tộc-thuộc, lại càng cấm cái mầm kiêu-căng xa-xỉ! Ấy là những khuôn phép mỗi giếng lớn lao đặc biệt lạ lùng trước tai mắt người ta như vậy. Còn những văn-tiết, điều-mục khúc-triết tinh-vi, khó mà kể ra đầy đủ. Trong khoảng vài năm, thời đã an thịnh, ngày thêm mạnh giàu. Việc trị yên ở trong đã tinh; việc ngăn chống ở ngoài đã lập.

« Rợ Bồn-man cường ngạnh, thì sai tướng đẹp trừ tận gốc. Mọi núi quấy nhiễu biên cương thì hưng binh quét sạch huyết hàng. Tội ác cũ của loài chó lợn Chiêm-thành đầy đầy, thì ngự lâu thuyền, hống suốt sáu đạo quân, trói cò Trà-Toàn san phẳng thành Đò-bàn, đổi y-phục cho dân và đặt quận-huyện cho đất nước ấy. Lũ rắn lợn Lão qua, cây hiềm làm hung, thời xách cây búa vàng (1), vượt núi trập Trùng, xua quân hùng hồ, rửa sạch bản Lan-thương (?), bắt giặc đề tra thạch và bắt quân giặc làm tù binh, thu quân toàn thắng trở về.

« Rốt cuộc đã khiến bốn bề mãi sạch trong, muôn phương đều yên trị. Thống ngự càng lâu, hành chính càng siêng, ơn sâu nhân hậu thấm nhuần cả lòng người. Đức thịnh công to, siêu vượt hơn đời trước. Huống hồ là sức học của vua có nguồn gốc, rùng kinh bề sử không đâu là không kê cứu. Văn của vua rực rỡ, cùng ánh sao Khuê, vẽ mây đua sức sáng ngời. Tinh thần tâm thuật đã rạng rỡ, đạo-đức sự-nghiệp đã phát huy đều còn cả trong *Thiên Nam Tiền Hậu Tập* với các sách của vua làm. Dầu là của bậc anh quân chế tác, hay danh nho trí thuật trải qua các thời, chưa có rộng rãi, dồi dào, đẹp đẽ được như thế.

« Năm Hồng-đức thứ 27, tháng 11, ngày 17, vua ươn mình; việc chính trị cơ mật của nước nhà vẫn do vua thân định-liệu. Năm thứ 28, tháng giêng, ngày 29, tân-vị, bệnh nặng lần lần. Vua bèn tựa ghế ngọc, khiến Hoàng Thái-tử nối ngôi. Ngày hôm sau, nhâm-thân,

(1) Hoàng việt: búa lớn sơn vàng, là nghi trượng của bậc thiên-tử.

vua thăng-hà ở cung Bảo quang, thọ 56 tuổi, ở ngôi 38 năm, cải niên hiệu hai lần : Quang-thuận 10 năm, Hồng-dức 28 năm.

« Đức của vua hợp cùng Trời Đất, hiếu của vua cảm đến cả tông, phúc khánh lớn lao, con cháu đời đời. Hoàng-tử 14 người: đích trưởng-tử chính ngôi Đông-cung, tức Hoàng-đế ngày nay nối ngôi vậy. Thứ nam là Lương-vương *Thuyên*, Tống-vương *Đĩnh*, Đường-vương *Hạo*, Kiến-vương *Tân*, Phúc-vương *Tranh*, Diễn-vương *Nâm*, Quảng-vương *Phiêu*, Lâm - vương *Tương*, Trần - vương *Trất*, Ứng-vương *Chiếu*, Nghĩa - vương *Cảnh*, Triệu - vương *Tông*, Kinh vương *Kiện*. Hoàng-nữ 20 người, trưởng nữ là *Thanh - Toại*, phong Gia - thực công-chúa. Thứ nữ là *Oánh - Chinh*, phong Ý - đức công-chúa; *Mnh-Dục* Thụy-hoa công-chúa; *Triệt-Hoàng* Chiêu-huy công-chúa; *Bính-Hiền* Thiệu-dương công - chúa; *Lệ-Kiên* Quỳnh-phương công-chúa; *Tinh-Thường*, Bửu-thanh công-chúa; *Lan-Khuê*, Xuân-minh công - chúa; *Cầm-Tương*, Thọ-mai công chúa; *Quảng-Đoan* Hoa-Vân công-chúa; *Mỹ-Thần* Cầm-vinh công-chúa; *Quỳnh-Dung* Tú-Hương công-chúa; *Bửu-Huyền* Cảnh-bình công-chúa. Cũng có người chưa kịp thụ-phong đã sớm mất. Còn như *Khiết-Hoàng*, *Trùng-Mân*, *Châu-Tối*, *Tinh-Uyển*, *Dương-Lập* năm hoàng-nữ thì còn nhỏ chưa được phong. Đến như hàng cháu nối dõi thì đông đảo như châu-chấu bay vù-vù, dây dưa chẳng chịt (2) không thể kể xiết.

« Hôm vua thăng hà, Hoàng Thái-tử tuân theo di-mệnh làm chủ tang lễ, hiệu dụ triều thần rằng :

« — Con sinh ba năm rồi mới rời khỏi lòng cha mẹ. Cho nên người xưa ở tang cha mẹ ắt lấy 3 năm làm phép. Trên từ bậc Thiên-tử dưới đến hạng thứ dân, đều một lối như vậy. Hán Văn-đế không theo cổ-huấn truyền lại mệnh lệnh ngắn tang, lấy ngày thay tháng. Từ ấy về sau cứ theo mà làm thế, tức là bỏ điển-lễ, khinh phép thường, thật không đủ để theo gương vậy. Nước ta liệt thánh tuy có đời chính lại rồi, song lễ-tiết trong thời gian ấy vẫn chưa có thể trở lại phép xưa tất cả. Nay Hoàng-đế vua cha đã bỏ muôn dân, lên làm khách trên trời, vết thương to thì đau lâu, đức bao la khôn cùng, chẳng biết báo đáp làm sao. Các khanh nên bàn định làm lễ ở tang ba năm để xứng tình ta ái-mộ.

« Đại thần bá quan nghe tuyên chiếu chỉ, không ai là không cảm kích, đều rập đầu mà thưa rằng :

(1) Lấy tích ở thiên « Chung tư » và « Miên » trong kinh Thi. Hai bài thơ này khen nhà Chu nhiều con cháu. Chung tư : là con cào-cào; Qua diệt : là dây dưa gốc nhỏ ngọn to. Ý nói con cháu đông nhiều như bầy cào cào bay vù vù và như dây dưa gốc nhỏ ngọn to.

« — Hiếu là phép lớn trị thiên-hạ. Nay Điện-hạ năng tận đạo-hiếu, hậu trọng phép thường, đầu là đại hiếu của vua Thuấn, đạt-hiếu của vua Võ, khó mà hơn được. Kéo lại thuần phong đời Thượng-cồ, dựng nên nền thịnh-trị ức triệu năm là bắt đầu từ đây vậy. Hạ thần chúng tôi đâu dám chẳng tuân phụng.

« Cho nên định ở tang ba năm. Phạm khâm liệm cúng tế nhất nhất đều theo cồ lễ, dân khắp thiên-hạ đều ngợi khen. Sang tháng hai, ngày mừng sáu, mặt dần, các quan Thái-bảo Bình-lương hầu Lê-Chí, Binh-bộ Thượng thư Đĩnh-Công-Bá, Trịnh-Công-Đán, Tây quân bộ đốc phủ Tả Đô-dốc Đương-Khê-bá Lê-Vĩnh cùng các quan Phò-mã, Đô-úy năm Phủ, sáu Bộ, sáu Tự, Đông-các, Hàn-lâm, Khoa, Đài, đồng tới điện Hoảng-văn, rước Hoàng Thái-tử lên ngôi. Ngày ấy đại xá thiên-hạ, xuống chiếu lấy năm sau làm năm đầu Cảnh-thống, ấy là tuân theo phép cũ vậy.

« Hoàng-đế nối ngôi tưởng nhớ ngậm ngùi (1), lẻ loi đau đớn, xét kinh Lễ xưa xưng thiên tử là trời đề làm văn tế. Tháng 11, ngày 24, tân-mão, vua cùng công, hầu, bá các quan văn võ phụng kim sách, dâng tôn hiệu là :

« Sùng Thiên Quảng Vận Cào Minh Quang Chính Chí Đức Đại Công Thánh Văn Thần Vũ Đạt Hiếu Thuần Hoàng-đế, miếu-hiệu là Thánh-tông.

« Năm đầu Cảnh-thống (1498), tháng 2, ngày mừng 8, giáp-tuất quan-tài của Thánh-tông hoàng-đế được đưa về Lam-kinh, sang tháng 2, ngày 28, giáp-ngọ, an táng ở Lam-sơn, ở bên tả Vĩnh-lăng, gọi là Chiêu-lăng. Trước tiên Lễ-quan đã tâu xin dựng bia, khắc bài minh đề cho rõ công đức và sự nghiệp của vua với đời sau.

« Hoàng-đế nối ngôi y lời tâu, đặc biệt sai hạ thần là Thân-Nhân-Trung, Đàm-Văn-Lễ, Lưu-Hưng-Hiếu soạn bài văn. Hạ thần chúng tôi kính nhớ lại ơn đức lớn lao, công nghiệp vĩ đại, chính-trị nhân-từ, giáo-hóa thiện-mỹ của tiên đế cao cả đồng với Trời Đất, sáng tỏ ngang với mặt trời mặt trăng thấu khắp xa gần, rạng chiếu cả vũ-trụ, đặc biệt viết bằng chữ to, cắt vào tráp vàng trong nhà đá, không phải học ít, lời quê mà vẽ vờ ra được. Nhưng đã vâng mệnh lớn, không dám lấy quê lậu mà khước từ, bèn chấp tay rạp đầu làm bài minh rằng :

*Trời mở nước Đại Việt
Vua Thánh-tổ dựng nước
Vua Thái-tông thừa kế
Vua Nhân-tông nối theo*

(1) Tích vua Thuấn đề tang vua Nghiêu ba năm, tưởng nhớ, ngòi thì thấy vua Nghiêu ở bức tường, ăn thì thấy vua Nghiêu ở bát canh,

Nổi kể theo một cách giải giản
Không tội lỗi không sơ sót
Lắm đời an hòa trong sáng
Cải trị đến thái bình
Lạng-sơn vương làm loạn
Trong triều khởi lên sự biến
Chín châu, bốn biển
Tất cả đều bị thiệt hại
Dòng đời công thần
Đồng lòng khởi nghĩa
Cung điện mới trang nghiêm
Ngôi báu mới yên định.

xXx

Đẹp đẽ thay ! Vua Thánh-tông
Nổi dòng Tiên-đế
Tư chất thật thông minh
Đức toàn dũng trí
Sở trời đã định ở thân vua
Thần dân trông đợi cái chí của vua
Nắm quyền binh, mở điềm lành cho thiên hạ
Định thiên mệnh lên ngôi
Ơn trạch khắp nhuần làm thành quẻ giải (vạn vật
này nở)
Đạo đức linh diệu theo quẻ Kiền (đạo trời)
Sửa sang giếng mối của người
Nắm trọn quyền của tạo hóa
Giữ đạo trung (1) lập đạo đại-trung mà giáo hóa nhân dân
Bất chước tổ tiên, noi theo phép trời
Lòng nhân rộng rãi đề sung túc đời sau
Đạo hiếu giới trau đề thờ phụng, tổ tiên
Văn chương của vua chiếu đến sao Khuê sao Bích (2)
Học tập của ngài thì đến nguồn đến cội.

(1) Chớp trung : giữ đạo Trung-dung. Đạo Trung-dung là đạo do Khổng-tử đề xướng đề dạy các môn-đồ. Ngay đầu cuốn *Trung-dung*, Trình-tử) hiệu Y-Xuyên, một bực đại nho đời Tống (960-1278) bên Tàu) đã giải thí-h đạo này như sau : « (Tâm mã) không thiên lệch thì gọi là TRUNG ; (tâm mã) không chuyển dịch gọi là DUNG, Trung là con đường ngay mọi người phải theo ; dung là cái lẽ đã định trước của mọi người (Trung-dung, Châu-Hy chương cú).

(2) Khuê, Bích : sách *Hiếu-kinh* chép rằng : « Sao khuê chủ về văn chương ». Sách *Quan-trọng ngoạn chiêm* chép : Sao Bích, còn gọi Đông-^a Bích, là kho tàng chứa sách vở ». Bởi vậy người ta dùng tên hai sao ấy để nói về việc văn-học.

Trau giời đền lễ
 Xa kẻ nịnh, thân người hiền tài
 Cố gắng mưu yên định cho dân
 Phát động chính trị ôn hòa
 Lấy chín điều (1) mà làm việc nước
 Dùng tám quyền (2) mà chế ngự bầy tôi
 Sửa trị trăm nghề
 Võ yên muôn họ
 Phô bày rộng rãi lễ nhạc pháp độ
 Lấy vũ công đem đến việc định yên
 Rợ ở núi ăn tránh dấu vết
 Rợ Bồn-man quy thuận
 Nước lớn thì sợ, nước nhỏ thì nhớ mong
 Nghiêng theo gió trong theo gương
 Chỉ có giặc Chiêm-thành kia
 Là cừu địch trong nhiều đời
 Quấy nhiễu biên cảnh phía nam ta
 Xâm lăng bốn châu của ta
 Vua tự cầm binh hùng hổ
 Ngự giá thuyền rồng
 Đốt cháy thành Đồ-bàn (3).
 Máu chảy ở cửa Thi-nại (4)
 Trà-Toàn dâng đầu (5)
 Hiến tù binh lên miếu tổ
 Mở rộng đất đai ra muôn dặm

(1) Chín kinh : Theo sách *Trung dung*, chương thứ 20, thì việc cai-trị thiên-hạ cần có chín điều là : 1. — Tu thân (tu sửa thân mình); 2. Tôn-hiền (tôn-trọng người hiền tài), 3. Thân thân : (thân ái với người thân-thuộc), 4. Kính đại-thần (kính trọng các quan đại thần), 5. Thê quần thần (rộng lượng đối đãi các bề tôi). 6. Tử thứ dân (thương dân như con), 7. Lai bách công (chiêu tập các nhà công nghệ), 8. Nhu viễn nhân (được lòng các người ở phương xa), 9. Hoài chư hầu (làm cảm phục các chư hầu).

(2) Bát binh : tám quyền to cai-trị dân. Theo sách *Chú, Lễ* thì Thiên-tử có 8 quyền lớn là : 1. Tước (ban cho quan các tước), 2. Lộc (ban cho bổng lộc), 3. Dữ (tặng-dữ các thứ như đồ dùng, đất đai, tiền của,...), 4. Trí (đặt yên quan, dân tại nơi nào đó), 5. Sinh (để cho mọi người sống), 6. Đoạt (lấy lại, đòi lại của cải của mọi người), 7. Phế (bỏ đi, truất đi các chức tước đã ban), 8. Trau (giết chết người nào đó).

(3) Đồ-bàn : kinh-đô nước Chiêm

(4) Thi-nại : cửa biển ở tỉnh Bình-định, thuộc huyện Tuy-phước

(5) Trà-Toàn : vua nước Chiêm.

Trả được mỗi thù tự ngàn xưa
 Nước Lão-qua ngu xuẩn (1)
 Cường ngạnh đối với thanh-uy và giáo-hóa của ta
 Làn tránh nơi đầm sâu bụi rậm
 Dựa vào rừng rú làm điều tàn bạo đã mai
 Vua bưng bưng nổi giận
 Cắt quân đến trị tội
 Một khi đã phất cờ bạch mao lên (2)
 Tiền quân của giặc đều trở giáo giết lẫn nhau
 Phá giặc dễ như chẻ tre và tro bay
 San bằng triều đình, quét sạch sào huyệt
 Hung khí ba cõi biên cương được yên dứt
 Chín vùng rợ (3) được thông đường
 Đời thịnh trị như thời vua Hiên-viên (Hoàng đế) và dòng
 đời vua Hạ Vũ (4)
 Phong tục sánh với thời Ngu Thuấn (5) và nhà Chu (6)
 Nhân đức thì sâu, ơn trạch thì dày
 Truyền bốn mươi năm
 Khi vạc đã đúc xong ở Đỉnh-hồ (7) và thuốc đã luyện chín,
 vua thăng hà

Cởi mây lên trời

-
- (1) Xin xem trang 31 tập tiểu luận này.
- (2) Bạch-mao : cái cờ có cắm đuôi bò, ngày xưa vị tướng quân cầm để chỉ-huy binh-sĩ.
- (3) Chín mọi : dịch chữ « Cửu dĩ ». Theo sách *Nhi nhĩ trích địa* thì chín mọi ở phía Đông, có chín giòng là : Khuyển-di, Vu-di, Phương-di, Hoàng-di, Bạch-di, Xích-di, Huyền-di, Phong-di, và Dương-di (chép theo *Từ-Hải*, tr. 48).
- (4) Hiên : tức Hiên-viên, hiệu của vua Hoàng-đế (2700—2600 trước Tây-lịch) bên Trung-hoa. Vua Hoàng-đế có công bình-dịnh các giặc-giã, mở mang bờ-cõi, đặt ra y-phục, xây cất nhà cửa...
- (5) Tự : dòng dõi vua Hạ Vũ.
- (6) Ngu : tức Hữu Ngu, là họ của vua Thuấn (2256 — 2208 trước Tây-lịch). Vua Thuấn có công lập trường học đầu tiên ở Trung, hoa, đặt ra lệ tuần-thứ, biết dùng kẻ hiền-tài, làm cho nước giàu-dân sống yên ổn, thái-bình, phong-tục thuần-hậu.
- (7) Chu : chỉ vua Chu Văn-vương là người hiền-minh, có thánh đức, làm nhiều việc nhân-chính nên chư-hầu đều qui-phục.
- (8) Đỉnh-hồ thuốc chín : Đỉnh-hồ là tên một cái hồ, còn gọi là Long-hồ. Xưa, vua Hoàng-đế (2700 — 2600 trước Tây-lịch) sai người lấy đồng ở núi Thủ-sơn đúc thành một cái đỉnh (cái vạc). Khi đúc xong, bỗng có con rồng bay xuống đậu trên hồ, đón vua Hoàng-đế. Vua bèn cưỡi rồng bay lên trời. Do đó, người ta đặt tên cái hồ đó là Đỉnh-hồ, hay Long-hồ. Và nhà làm vạc dùng điển này để nói về Thiên-tử hăng-hà.

Bát âm dứt lặng
 Muôn họ sâu thương
 Thái-tử kể vị
 Nhân dân mong đợi sớm đã vững lòng
 Ba năm tang chế
 Đốc lòng lo việc hiếu
 Nhân tiết thanh minh
 Mọi người khắp trong nước đều đến
 Xe tang màn trắng được đưa đi
 Đến Lam-sơn
 Cung-kiếm áo mào
 Từ nay cất giữ mãi
 Lặng mộ của các vua
 Quan họ khắp đông tây
 Tế mùa hạ, tế mùa xuân
 Theo mùa trong năm mà dâng cúng
 Đến cúng đến dâng
 Chở che con cháu
 Hương hồn của vua
 Như lên xuống chốn triều đình
 Công đức của vua
 Xưa nay không ai bằng
 Lớn lao đồng với trời đất
 Sáng tỏ ngang với mặt trời mặt trăng
 Vội vội thênh thang
 Giấy bút khó kể xiết
 Kính thuật đại khái
 Ghi khắc vào đá ngọc
 Cùng trời đất lâu dài
 Chót vót núi cao.

« Quang-kiến Đại-phu Hàn-lâm-viện Thừa - chỉ Đông - các Đại Học-sĩ, kiêm Quốc-tử-giám Tế-tửu, Chính - trị khanh, hạ thần là Thân Nhân-Trung;

« Lễ-bộ Thượng-thư, Gia-hành Đại-phu, kiêm Đông-các Đại học sĩ, Khuông-mỹ doãn, hạ thần là Đàm-Văn-Lễ ;

« Đạt-tín Đại-phu Đông-các Học-sĩ, Tu-thiện Thiếu-doãn, hạ thần là Lưu Hưng-Hiếu phụng sắc soạn bài văn .

« Mậu-lâm-lang Trung-thư-giám Trung-thư xá-nhân, hạ thần là Nguyễn Đức-Tuyên vâng lệnh viết ra.

« Hiền cung Đại phu Kim quang môn Đãi chiếu, hạ thần là Tô Ngại (?) vâng lệnh đề chữ triện ở trên.

« Cần-sự-tá-lang, ngự dụng giám san thư-cục cục-chính, hạ thần là Phạm-Bảo vâng lệnh khắc chữ.

« Niên-hiệu Cảnh-thông nguyên-niên, mậu-ngọ, tháng 2, ngày 28, giáp-ngọ, dựng bia ».

xXx

PHỤ LỤC 3

NGŨ HÌNH VÀ TRƯỜNG HỢP PHẠM THẬP ÁC CÙNG ĐƯỢC HƯỞNG BÁT NGHỊ

I.— Ngũ hình : Dưới triều Lê, lệ bắt chịu hình phạt có 5 loại, gọi là ngũ-hình :

- 1 — Xuy hình (đánh roi)
- 2 — Trượng hình (đánh bằng trượng)
- 3 — Đò hình (giam cầm và làm khổ dịch)
- 4 — Lưu hình (đày đi phương xa)
- 5 — Tử hình (tội chết)

A. — *Xuy hình* (đánh bằng roi)

Xuy hình là hình phạt đánh bằng roi. Roi làm bằng cây song, róc bỏ những mâu mắt, đầu lớn 3 phân, đầu nhỏ 1 phân 5 lý, dài 3 thước 5 tấc (1). Tội này áp dụng chung cho cả đàn bà lẫn đàn ông (2).

B. — *Trượng hình*

Trượng hình là hình phạt đánh bằng trượng. Trượng làm bằng cây song lớn, không róc bỏ những mâu mắt, đầu lớn 5 phân, đầu nhỏ 2 phân 5 lý, dài 3 thước 5 tấc (3). Hình phạt này chỉ dành riêng cho đàn ông chịu (4).

C. — *Đò hình*

Đò hình là hình phạt bằng cách giam cầm và làm khổ dịch.

Về khổ dịch thì có ba bậc :

1 — *Dịch đình và phụ đình* :

— Về *dịch-đình* (người phải chịu sự sai khiến của cấp trên) thì gồm có :

- Thuộc đình (người lệ thuộc vào quan trên)
- Quân đình (người phải làm quân lính hầu hạ quan trên)
- Xã đình (người phải sự sai khiến của xã-trưởng)
- Khảo đình (tù đi cắt cỏ)
- Về *phụ đình* (người đàn bà phải tội) thì gồm có :

(1) Những đơn vị đo lường này tính theo đơn-vị của ta; QTHL, bản dịch, tr. 11.

(2) QTHL, bản dịch, tr. 15.

(3) QTHL, tr. 11.

(4) QTHL, tr. 15.

- Thứ phụ (người đàn bà phải làm dịch ở làng)
- Viên phụ (người đàn bà phải làm việc ở các nhà quan)
- Tang thất phụ (người đàn bà phải tù chẵn tấm)

2 — *Tượng phượng hình và và xuy thất tỳ* :

Đàn ông phải tội này thì đánh 80 trượng, thích vào cổ 2 chữ, rồi phải đồ làm *tượng phượng hình* (lính quét dọn trong chuồng voi), phải làm việc.

Còn đàn bà thì phải đánh 50 roi, thích vào cổ 2 chữ, đồ làm *xuy thất tỳ* (đầy tớ trong nhà nấu cơm), phải làm việc.

3 — *Chủng điền binh và thung thất tỳ* :

Đàn ông phải tội này thì đánh 80 trượng, thích vào cổ 4 chữ, đồ làm *chủng điền binh* (lính làm ruộng), đeo xiềng, đầy vào làm việc ở Diên-châu (1)

Còn đàn bà thì đánh 50 roi, thích vào cổ 4 chữ, đồ làm *thung thất tỳ* (đầy tớ ở nhà giã gạo), phải làm việc (2).

D. — *Lưu hình.*

Lưu hình là hình phạt phải đày đi phương xa.

Có ba bậc lưu hình là :

1 — *Lưu-hình đi cận-châu (châu gần).*

Cận-châu thời này được kể là Nghệ-an và Hà-hoa (3).

2 — *Lưu-hình đi ngoại-châu (châu ngoài).*

Ngoại châu ở đây là Bồ-chính (4).

3 — *Lưu-hình đi viễn châu (châu xa).*

Viễn châu là Tân-bình (5).

E. — *Tử-hình*

Gồm có 3 bậc :

(1) Diên-châu là 1 phủ trong tỉnh Nghệ-an.

(2) QTHL, chương *Lệ danh*, điều 1, tr. 15-16.

(3) Hà-hoa: một phủ thuộc Nghệ-an. Nguyên dưới triều Lê Thánh-tông, Nghệ-an gồm có 8 phủ là: 1— Đức-quang; 2— Diên-châu; 3— Anh-đô; 4— Hà-hoa; 5— Trà-lân; 6— Qui-châu; 7— Ngọc-ma; 8— Lâm-an (KĐVSTGCM, q. 21, tờ 16b-17a).

(4) Bồ-chính: tức Quảng-bình ngày nay.

(5) Tân-bình: một phủ thuộc Thuận-hóa. Thời đó, Thuận-hóa gồm có 2 phủ là: 1— Triệu-phong; 2— Tân-bình (KĐVSTGCM, q. 21, tờ 18b). Trong QTHL, bản dịch của Trường Luật, tr. 19 chép là Cao-bình. Trong JDAA, tr. 49 chép là Tân-bình. Chúng tôi mở bản chữ Hán chụp ở sau cuốn QTHL, bản dịch của Trường Luật, thì thấy chữ không rõ, nhưng có vẻ giống chữ « tân » hơn.

- 1 — Tội giảo, trảm (thắt cò, chém)
- 2 — Tội kiêu (chém bêu đầu)
- 3 — Tội lạng-trì (cho voi giày, ngựa xé xác hay cắt thịt từng miếng cho tới chết).

II.— Trường hợp trọng tội và trường hợp ân giảm.

A.— Trường hợp trọng tội: Thập ác.

Quốc triều hình luật quy định 10 điều ác thuộc trọng tội không thể tha thứ được là: (1)

1 — Điều ác thứ nhất: tội mưu phản, tức là mưu làm nguy đến xã tắc.

2 — Điều ác thứ nhì: tội mưu đại nghịch, là mưu phá hủy tôn miếu, sơn lăng và cung-quyết.

3 — Điều ác thứ ba: tội mưu bạo, là mưu phản nước theo giặc.

4 — Điều ác thứ tư: tội ác nghịch là đánh và mưu giết ông bà, cha mẹ, bác, chú, thím, cô, anh, chị, em, ông bà ngoại, ông bà cha mẹ chồng.

5 — Điều ác thứ năm: tội bất đạo, là giết một nhà ba người không đến tội chết, giết người chặt thây ra từng mảnh, bỏ thuốc độc bùa mê.

6 — Điều ác thứ sáu: tội đại bất kính, là ăn trộm đồ thờ trong lăng miếu, đồ ngự dụng, làm giả ấn ngự-bảo, chế thuốc ngự không theo đúng phương và phong đề làm; nấu ngự thiện (2) phạm vào những món ăn cấm, không giữ gìn thuyền ngự cho được chắc chắn, chỉ trích vua và đối với sứ giả nhà vua không có lễ của kẻ bầy tôi.

7 — Điều ác thứ bảy: tội bất hiếu, là tố cáo, rủa mắng ông bà, cha mẹ, trái lời dạy bảo, nuôi nấng thiếu thốn, có tang cha mẹ mà lấy vợ lấy chồng, vui chơi ăn mặc như thường, nghe thấy tang ông bà cha mẹ mà giấu, không cử ai; nói dối là ông bà cha mẹ chết.

8 — Điều ác thứ tám: tội bất mục, là giết hay đem bán những người trong họ từ hàng phải đề tang ba tháng trở lên, đánh đập và tố cáo chồng, cùng những họ hàng từ tiểu công (tức là phải đề tang 5 tháng) trở lên.

Theo *Quốc triều hình luật*, mục bản đồ đề tang (3), thì những người sau đây mất đi, cháu chắt họ hàng sẽ phải đề tang 3 tháng hay 5 tháng:

(1) QTHL, chương *Danh lệ*, điều 2, tr. 18; DELOUSTAL. *La justice dans l'ancien Annam* (JDAA), tr. 97.

(2) *Ngự thiện*: đồ ăn của vua.

(3) QTHL, bản dịch, tr. 5-9.

- Cỗ ông cỗ bà : Đền tang tư thôi (1) 3 tháng.
- Cự ông cự bà : Đền tang tư thôi 5 tháng.
- Cự ông cự bà họ : Đền tang tiều công (2) 5 tháng.
- Cự cô họ : Ở nhà thì đền tang 3 tháng, lấy chồng thì không đền tang.
- Ông bà ông chú bác : Đền tang 5 tháng.
(Bá thúc tồ phụ mẫu)
- Ông bà ông chú bác họ : Đền tang 3 tháng.
- Bà cô hàng chị em ông : Ở nhà thì đền tang 5 tháng, lấy chồng thì 3 tháng.
- Bà cô họ : Ở nhà thì đền tang 3 tháng, lấy chồng thì không đền tang.
- Chú, bác, thím họ : Đền tang 5 tháng (con ông chú ông bác).
- Chú, bác, thím họ : Đền tang 3 tháng (cháu cụ chú cụ bác).
- Cô con ông chú, ông bác : Ở nhà thì đền tang 5 tháng, lấy chồng thì 3 tháng.
- Cô họ : Ở nhà thì đền tang 3 tháng, lấy chồng thì không đền tang (cháu cụ chú cụ bác).
- Chị, em dâu con chú bác : Đền tang 3 tháng.
- Anh em cháu chú : Đền tang 5 tháng.
cháu bác
- Chị em dâu cháu chú : Đền tang 3 tháng.
cháu bác
- Anh em chắt chú : Đền tang 3 tháng.
chắt bác
- Chị em con chú con bác : Ở nhà thì đền tang 9 tháng, lấy chồng thì 5 tháng.
- Chị em cháu chú cháu bác : Ở nhà thì đền tang 5 tháng, lấy chồng 3 tháng.
- Chị em chắt chú chắt bác : Ở nhà thì đền tang 3 tháng, lấy chồng, không đền tang.
- Cháu gọi bằng chú bác : Đền tang 5 tháng (con anh em con chú con bác).

(1) Tư thôi: đền tang 1 năm có chống gậy, 1 năm không chống gậy hay là 3 tháng, 5 tháng. áo may bằng vải sô có khâu gấu (theo QTHL tr. 3).

(2) Tiều công: đền tang mà mặc áo may bằng vải to (QTHL, tr. 3).

- Cháu dâu gọi bằng chú bác : Đền tang 3 tháng (con anh em con chú con bác).
- Cháu gọi bằng chú bác : Đền tang 3 tháng (con anh em cháu chú cháu bác).
- Cháu gái con anh em : Ở nhà thì đền tang 5 tháng, lấy chồng, con chú con bác 3 tháng.
- Cháu gái con anh em : Ở nhà thì đền tang 3 tháng, lấy chồng cháu chú cháu bác không đền tang
- Cháu gọi bằng ông chú : Đền tang 5 tháng. ông bác
- Cháu dâu gọi bằng ông : Đền tang 3 tháng. chú ông bác
- Cháu gọi bằng ông chú, : Đền tang 3 tháng. ông bác họ.
- Cháu gái gọi bằng ông : Ở nhà thì đền tang 5 tháng, lấy chồng, chú, ông bác ba tháng.
- Cháu gái gọi bằng ông : Ở nhà thì đền tang 3 tháng, lấy chồng chú, ông bác họ thì không đền tang.
- Chắt gọi bằng cụ chú : Đền tang 3 tháng. cụ bác
- Chắt gái gọi bằng cụ : Ở nhà thì đền tang 3 tháng, lấy chồng chú cụ bác không đền tang.

9 — Điều ác thứ chín : tội bất nghĩa, là giết quan bản phủ và các quan đương tại nhiệm, giết thầy học ; nghe thấy có tang chong mà không cử ai ; vui chơi ăn mặc như thường cùng là cải giá.

10 — Điều ác thứ mười : tội nội loạn, là gian dâm với người trong họ từ hàng tiều công (1) trở lên cùng nàng hầu của ông cha.

B. — Trường hợp ân-giảm : bất nghị.

Luật Hồng-đức còn đề ra 8 trường hợp có thể được ân-giảm như sau :

1 — Trường hợp ân-giảm thứ nhất : *ngự thân*, là họ hàng tông-thất từ hàng dẫn miễn (nghĩa là họ trong năm đời) trở lên, họ bà Hoàng-thái-hậu từ hàng ty ma (2) trở lên ; họ Hoàng-hậu từ tiều-công trở lên-

2 — Trường hợp ân-giảm thứ nhì : *Nghị cổ*, là những người cổ

(1) Tiều công : Đền tang 5 tháng, áo may bằng vải to ; QTHL, bản dịch, tr. 3.

(2) Ty ma : Đền tang 3 tháng.

(3) Cổ cụ : Những người bầy tôi đã làm lâu năm tại triều.

cựu (3).

3 — Trường hợp ân-giảm thứ ba: *Nghị hiền*, là những người có đức hạnh lớn.

4 — Trường hợp ân-giảm thứ tư: *Nghị năng*, là những người có tài năng lớn.

5 — Trường hợp ân-giảm thứ năm: *Nghị công*, là những người có công huân lớn.

6 — Trường hợp ân-giảm thứ sáu: *Nghị quý*, là những quan viên có chức-sự từ tam-phàm trở lên, những quan viên chức việc nhàn tản (như những chức hàn-lâm và học-quan) hay có tước từ nhị-phàm trở lên.

7 — Trường hợp ân-giảm thứ bảy: *Nghị cần*, là những người có cần lao lớn.

8 — Trường hợp ân-giảm thứ tám: *Nghị tân*, là những khách của vua các triều trước (1).

Phàm những người thuộc vào bát nghị trên này, mà phạm vào tử tội, thì các quan nghị án phải khai rõ tội trạng và hình phạt nên xử thế nào, làm thành bản tâu, dâng lên vua để vua quyết định (cơ-quan nghị án chỉ xét tình nghị tội cho đúng với pháp-luật mà không được quyết định). Từ tội lưu trở xuống thì được giảm một bậc nếu phạm tội thập ác thì không theo luật này (2).

(1) QTHL, chương *Danh lệ*, điều 3, tr. 21

(2) QTHL, bản dịch, chương *Danh lệ*, điều 4, tr. 21.

SÁCH THAM KHẢO

Bibliographie

I.— NHỮNG SÁCH THUỘC VỀ THƯ TỊCH

Ouvrages de références.

BOUDET, P. et BOURGEOIS, R. : *Bibliographie de l'Indochine Française*, 4 vol., Hanoi, 1929 — 1943.

CADIÈRE, L. et PELLIOT, P. : *Première étude sur les sources annamites de l'histoire d'Annam*, trong BEFEO, t. IV (1904), tr. 617-671.

CORDIER, H., *Bibliotheca Indosinica*, 4 vol; Paris, 1912 — 1915.

EMBREE, John F. & DOTSON, O. Lilian : *Bibliography of the people and cultures of mainland South-East Asia*, New Haven, 1950.

GASPARDONE, E. : *Bibliographie annamite*, trong BEFEO, t. XXXIV (1934), tr. 1-162.

HUỲNH KHẮC DỤNG, *Sử-liệu Việt Nam*, Văn-Hóa tùng-thư, tập số 1, Saigon, 1959.

TRẦN VĂN GIÁP, *Les chapitres bibliographiques de Lê Quý-Đôn et de Phan Huy-Chú*, trong BSEI, Nouvelle série, t. XIII (1938), N^o 1.

II. — SÁCH TÀI LIỆU. **Travaux.**

ÂU, DƯƠNG TU, *Tân Đường-thư* 新唐書, bản in chữ Hán. Thượng hải, Trung-hoa thư cục, in theo bản của Vũ Anh-diện.

AUROUSSEAU, L. : *Critiques de L. Arousseau sur l'« Histoire moderne du pays d'Annam » (1592 — 1820)*, trong BEFEO, t. XX (1920), tr. 73 — 120.

CHU-THIÊN, *Lê Thánh-tông*, Hà nội, 1943.

DELOUSTAL, R. : *La justice dans l'ancien Annam, traduction et commentaire du Code des Lê*, Hanoi, 1912, và cũng xem trong BEFEO, t. VIII (1908), tr. 177-220 ; t. IX (1909), tr. 91-122, tr. 471-491, tr. 765-786 ; t. X (1910), tr. 1-60, tr. 349-505 ; t. XI (1911), tr. 25-66 ; t. XII (1912), tr. 1-33 ; t. XIII (1913), tr. 1-59 ; t. XIX (1919), tr. 1-86.

DES ROTOURS, R. : *Traité des fonctionnaires et de l'armée* (theo Tân Đường-thư), Paris, 1932.

Đại-Việt sử-ký (bản kỷ) thực-lục, 大越史記本紀實錄, giám bản (in năm 1697).

ĐÀO DUY ANH, *Việt-Nam văn-hóa sử cương*, Saigon, 1951.

GALT, H.S. : *History of Chinese educational institutions*, Vol. I

London, 1951.

GASPARDONE, E. : *Les stèles royales de Lam-son*, Publications de l'École Française d'Extrême-Orient, Collection de textes et documents sur l'Indochine, Hanoi, 1935.

GROUSSET, R. et LÉONARD, E.G. : *Histoire universelle*, t. III, Paris, 1957.

Hiệu-định tẩn thân sự lục 校定潘紳事錄, bản chép tay của Viện Khảo Cò, Saigon, theo bản in năm Cảnh-hưng thứ 12 (1751),

Hồng-đức thiện chính thư, bản dịch của NGUYỄN SĨ GIÁC, Sài-gòn, 1959.

HUCKER, Charles O. : *Governmental Organization of the Ming Dynasty*, trong *Harvard Journal of Asiatic Studies*, vol. 21, December, 1958, tr. 1-66.

Khâm-định Việt-sử, thông giám cương-mục 欽定越史通鑑綱目, bản in mộc bản, Quốc-sử quán, Huế, 1885.

LAUBADÈRE, A. : *Droit administratif*, 2ème édition, Paris, 1957.

LÊ QUÍ ĐỒN, *Lê-triều thông sử* 黎朝通史 bản chép tay. Viện Khảo Cò, Saigon, theo bản in năm 1749.

LÊ THÀNH KHÔI, *Le Việt-Nam*, Paris, 1955.

Lê-triều chiếu lệnh thiện chính, bản dịch của NGUYỄN SĨ GIÁC, Sài-gòn, 1961.

Lê-triều hội-diên 黎朝會典, Vi-ảnh số 168/A. 52 của Trường Viễn-Đông Bác Cò, Sài-gòn.

Lê-triều lịch-khoa tiến-sĩ đề danh bi-ký, 3 quyển, bản dịch của HÀ-TĨNH VÕ-OANH, Saigon, 1962.

Lê-triều quan chế 黎朝官制, Vi-ảnh số 108/A. 51 của Trường Viễn Đông Bác Cò, Sài-gòn.

Lê-triều quan-lại thưởng-phạt luật 黎朝官吏賞罰律, Vi-ảnh số 10/A. 2035 của Trường Viễn Đông Bác Cò, Saigon.

Lê-triều sự lệ 黎朝事例, Vi-ảnh số 110/A. 332 của Trường Viễn Đông Bác Cò, Saigon.

LURO, E. : *Cours d'administration annamite*, bản quay ronéo của Viện Khảo Cò, Sài-gòn.

LURO, E. : *Le pays d'Annam*, Paris, 1897.

Lục-bộ 六部, Vi-ảnh số 169/A. 62 và 851/A. 2965 của Trường Viễn Đông Bác Cò, Sài-gòn.

MALOT : *La Commune annamite. Sa formation. Sa construction. Ses rapports avec l'Etat*, thèse, Paris, 1903.

MAYBON, Ch.: *Lectures sur l'histoire moderne et contemporaine du pays d'Annam de 1428 à 1926*, Hanoi, 1927.

NGUYỄN TRÃI, *Dư địa chí*, bản dịch của PHAN DUY TIẾP, Hanoi, 1960.

ORY, *La commune annamite au Tonkin*, Paris, 1894.

PHẠM ĐÌNH HỒ và NGUYỄN ÁN, *Tang thương ngẫu lục* 桑滄偶錄, bản chép tay của Viện Khảo Cổ, Sài Gòn.

PHẠM VĂN SƠN, *Việt-sử tân biên*, 5 quyển, Sài Gòn, 1956 — 1960

PHAN HUY CHÚ, *Lịch-triều hiến chương loại chí* 歷朝憲章類誌:

— *Nhân vật chí* 人物誌 (q. 6 — q. 12)

— *Quan chức chí* 官職誌 (q. 13 — q. 19)

— *Khoa mục chí* 科目誌 (q. 26 — q. 28)

— *Quốc dụng chí* 國用誌 (q. 39 — q. 33)

— *Binh chế chí* 兵制誌 (q. 39 — q. 41)

bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo Cổ, Sài Gòn.

PHAN HUY-CHÚ, *Lịch-triều hiến chương loại chí: Quan-chức chí và quốc dụng chí*, bản-dịch của LƯƠNG-THẦN CAO NÀI QUANG, Sài Gòn, 1957.

Quan chế điển lệ 官制典例, Vi-ảnh số 264/A. 56 của Trường Viễn Đông Bác Cổ, Saigon.

Quốc-triều hình-luật, bản dịch của LƯƠNG-THẦN CAO NÀI QUANG, Sài Gòn, 1956.

ROUILLY: *La commune amannite*, Paris, 1929.

Tây-Nam biên tái lục 西南編再錄, bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo Cổ, Sài Gòn.

Tứ-thư tập chú 四書集註, Thương-hải.

Thiên Nam dư hạ tập 天南餘暇集, Vi-ảnh số A.334 của Trường Viễn Đông Bác Cổ, Sài Gòn.

TRẦN TRỌNG KIM, *Nho-giáo*, 2 quyển, in lần thứ ba, Saigon, 1953.

TRẦN TRỌNG KIM, *Việt-Nam sử lược*, in lần thứ năm, Saigon, 1954.

VŨ VĂN MẪU, *Dân-luật khái-luận*, Sài Gòn, 1957.

VŨ QUỐC THÔNG, *La décentralisation administrative au Việt-Nam*, bản in ronéo tại thư-viện Luật-khoa, Sài Gòn.

VŨ QUỐC THÔNG, *Pháp chế sử*, bản in ronéo của sinh-viên Luật-khoa, Saigon, niên khóa 1960 — 61.

VŨ QUỲNH, *Đại-Việt sử-ký* 大越史記, bản chữ Hán, chép tay của Viện Khảo Cổ, Sài Gòn.

BẢNG KÊ TÊN

CÁC QUAN CHỨC, TƯỚC, PHẠM TRẬT THEO THỨ TỰ A B C

- ✧ Những chữ số bên cạnh các tên chỉ số trang có nói đến tên đó.
- ✧ Những số in đậm chỉ trang có những đoạn cốt yếu liên quan đến tên đó (tên đứng trước những số in đậm này).
- ✧ Những số có hai số đi liền: số đầu chỉ trang, số sau ở giữa hai ngoặc đơn, chỉ số lời chú.

A

Á Huyện-quân: 130
亞縣君
Á Quận-chúa: 129, 130
亞郡主
Á Quận-quân: 129, 130
亞郡君
Á-tướng: 2, 4, 5
亞相
An-nhân: 131
安人
An-viễn Tướng-quân: 113
英遠將軍
Án-ngục-ti: 98, 110
按獄司
Anh-đức (vệ): 86
英德(衛)
Anh-liệt Tướng-quân: 112, 143
英烈將軍
Anh-túc Tướng-quân: 112
英肅將軍
Anh-vĩ Tướng-quân: 112
英偉將軍
Át-khẩu (sở quân): 87
遏寇(所軍)
Ăm-vũ (sở quân): 88
飲羽

B

Bá (tước): 123, 126, 129,
伯(爵) 130, 137-139,
146, 147, 152, 153,
Bả-tổng: 96
把總
Bác-sĩ: 7
博士
Bác-trạo (sở quân: 86)
博掉
Bách-hộ (quan-chức): 93, 95,
百戶(官職) 144
Bách-hộ (sở quân): 93, 95,
百戶(所軍) 144
Bách ngạch (sở quân): 87
百額
Bản-tịch Thanh-lại-ti: 57, 60,
版籍清吏司 61
Bảng-nhân: 117
榜眼
Báo-quốc (sở quân): 85
報國
Báo-thao (vệ): 87
豹韜(衛)
Bảo-cực (sở quân): 85
保極
Bảo-đạo (ti): 91
寶刀(司)

Bảo-nghĩa (sở quân): 85
 保 義
 Bảo-thuận (sở quân): 85
 保 順
 Bảo-tiếp: 10
 保 捷
 Bảo-tín (sở quân): 92
 保 信
 Bảo-trung (vệ): 88
 保 中 (衛)
 Bảo-trung Tướng-quân: 113
 保 中 將 軍
 Bảo-ứng-quân: 11
 保 應 軍
 Bát-phẩm (Văn-giai): 109
 八 品 (文 階)
 Bạt-sơn (sở quân): 89
 拔 山
 Bắc-đạo: 9
 北 道
 Bắc-khoa: 13
 北 科
 Bắc-quân-phủ: 82, 89, 99
 北 軍 府
 Bật-trực-lệnh: 142
 弼 直 令
 Bí-thư-giám: 2, 4, 15, 49,
 秘 書 監 106, 107, 109
 Bí-thư giám Điền-hàn: 109
 秘 書 監 典 翰
 Bí-thư-giám Điền-thư 49, 107
 秘 書 監 典 書
 Bí-thư-giám Học-sĩ: 4, 49, 106
 秘 書 監 學 士
 Biên-lục: 78
 編 錄
 Binh-bộ: 6, 16, 52, 65-68
 兵 部
 Binh-bộ Tả và Hữu Thị-lang: 65,
 兵 部 左 右 侍 郎 68

Binh-bộ Tư-vụ-sảnh: 65, 97
 兵 部 司 務 廳
 Binh-bộ Thượng-thư: 65, 68
 兵 部 尚 書
 Binh-khoa: 13 (1), 97
 兵 科
 Bình-hải-quân: 12
 平 海 軍
 Bình-khẩu (sở quân): 89
 平 寇
 Bình-oai Tướng quân: 113
 秉 威 將 軍
 Bộ Binh: x. Binh-bộ

Bộ Công: x. Công-bộ

Bộ Hình: x. Hình-bộ

Bộ Hộ: x. Hộ-bộ

Bộ Lại: x. Lại-bộ

Bộ Lễ: x. Lễ-bộ

Bồng-nhật: 10

捧 日

Bộc-xạ: 5

仆 射

C

Can-ngưu (vệ): 84 (1)

干 牛 (衛)

Cảng-hà (sở quân): 92

港 河

Canh-ban xá-nhân: 98

燧 班 舍 人

Cầm chí (sở quân): 92

擒 鷲

Cấm-quân: 10, 11

禁 軍

Cấm-vệ: 8, 9, 10, 11

禁 衛

Cấm-vệ Thượng Tướng-quân : 9
 禁衛上將軍
 Cầm-y (vệ) : 90-96, 98-99, 123,
 錦衣(衛) 124
 Cầm-y lực-sĩ : 98
 錦衣力士
 Cầm-y-vệ Dũng-sĩ : 90-91
 錦衣衛勇士
 Cầm-y-vệ Tráng-sĩ : 90-91
 錦衣衛壯士
 Cẩn-nhân : 131
 謹人
 Cẩn-sự-lang : 108, 130, 131,
 謹事郎 143
 Cẩn-sự-tá-lang : 109, 130, 143,
 謹事佐郎
 Cận-thị : 8
 近侍
 Cấp-sự-trung : 97, 109
 給事中
 Cố-hạng : 97
 顧項
 Cồ-súy-thự : 76
 鼓吹署
 Công (tước) : 123, 128, 129-
 公 138, 146
 Công-bộ : 6, 16, 52, 58, 71
 工部 73, 97, 99
 Công-bộ Tả và Hữu Thị-lang :
 工部左右侍郎 71, 73
 Công-bộ Thượng-thư : 71, 73
 工部尚書
 Công-bộ Tư-vụ-sảnh : 72
 工部司務廳
 Công-chúa : 128, 129
 公主
 Công-khoa : 13 (1), 97
 工科
 Công-trình Thanh-lại-ti : 72, 73
 工程清吏司

Cung-môn : 51
 宮門
 Cung-nhân : 125, 127, 128, 131
 恭人
 Cung-sư-phủ : 49
 宮師府
 Cung-thần (sở quân) : 12, 92
 拱辰
 Cường-vũ : 84 (1)
 強武
 Cửu-phẩm (Văn-giai) : 110, 138,
 九品(文階) 141

CH

Chánh bát phẩm (Văn-giai) :
 109, 116, 148
 正八品(文階)
 Chánh cửu phẩm (Văn-giai) :
 110, 148
 正九品(文階)
 Chánh lục phẩm (Văn-giai) :
 107, 116, 117, 148
 正六品(文階)
 Chánh lục phẩm (Võ giai) :
 114, 116, 148
 正六品(武階)
 Chánh ngũ phẩm (Văn-giai) :
 105, 148
 正五品(文階)
 Chánh ngũ phẩm (Võ-giai) :
 113, 148
 正五品(武階)
 Chánh nhất phẩm (Văn-giai) :
 102, 128, 131, 138, 148,
 152, 153
 正一品(文階)

Chánh nhất phẩm (Võ-giai) :
111, 126, 130, 138, 148,
152, 153

正一品 (武階)

Chánh nhị phẩm (Văn-giai) :
103, 128, 131, 139, 148
152, 153

正二品 (文階)

Chánh nhị phẩm (Võ-giai) :
111, 126, 131, 139, 148,
152, 153

正二品 (武階)

Chánh Phu-nhân : 125, 126,
正夫人 127, 130

Chánh-sứ : 5, 16

正使

Chánh tam phẩm (Văn-giai) :
103, 128, 131, 139, 140,
148, 152, 153

正三品 (文階)

Chánh tam phẩm (Võ-giai) :
112, 126, 131, 139, 140,
148, 152, 153

正三品 (武階)

Chánh thất phẩm (Văn-giai) :
108, 117, 148

正七品 (文階)

Chánh-trị khanh : 141

正治卿

Chánh-trị Thượng-khanh : 141

正治上卿

Chánh tứ phẩm (Văn-giai) :
104, 126, 131

正四品 (文階)

Chánh tứ phẩm (Võ-giai) :
112, 131

正四品 (武階)

Chánh Võ-úy : 82, 86-89, 114,

正武尉 126

Chân-kim-đô : 11

真金都

Chấn-hồ (sở quân) : 89

振虎

Chấn-lực Tướng-quân : 113

振力將軍

Chấn-oai (sở quân) : 85

振威 (所軍)

Chấn-oai (vệ) : 84 (1)

震威 (衛)

Chấn-viên (sở quân) : 86

振遠

Chấn-vũ (sở quân) : 87

振武

Chấp-kích (sở quân) : 87

執戟

Chấp-di (sở quân) : 87

執夷

Chấp sấm (sở quân) : 92

執岑

Chế-địch (sở quân) : 88

制敵

Chế-hà (sở quân) : 85

制遐

Chế-kỳ (sở quân) : 88

制奇

Chế thắng (vệ) : 88

制勝 (衛)

Chi-hầu : 8

祇侯

Chỉ-huy-sứ : 9, 91 - 92, 113,
126

指揮使

Chi-huy (sứ) Đồng-tri: 91-92,
指揮 (使) 同知 113
Chi-huy (sứ) Thiêm-sự: 91-92
指揮 (使) 僉事
Chiêm-sự-phủ: 49 (8)
詹事府
Chiêm-sự-viện: 49, 50, 105,
詹事院 106
Chiêm-sự-viện Chiêm-sự: 50,
詹事院 詹事 105
Chiêm-sự-viện Thiếu Chiêm-sự:
50, 106
詹事院 少詹事
Chiết-xung (sở quân): 92
折衝
Chiêu-công (vệ): 87
昭功 (衛)
Chiêu-dũng (ti): 91
昭勇 (司)
Chiêu-dũng Tướng-quân: 111
昭勇將軍
Chiêu-hùng Tướng-quân: 111
昭雄將軍
Chiêu-nghị Tướng-quân: 111,
昭毅將軍 143
Chiêu thắng tiền sở: 89
昭勝前所
Chiêu-văn-quán: 46, 109, 123
昭文館
Chiêu-vũ (sở quân): 88
昭武
Chiếu-ma: 52, 98, 109
照磨
Chiếu-ma sở: 52, 98
照磨所
Chín phẩm: x. Cửu-phẩm
Chính-đường (quan chức): 54
(3), 55, 56, 58, 60, 68,

121, 122
正堂 (官職)
Chính-hình: 69 (2)
正刑
Chính Phu-nhân: x. Chánh phu-nhân
Chính-sứ: x. Chánh-sứ
Chính-sự-viện: 4, 5, 16
政事院
Chính-sự-viện Thượng-thư: 5,
政事院尚書 16
Chính-truyền Phó Thông-chính:
正傳副通政 76, 106
Chính Vũ-úy: x. Chánh-Vũ úy
正武尉
Chu-diện (sở quân): 86
周電
Chu-lư (sở quân): 92
周廬
Chức-phương Thanh-lại-ti: 66 (1)
職方清使司
Chương-nghĩa (sở quân): 85
彰義
Chương-thánh: 12
彰聖
Chương-vũ (sở quân): 86
彰武

D

Dân-bộ: 6, 16
民部
Dân-hạng: 79, 81
民項
Dịch-thừa: 110
驛丞
Diệu-vũ (sở quân): 89
耀武
Doanh: 8
營

Doanh-thiện Thanh-lại-ti: 72, 73

營膳清使司

Du-cảnh (sở quân): 92

踰景

Du-kích Tướng-quân: 96

游擊將軍

Du-mỹ (sở quân): 92

遊靡

Du-nỗ (ti): 91

學弩 (司)

Dụ-ân-sứ: 139

裕恩使

Duàn-kích (sở quân): 92

隼擊

Dũng-hân (sở quân): 92

勇捍

Dũng-tiếp (sở quân): 88

勇捷

Dực Quốc-sứ: 129, 130, 139

翊國使

Dực-thuận (vệ): 89

翊順 (所)

Dực-vệ (sở quân): 92

翊衛 (所軍)

Dực-võ (sở quân): 92

翊武

Dược-tàng: 50

藥藏

Đ

Đãi-chế: 4

待制

Đội-đội-phó: 8

大隊副

Đại-Đô-đốc: 10

大都督

Đại-đội-trưởng: 8

大隊長

Đại-lí (lý) tự: 52: 74, 75, 99, 100

大理寺

Đại-quân: 8

大軍

Đại-thắng (sở quân): 89

大勝

Đại-Tổng-quản: 10

大總管

Đại-tráng (sở quân): 92

大壯

Đại-tướng-quân: 8, 95

大將軍

Đạt-lại: 116

達吏

Đạo: 8

道

Đạp-hà (sở quân): 92

踏霞

Đặc-tiến Khai-phủ Vinh-lộc

Đại-phu: 102

特進開府榮祿大夫

Đặc-tiến Kim-tử Vinh-lộc Đại-

phu: 102, 143

特進金紫榮祿大夫

Đặc-tiến Phụ-quốc Thượng

Tướng-quân: 143

特進輔國上將軍

Đăng-sĩ-lang: 110

登仕郎

Đăng-sĩ thứ-lang: 110

登仕庶郎

Đăng-văn-viện: 7, 17

登文院

Đầu-dồng (sở quân): 86

頭同

Đầu-tì (sở quân): 88

投龍

Đề-diệu-quan: 96

提調官

Đề-đốc: 111

提督

Đề-hình Giám-sát Ngự-sử: 108

提刑監察御史

Đề-khu (sở quân): 89

提驅

Đề-ky (sở quân): 92

提騎

Đề-lại: 117

提吏

Đề-lĩnh: 99

提領

Địch-công-lang: 109

迪功郎

Địch-công-thứ-lang: 110

迪功庶郎

Địch-vạn (ti): 91

敵萬司

Địch-vũ (sở quân): 88

敵武

Điền-mục (sở): 78, 99, 110

田牧 (所)

Điền-mục Sở-sứ: 78, 110

田牧所使

Điền-hàn: 50

典翰

Điền-khách-thự: 76

典客署

Điền-lại: 116

典吏

Điền-nghĩa: 47, 109, 123

典義

Điền-thiện: 51

典膳

Điền-thiết: 50

典設

Điện-hỏa (sở quân): 84 (1)

電火

Điện-tiền (vệ): 90, 92, 98
114

殿前 (衛)

Điện-tiền Cẩm-quân (vệ): 90;
92, 98, 114

殿前禁軍

Đình-viên tướng quân: 113

丁遠將軍

Đình-khu (sở quân): 87

霆驅

Đình-úy-ti (ty): 7, 17, 91,

廷尉司

Định-lệnh (ti): 91

定令 (司)

Định-oái (sở quân): 86

定威 (所軍)

Định-uy (ti): 91

定威 (司)

Định-vũ (sở quân): 89

定武

Đoan-nhân: 125, 127, 131

端人

Đoán-sự (các vệ): 107

斷事

Đoản-sào (ti): 91

短誦 (司)

Đô: 8, 11

都

Đô Cấp-sự-trung: 97, 108

都給事中

Đô Chỉ-huy-sứ: 9, 112, 125

都指揮使

Đô Chỉ-huy Đồng-tri: 112, 113

都指揮同知

Đô Chỉ-huy Thiêm-sự: 112

都指揮僉事

Đô-dài Ngự-sử: x. Đô Ngự-sử

都臺御史

Đô-đốc: 10, 82-89, 111

都督

Đô-đốc Chỉ-huy-sứ: x. Đô Chỉ-
huy-sứ

都督指揮使

Đô-đốc Đồng-tri: 82-89, 111,

都督同知 125, 126

Đô-đốc Ngũ-phủ: 82-89, 100,
都督五府 111
Đô-đốc Thiêm-sự: 82-89, 111,
都督僉事 125, 126
Đô kiểm-điểm: 111, 112
都檢點
Đô-lại: 116
都吏
Đô-lỗ (sở quân): 92
都虜
Đô Ngự-sứ: 14, 97, 103, 128
都御使
Đô-quan-bộ: 69 (3)
都官部
Đô-thống: 9
都統
Đô-thủy Thanh-lại-ti: 71 (3)
都水清吏司
Đô-ti: 83-89: 112, 121
都司
Đô-ti Nghệ-an: 84
都司义安
Đô-ti Thanh-hóa: 84
都司清华
Đô-tổng-binh-sứ: 83, 87 (2),
112
都總兵使
Đô Tổng-quản: 10
都總管
Đô-tri: 3, 15, 113
都知
Đô-tướng: 9
都將
Độ - chi Thanh-lại-ti: 57, 50-
60, 61
度支清吏司
Đội: 8
隊
Đồn-diễn (sở): 78, 99, 110
屯田(所)

Đồn-diễn Phó-sứ: 78, 110
屯田副使
Đồn-diễn Sở-sứ: 78, 110
屯田所使
Đồn-diễn Thanh-lại-ti: 71 (3)
屯田清吏司
Đông-các: 47, 48, 105, 106,
107
東閣
Đông-các Đại-học-sĩ: 47, 105,
144
東閣大學士
Đông-các hiệu-thư: 47, 107
東閣校書
Đông-các Học-sĩ: 47
東閣學士
Đông-cung: 49
東宮
Đông-đạo: 9
東道
Đông-khoa: 13
東科
Đông-quân-phủ: 81, 86, 98
東軍府
Đông-Tây quân: 8, 11
東西軍
Đồng Tổng binh: 10
同總兵
Đồng Tổng quản: 10
同總管
Đồng Tổng-tri: 83-89, 126
同總知
Đột-kỵ (sở quân): 87
突騎
Đột thắng (sở quân): 85
突勝
Đức-lâm-lang: 107
德林郎
Đức-lâm-tá-lang: 108
德林佐郎

G

Gia-hạnh Đại-phu: 104, 143
 嘉行大夫
 Gia-thông Đại-phu: 104
 嘉通大夫
 Gia-tích Đại-phu: 104
 嘉績大夫
 Giai-cấp: 198
 階級
 Giải-phân (sở quân): 86
 解紛
 Giám - sát - ngự - sử: 14, 98,
 108, 117
 監察御史
 Giám-sinh: 77, 81
 監生
 Giao-xã-thự: 75
 郊社署
 Giáo-thụ: 7, 77
 教授
 Giáp: 8
 甲

H

Hà-đê-sứ: 79, 110
 河堤使
 Hà-thanh (ti): 91
 河清 (司)
 Hạ-ban: 145
 下班
 Hạ-chế: 145
 下制
 Hạ-giai: 145
 下階
 Hạ-liên: 145
 下聯
 Hạ-liệt: 145
 下列
 Hạ-trật: 145
 下秩
 Hạ-tuyền: 145
 下選

Hạ-tư: 144
 下資
 Hạ-tử: 145
 下子
 Hạ-xá-sinh: 77
 下舍生
 Hải-băng (sở quân): 92
 海鵬
 Hải-côn (sở quân): 92
 海鯤
 Hải-hồng (sở quân): 92
 海鴻
 Hải-khoa: 13
 海科
 Hải-kình (sở quân): 92
 海鯨
 Hải-mã (sở quân): 92
 海馬
 Hải-tây-đạo: 9
 海西道
 Hải-thanh (ti): 91
 海清
 Hải-thu (sở quân): 92
 海鯨
 Hàm-hồ: 84 (1)
 闕虎
 Hàm-tê (sở quân): 85
 函犀
 Hàn-lâm-viện: 2, 4, 15, 45-46,
 48, 104 — 108, 110, 117
 翰林院
 Hàn-lâm-viện Đãi-chế: 46, 107
 翰林院待制
 Hàn-lâm-viện Đãi-chiếu: 46, 108
 翰林院待詔
 Hàn-lâm-viện Đại-học-sĩ: 4, 15
 翰林院大學士
 Hàn-lâm-viện Hiệu-lý: 46, 108
 翰林院校理
 Hàn-lâm (viện) Học-sĩ: 4, 15
 翰林 (院) 學士

Hàn-lâm-viện Kiểm-thảo: 46,
 翰林院檢討 108
 Hàn-lâm (viện) Phụng-chỉ: 4, 15
 翰林 (院) 奉旨
 Hàn-lâm-viện Thị-độc: 46, 105
 翰林院侍讀
 Hàn-lâm-viện Thị-giảng: 46,
 翰林院侍講 106
 Hàn-lâm-viện Thị-thư: 107
 翰林院侍書
 Hàn-lâm-viện Thuyết-thư: 106
 翰林院說書
 Hàn-lâm-viện Thừa-chỉ: 45, 104
 翰林院承旨
 Hãn-đột (sở quân): 85
 捍突
 Hãn-vệ (ti): 91
 捍衛 (司)
 Hành-khiển Thượng-thư: 2, 5, 15
 行違尚書
 Hầu (tước): 123, 125, 126,
 侯 127, 129, 130, 138, 139,
 146, 147, 152, 153
 Hậu (sở quân): 92
 後 (所軍)
 Hậu-Dực-thánh-quân: 11
 後翊聖軍
 Hậu-vệ: 92
 後衛
 Hắc-sào (sở quân): 92
 黑稍
 Hiến (ti): 99, 104 (2), 107,
 憲 (司) 121
 Hiến-sát-sứ: 107
 憲察使
 Hiến-sát-Phó-sứ: 108
 憲察副使
 Hiến-ti: x. Hiến (ti)
 憲司
 Hiền-cung Đại-phu: 106, 130,
 顯恭大夫 143
 Hiền-huệ Đại-phu: 106
 顯惠大夫
 Hiền-lượng Đại-phu: 106
 顯亮大夫
 Hiệp-chính (sở quân): 92
 挾正
 Hiệp-lặc (sở quân): 92
 協勒
 Hiệp-luân (sở quân): 88
 挾輪
 Hiệp-lượng-lệnh: 142
 協諒令
 Hiệu-công-lang: 109
 効功郎
 Hiệu-công thứ-lang: 110
 効功庶郎
 Hiệu-kiểm: 4
 校檢
 Hiệu-lệnh (ti): 91
 號令 (司)
 Hiệu-lực (vệ): 90, 92, 99
 効力 (衛)
 Hiệu-nghĩa (sở quân): 84 (1)
 効義
 Hiệu-thắng (sở quân): 86
 効勝
 Hiệu-trung (sở quân): 92
 効中
 Hình-bộ: 6, 16, 52, 69-71, 97,
 刑部 99, 121, 122
 Hình-bộ Tả và Hữu Thị-lang:
 刑部左右侍郎
 69-71
 Hình-bộ Thượng-thư: 69-71
 刑部尚書
 Hình-bộ Tư-vụ-sảnh: 69
 刑部司務廳
 Hình-khoa: 13 (1), 97
 刑科

Hoa-ngạch . 10
 花 額
 Hoa-xa (sở quân) : 85
 花 車
 Hỏa-dinh (sở quân) : 84 (1)
 火 丁
 Hỏa-mãnh (sở quân) : 92
 火 猛
 Hoài-viễn Tướng - quân : 113,
 143
 懷 遠 將 軍
 Hoàn-hồ (sở quân) : 92
 桓 虎
 Hoàn-vệ (ti) : 91
 環 衛 (司)
 Hoàng-giáp : 117, 120, 121
 黃 甲
 Hoàng-môn-tĩnh : 2, 3, 15, 49
 黃 門 省
 Hoàng-môn Thị-lang : 3, 49
 皇 門 侍 郎
 Hoàng tăng tôn : 129, 130
 皇 曾 孫
 Hoàng Thái - tôn : 128, 129
 皇 太 孫 138
 Hoàng Thái-tử : 129, 130, 138,
 皇 太 子 147
 Hoành-dã (sở quân) : 88
 橫 野
 Hoành hải (sở quân) : 87
 橫 海
 Hoảng-nghĩa Đại-phu : 106
 弘 義 大 夫
 Hoảng-tín Đại-phu : 106, 130,
 弘 信 大 夫 143
 Hoảng-tĩnh (vệ) : 89
 弘 靜 (衛)
 Hoảng-trí Đại-phu : 106
 弘 智 大 夫

Học-sĩ : 8; 50 (7)
 學 士
 Học-sinh : 77, 123
 學 生
 Hồ-bôn (vệ) : 84 (1)
 虎 贖 (衛)
 Hồ-viên (sở quân) : 92
 扈 垣
 Hồ-bộ : 6, 16, 52, 57-61, 62,
 戶 部 63, 97
 Hồ-bộ Tả và Hữu Thị-lang : 57,
 63, 72
 戶 部 左 右 侍 郎
 Hồ-bộ Thượng-thư : 57-61
 戶 部 尚 書
 Hồ-bộ Tư-vụ-sảnh : 57, 61
 戶 部 司 務 廳
 Hồ-khoa : 13 (1), 97
 戶 科
 Hồ-quân : 141
 護 軍
 Hồ-vệ (ti) : 91
 護 衛 (司)
 Hồng-lô-tự : 53, 74, 76, 105
 鴻 臚 寺
 Huân-cấp : 140
 勳 級
 Huệ-địch (sở quân) 85
 惠 迪
 Huy-nhân : 125, 126, 130
 徽 人
 Huyền-ngạch (sở quân) : 86
 玄 額
 Huyền-qua (sở quân) : 86
 玄 戈
 Huyện-quân : 129, 130
 縣 君
 Huyện Thượng quân : 129, 130
 縣 上 君

Hùng-cảm Tướng-quân: 113

雄 敢 將 軍

Hùng-dũng (sở quân): 89

雄 勇

Hùng-hổ: 84 (1)

雄 虎

Hùng-lực (sở quân): 88, 92

雄 力

Hùng-nghĩa (sở quân): 85

雄 義

Hùng-oai (vệ): 88

雄 威 (衛)

Hùng-thắng (sở quân): 87

雄 勝

Hưng-vũ: 84 (1)

興 武

Hữu (sở quân): 92

右 (所 軍)

Hữu-ban: 10

右 班

Hữu-dụ-đức: 52, 104

右 諭 右

Hữu Dực-thánh-quân: 11

右 翊 聖 軍

Hữu-hình: 7

右 刑

Hữu Tán-thiện: 52, 105

右 贊 善

Hữu Thánh-dực: 12

右 聖 翊

Hữu Thứ-tử: 51, 52, 103

右 庶 子

Hữu-trung-doãn: 51, 52

右 中 允

Hữu-vệ: 92

右 衛

Hữu Xuân-phường (cơ quan):

50, 51, 52, 103, 104

右 春 坊

Hữu Xuân-phường (quan chức):

右 春 坊 52, 104

K

Kiểm Hiệu Bình Chương Quân

Quốc Trọng Sự: 5

檢 校 平 章 軍 國 重 事

Kiểm Hiệu Đặc Tiến Khai Phủ

Nghi Đông Tam Ty Bình

Chương Sự: 5

檢 校 特 進 開 府 儀 同 三 司

平 章 事

Kiểm-pháp: 7, 17

檢 法

Kiến-an-vệ: 84, 85

建 安 衛

Kiến-huân (vệ): 88

建 勳 (衛)

Kiến-nghĩa (sở quân): 85

建 義

Kiến-kỳ (sở quân): 87

建 旗

Kiến-vũ (sở quân): 86

健 武

Kiệt-trung Tướng-quân: 114,

竭 忠 將 軍 143

Kiều-kỵ (vệ): 86

驍 騎 (衛)

Kiều-kỵ-úy: 141

驍 騎 尉

Kiều-thắng (sở quân): 87

驍 勝

Kiều-tiếp (vệ): 87

驍 捷 (衛)

Kiều-vũ: 84 (1)

驍 武

Kiều-quan (sở quân): 92

翹 關

Kiêu-hùng (sở quân): 86
 矯雄
 Kim-đao (ti): 91
 金刀 (司)
 Kim-ngô-vệ Đại Tướng-quân: 9
 金吾衛大將軍
 Kim-ngô-vệ Tráng-sĩ: 90, 91
 金吾衛壯士
 Kim-ngô-vệ Vũ-sĩ: 90-91
 金吾衛武士
 Kim-quang-lực-sĩ: 90-91
 金光力士
 Kinh-lịch (năm phủ): 107
 經歷
 Kinh-lịch (ở Ngự-sử-đài): 109
 經歷
 Kinh-lịch-ti: 98 ; 109
 經歷司
 Kinh-nghĩa (sở quân): 84 (1)
 勁義
 Kinh-nỗ (ti): 91
 勁弩 (司)
 Kinh-nỗ (sở quân): 92
 勁弩
 Kinh-sự-lang: 108
 勁事郎
 Kinh-sự tá-lang: 108, 109
 勁事佐郎
 Kinh-tiết (sở quân): 92
 勁節
 Kinh-tiết Tướng-quân: 114
 勁節將軍
 Kinh-uy (sở quân): 92
 勁威
 Kỳ-bài (ti): 91
 旗牌 (司)
 Kỳ-thủ (ti): 91
 旗手 (司)

KH

Khai quốc Thượng-tướng quân:

開國上將軍 111
 Khai-sơn (sở quân): 86
 開山
 Khai-sơn (vệ): 89
 開山 (衛)
 Khắc-địch (sở quân): 88
 克敵
 Khắc-tiếp (sở quân): 92
 克捷
 Khâm-hình: 69 (2)
 欽刑
 Khâm-nhĩ (sở quân): 85
 欽遵
 Khâm-mạng (quan): 161
 欽命
 Khinh-xa-úy: 141
 輕車尉
 Khóa-sơn (sở quân): 85
 跨山
 Khổ-sứ: 110
 庫使
 Khống-hạc (sở quân): 92
 控鶴
 Khống-quyền (sở quân): 86
 控拳
 Khống-vân (sở quân): 85
 控雲
 Khu-mật-viện: 5, 16
 樞密院
 Khu-mật Tả Hữu Sứ: 9
 樞密左右使
 Khu-mật-viện Tham Nghị Triều
 Sự: 5; 16
 樞密院參議朝事
 Khuyến-nông-sứ: 79, 110
 勸農使
 Khuông-mỹ-doãn: 141
 匡美尹
 Khuông-mỹ Thiếu-doãn: 141
 匡美少尹

Khước-địch (sở quân): 89
卻 敵

L

Lạc-hoan (sở quân): 89
落 驩

Lạc-xương (vệ): 88
樂 昌 (衛)

Lại-bộ: 6, 16, 52, 53-56, 77,
吏 部 121, 159

Lại-bộ Tả và Hữu Thị-lang:
53-56

吏 部 左 右 侍 郎

Lại-bộ Thượng-thư: 53-56
吏 部 尚 書

Lại-diên: 115, 116 (5), 123
吏 典

Lại-khoa: 13 (1), 54, 97, 121
吏 科

Lại-sử: 115, 116, 123
吏 史

Lang-trung: 17, 52, 54, 57,
郎 中 61, 66, 69, 72,
107, 108

Lao-kiên (sở quân): 85
牢 堅

Lão-hạng: 79
老 項

Lãng-ba (ti): 91
凌 波 (司)

Lãng-giang (sở quân): 89
凌 江

Lãng-tiêu (sở quân): 85, 92
凌 霄

Lãng-vân (sở quân): 87
凌 雲

Lâm kahng (vệ): 86
臨 康 (衛)

Lãm-hi-thự 75
驛 犧 署

Lập-sĩ-lang: 110
立 仕 郎

Lập-sĩ-thứ-lang: 110
立 仕 庶 郎

Lễ-bộ: 6, 16, 52, 58, 61-65,
禮 部 67, 77, 97

Lễ-bộ Thượng-thư: 61-65
禮 部 尚 書

Lễ-bộ Tả và Hữu Thị-lang:
禮 部 左 右 侍 郎
61-65

Lễ-bộ Tư-vụ-sảnh: 61, 65
禮 部 司 務 廳

Lễ-khoa: 13 (1), 97
禮 科

Lệnh-nhân: 125 - 128, 131
令 人

Lịch-sứ chính: 142
歷 使 正

Liệt-diện (sở quân): 86
烈 電

Liệt Phu-nhân: 126
列 夫 人

Loan-giá (ti): 91
鑿 駕

Loan-hồ (sở quân): 86
鑿 孤

Loan-liễn (sở quân): 88
鑿 輦

Long-dực: 10
龍 翊

Long-tiếp: 10
龍 捷

Lộ-quân: 12
路 軍

Lôi-hỏa (sở quân): 84 (1)
雷 火

Lôi-oai (vệ): 87
雷 威 (衛)

Lôi-oanh (sở quân): 87
雷 轟

Lục-đinh : 84 (1)
六丁
Lục-khoa : 13, 96, 97, 108
六科
Lục-phẩm (Văn-giai) : 107, 144,
六品 (文階) 146
Lục-phẩm (Võ-giai) : 114, 144
六品 (武階)
Lục-tự : 105, 106, 108
六寺
Lữ : 8
旅
Lực-sĩ (ti) : 91, 113
力士 (司)
Lực-sĩ Hiệu-úy : 113
力士校尉
Lược-hà (sở quân) : 85
略選
Lượng Quốc-sứ : 129, 130, 139
亮國使
Lưu-thủ Tuần-tượng-vệ : 84, 85
留守馴象衛
Lưu thủ vệ : 84
留守衛

M

Mã-cứu (ti) : 91
馬廐 (司)
Mã-nhàn (vệ) : 90, 92, 99
馬閒 (衛)
Mại-nghĩa (sở quân) : 85
邁義
Mãnh-diện (sở quân) : 84
猛電
Mãnh-đột (sở quân) 85, 89
猛突
Mãnh-hồ : 84 (1)
猛虎
Mao-đầu (sở quân) : 88
旄頭
Mặt-viện Tham-tri : 2, 3, 5, 16

密院參知
Mậu-ân-sứ : 139
茂恩使
Mậu-lâm-lang : 107, 130, 143
茂林郎
Mậu-lâm-tá-lang : 108, 130,
茂林佐郎 131, 143
Minh-dực Tướng-quân : 112, 143
明翼將軍
Minh-hình Thanh-lại-ti : 69
明刑清吏司
Minh-ý Tướng-quân : 112
明熱將軍
Minh-nghị (vệ) : 86
明毅 (衛)
Minh-nghĩa (sở quân) : 84 (1)
明義
Minh-quyết Tướng-quân : 112
明決將軍
Minh-tiên (ti) : 91
鳴鞭 (司)
Minh-uy (ti), 91
明威 (司)
Môn-hạ-tỉnh : 2, 3, 15, 48
門下省

N

Nam (tước) : 129, 130, 137;
139, 147
男 (爵)
Nam Bắc quân ban : 8, 11
南北軍班
Nam-đạo : 9
南道
Nam-khoa : 13
南科
Nam-quân-phủ : 81, 88, 98
南軍府
Ninh-quốc (vệ) : 89
寧國 (衛)

Ninh-sóc (sở quân) : 87

寧朔

Nội-mật-viện : 5, 16

內密院

Nội-thị-tĩnh : 2, 3, 15

內侍省

NG

Ngân-đao (ti) : 91

銀刀 (司)

Ngân-thanh Tuyên-lộc Đại-phu :

銀靑宣祿大夫 103

Ngân-thương (ti) : 91

銀鎗 (司)

Nghệ-an Tuần-tượng-vệ : 84

乂安馴象衛

Nghệ-an vệ : 84

乂安衛

Nghi-chế Thanh-lại-ti : 61

儀制清吏司

Nghi-hóa (sở quân) : 85

宜化

Nghi-nhân : 126, 127, 128,

宜人 133

Nghi-vệ (ti) : 91, 98

儀衛 (司)

Nghĩa-dũng (sở quân) : 89

義勇

Nghĩa-dinh : 84 (1)

義丁

Nghĩa-thắng (sở quân) : 89

義勝

Nghiêm-dũng (vệ) : 87

嚴勇 (衛)

Ngoại-trực (ti) : 91

外直 (司)

Ngọc-kiềm (vệ) : 86

玉鈐 (衛)

Ngu-hành Thanh-lại-ti : 71 (3)

虞衛清吏司

Ngũ : 8, 82

伍

Ngũ-thành binh-mã (ti) : 91

五城兵馬 (司)

Ngũ-hình-viện : 7

五刑院

Ngũ-kinh Bác-sĩ : 77

五經博士

Ngũ-kinh Giáo-thụ : 109

五經教授

Ngũ-phẩm (Văn-giai) : 105, 144,

五品 (文階) 146

Ngũ-phẩm (Võ-giai) : 113, 144,

五品 (武階)

Ngũ-thành binh-mã (ti) : 98

五城兵馬 (司)

Ngục-thừa : 98, 110

獄丞

Nguyên-súy : 9

元帥

Ngự-địch (sở quân) : 89

御敵

Ngự-dụng (giám) : 98

御用 (監)

Ngự-long : 10

御龍

Ngự-sử-đài : 13-14, 55 70, 96

97 - 100, 103, 104, 105,

108, 109, 110, 121

御史臺

Ngự-tiền lục quân : 11

御前六軍

Ngự-tiền tam-cuộc : 6, 7, 17

御前三局

Ngự-tiền trung-quân : 11

御前中軍

Ngự-tiền võ-sĩ : 11

御前武士

Ngự-tiền vũ-đội : 11

御前武隊

Ngự-sử Trung-tán : 14

御史中贊

NH

Nhân-oai (sở quân): 87

仁威

Nhất-bách-bộ: 93, 95

一百戶

Nhất-phẩm (Văn-giai): 102, 145

一品 (文階)

Nhất-phẩm (Võ-giai): 111, 145

一品 (武階)

Nhị-phẩm (Văn-giai): 103, 145

二品 (文階)

Nhị-phẩm (Võ-giai): 111, 145

二品 (武階)

Nho Chỉ-huy (sứ): 116, 117

儒指揮 (使)

Nho-sinh : 123

儒生

Nhu-nhân : 131

柔人

Nhuệ-hỏa (sở quân): 84 (1)

銳火

O

Oai-dũng (sở quân): 86

威勇

Oai-điện (sở quân): 86

威電

Oai-hỏa : 84 (1)

威火

Oai-hồ : 84 (1)

威虎

Oai-nghĩa : 84 (1)

威義

Oai-nhuệ : 92

威銳

Oai-phong (sở quân): 92

威鋒

Oai-viễn (sở quân): 87

威遠

Oanh-thiên : 87

轟天

Ô-thổ : 10

於兔

PH

Phấn-điện (sở quân): 86

奮電

Phấn-lực Tướng-quân : 114,

奮力將軍 143

Phấn-mãnh (sở quân): 92

奮猛

Phấn-nhuệ (sở quân): 92

奮銳

Phấn-oai (vệ): 86

奮威 (衛)

Phấn-trung (sở quân): 85

奮忠

Phê-cang (sở quân): 86

批亢

Phi-kỵ (ti): 91

飛騎 (司)

Phi-kỵ-úy: 141

飛騎尉

Phi-sơn (sở quân): 92

飛山

Phi-thạch (sở quân): 92

飛石

Phi-ưng (sở quân): 88

披鷹

Phiêu-kỵ Thượng Tướng-quân :

驃騎上將軍 9

Phò-mã đô-úy: 149

駙馬都尉

Phó Bật trực-lệnh: 142

副弼直令

Phó Đô Ngự-sử: 97, 104

副都御史

Phó Đô-tri: 113

副都知

Phó Hiệp-lượng-lệnh : 142

副協諒令

Phó Lịch-sứ-chính : 142

副 歷 使 正

Phó Quản-lãnh : 82, 86, 89, 114

副 管 領

Phó-quân : 90

副 軍

Phó Sùng-liêm-chính : 142

副 崇 廉 正

Phó-sứ : 7, 78, 110

副 使

Phó Thị-trung-lệnh : 142

副 侍 中 令

Phó Thuần-lương-chính : 142

副 純 良 正

Phó Thiên-hộ : 93, 114

副 天 戶

Phó Tổng-binh-quan : 96

副 總 兵 官

Phó Trung-úy : 114

副 中 尉

Phó Tu-sức-chính : 142

副 修 飭 正

Phó-tướng : 5

副 將

Phó Võ-úy : 82, 86, 89

副 武 尉

Phong-đoàn-đô : 12

鋒 團 都

Phòng-ngự-sứ : 114

防 御 使

Phổ-chính : 110

舖 正

Phù-liễn-đô : 10

扶 輦 都

Phù-tấn (sở quân) : 87

晷 迅

Phủ : 81-82

府

Phủ-doãn : 99

府 尹

Phụ-quốc Thái-úy : 4, 16

輔 國 太 尉

Phục-ba (ti) : 91

伏 波 (司)

Phục-hùng (sở quân) : 89

伏 熊

Phục-tàng (sở quân) : 92

伏 藏

Phủng-thánh-quân : 11

捧 聖 軍

Phủng-thánh (vệ) : 84 (1)

捧 聖 (衛)

Phụng-công Đại-phu : 103

奉 公 大 夫

Phụng-huấn Đại-phu : 103

奉 訓 大 夫

Phụng-lệnh (ti) : 91

奉 令 (司)

Phụng Quốc - sứ : 129, 130,

奉 國 使 139

Phụng-thần (vệ) : 84 (1)

奉 宸 (衛)

Phụng-thiên (sở quân) : 92

奉 天

Phụng-thiên Huyện-úy : 108

奉 天 縣 尉

Phụng-thiên Phủ-doãn : 105

奉 天 府 尹

Phụng-thiên Thiếu-doãn : 107

奉 天 少 尹

Phụng-trực (quân) : 82, 99

奉 直 (軍)

Phụng-trực Đại-phu : 103, 143

奉 直 大 夫

Q

Quả-cảm (sở quân) : 88

果 敢

Quả-cảm Tướng-quân : 114

果 敢 將 軍

Quả-lực Tướng-quân : 114

果 力 將 軍

Quả-nghị Tướng-quân : 143
 耿毅將軍
 Quán-cách (sở quân): 89
 貫革
 Quán-giáp (sở quân): 89
 貫鉞
 Quán-trung Tướng-quân : 113
 貫忠將軍
 Quản-giáp : 8
 管甲
 Quản-lĩnh (lãnh): 82-89, 113,
 管領 114, 125, 128
 Quang-khiêm Đại-phu: 103
 光謙大夫
 Quang-lộc-tự: 53, 74, 75
 光祿寺
 Quang - lượng Đại-phu: 103
 光亮大夫 143
 Quang-tiến Đại-phu: 103
 光進大夫
 Quảng-oai Tướng-quân: 113
 廣威將軍
 Quảng-thánh: 10
 廣聖
 Quảng-vũ: 10
 廣武
 Quảng-vũ (vệ): 86
 廣武 (衛)
 Quân: 8, 11
 軍
 Quân-hạng: 79, 81
 軍項
 Quân Phụng-trực: x. Phụng-
 trực (quân)
 Quân - vụ Thanh-lại-ti: 65-66,
 軍務清史司 67-68
 Quận-chúa: 129, 130
 郡主

Quận-chúa Nghi-tân: 140
 郡主儀賓
 Quận-công: 125, 126, 127, 139,
 郡公 143, 147, 149, 152
 Quận Phu-nhân: 125, 126, 127/
 郡夫人 130
 Quận-quân: 129, 130
 郡君
 Quận Thượng-chúa: 129, 130
 郡上主
 Quận Thượng-chúa Nghi-tân:
 郡上主儀賓 140
 Quý-trương (sở quân): 92
 蹇張
 Qui-dức-vệ: 84
 歸德衛
 Qui-nghĩa (sở quân): 87
 歸義
 Quý-lâm (sở quân): 92
 跪林
 Quyết-bài trung-sở: 89
 決牌中所
 Quyết-kỳ (sở quân): 87
 決奇
 Quyết-thắng (sở quân): 89
 決勝
 Quốc-công: 9, 125, 126, 127,
 130, 139, 147, 149, 152
 國公
 Quốc Phu-nhân: 125, 127, 130
 國夫人
 Quốc-sử-viện: 6, 17, 78, 109
 國史院
 Quốc-sử-viện Biên-lục: 78, 109
 國史院編錄
 Quốc-sử-viện Tu-soạn: 78, 109
 國史院修撰
 Quốc-tử-giám: 6, 7, 17, 76-78,
 國子監 105, 106, 109

Quốc-tử-giám Tế-tửu : x. Tế-tửu
國子監祭酒

Quốc-tử-giám Tư-nghiệp : x.
Tư-nghiệp
國子監司業

S

Sáu khoa : x. Lục-khoa

Sáu quân Ngự-tiền : 11

Sáu tự : x. Lục tự

Sâm-kỳ (sở quân) : 88
森旗

Sâm-tài (sở quân) : 92
森裁

Siêu-quan (sở quân) : 88
超關

Sinh-dược : 110
生藥

Sinh-dược Khố-sứ : 110
生藥庫使

Sở : 82, 83, 95, 113, 114
所

Sở Điền-mục : x. Điền-mục (sở)

Sở Đồn-diễn : x. Đồn-diễn (sở)

Sở quân : x. tr. 84-90, 92-94

Sở-sứ : 72, 78, 109, 110
所史

Sở Tàm-tang : x. Tàm-tang (sở)

Sở Thực-thái : x. Thực-thái (sở)

Sùng-ân-sứ : 139

崇恩使

Sùng-liêm-chính : 142
崇廉正

Sùng-oai (sở quân) : 85

崇威

Sùng-tiến Phụ-quốc Đại-tướng,
quân : 111

崇進輔國大將軍

Sùng-tiến Trấn-quốc Đại-tướng-
quân : 201

崇進鎮國大將軍

Sùng-tiến Trấn-quốc Thượng-
tướng quân : 111

崇進鎮國上將軍

Sùng-tiến Tuyên-lộc đại-phu : 143

崇進宣祿大夫

Sùng-văn-quán ; 46, 109, 123

崇文館

Súng-nỗ (sở quân) : 85

鎗弩

Súng-xạ (ti) : 91

鎗射 (同)

Sư-can (sở quân) : 92

師干

Sử-quán Biên-lục : x. Quốc-sử-
viện Biên-lục

史管編錄

T

Tá Quốc-sứ : 129, 130, 139

佐國使

Tả (sở quân) : 92

左 (所軍)

Tả-ban : 10

左班

Tả Dự-đức : 51, 104, 128

左諭德

Tả Dực-thánh-quân : 11

左翊聖軍

Tả Đô-đốc : 125, 126, 127

左都督

Tả-hình : 7, 17

左刑

Tả, Hữu Bộc Xạ : 5, 16
 左 右 仆 射
 Tả, Hữu Đô-đốc : 82-89, 111
 左 右 都 督
 Tả, Hữu Kiểm-điểm : 112
 左 右 檢 點
 Tả, Hữu Kim Ngô Thượng-
 tướng đại-tướng : 9
 左 右 金 吾 上 將 大 將
 Tả, Hữu Sứ : 5, 16
 左 右 使
 Tả, Hữu Tán-thiện : 105
 左 右 贊 善
 Tả, Hữu Tham Tri Chính Sự :
 5, 16
 左 右 參 知 政 事
 Tả, Hữu Thị-lang : 104
 左 右 侍 郎
 Tả, Hữu Thuyết-thư : 46
 左 右 說 書
 Tả, Hữu Thứ Tử : 103
 左 右 庶 子
 Tả, Hữu Trung-đoãn : 104
 左 右 中 允
 Tả, Hữu Túc-xa : 10
 左 右 宿 車
 Tả, Hữu Tư-giảng : 108
 左 右 司 講
 Tả, Hữu Tướng-quốc : 5, 16
 左 右 相 國
 Tả, Hữu Xuân-phường : 103-
 105
 左 右 春 坊
 Tả Tán-thiện : 51, 105
 左 贊 善
 Tả Thánh-dực : 12
 左 聖 翊
 Tả Thứ-tử : 50, 51, 103
 左 庶 子

Tả Trung-đoãn : 50, 51, 104,
 左 中 允 128
 Tả vệ : 92
 左 衛
 Tả Xuân-phường (cơ quan) :
 50-51, 52, 103, 105
 左 春 坊
 Tả Xuân-phường (quan chức) :
 51, 105
 左 春 坊
 Tài-lực (ti) : 91
 材 力 (司)
 Tài-quan (ti) : 91
 材 官 (司)
 Tam-cô : 95, 103, 111
 三 孤
 Tam-phàm (Văn-giai) : 104, 146
 三 品 (文 階)
 Tam-phàm (Võ-giai) : 112
 三 品 (武 階)
 Tam-phụ (sở quân) : 86
 三 輔
 Tam Thái : 95, 102, 111
 三 太
 Tàm-tang (sở) : 78, 99, 110
 蠶 桑
 Tàm-tang Phó-sứ : 78, 110
 蠶 桑 副 使
 Tàm-tang Sở-sứ : 78, 110
 蠶 桑 所 使
 Tản-quan : 134 (2), 143
 散 官
 Tấn-phi (sở quân) : 92
 迅 飛
 Tấn-thạch (sở quân) : 92
 迅 石
 Tận-tiết Tướng-quân : 114
 盡 節 將 軍
 Tây-đạo : 9
 西 道

- Tây-khoa : 13
 西 科
 Tây-quân-phủ : 81, 87, 99
 西 軍 府
 Tế-sinh-đường Khán-chàn : 64
 濟 生 堂 看 振
 Tế-sinh-đường Sứ : 64
 濟 生 堂 使
 Tế-tửu : 7, 17, 76
 祭 酒
 Tề-trướng : 2, 4, 5, 44, 48
 宰 相
 Ti : 82 (2), 86-95, 116. Cũng
 司 xem: ty
 Ti-ngghi-thự : 76
 司 儀 署
 Ti-túc (sở quân) : 88
 鮑 肅
 Tiền (sở quân) : 92
 前 (所 軍)
 Tiền Dực-thánh-quân : 11
 前 翊 聖 軍
 Tiền-hưng (sở quân) : 92
 前 興
 Tiển-công-lang : 110, 131, 143
 進 功 郎
 Tiển-công-thứ-lang : 110, 143
 進 功 庶 郎
 Tiển-dịch (sở quân) : 85
 剪 敵
 Tiển-sĩ : 116, 117, 120-121
 進 士
 Tiển-hùng (sở quân) : 89
 剪 雄
 Tiệp-hỏa (sở quân) : 84 (1)
 捷 火
 Tiều tồng-kỳ : 93
 小 總 旗
 Tiển-vệ : 92
 前 衛
 Tín-nghĩa : 84 (1)
 信 義
 Tín-oai (sở quân) : 87
 信 威
 Tín-vũ (sở quân) : 84 (1)
 信 武
 Tinh-kỵ (sở quân) : 89
 精 騎
 Tinh-mễ : 99
 精 米
 Tinh-việt (sở quân) : 87
 并 越
 Tinh-biên (sở quân) : 89
 靜 邊
 Tinh-biên hậu-sở : 89
 靜 邊 後 所
 Tinh-nan (sở quân) : 92
 靖 難
 Tinh-nhân : 131
 靜 人
 Tinh-tái (sở quân) : 88
 靜 塞
 Ty-kinh-cục : 50-51
 司 經 局
 Ty-kinh-cục Tây-mã : 50
 司 經 局 洗 馬
 Ty-môn-bộ : 69 (3)
 司 門 部
 Tỷ -bộ : 69 (3)
 比 部
 Toàn-hầu (sở quân) : 92
 掞 侯
 Toản-kim-đô : 11
 鑽 金 都
 Tòng bát-phẩm (Văn giai) : 109-
 110, 148
 從 八 品 (文 階)
 Tòng cửu-phẩm (Văn-giai) : 110,
 從 九 品 (文 階) 148
 Tòng lục-phẩm (Văn-giai) : 107

從六品 (文階) 148
Tông lục-phàm (võ-giai): 114,
117, 148
從六品 (武階)
Tông ngũ-phàm (văn-giai): 106,
123, 134
從五品 (文階)
Tông ngũ-phàm (võ-giai): 114,
123, 134, 148
從五品 (武階)
Tông nhất-phàm (văn-giai): 102-
103, 128, 131, 138, 148, 152
從一品 (文階)
Tông nhất-phàm (võ-giai): 111,
126, 130, 138, 148, 152
從一品 (武階)
Tông nhị-phàm (văn-giai): 103,
128, 131, 139, 148, 152, 153
從二品 (文階)
Tông nhị-phàm (võ-giai): 111-
112, 126, 131, 139, 148, 152
從二品 (武階)
Tông quan: 115 (1)
從官
Tông tam-phàm (văn-giai) 104,
128, 131, 133, 140, 148, 152
從三品
Tông tam-phàm (võ-giai): 112,
126, 131-133, 139-140, 148,
從三品 152
Tông thất-phàm (văn-giai): 108-
從七品 109
Tông tứ-phàm (văn-giai): 105
128, 131, 139-140, 148, 152
從四品
Tông tứ-phàm (võ-giai): 113,
128, 131, 139, 148
從四品
Tồi-kích (sở-quân): 92
摧擊

Tồi-kiên (sở-quân): 87
摧堅
Tồi-nhai (sở-quân): 85
摧崖
Tồi-phong (sở-quân): 89
摧鋒
Tồi-sơn (sở-quân): 92
摧山
Tông bát-phàm (văn-giai): 109-
從八品 110
Tông cửu-phàm (văn-giai): 110
從九品
Tông lục-phàm:
— (văn-giai): 107-108
— (võ-giai): 114
從六品
Tông ngũ-phàm:
— (văn-giai): 106
— (võ-giai): 113-114
從五品
Tông nhất-phàm:
— (văn-giai): 102-103
— (võ-giai): 111
從一品
Tông nhị-phàm:
— (văn-giai): 103
— (võ-giai): 111-112
從二品
Tông tam-phàm:
— (văn-giai): 104
— (võ-giai): 112
從三品
Tông thất-phàm (văn-giai): 108-
從七品 109
Tông tứ-phàm:
— (văn-giai): 105
— (võ-giai): 113
從四品
Tông-nhân-phủ: 103-104
宗人府
Tông-nhân-phủ Tả Hữu Tông

(nhân) chính: 103-104
 宗人府左右宗(人)正
 Tông-nhân-phủ Tông-nhân-lệnh:
 103
 宗人府宗人令
 Tông-hậu (sở): 92
 送後(所)
 Tông-binh (quan): 96, 112-113,
 總兵 122
 Tông-binh Đồng-tri: 112
 總兵同知
 Tông-binh Thiêm-sự: 113
 總兵僉事
 Tông-bộ: 69 (3)
 總部
 Tông-kỳ: 82, 93
 總旗
 Tông-lãnh: x. Tông-quản
 總領
 Tông-quản: 10, 11, 12, 113, 125
 總管
 Tông-quản lãnh: x. Tông-quản
 總管領
 Tông-quản khu-mật-sứ: 9
 總管樞密使
 Tông Quản Tri Quân Dân: 4, 16
 總管知軍民
 Tông-tri: 82-89, 126
 總知
 Tót: 8
 卒
 Tu-soạn: 6, 78
 修撰
 Tu-súc-chính: 142
 修飭正
 Tu-thận-doãn: 141
 修慎尹
 Tu-thận Thiếu-doãn: 141
 修慎少尹
 Tú-lâm-cục: 46, 109, 123
 秀林局

Tuần-ti (sở): 59, 60
 馴司(所)
 Tuần-tượng (vệ): 90, 92, 99
 馴象(衛)
 Tuấn-lâm-lang: 107
 俊林郎
 Tuấn-lâm-tá-lang: 108
 俊林佐郎
 Tuấn-sĩ (ti): 91, 123
 俊士(司)
 Túc-nhân: 131
 肅人
 Túc-quan (sở quân): 92
 肅閫(所軍)
 Túc-vệ: 10, 11
 宿衛
 Tuyên-đạt (cục): 99
 宣達(局)
 Tuyên-đạt trụ: 99
 宣達廚
 Tuyên-oai (vệ): 89
 宣威(衛)
 Tuyên-trung (vệ): 90, 92
 宣忠(衛)
 Tư: x. Thông-tư
 資
 Tư-chánh-khanh: 141
 資正卿
 Tư-chánh Thượng-khanh: 141
 資正上卿
 Tư-giảng: 108
 司講
 Tư-hình: 7, 17
 司刑
 Tư-huấn: 47, 109, 123
 司訓
 Tư-nghiệp: 7, 17, 76, 106
 司業
 Tư-thiên-giám: 62, 64
 司天監
 Tư-thiên-giám Điền-thư: 64

司 天 監 典 書
 Tư-thiên-giám Giám-phó: 64
 司 天 監 監 副
 Tư-thiên-giám Tư-thiên lệnh: 64
 司 天 監 司 天 令
 Tư-vụ: 52, 55, 57, 62, 66, 69,
 司 務 98, 109
 Tư-vụ-sảnh: 52, 98
 司 務 廳
 Tư-vụ-tĩnh: x. Tư-vụ-sảnh

 Tứ-phẩm (văn-giai): 104, 156
 四 品 (文 階)
 Tứ-phẩm (võ-giai): 112-113
 四 品 (武 階)
 Tứ-thánh: 10
 四 聖
 Tứ-thần: 10
 四 神
 Tứ-thiên: 10
 四 天
 Tử (tước): 129, 130, 137, 138,
 子 (爵) 147
 Tự: 52
 寺
 Tự-ân-sứ: 140
 敘 恩 使
 Tự-khanh: 53, 74, 105, 128
 寺 卿
 Tự Phu-nhân: 126, 130, 132
 序 夫 人
 Tự-thân-vương: 129, 130, 138,
 嗣 親 王 147, 152
 Tự-thừa: 53, 74, 108
 寺 丞
 Tương-sĩ-lang: 110, 143
 將 仕 郎
 Tương-sĩ thứ-lang: 110, 143
 將 仕 庶 郎

Tường-hình: 7, 17, 69
 詳 刑
 Tướng quân: 95
 將 軍
 Tướng Quốc: 5, 16, 44
 相 國
 Tượng cuộc: 72
 象 局
 Tượng-cứu (ti): 91
 象 殿 (司)
 Tựu-lãng (sở quân): 92
 就 浪 (所 軍)

TH

Thạc-nhân: 125, 126, 127, 130
 碩 人
 Thái-bảo: 102, 126
 太 保
 Thái-bốc-thự: 75
 太 卜 署
 Thái-bộc-tự: 53, 74, 75
 太 僕 寺
 Thái-chúc-viện: 6-7, 17
 太 祝 院
 Thái-y-thự: 75
 太 醫 署
 Thái-y-viện: 62, 64
 太 醫 院
 Thái-y-viện Biện-kiêm: 64
 太 醫 院 辨 檢
 Thái-y-viện Đại-sứ: 64
 太 醫 院 大 使
 Thái-y-viện Ngự-y-chánh: 64
 太 醫 院 御 醫 正
 Thái-y-viện Ngự-y-phó: 64
 太 醫 院 御 醫 傅
 Thái-y-viện Viện-sứ: 64
 太 醫 院 院 使
 Thái-miếu-thự: 75
 太 廟 署

Thái-nhạc-thự : 75
 太樂署
 Thái-phó : 102
 太傅
 Thái-sư : 102
 太師
 Thái-sử-lệnh : 7, 17
 太使令
 Thái-sử-viện : 7, 17
 太使院
 Thái-thường-tự : 74, 75
 太常寺
 Thái-tử : 49-52
 太子
 Thái-tử Tam Thái : 102-103
 太子三太
 Thái-tử Tam Thiếu : 103
 太子三少
 Thái-tử Thái-bảo : 102, 128, 133
 太子太保
 Thái-tử Thái-phó : 102
 太子太傅
 Thái-tử Thái-sư : 102
 太子太師
 Thái-tử Thiếu-bảo : 103
 太子少保
 Thái-tử Thiếu-phó : 103
 太子少傅
 Thái-tử Thiếu-sư : 103
 太子少師
 Thái-úy : 95, 111
 太尉
 Tham chính : 105, 126
 參政
 Tham-ngự : 106, 128, 133
 參議
 Tham-tri Chính-sự : 5
 參知此事
 Tham-tướng : 96
 參將

Thám-hoa : 117
 探花
 Thanh-đạo (ti) : 91
 清道(司)
 Thanh-hình Thanh-lại-ti : 69
 清刑清史司
 Thanh-hóa Tuần-tượng-vệ : 84,
 清化馴象衛 85
 Thanh-hóa vệ : 84
 清化衛
 Thanh-lại-ti : 52
 清吏司
 Thanh-lộ (ti) : 91
 清路(司)
 Thanh-sóc (vệ) : 89
 清朔(衛)
 Thành-môn (vệ) : 114
 城門(衛)
 Thành-nhạc (sở quân) : 92
 城岳
 Thánh-dực : 12
 聖翊
 Thăm-hình-viện : 7, 17
 審刑院
 Thân Công-chúa : 138
 親公主
 Thân-quân : 10
 親軍
 Thân-vệ Tướng quân : 9
 親衛將軍
 Thân-vương : 129, 130, 138,
 親王 147, 152
 Thần-cực (sở quân) : 92
 辰極
 Thần-cương (sở quân) : 85
 神剛
 Thần-dũng (sở quân) : 85
 神勇
 Thần-dực : 10
 神翊

Thần-dực (sở quân): 88
神翊 (所軍)
Thần-diện (sở quân): 92
神電
Thần-dinh: 84 (1)
神丁
Thần-hoạch (sở quân): 85
神畫
Thần-hồ: 84 (1)
神虎
Thần-hùng (sở quân): 85
神雄
Thần-khôi (sở quân): 85
神魁
Thần-kính (sở quân): 85
神勁
Thần-loan (sở quân): 88
神鑿
Thần-lực (sở quân): 85, 88
神力
Thần-lược (sở quân): 85
神略
Thần-nỗ (sở quân): 92
神弩
Thần-phong (sở quân): 85
神鋒
Thần-sách (vệ): 90, 92, 98
神策 (衛)
Thần-thắng (sở quân): 92
神勝
Thần-tí (ti): 91, 98
神臂 (司)
Thần-tích (sở quân): 85
神績
Thần-tiến (sở quân): 92
神箭
Thần-uy (ti): 91
神威 (司)
Thần-vũ (sở quân): 10, 84 (1)
神武 (所軍)

Thần-vũ (vệ): 90, 92, 114
神武 (衛)
Thần-xạ (ti): 91
神射 (司)
Thận-hình Thanh-lại-ti: 69
慎刑清吏司
Thận-nhân: 131, 133
慎人
Thập-đạo-quân: 8, 11
十道軍
Thập-đạo Tướng-quân: 9
十道將軍
Thất phẩm (văn-giai): 108, 145
七品 (文階)
Thị-độc: 4
侍讀
Thị-giảng: 4
侍講
Thị-hậu (quân): x. Thị-vệ
侍後 (軍)
Thị-lang: 3, 15, 52, 104
侍郎
Thị Ngự-sử: 14
侍御史
Thị-trung-lệnh: 142
侍中令
Thị-vệ: 10, 156
侍衛
Thị-vệ (cục): 99
侍衛 (局)
Thích-xà (sở quân): 87
刺蛇
Thiên Đô Ngự-sử: 97, 105
僉都御史
Thiên-sự: 106
僉事
Thiên Tông-tri: 82-89, 126,
僉總知 127
Thiên-chính (cương): 12
天罡

Thiên-dịnh : 84 (1)
 天 定
 Thiên-hộ (quan chức) : 93, 113
 天 戶 (官 職)
 Thiên-hộ (sở) : 93, 95
 千 戶 (所)
 Thiên-hùng : 84 (1)
 天 雄
 Thiên-khôi : 84 (1)
 天 魁
 Thiên-mã (ti) : 91
 天 馬 (司)
 Thiên-oai (sở quân) : 84 (1)
 天 威 (所 軍)
 Thiên-oai (vệ) : 90, 92
 天 威 (衛)
 Thiên-thuộc : 12
 天 屬
 Thiên-tiết (sở quân) : 84 (1)
 天 節
 Thiên-trường (sở quân) : 88
 天 長
 Thiên-tử-quân : 10
 天 子 軍
 Thiên-uy (Cấm quân) : 10
 天 威 (禁 軍)
 Thiết-đột ngũ vệ : 113
 鈇 突 五 衛
 Thiết-giáp : 10
 鈇 甲
 Thiết-hồ (sở quân) : 86
 鈇 虎
 Thiết-kỵ-úy : 141
 鈇 騎 尉
 Thiết-liêm : 10
 鈇 鎌
 Thiết-ngạch (sở quân) : 10, 87
 鈇 額
 Thiết-sơn (sở quân) : 87
 鈇 山

Thiết-thương : 10
 鈇 鎗
 Thiểu-bảo : 103, 111, 128
 少 保
 Thiểu-khanh : 53, 74, 107
 少 卿
 Thiểu-phó : 103, 111
 少 傅
 Thiểu-sư : 103, 111
 少 師
 Thiểu-úy : 111
 少 尉
 Thông chính-sứ : 72, 105
 通 政 使
 Thông-chính-ti : 76, 105, 106
 通 政 司
 Thông-chương Đại - phu : 103,
 通 章 大 夫 143
 Thông-lại : 116, 117
 通 吏
 Thông-lễ Đại-phu : 103
 通 禮 大 夫
 Thông-nghị Đại-gphu : 103
 通 議 大 夫
 Thông-phán : 109
 通 判
 Thông-tư : 144
 通 資
 Thời-lôi-quân : 11
 震 雷 軍
 Thủ-bị : 96
 守 備
 Thủ-lại : 116
 守 使
 Thủ-ngự (ti) : 91, 93
 守 禦 (司)
 Thủ-ngự Kinh-lược-sứ (sở) : 94
 守 禦 經 略 使 (所)
 Thuần-lương-chính : 142
 純 良 正

Thuận-nhân : 125, 127, 128
順人
Thuận-quốc (sở-quân): 87
順國
Thục-nhân : 125, 126, 127
淑人
Thuế-sứ : 110
稅使
Thủy-dạ-thoa-đô : 11
水夜次都
Thủy-quân (vệ): 90, 92
承軍 (衛)
Thuyên-khảo Thanh-lại-ti : 53
銓考清吏司
Thứ-phi (sở quân): 92
次飛
Thừa-chính-sứ : 104
承政使
Thừa-sự-lang : 108
承事郎
Thừa-sự-tá-lang : 109
承事佐郎
Thừa-ti : 99, 104, 105, 119,
承司 121
Thực-thái (sở): 78, 99, 110
植菜 (所)
Thực-thái Sở-sứ : 78, 110
植菜所使
Thước-kích (sở quân): 89
鵠擊
Thượng-ban : 145
上班
Thường-bảo-tự : 53, 74, 76,
常寶寺 105
Thượng-chế : 145
上制
Thượng-giai : 145
上階
Thượng-hộ-quân : 141
上護, 軍

Thượng-y (giám) : 99
上醫 (監)
Thượng khinh Xa-úy : 141
上輕車尉
Thượng-liên : 145
上聯
Thượng-thận-đô : 11
上慎都
Thượng-thư : 6, 52, 104
尚書
Thượng-thư-lệnh : 2
尚書令
Thượng-thư-tỉnh : 2, 15, 48
尚書省
Thượng-trật : 145
上技
Thượng - trụ - quốc : 141, 144
上柱國
Thượng-tuyên : 145
上選
Thượng-tư : 144
上資
Thượng-tự : 145
上寺
Thượng Tướng-quân : 9
上將軍
Thượng xá-sinh : 77
上舍生

TR

Tráng-do (sở quân): 92
壯猶
Tráng-dũng (sở quân): 86
壯勇
Tráng-đinh : 84 (1)
壯丁
Tráng-hạng : 79, 81
壯項
Tráng-nghị (sở quân) : 92
壯毅

- Tráng-nỗ (ti) : 91
 壯弩 (司)
- Tráng-phong (sở quân) : 88
 壯鋒
- Tráng-sĩ (ti) : 91
 壯士 (司)
- Tráng-tạo (sở quân) : 88
 壯造
- Tráng tiết (vệ) : 88
 壯節 (郎)
- Tráng-tiết Tướng-quân : 114, 143
 壯節將軍
- Trạng-nguyên : 117
 元殿
- Trấn biên (sở quân) : 88
 鎮邊
- Trấn-dịch (sở quân) : 88, 92
 鎮敵
- Trấn-diện (ti) : 91
 鎮殿 (司)
- Trấn-lỗ (sở quân) : 88
 鎮虜
- Trấn-thủ : 96
 振守
- Tri-châu : 109
 知州
- Tri-chế-cáo : 4
 知制告
- Tri-huyện : 109
 知縣
- Tri-phủ : 108
 知府
- Tri-tư-sự : 3, 15
 知司事
- Trì-oai (uy) Tướng-quân : 113
 馳威將軍 143
- Triều-đoan Đại-phu : 105
 朝端大夫
- Triều-liệt Đại-phu : 105, 130
 朝列大夫 143
- Triều-tĩnh Đại-phu : 105
 朝靖大夫
- Trinh kiện (sở quân) : 88
 貞健
- Trinh-nhân : 125, 126, 127,
 真人
- Tróc-sinh (ti) : 91
 捉生 (司)
- Trụ-quốc : 141, 144
 柱國
- Trung (sở quân) : 92
 中 (所軍)
- Trung-ban : 145
 中班
- Trung-chế : 145
 中制
- Trung-doãn : 104
 中允
- Trung-giai : 145
 中階
- Trung-hộ Đại-phu : 105
 中憲大夫
- Trung-liên : 145
 中聯
- Trung-liệt : 145
 中列
- Trung-oai (sở quân) : 86
 中威
- Trung-quân : 8
 中軍
- Trung-quân-phủ : 81, 83-85, 98
 中軍府
- Trung-thuận Đại-phu : 105
 憲順大夫
- Trung-thư-khoa : 13
 中書科
- Trung-thư-giám : 47-48, 107
 中書監
- Trung-thư-giám Chính-tự : 48
 中書監正字
- Trung-thư-giám Điền-thư : 48
 中書監典書 107
- Trung-thư-giám Xá-nhân : 48,
 中書監舍人 107
- Trung-thư-lệnh : 3, 15, 48
 中書令

Trung-thư-tĩnh : 3, 15, 48
中書省
Trung-trật : 145
中秩
Trung-trình Đại-phu : 105, 130,
中頁大夫 143
Trung-tuyền : 145
中選
Trung-tư : 144
中資
Trung-tự : 145
中字
Trung-úy : 114
中尉
Trung-xá-sinh : 77
中舍生
Trúc-dũng (sở quân) : 89
著勇
Trực-dăng (sở quân) : 86
直盪
Trực-giảng : 7
直講
Trực Học-sĩ : 4
直學士
Trực-quan (sở-quân) : 92
直關
Trực-quang (sở quân) : 92
直光
Trùng-hải : 10
澄海
Trùng-hồ (sở quân) : 85
長孤
Trùng-kỹ (sở quân) : 92
長技
Trùng-thương (ti) : 91
長鎗 (司)
Trùng-sử : 108
長史

U

Uy : x. Oai
Uy-dung (sở quân) : 92

威勇
Uy (oai) nhuệ (sở quân) : 92
威銳
Uy-tiếp : 10
威捷
Uy trảo (sở quân) : 92
威爪
Ứng-dương (vệ) : 87
鷹揚 (衛)
Ứng-bình (sở quân) : 86
鷹平
Ứng thiên (vệ) : 90, 92
鷹天 (衛)

V

Vạn-thắng (sở quân) : 89
萬勝
Vạn-thắng hữu sở : 89
萬勝右所
Vạn-tiếp (sở quân) : 87
萬捷
Vãn-huân : 140
文勳
Vãn-giai : 102, 140, 141, 143
文階
Vãn-dực (sở quân) : 92
雲翼
Vãn-dè (sở quân) : 88
雲提
Vãn-kỵ (sở quân) : 86
雲騎
Vãn-kỵ-úy : 141
雲騎尉
Vệ : 8, 10, 82, 83, 88, 96
衛 114, 116
Vệ-quân : 9, 10, 12
衛軍
Vệ Tướng-quân : 9
衛將軍
Viên-ngoại-lang : 52, 54-55, 57,
員外郎 61, 66, 69, 72, 108, 122

Võ-giai : 110-111, 140, 141,
武階 143
Võ-huân : 140
武勳
Võ-huân Tướng-quân : 112, 143
武勳將軍
Võ-lược Tướng-quân : 112
武略將軍
Võ-ngự Tướng-quân : 112
武毅將軍
Võ-úy : 114, 124
威尉
Võ-dịch (sở quân) : 89
無敵
Vũ-công (sở quân) : 92
武功
Vũ-khố Thanh-lại-ti : 65-66, 66.
武庫清吏司 67, 68
Vũ-kỵ (sở quân) : 88
武騎
Vũ-lâm (vệ) : 90, 92, 123
羽林 (衛)
Vũ-nghĩa (sở quân) : 85
武義
Vũ-oai (sở quân) : 86
武威

Vũ-tiếp : 10
武捷
Vũ-tuyền Thanh-lại-ti : 66 (1)
武選清吏司
Vua : 35, 43
Vương (tước) : 137-138
王 (爵)

X

Xa-giá Thanh-lại-ti : 66 (1)
車駕清吏司
Xá-nhân (ti) : 91
舍人 (司)
Xa-kỵ (vệ) : 84 (1)
車騎 (衛)
Xiết-diện (sở quân) : 87
掣電
Xuân-phường : 105
春坊
Xuyên-vân (sở quân) : 84, (1)
穿雲
Xung-chấn (sở quân) : 87
衝震
Xung-kiên (sở quân) : 85
衝堅
Xuy-kim (ti) : 91
吹金 (司)

MỤC-LỤC CÁC ĐỒ-BIỂU VÀ TRANH ẢNH

trang

1. Bảng kê các cơ-quan thuộc văn phòng bên cạnh vua qua các triều-đại trước Lê Thánh-tông	15
2. Bảng kê các cơ-quan đầu não tại triều đình qua các triều trước triều Lê Thánh-Tông	16
3. Bảng kê các cơ-quan chuyên-môn qua các triều trước triều Lê Thánh-tông	17
4. Bảng kê tổ-chức binh-bị của các triều trước triều Lê Thánh-tông	18
5. Bảng kê các cơ-quan kiểm.sát qua các triều trước triều Lê Thánh-tông	19
6. Hình chụp sắc phong ông Phạm Nhữ Tăng lãnh ấn tiên-phong của vua Lê Thánh-tông	28
7. Hình chụp vẽ tranh vẽ triều-đình Lê	36
8. Đồ biểu về cách tổ-chức bộ Lại	56
9. Đồ biểu về cách tổ-chức bộ Hộ	61
10. Đồ biểu về cách tổ-chức bộ Lễ	65
11. Đồ biểu về cách tổ-chức bộ Binh	68
12. Đồ biểu về cách tổ-chức bộ Hình	71
13. Đồ biểu về cách tổ-chức bộ Công	73
14. Hình chụp tranh vẽ việc huấn luyện quân sự triều Lê	80
15. Bảng kê các ti, vệ, sở thuộc Trung-quân-phủ	85
16. Bảng kê các vệ, sở thuộc Đông-quân-phủ	86
17. Bảng kê các vệ, sở thuộc Tây-quân-phủ	87
18. Bảng kê các vệ, sở thuộc Nam-quân-phủ	88
19. Bảng kê các vệ, sở thuộc Bắc-quân-phủ	89
20. Bảng kê các ti thuộc các vệ trong quân ngũ tại kinh-đô	91
21. Bảng kê một số vệ, sở chính tại kinh đô	92
22. Bảng kê một ít chi tiết về cách tổ-chức quân ngũ tại mỗi xứ trong nước	94
23. Bảng kê các loại tiền-sĩ	120

24. Bảng kê lệ truy phong tổ-phụ các Hoàng-hậu, Phi-tân . . .	127
25. Bảng kê lệ âm phong cho các con cháu vua	129
26. Bảng kê lệ truy phong và âm phong cho tổ-phụ, con cháu các quan viên công thần	132-3
27. Bảng kê huân-cấp và giai-cấp của các quan thường . . .	141
28. Bảng kê huân-cấp và giai-cấp của các quan ở nội-điện . .	142
29. Bảng kê huân-cấp và giai-cấp của những người được hàm tãn quan	143
30. Bảng kê bổng lộc cho các quan	149
31. Bảng kê về lệ cấp điền lộc cho các quan	152-3
32. Hình vẽ kiểu mộ địa của các quan	154
33. Bảng tổng kê về phẩm-tước, giai-cấp, huân-cấp, thông tư, bổng lộc và điền lộc	154
34. Hình chụp bài bia ở Chiêu-lăng	176

MỤC LỤC

	Trang
Lời tựa	IX
Vài lời nói đầu	XV
Bảng kê những chữ viết tắt	XXIX

CHƯƠNG DẪN NHẬP

1-34

TIẾT I: Vài nét đại-cương về cách tổ-chức chính quyền trung-ương của các triều trước Lê Thánh-tông	2
<i>Đoạn 1:</i> Các cơ-quan thuộc nền hành-chánh trung-ương	»
<i>Đoạn 2:</i> Nền binh-bị trung-ương	8
<i>Đoạn 3:</i> Các cơ-quan kiểm-sát	13
Kết luận	14
TIẾT II: Tiểu-sử vua Lê Thánh-tông và sự quan trọng của triều vua Lê Thánh-tông	21
<i>Đoạn 1:</i> Tiểu-sử vua Lê Thánh-tông.	»
<i>Đoạn 2:</i> Sự quan-trọng của triều vua Lê Thánh-tông trong lịch-sử Việt-Nam	32

CHƯƠNG I : NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU : VUA

35-43

TIẾT I: Quan-niệm thần quyền về vua	37
<i>Đoạn 1:</i> Quan-niệm chung của Đông-phương	
<i>Đoạn 2:</i> Trường hợp vua Lê Thánh-tông.	»
TIẾT II: Việc chọn người làm vua	38
<i>Đoạn 1:</i> Nguyên-tắc chung	»
<i>Đoạn 2:</i> Trường hợp vua Lê Thánh-tông.	»
TIẾT III: Quyền-hạn và nhiệm-vụ của vua	40
<i>Đoạn 1:</i> Quan-niệm chung của Đông-phương về quyền-hạn và nhiệm-vụ của vua	»
<i>Đoạn 2:</i> Sự xác-nhận quyền-hạn và nhiệm-vụ trên của vua Lê Thánh-tông	41

CHƯƠNG II : CÁCH TỔ-CHỨC CÁC CƠ-QUAN

THUỘC CHÍNH-QUYỀN TRUNG-ƯƠNG. 44-100

TIẾT I: Cách tổ-chức các cơ-quan hành-chánh trung-ương.	45
<i>Đoạn 1:</i> Những cơ-quan trông coi giấy tờ bên cạnh	

vua và Thái-tử	45
Phân đoạn 1: Những cơ-quan trông coi về giấy tờ bên cạnh Vua	»
Phân đoạn 2: Những cơ-quan trông coi giấy tờ bên cạnh Thái-tử	49
Đoạn 2: Lục-bộ và lục-tự	52
Phân đoạn 1: Sơ-lược về cách tổ-chức các bộ và các tự »	
Phân đoạn 2: Cách tổ-chức và nhiệm-vụ của mỗi bộ	53
Phân đoạn 3: Cách tổ-chức và nhiệm-vụ của mỗi tự	74
Đoạn 3: Các cơ-quan chuyên-môn	76
TIẾT II: Tổ-chức binh-bị trung-ương	79
Đoạn 1: Cách tổ-chức binh-bị theo thứ bậc hành-chánh »	
Đoạn 2: Cách tổ-chức quân-đội theo thứ bậc chiến-thuật	95
TIẾT III: Các cơ-quan kiểm-sát	96
Đoạn 1: Những cơ-quan kiểm-sát về phương-diện chuyên-môn: Lục-khoa	»
Đoạn 2: Ngự-sử-đài	97
Đoạn 3: Việc tư-pháp	99
CHƯƠNG III : QUAN CHẾ	
101-168	
TIẾT I: Các quan-chức chính có dưới triều vua Lê Thánh-tông	102
Đoạn 1: Văn giai	»
Đoạn 2: Võ-giai	110
TIẾT II: Cách tuyển bổ các quan-lại và lệ phong quan-trước	115
Phân tiết I: Cách tuyển bổ các quan-lại	»
Đoạn 1: Lệ khoa-cử	»
Đoạn 2: Lệ bảo-cử	121
Đoạn 3: Lệ âm-sung	123
Phân tiết II: Lệ phong quan-trước	124
Đoạn 1: Lệ truy-phong	»
Đoạn 2: Lệ âm phong	128
Đoạn 3: Lệ nộp tiền để được phong quan trước	131

TIẾT III: Nhiệm-vụ và quyền-lợi của các quan.	134
<i>Đoạn 1: Nhiệm-vụ của các quan</i>	»
<i>Đoạn 2: Quyền-lợi của các quan</i>	137
TIẾT IV: Biện-pháp kiểm-sát và trừng-trị các quan lại phạm pháp	155
<i>Đoạn 1: Lệ kiểm-sát các quan-lại</i>	156
<i>Đoạn 2: Biện-pháp trừng-trị các quan lại phạm-pháp</i>	160
 Kết luận	168
Vài dòng tổng kết	169

PHỤ LỤC

169 - 206

<i>Phụ-lục 1: Dụ Hiệu-định quan-chê của vua Lê Thánh-tông</i>	172
<i>Phụ-lục 2: Bài bia ở Chiêu-lăng (lăng vua Lê Thánh-tông) của Thân Nhân-Trung</i>	177
<i>Phụ-lục 3: Ngũ-hình và trường-hợp phạm thập ác cùng được hưởng bát nghị.</i>	200
Sách tham-khảo	207
Bảng kê tên các quan-chức, tước-cấp, phẩm-trật theo thứ tự A B C	211
Mục lục các đồ-biểu và tranh ảnh	243
Mục lục	245
Bảng đính chánh.	248
Table des matières	249

BẢNG ĐÍNH CHỈNH
(ERRATA)

Trang <i>Page</i>	Dòng <i>Ligne</i>	Cột <i>Colonne</i>	In sai là <i>Au lieu de</i>	Xin chữa lại <i>Lire</i>
XV	12		... qu'il soi	... qu'il soit
—	15		raison...	raison...
—	33		... millers	... milliers de
XVI	37		dierses	diverses
8	1		Chi-hậu	Chi-hầu
11	3		Thượng chân đô	Thượng thận đô
—	14		Phùng thánh	Phủng thánh
30	21		Bồ trì trì	Bồ trì trì
78	21		Tàm tàng	Tàm tang
84	11		Phụng thánh	Phủng thánh
88	12	5	Chấn địch	Trấn địch
—	15	1	Dũng-tiếp	Dũng-tiếp
91	5	2	Trọc-sinh	Tróc-sinh
—	13	2	Thủ ngữ	Thủ-ngự
92	16	7	Úc thảo	Uy thảo
—	25	4	Qui lâm	Quy lâm
94	15	2, 4, 8	Thủ ngữ	Thủ ngự
—	17		—	—
—	18	3, 5, 6, 7, 13	—	—
—	22		—	—
116	18		Thư lại	Thủ lại
—	20		—	—
141	16	1	Tu thận đoãn	Tu thiện đoãn
—	17	1	Tu thận Thiểu đoãn	Tu thiện Thiểu đoãn
143	8	1	Sùng tiến Bảo lộc Đại phu	Sùng tiến Tuyên lộc Đại phu
144	1		Điền	Điền
—	19		3)...	2)...
—	21		... theo tư cách ra theo tư cách mà...

TABLE DES MATIÈRES

En guise de présentation	IX
Introduction	XV
Sigles et abréviations.	XXIX

CHAPITRE D'INTRODUCTION

<i>I. Généralités sur l'organisation du pouvoir central avant le règne de Lê Thánh-tông</i>	1-34
A. Services dépendant de l'administration centrale	»
B. Organisation militaire du pouvoir central	8
C. Services de contrôle	13
<i>II. Biographie et importance du règne de Lê Thánh-tông</i>	21

CHAPITRE I

Le Chef du pouvoir central : l'Empereur	35-43
<i>I. De la conception théocratique du pouvoir impérial</i>	37
A. Conception générale commune à l'Orient.	»
B. Cas particulier de Lê Thánh-tông	38
<i>II. Du choix de l'empereur</i>	»
A. Principes généraux	»
B. Cas particulier de Lê Thánh-tông	39
<i>III. Étendue et limites du pouvoir détenu par l'empereur</i>	40
A. Conception générale	»
B. Cas particulier de Lê Thánh-tông.	41

CHAPITRE II

Organisation des services dépendant du pouvoir central	44-100
<i>I. Organisation des services administratifs</i>	45
A. Cabinet de l'empereur	»
B. Cabinet du prince héritier	49
C. Les Six Ministères :	52
1) Organisation	»
2) Attributions	»

D. Les Six Cours	74
1) Organisation	»
2) Attributions	»
E. Les organismes spécialisés	76
II.- <i>Organisation militaire du pouvoir central.</i>	79
A. Hiérarchie administrative	»
B. Hiérarchie stratégique	95
III. <i>Services de contrôle</i>	96
A. Services de contrôle des ministères	»
B. Tribunal des Censeurs	97
C. Procédures de justice	99

CHAPITRE III

101-168

Organisation du mandarinat

I. <i>Principales fonctions mandarinales sous le règne de Lê Thánh-tông</i> ,	102
II. <i>Recrutement des mandarins et collation des titres honorifiques</i>	115
— Recrutement par concours	»
— Recrutement par proposition	121
— Recrutement par transmission	123
III. <i>Devoirs et droits des mandarins</i>	134
IV. <i>Moyens de contrôle des mandarins</i>	155
<i>Conclusion</i>	172

APPENDICES

169-206

1) Texte et traduction du décret publié par Lê Thánh-tông au sujet des droits et des devoirs des mandarins vis-à-vis du peuple ,	168
2) Texte et traduction de la stèle de tombeau de Lê Thánh-tông	177
3) Les 5 peines et les 10 délits graves ainsi que les 8 cas d'exemption de peines	200
Bibliographie	207
Index alphabétique de matières et de noms propres	211
Table des illustrations et des tableaux	243
Errata	248
Table des matières	249